

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 3 (SƠ CẤP)

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 3 (3.0)

Trọn bộ 950+ từ vựng HSK 3 chuẩn mới 3.0, hoàn thiện cấp độ sơ cấp toàn diện, sẵn sàng bước vào ngưỡng cửa trung cấp học thuật.

**100% Đầy Đủ 953 Từ Vựng HSK 3 (3.0)**

Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=3> →





☆ **CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK**

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#001

爱心
ài xīn

tấm lòng nhân ái, tình yêu thương

只要人人都献出一点爱心，汇聚起来就是足以温暖整个世界、驱散严寒的磅礴力量。

Zhǐ yào rén rén dōu xiàn chū yí diǎn ài xīn, huì jù qǐ lái jiù shì zú yǐ wēn nuǎn zhěng gè shì jiè, qū sǎn yán hán de páng bó lì liàng.

Chỉ cần mỗi người trao đi một chút tấm lòng yêu thương, gom góp lại sẽ tạo nên một nguồn sức mạnh to lớn đủ để sưởi ấm cả thế giới và xua tan đi giá lạnh.

18 nét

HÁN VIỆT **ÁI TÂM**

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đồ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỐ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 3 (3.0)

Tổng cộng: 953 từ vựng

598

Danh từ

209

Động từ

76

Tính từ

9

Đại từ

6

Số & Lượng từ

55

Từ loại khác



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#001

爱心

àì xīn

tấm lòng nhân ái, tình yêu thương

只要人人都献出一点爱心，汇聚起来就是足以温暖整个世界、驱散严寒的磅礴力量。

Zhǐ yào rén rén dōu xiàn chū yí diǎn ài xīn, huì jù qí lái jiù shì zú yǐ wēn nuǎn zhēng gè shì jiè, qū sǎn yán hán de páng bó lì liàng.

Chỉ cần mỗi người trao đi một chút tấm lòng yêu thương, gom góp lại sẽ tạo nên một nguồn sức mạnh to lớn đủ để sưởi ấm cả thế giới và xua tan đi giá lạnh.

18 nét

HÁN VIỆT: ÁI TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#002

安排

ān pái

sắp xếp, bố trí

经理已经把下个月去上海参加国际经贸展览的具体行程安排妥当了。

Jīng lǐ yǐ jīng bǎ xià gè yuè qù shàng hǎi cān jiā guó jì jīng mào zhǎn lǎn de jù tǐ xíng chéng ān pái tuǒ dang le.

Giám đốc đã sắp xếp chu toàn lịch trình cụ thể cho chuyến đi Thượng Hải dự triển lãm kinh tế thương mại quốc tế vào tháng sau.

23 nét

HÁN VIỆT: AN BÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#003

安装

ān zhuāng

lắp đặt, cài đặt

售后技术工程师正在机房里严格按照规范流程安装最新一代的高性能分布式服务器。

Shòu hòu jì shù gōng chéng shī zhèng zài jī fáng lǐ yán gé àn zhuāng zuì xīn yí dài de gāo xìng néng fēn bù shì fú wù qì.

Kỹ sư kỹ thuật dịch vụ hậu mãi đang nghiêm túc lắp đặt thế hệ máy chủ phân tán hiệu năng cao mới nhất trong phòng máy theo đúng quy trình chuẩn.

26 nét

HÁN VIỆT: AN TRANG

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ

#004

按

àn

theo, căn cứ theo; ấn, bấm (nút)

科研人员严格按既定操作规程进行高精度化学试剂配比，确保实验安全可控。

Kē yán rén yán gé àn jì dìng cāo zuò guī chéng jīn xīng gāo jīng dù huà xué shì jì pèi bǐ, què bǎo shí yàn ān quán kě kòng.

Cán bộ nghiên cứu khoa học căn cứ theo theo đúng quy trình thao tác đã định để tiến hành pha trộn thuốc thử hóa học độ chính xác cao, bảo đảm thực nghiệm an toàn có thể kiểm soát.

14 nét

HÁN VIỆT: ÁN

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#005

按照

àn zhào

dựa theo, theo đúng

只要我们严格按照既定的操作规程进行施工，就一定能确保工程质量与安全。

Zhǐ yào wǒ men yán gé àn zhào jì dìng de cāo zuò guī chéng jīn xīng shǐ gōng, jiù yí dìng néng què bǎo gōng chéng zhì liàng yǔ ān quán.

Chỉ cần chúng ta thi công nghiêm ngặt theo đúng quy trình thao tác đã định, chắc chắn sẽ đảm bảo được chất lượng và an toàn công trình.

24 nét

HÁN VIỆT: ÁN CHIẾU

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#006

把

bǎ

cầm, nắm; (giới từ đưa tân ngữ lên trước)

请你把桌子上的这些新鲜水果洗干净。

Qǐng nǐ bǎ zhuō zi shàng de zhèxiē xīnxiān shuǐguǒ xǐ gānjìng.

Bạn rửa sạch chỗ hoa quả tươi trên bàn này giúp mình nhé.

13 nét

HÁN VIỆT: BẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#007

把握

bǎ wò

nắm bắt, nắm chắc, sự nắm bắt

面对稍纵即逝的发展机遇，我们必须以敏锐的眼光与果敢的魄力牢牢把握住它。

Miàn duì shāo zòng jí shì de fā zhǎn jī yù, wǒ men bì xū yǐ mǐn ruì de yǎn guāng yǔ guǒ gǎn de pò lì láo láo bǎ wò zhù tā.

Đứng trước những cơ hội phát triển thoáng qua chớp mắt, chúng ta nhất định phải dùng tâm nhìn nhạy bén và bản lĩnh quyết đoán để nắm bắt thật chắc.

26 nét

HÁN VIỆT: BẢ ÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#008

白菜

báicài

rau cải thảo, cải trắng

北方冬季传统美食猪肉炖粉条中加入新鲜爽口的大白菜，滋味鲜美且营养丰富。

Běi fāng dōng jì chuán tǒng měi shí zhū ròu dùn fěn tiáo zhōng jiā rù xīn xiān shuāng kǒu de dà bái cài, zī wèi xiān měi qiè yīng yǎng fēng fù.

Món thịt lợn hầm miến ẩm thực truyền thống mùa đông phương Bắc khi thêm rau cải thảo cải trắng tươi giòn vào sẽ có hương vị thơm ngon và giàu dinh dưỡng.

20 nét

HÁN VIỆT: BẠCH THÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#009

班级

bānjí

lớp học, tập thể lớp

在全校优秀班级评比中，我们班凭借优异的学习成绩与团结向上的良好风貌荣获第一名。

Zài quán xiào yōu xiù bān jí píng bǐ zhōng, wǒ men bān píng jiè yōu yì de xué xí chéng jì yǔ tuán jié xiàng shàng de liáng hǎo fēng mào róng huò dì yī míng.

Trong đợt bình xét tập thể lớp học ưu tú toàn trường, lớp chúng tôi nhờ vào thành tích học tập xuất sắc và phong thái đoàn kết tiến thủ đã vinh dự đoạt giải nhất.

26 nét

HÁN VIỆT: BAN CẤP



HSK 3 (3.0)

Động từ

#010

搬

bān

chuyển, dọn (nhà, đồ đạc)

为了方便孩子上学和家人就医，我们全家上个月搬进了离市中心更近的新小区。

Wèi le fāng biàn hái zǐ shàng xué hé jiā rén jiù yī, wǒ men quán jiā shàng gè yuè bān jìn le lí shì zhōng xīn gèng jìn de xīn xiǎo qū.

Để tiện cho con đi học và người nhà đi khám bệnh, cả gia đình chúng tôi tháng trước đã chuyển dọn về khu đô thị mới gần trung tâm thành phố hơn.

11 nét

HÁN VIỆT: **BAN**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#011

搬家

bānjiā

chuyển nhà, dọn nhà

得益于棚户区改造民生工程，棚户区居民们今天开开心心地搬家住进了宽敞明亮的新楼房。

Dé yì yú péng hù qū gǎi zào mǐn shēng gōng chéng, péng hù qū jū mǐn men jīn tiān kāi kāi xīn xīn dì bān jiā zhù jìn le kuān chǎng míng liàng de xīn lóu fáng.

Nhờ vào công trình dân sinh cải tạo khu nhà lụp xụp, bà con cư dân hôm nay đã vui vẻ phấn khởi dọn nhà chuyển nhà vào ở trong những căn nhà lầu mới rộng rãi sáng sủa.

19 nét

HÁN VIỆT: **BAN GIA**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#012

板

bǎn

bảng

老师鼓励大家积极板，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: **BẢN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#013

办理

bàn lǐ

làm thủ tục, giải quyết, xử lý

市民只需携带身份证原件，即可在智慧政务大厅的自助终端上一站式快速办理多项业务。

Shì mǐn zhǐ xū xié dài shēn fèn zhèng yuán jiàn, jí kě zài zhì huì zhèng wù dà tīng de zì zhù zhōng duǎn shàng yí zhàn shì kuài sù bàn lǐ duō xiàng yè wù.

Người dân chỉ cần mang theo bản gốc căn cước công dân là có thể nhanh chóng làm nhiều thủ tục hành chính trọn gói tại cây dịch vụ tự phục vụ trong sảnh hành chính công thông minh.

20 nét

HÁN VIỆT: **BIỆN LÝ**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#014

保

bǎo

bảo vệ, bảo đảm, giữ gìn

国家全力推进保粮食安全、保能源安全、保产业链供应链稳定各项战略任务。

Guó jiā quán lì tuī jìn bǎo liáng shí ān quán, bǎo néng yuán ān quán, bǎo chǎn yè lián gōng ying liàn wēn dīng gē xiàng zhàn lüè rèn wù.

Nhà nước dốc toàn lực thúc đẩy các nhiệm vụ chiến lược: bảo đảm an ninh lương thực, bảo đảm an ninh năng lượng, bảo đảm giữ gìn ổn định chuỗi cung ứng và chuỗi ngành nghề.

13 nét

HÁN VIỆT: **BẢO**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#015

保安

bǎo'ān

nhân viên bảo vệ, bảo vệ an ninh; giữ gìn an toàn

科研园区保安人员恪尽职守、日夜巡逻，切实保障国家重点实验室的科研环境安全。

Kē yán yuán qū bǎo ān rén yuán kè jìn zhí shǒu, rì yè xún luó, qiè shí bǎo zhàng guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì de kē yán huán jīng ān quán.

Nhân viên bảo vệ của khu nghiên cứu khoa học luôn tận tụy với công việc, tuần tra ngày đêm, bảo đảm thiết thực sự an toàn của môi trường nghiên cứu tại phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẢO AN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#016

保持

bǎo chí

duy trì, giữ vững

在应对突发紧急危机事件时，我们必须时刻保持冷静清醒的头脑与严密理性的逻辑判断。

Zài yìng duì tū fā jǐn jí wēi jī shì jiàn shí, wǒ men bì xū shí kè bǎo chí lěng jìng qīng xǐng de tóu nǎo yǔ yán mì lǐ xīng de luó jí pàn duàn.

Khi xử lý các sự cố khủng hoảng khẩn cấp bất ngờ, chúng ta nhất thiết phải luôn luôn giữ một cái đầu lạnh tỉnh táo và tư duy logic phán đoán chặt chẽ, lý tính.

26 nét

HÁN VIỆT: **BẢO TRÌ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#017

保存

bǎo cún

lưu giữ, bảo tồn, lưu trữ

请务必及时将正在编辑的重要设计图纸与源代码保存到具备多重备份机制的云端代码库中。

Qǐng wù bì jí shí jiāng zhèng zài biān jí de zhòng yào shè jì tú zhǐ yǔ yuán dài mǎ bǎo cún dào jù bèi duō zhòng bèi fèn jī zhì de yún duān dài mǎ kù zhōng.

Bạn nhất định phải nhớ kịp thời lưu lại các bản vẽ thiết kế quan trọng và mã nguồn đang chỉnh sửa vào kho lưu trữ đám mây có cơ chế sao lưu đa tầng.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẢO TỒN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#018

保护

bǎo hù

bảo vệ, giữ gìn

保护生态环境与生物多样性是关系到子孙后代长远福祉的大事。

Bǎo hù shēng tài huán jīng yǔ shēng wù duō yàng xìng shì guān xi dào zǐ sūn hòu dài cháng fú zhǐ de dà shì.

Bảo vệ môi trường sinh thái và sự đa dạng sinh học là đại sự liên quan đến phúc lợi lâu dài của con cháu mai sau.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẢO HỘ**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#019

保留

bǎo liú

giữ lại, bảo lưu, bảo tồn

这座历史文化名城在现代化城市改造更新中，完整保留了明清时期的古街巷风貌与非遗传民俗。

Zhè zuò lì shǐ wén huà míng chéng zài xiàn dài huà chéng shì gǎi zào xīn zhōng, wán zhěng bǎo liú le míng qīng shí qī de gǔ jiē xiàng fēng máo yǔ fēi yí mǐn sú.

Danh thành lịch sử văn hóa này trong quá trình chỉnh trang đô thị hiện đại đã lưu giữ nguyên vẹn diện mạo các ngõ phố cổ thời Minh – Thanh cùng phong tục tập quán phi vật thể.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : BẢO LƯU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#020

保险

bǎo xiǎn

bảo hiểm, an toàn, chắc chắn

在出发前往海外开展户外徒步探险之前，购买一份全方位的国际紧急医疗救援保险非常明智。

Zài chū fā qián wǎng hǎi wài kāi zhǎn hù wài tú bù tàn xiǎn zhī qián, gòu mǎi yī fēn quán fāng wèi de guó jì jǐn jí yī liáo jiù yuán bǎo xiǎn fēi cháng míng zhì.

Trước khi lên đường sang nước ngoài thực hiện chuyến đi bộ dã ngoại thám hiểm, việc mua một gói bảo hiểm cứu hộ y tế khẩn cấp quốc tế toàn diện là hết sức sáng suốt.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : BẢO HIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#021

保证

bǎo zhèng

bảo đảm, cam kết

厂家郑重承诺保证所有售出电子产品的零配件均为原装正品。

Chǎng jiā zhòng chéng nuò bǎo zhèng suǒ yǒu shòu chū diàn zǐ chǎn pǐn de líng pèi jiàn jūn wéi yuán zhuāng zhèng pǐn.

Nhà sản xuất long trọng cam kết bảo đảm toàn bộ linh kiện của các sản phẩm điện tử bán ra đều là hàng chính hãng nguyên bản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : BẢO CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#022

报

bào

báo, tờ báo; báo cáo, báo tin; đến đáp

广大青年学者把个人学术理想与科技报国使命紧密结合，勇攀世界科学高峰。

Guǎng dà qīng nián xué zhě bǎ gè rén xué shù lǐ xiǎng yǔ kē jì bào guó shǐ mìng jìn mì jié hé, yǒng pān shì jiè kē xué gāo fēng.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi gắn kết chặt chẽ lý tưởng học thuật cá nhân với sứ mệnh dùng khoa học đến đáp báo đáp Tổ quốc, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : BÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#023

报到

bào dào

báo danh, điểm danh nhập học/nhận việc

金秋九月开学季，来自全国各地的数千名大学本科生与硕士生怀揣梦想走进校园正式报到。

Jīn qiū jiǔ yuè kāi xué jì, lái zì quán guó gè dì de shù qiān míng dà xué běn kē yǔ shù shēng huái chuāi mèng xiǎng zǒu jìn xiào yuán zhèng shì bào dào.

Mùa tựu trường tháng Chín mùa thu vàng, hàng ngàn tân sinh viên đại học và cao học đến từ khắp mọi miền đất nước mang theo ước mơ hoài bão bước vào khuôn viên trường chính thức làm thủ tục nhập học.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : BÁO ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#024

报道

bào dào

đưa tin, bài báo, phóng sự

各大主流权威媒体纷纷正面报道了这项重大医学科技突破。

Gè dà zhǔ liú quán wēi méi tǐ fēn fēn zhèng miàn bào dào le zhè xiàng zhòng dà yī xué kē jì tú pò.

Các cơ quan truyền thông chính thống uy tín lớn đều đồng loạt đưa tin tích cực về bước đột phá công nghệ y học trọng đại này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : BÁO ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#025

报告

bào gào

báo cáo, bản báo cáo, trình bày

专家组在刚刚结束的年度经济论坛上正式发布了关于全球数字经济发展趋势的权威研究报告。

Zhuān jiǎ zài gāng gāng jié shù de nián dù jīng jì lùn tǎn shàng zhèng shì fā bù le guān yú quán qú shù zì jīng jì fā zhǎn qū shì de quán wēi yán jiū bào gào.

Hội đồng chuyên gia tại diễn đàn kinh tế thường niên vừa kết thúc đã chính thức công bố bản báo cáo nghiên cứu uy tín về xu hướng phát triển kinh tế số toàn cầu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : BÁO CÁO

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#026

北部

běi bù

miền Bắc, phía bắc, khu vực phía bắc

我国北部内蒙古大草原生态修复工程成效显著，重现了风吹草低见牛羊的壮丽景象。

Wǒ guó běi bù nèi měng gǔ dà cǎo yuán shēng thái xiū fù gōng chéng chéng xiào xiǎn zhù, chóng xiàn le fēng chuī cǎo dī jiàn niú yáng de zhuàng lì jǐng xiàng.

Công trình phục hồi sinh thái đại thảo nguyên Nội Mông ở miền Bắc phía bắc nước ta đạt hiệu quả rõ rệt, tái hiện khung cảnh thanh vắng lý tưởng cỏ rạp thấy đàn bò cừu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : BẮC BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Thời gian

#027

背后

bèi hòu

phía sau, đằng sau; đằng sau thành công

每一项举世瞩目的重大科技突破背后，都凝聚着无数科研攻关人员夜以继日的奉献与汗水。

Měi yī xiàng jǐ shì mù dǐ zhòng dà kē jì tú pò bèi hòu, dōu níng jù zhe wú shù kē yán gōng guān rén yuán yè yǐ jì rì de fèng xiàn yǔ hàn shuǐ.

Đằng sau phía sau mỗi một đột phá khoa học công nghệ trọng đại khiến cả thế giới dõi theo đều ngưng tụ sự cống hiến và mồ hôi ngày đêm không ngừng của vô số cán bộ nghiên cứu khoa học vượt khó.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : BỐI HẬU



HSK 3 (3.0)

Giải từ

#028

被
bèi

bị, được (câu bị động)

放在桌子上的热牛奶不小心被调皮的小猫打翻了。

Fàng zài zhuōzi shàng de rè niúǎi bù xiǎoxīn bèi tiáopí de xiǎomāo dǎfān le.

Cốc sữa nóng đặt trên bàn lỡ bị chú mèo nghịch ngợm gạt đổ mất rồi.

9 nét

HÁN VIỆT: BỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#029

被子
bèizi

chăn, mền

冬日午后阳光和煦，妈妈把厚实柔软的纯棉被子拿到阳台上晾晒，散发出阳光的清新香味。

Dòng rì wǔ hòu yángguāng héxù, māma bǎ hòushí róuruǎn de chúncún bèizi ná dào yángtái shàng shàng liàngshài, sǎn fā chū yángguāng de qīngxīn xiāngwèi.

Buổi chiều đông nắng ấm chan hòa, mẹ mang chiếc chăn bông cotton dày dặn êm ái ra ban công phơi, tỏa ra mùi thơm ngát của nắng mới.

20 nét

HÁN VIỆT: BỊ TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#030

本来
běnlái

vốn dĩ, ban đầu

这道数学难题本来并不复杂，只是解题思路被你想到太繁琐了。

Zhè dào shùxué nántí běnlái bìng bù fùzá, zhǐ shì jiě tí sī lù bèi nǐ xiǎng dé tài fán suǒ le.

Bài toán học búa này vốn dĩ không hề phức tạp, chỉ là do bạn suy nghĩ hướng giải bị rườm rà quá mức mà thôi.

19 nét

HÁN VIỆT: BẢN LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#031

本领
běnlǐng

bản lĩnh, tài năng, bản lĩnh nghề nghiệp

青年人应当在实践熔炉中经风雨、见世面、长才干，练就一身过硬的真本领以报效祖国。

Qīngnián rén yīng dāng zài shíjiàn rónglú zhōng jīng fēngyǔ, jiàn shì miàn, zhǎng cái gàn, liàn jiù yī shēn guò yìng de zhēn běnlǐng yǐ bào xiào zǔ guó.

Thanh niên cần dẫn thân trong thực tiễn trải qua tôi luyện mưa gió, mở rộng tầm nhìn, tích lũy tài năng để rèn đức nên bản lĩnh thực thụ vững vàng cống hiến cho quê hương đất nước.

17 nét

HÁN VIỆT: BẢN LÃNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#032

本事
běnshi

bản lĩnh, tài nghệ, năng lực

当代青年科技人才应当在国家重大科技攻关实践中经风雨、见世面、壮筋骨，练就一身过硬的真本事。

Dāngdài qīngnián kējì rén cǎi yīng dāng zài guójiā zhòngdà kējì gōngguān shíjiàn zhōng jīng fēngyǔ, jiàn shì miàn, zhuàng jīn gǔ, liàn jiù yī shēn guò yìng de zhēn běnshi.

Nhân tài khoa học công nghệ trẻ đương đại cần trải qua mưa gió, tôi luyện bản lĩnh và củng cố gân cốt trong thực tiễn các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại của đất nước, rèn giũa nên một bản lĩnh thực tài vượt trội.

20 nét

HÁN VIỆT: BẢN SỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#033

比较
bǐjiào

so sánh

这家特色餐厅不仅环境幽雅，菜品价格也比较公道亲民。

Zhè jiā tè sè cāntīng bùjǐn huányǎng yōuyǎ, cài pǐn jiàgé yě bǐjiào gōngdào qīnmín.

Nhà hàng đặc sản này không chỉ có không gian tao nhã mà giá món ăn cũng tương đối bình dân và hợp lý.

22 nét

HÁN VIỆT: TỶ GIẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#034

比例
bǐlì

tỷ lệ, tỷ xích

随着我国科技创新投入的持续加大，研发经费占国内生产总值的比例呈现出稳步上升趋势。

Suí zhe wǒ guó kējì chuàngxīn tóurù de chíxù jiā dà, yán fā jīng fèi zhàn guó nèi shēng chǎn zōngzhí de bǐlì chéng xiàn chǔ wēn bù shàng shēng qū shì.

Cùng với việc không ngừng tăng cường đầu tư cho đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, tỷ lệ kinh phí nghiên cứu phát triển trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước ta liên tục tăng trưởng vững chắc.

19 nét

HÁN VIỆT: TỶ LỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#035

比赛
bǐsài

sự cạnh tranh

明天下午我们学校有一场非常激烈的足球友谊比赛。

Míngtiān xiàwǔ wǒmen xuéxiào yǒu yí chǎng fēicháng jīliè de zúqiú yǒuyì bǐsài.

Chiều mai trường chúng tôi có một trận bóng đá giao hữu vô cùng kịch tính.

23 nét

HÁN VIỆT: TỶ TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#036

必然
bìrán

tất nhiên, tất yếu, chắc chắn

科技创新与绿色转型的深度融合，是推动未来全球经济实现高质量可持续发展的必然趋势。

Kējì chuàngxīn yǔ lǜ sè zhuǎn xíng de shēn dù róng hé, shì tuī dòng wèi lái qióngjì shí xiàn gāo zhì liàng de chíxù fā zhǎn de bì rán qū shì.

Sự kết hợp sâu sắc giữa đổi mới sáng tạo công nghệ và chuyển đổi xanh là xu thế tất yếu thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu phát triển bền vững và chất lượng cao trong tương lai.

21 nét

HÁN VIỆT: TẤT NHIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#037

必要

bì yào

cần thiết, thiết yếu

在开启大规模生产线部署之前，进行多轮严密的小批量试产验证是极其必要的风险控制举措。

Zài kāi qǐ dà guī mó shēng chǎn xiàn bù shǔ zhǐ qián, jìn xíng duō lún yǎn mì de xiǎo pī liàng shì chǎn yàn zhèng shì jǐ qí bì yào de fēng xiǎn kòng zhì jǔ cuò.

Trước khi tiến hành triển khai dây chuyền sản xuất quy mô lớn, việc thử nghiệm kiểm chứng quy mô nhỏ nhiều đợt nghiêm ngặt là biện pháp kiểm soát rủi ro hết sức cần thiết.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **TẮT YÊU**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#038

变化

biàn huà

biến hóa, thay đổi

短短几年时间，家乡的高新技术开发区发生了翻天覆地的变化。

Duǎn duǎn jǐ nián shí jiān, jiā xiāng de gāo xīn jì shù kāi fā qū fā shēng le fān tiān fù dì de biàn huà.

Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, khu công nghệ cao ở quê hương đã có những bước chuyển mình đổi thay nghiêng trời lệch đất.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **BIẾN HOA**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#039

变为

biàn wéi

biến thành, chuyển thành, trở thành

通过持之以恒的科学综合治理，昔日的黄沙漫天荒原如今变为了一片生机盎然的绿色林海。

Tōng guò chí zhǐ yǐ héng de kē xué zōng hé zhì lǐ, xī rì de huáng shā mǎn tiān huāng yuán rú jīn biàn wéi le yí piàn shēng jī àng rán de lǜ sè lín hǎi.

Thông qua quản lý tổng hợp khoa học kiên trì bền bỉ, hoang nguyên cát vàng ngập trời thuở nào ngày nay đã chuyển thành biển xanh tràn nhựa sống.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **BIẾN VI**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#040

标题

biāo tí

tiêu đề, tựa đề, đầu đề

这篇刊登在国际权威顶级学术期刊封面上的重磅论文，其醒目标题瞬间引发了全球同行的广泛关注。

Zhè piān kān dēng zài guó jì quán wēi dīng jí xué shù qī kān fēng miàn shàng de zhòng bàng lùn wén, qí xǐng mù biāo tí shùn jiǎn yīn fā le quán qiú tóng háng de guāng fàn guān zhù.

Bài báo khoa học mang tính bước ngoặt được đăng tải ngay trên trang bìa của tạp chí học thuật hàng đầu thế giới có tiêu đề vô cùng bắt mắt đã lập tức thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới đồng nghiệp toàn cầu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **TIÊU ĐỀ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#041

标准

biāo zhǔn

tiêu chuẩn, chuẩn mực

他的普通话发音字正腔圆、极其纯正，完全达到了国家一级甲等标准。

Tā de pǔ tōng huà fā yīn zì zhèng qiāng yuán, jí qí chún zhèng, wán quán dá dào le guó jiā yī jí jiǎ děng biāo zhǔn.

Phát âm tiếng Phổ thông của anh ấy tròn vành rõ chữ, vô cùng chuẩn mực, đạt chuẩn cấp 1 Giáp của quốc gia.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **TIÊU CHUẨN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#042

表达

biǎo dá

biểu đạt, bày tỏ

学习一门外语不仅要掌握词汇，更要学会准确流畅地表达自己的思想与见解。

Xué xí yí mén wài yǔ bù j只要 yào wǎng wò cí huì, gèng yào xué huì zhǔn què liú chàng de biǎo dá zì jǐ de sī xiǎng yǔ jiàn jiě.

Học một ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở việc nắm từ vựng mà quan trọng hơn là phải biết biểu đạt chuẩn xác, lưu loát suy nghĩ và quan điểm của bản thân.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: **BIỂU ĐẠT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#043

表格

biǎo gé

biểu mẫu, bảng biểu

请在正式提交签证申请前，务必逐项认真核对并完整填写这张个人信息表格。

Qǐng zài zhèng shì tí jiāo qiān zhèng shēn qǐng qián, wù bì zhǔ xiàng rèn zhēn hé duì bǐng wán zhèng tián xiě zhè zhāng gè rén xīn xī biǎo gé.

Trước khi chính thức nộp đơn xin thị thực, xin vui lòng kiểm tra đối chiếu kỹ từng mục và điền hoàn chỉnh biểu mẫu thông tin cá nhân này.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: **BIỂU CÁCH**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#044

表面

biǎo miàn

bề mặt, bề ngoài, vẻ ngoài

在分析复杂的国际经济形势时，切不可被短期的表面现象所迷惑，而要深入研判底层供需逻辑。

Zài fēn xī zá de guó jì jīng jì xíng shì shí, qiè bù kě bèi duǎn qī de biǎo miàn xiàng xiàng suǒ mí huò, ér yào shēn rù yán pàn dī céng gòng xū luó jí.

Khi phân tích tình hình kinh tế quốc tế phức tạp, tuyệt đối không được để những hiện tượng bề nổi ngắn hạn làm lu mờ nhận thức, mà cần đi sâu nghiên cứu quy luật cung cầu cốt lõi đằng dưới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **BIỂU DIỆN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#045

表明

biǎo míng

chứng tỏ, biểu thị, thể hiện rõ

大量的临床对照实验数据清晰表明，保持规律的作息时间为提升免疫系统机能具有显著的促进作用。

Dà liàng de lín chuāng duì zhào shí yàn shù jù qīng xī biǎo míng, bǎo chí guī lǚ de zuò xī shí jiān duì tí shēng miǎn yì xìng néng jī néng jù yǒu xiǎn zhù de cù jìn zuò yòng.

Số liệu thực nghiệm đối chứng lâm sàng quy mô lớn đã chứng minh rõ ràng rằng việc duy trì thời gian biểu sinh hoạt điều độ mang lại tác dụng thúc đẩy rõ rệt trong việc nâng cao chức năng của hệ miễn dịch.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **BIỂU MINH**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#046

表现

biǎo xiàn

thể hiện, biểu hiện, thành tích

由于在本年度多个重大跨国项目交付中表现卓越，这位年轻的工程师荣获了集团最佳新人奖。

Yóu yú zài běn nián dù duō dà guó gè zhòng dà kuà guó xiàng mù jiāo fù zhòng biǎo xiàn zhuó yuè, zhè wèi nián qīng de gōng chéng shī róng huò le jí tuán zuì jiā xīn rén jiǎng.

Nhờ có sự thể hiện xuất sắc trong việc bàn giao nhiều dự án xuyên quốc gia trọng đại trong năm nay, người kỹ sư trẻ tuổi này đã vinh dự giành giải Nhân viên Mới Xuất sắc Nhất của tập đoàn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : BIỂU HIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#047

表演

biǎo yǎn

biểu diễn, trình diễn

孩子们在舞台上的精彩武术表演赢得了观众们的阵阵热烈掌声。

Háizimen zài wǔtái shàng de jīngcǎi wǔshù biǎoyǎn yíng dé le guānzhòngmen de zhènzhen rèliè zhǎngshēng.

Màn biểu diễn võ thuật đặc sắc của các em nhỏ trên sân khấu đã nhận được những tràng pháo tay rộn rã từ khán giả.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : BIỂU DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#048

并

bìng

và

老师鼓励大家积极并，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bìng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực và, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : TÍNH

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#049

并且

bìng qiě

đồng thời, hơn nữa, và lại

科研攻关团队成功攻克了超导材料制备工艺难题，并且在国际顶级学术刊物上发表了重要原创成果。

Kē yán gōng guān tuán duì chéng gōng gōng kè le chāo dǎo cáilào zhì bèi gōng yì nán tí, bìng qiě zài guó jì dīng jí xué shù kān wù shàng fā biǎo le zhòng yào yuán chuàng chéng guǒ.

Nhóm nghiên cứu khoa học vượt khó đã chinh phục thành công nan đề quy trình điều chế vật liệu siêu dẫn, đồng thời hơn nữa đã công bố thành quả nguyên tác quan trọng trên tạp chí học thuật hàng đầu quốc tế.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TÍNH THẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#050

播出

bō chū

phát sóng, phát thanh, truyền hình

国家广播电视总台制作的大型科技纪录片在黄金时段播出后，在全社会引发了热烈反响。

Guó jiā guǎng diàn shì zǒng tái zhì zuò de dà xíng kē jì jì lù piàn zài huáng jīn shí duàn bō chū hòu, zài quán shè huì yīn fǎ le rè liè fǎn xiǎng.

Bộ phim tài liệu khoa học công nghệ quy mô lớn do Đài Phát thanh Truyền hình Trung ương Quốc gia sản xuất sau khi được phát sóng trong khung giờ vàng đã tạo nên sự hưởng ứng nhiệt liệt trong toàn xã hội.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : BẢ XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#051

播放

bō fàng

phát sóng, phát video/âm thanh

在国际科学大会开幕式上，大屏幕现场超高清播放了我国首张由巡天空望远镜获取的深空宇宙全景巡天星图。

Zài guó jì kē xué dà huì kāi mù shàng, dà píng mù xiàn chǎng chāo gāo qīng bō fàng le wǒ guó shǒu zhāng yóu xún tiān kōng jiǎn wàng yuǎn jīng huò qǔ de shēn kōng yǔ zhòu quán jǐng xún tiān xīng tú.

Tại lễ khai mạc Đại hội Khoa học Quốc tế, màn hình lớn tại hội trường đã phát sóng siêu nét bức ảnh thiên văn khảo sát toàn cảnh vũ trụ không gian sâu đầu tiên do kính viễn vọng không gian tuần thiên của nước ta thu thập.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : BẢ PHÓNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#052

补

bǔ

bổ sung

老师鼓励大家积极补，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bổ sung, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : BỔ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#053

补充

bǔ chōng

bổ sung, thêm vào

在剧烈运动后一定要及时补充水分与电解质，以帮助身体迅速恢复活力。

Zài jù lì yùn dòng hòu yí dìng yào jí shí bǔ chōng shuǐ fēn yǔ diàn jìe zhì, yǐ bāng zhū shēn tǐ xùn sù huī fù huó lì.

Sau khi vận động mạnh nhất định phải kịp thời bổ sung nước và các chất điện giải để giúp cơ thể nhanh chóng phục hồi sinh lực.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : BỔ SUNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#054

不安

bù ān

bất an, lo lắng, bồn chồn

看着窗外阴沉沉的天空与呼啸的大风，独自在家的老人心里隐隐感到一丝不安。

Kàn zhe chuāng wài yīn chén chén de tiān kōng yǔ hū xiào de dà fēng, dú zì zài jiā de lǎo rén xīn lǐ yīn yīn gǎn dào yí sī bù ān.

Nhìn bầu trời âm u cùng những cơn gió rít ngoài cửa sổ, người già ở nhà một mình trong lòng không khỏi cảm thấy có chút bất an bồn chồn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : BẤT AN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#055

不必

bù bì

không cần, không nhất thiết

你已经为这次答辩做了极其充分详实的各项准备, 完全不必过分焦虑紧张, 自信发挥即可。

Nǐ yǐ jīng wèi zhè cì dá biàn zuò le jí qí chōng fèn xiáng shí de gè xiàng zhǔn bèi, wán quán bù bì guò fēn jiǎo lǔ jīn zhāng, zì xìn fā huī jí kě.

Bạn đã chuẩn bị vô cùng chu đáo và đầy đủ cho buổi bảo vệ lần này rồi, hoàn toàn không cần phải quá mức lo lắng hồi hộp đâu, cứ tự tin thể hiện hết mình là được.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT TẤT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#056

不得不

bù dé bù

không thể không, đành phải

由于受台风恶劣天气影响, 航空公司不得不取消了今晚所有进出港航班。

Yóu yú shòu tái fēng è liè tiān qì yǐng xiǎng, háng kōng gōng sī bù dé bù qǔ xiāo le jīn wǎn suǒ yǒu jìn chū gǎng háng bān.

Do ảnh hưởng của thời tiết bão gió khắc nghiệt, hãng hàng không đành phải hủy toàn bộ các chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong tối nay.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐẮC BẤT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#057

不断

bù duàn

không ngừng, liên tục, liên miên

在科技日新月异的高速发展时代, 唯有坚持终身学习与不断更新知识储备才能勇立时代潮头。

Zài kē jì rì xīn yuè yì de gāo sù fā zhǎn shí dài, wéi yǒu jiān chí zhōng shēn xué xí yǔ bù duàn gēng xīn zhī shí chǔ bèi cái néng yǒng lì shí dài cháo tóu.

Trong thời đại công nghệ thay đổi từng ngày với tốc độ cao, chỉ có kiên trì học tập suốt đời và không ngừng cập nhật kho tàng tri thức mới có thể vững vàng đứng nơi đầu sóng ngọn gió của thời đại.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐOẠN**

HSK 3 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#058

不光

bù guāng

không chỉ, không riêng

新时代的中国青年不光要具备扎实过硬的专业技能, 更要有胸怀天下的格局与担当。

Xīn shí dài de zhōng guó qīng nián bù guāng yào jù bèi zhā shí guó yǐng de zhuān yè jì néng, gèng yào yǒu xiōng huái tiān xià de gé jú yǔ dān dāng.

Thanh niên Trung Quốc thời đại mới không chỉ không riêng phải sở hữu kỹ năng chuyên môn vững vàng xuất sắc, mà càng phải có tầm vóc và tinh thần gánh vác mang trong tim cả thiên hạ.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT QUANG**

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#059

不仅

bù jǐn

không những, không chỉ

多掌握一门外语不仅能拓宽国际视野, 还能为未来的职业发展提供更多选择。

Duō zhǎng wò yī mén wài yǔ bù jǐn néng tuò kuān guó jì shì yě, hái néng wèi wèi lái de zhí yè fā zhǎn tí gòng gèng duō xuǎn zé.

Nắm vững thêm một ngoại ngữ không những giúp mở rộng tầm nhìn quốc tế mà còn mở ra thêm nhiều cơ hội lựa chọn cho sự nghiệp tương lai.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT CẬN**

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#060

不论

bù lùn

bất kể, dù cho, không kể

不论遇到多么险峻复杂的困难挑战, 广大科技工作者攻坚克难的信心与决心从未动摇。

Bù lùn yù dào duō me xiǎn jùn fù zá de kùn nán tiǎo zhàn, guāng dà kē jì gōng zuò zhě gōng jiǎn kè nán de xīn xīn yǔ jué xīn cóng wèi dòng yáo.

Bất kể dù cho có gặp phải muôn trùng khó khăn thử thách hiểm trở phức tạp đến đâu, niềm tin và quyết tâm vượt khó chiến thắng của đồng đội những người làm công tác khoa học công nghệ chưa bao giờ lung lay.

19 nét

HÁN VIỆT: **BẤT LUẬN**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#061

布

bù

vải

老师鼓励大家积极布, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vải, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: **BỐ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#062

步

bù

bước, bước đi; bước (lượng từ)

不积跬步, 无以至千里; 科学探索必须一步一个脚印, 脚踏实地、久久为功。

Bù jī kuǐ bù, wú yǐ zhì qiān lǐ; kē xué tàn suǒ bì xū yī bù yī gè jiǎo yìn, jiǎo tà shí dì, jiǔ jiǔ wéi gōng.

Không tích lũy từng nửa bước bước đi thì không thể đi tới ngàn dặm xa xôi; thám hiểm khoa học bắt buộc phải từng bước từng bước vững chắc, chân thật vững vàng, bền bỉ lâu dài.

12 nét

HÁN VIỆT: **BỘ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#063

部

bù

bộ (bộ ngành); bộ phận; cuốn, bộ (phim/sách)

这部深刻展现大国重器研发风云史诗的优秀影视作品, 深深激励了无数青年学子立志报国。

Zhè bù shēn kè zhǎn xiàn dà guó zhòng qì yán fā fēng yún shǐ shī de yōu xiù yǐng shì zuò pīn, shēn shēn jī lì le wú shù qīng nián xué zǐ lì zhì bào guó.

Bộ tác phẩm điện ảnh truyền hình xuất sắc phổ biến sâu sắc thiên sử thi phong vân nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia này đã khích lệ sâu sắc vô số sinh viên thanh niên lập chí phụng sự Tổ quốc.

11 nét

HÁN VIỆT: **BỘ**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#064

部门

bù mén

bộ phận, phòng ban

跨部门协作时，顺畅及时的信息共享是确保重大项目按期保质交付的关键所在。

Kuà bù mén xié zuò shí, shùn cháng jí shí de xìn xī gòng xiǎng shì què bǎo zhòng dà xiàng mù àn qī bǎo zhì jiāo fù de guān jiàn suǒ zài.

Khi phối hợp liên phòng ban, việc chia sẻ thông tin trôi chảy và kịp thời là chìa khóa then chốt bảo đảm dự án trọng điểm được bàn giao đúng hạn và chất lượng.

21 nét

HÁN VIỆT: BỘ MÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#065

部长

bù zhǎng

bộ trưởng, người đứng đầu bộ

科技部部长在国际科技创新论坛上发表主旨演讲，强调要以高水平科技自立自强支撑高质量发展。

Kē jì bù bù zhǎng zài guó jì kē jì chuàng xīn lùn tán shàng fā biǎo zhǔ zhǐ yǎn jiǎng, qiáng diào yào yǐ gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī chēng gāo zhì liàng fā zhǎn.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Diễn đàn Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc tế đã có bài phát biểu chủ đề, nhấn mạnh việc lấy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao làm điểm tựa cho phát triển chất lượng cao.

21 nét

HÁN VIỆT: BỘ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ / Liên từ

#066

才能

cái néng

tài năng, năng lực; mới có thể

只有把理论与实践紧密结合起来，我们才能在探索未知科学前沿中真正取得突破性进展。

Zhǐ yǒu bǎ lǐ lùn yǔ shí jiàn jìn mǐ jié hé qī lái, wǒ men cái néng zài tàn suǒ wèi zhī kē xué qián yán zhōng zhēn zhèng qǔ dé tú pò xīng jīn zhǎn.

Chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, chúng ta mới có thể thực sự đạt được tiến triển mang tính đột phá trong việc thám hiểm khám phá các lĩnh vực khoa học tiên phong chưa biết.

18 nét

HÁN VIỆT: TÀI NĂNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#067

采取

cǎi qǔ

áp dụng, tiến hành (biện pháp, hành động)

针对夏季暴雨易涝路段，市政管理部门及时采取了加装强排泵站等针对性防汛措施。

Zhēn duì xià jì bào yǔ yì lǎo lù duàn, shì zhèng guǎn lǐ bù mén jí shí cǎi qǔ le jiā jiǎ zhuāng qiáng pài bēng zhàn děng zhēn duì xìng fáng xùn cuò shī.

Đối với các đoạn đường dễ bị ngập úng trong mùa mưa bão mùa hè, ban quản lý đô thị đã kịp thời áp dụng các biện pháp phòng chống lũ mục tiêu như lắp đặt bổ sung các trạm bơm thoát nước công suất lớn.

18 nét

HÁN VIỆT: THÁI THỦ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#068

采用

cǎi yòng

áp dụng, sử dụng, dùng (công nghệ, phương pháp)

新一代高速动车组全面采用国产高强度轻量化铝合金车体与智能列控系统。

Xīn yí dài gāo sù dòng chē zǔ quán miàn cǎi yòng guó chǎn gāo qiáng dù qīng liàng huà lǚ hé jīn chē tǐ yǔ zhì néng liè kòng xì tǒng.

Đoàn tàu động lực cao tốc thế hệ mới áp dụng sử dụng toàn diện hệ thống điều khiển đoàn tàu thông minh cùng thân tàu bằng hợp kim nhôm siêu nhẹ cường độ cao sản xuất trong nước.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁI DỤNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#069

彩色

cǎi sè

màu sắc, nhiều màu, có màu

高分辨率气象卫星成功传回了全球第一张全景高动态彩色云图，清晰展现了台风眼结构细节。

Gāo fēn biān lǜ qì xiàng wèi xīng chéng gōng chuán huí le quán qiú dì yī zhāng quán jǐng gāo dòng tài cǎi sè yún tú, qīng xī zhǎn xiàn le tái fēng yǎn jié gòu xì jié.

Vệ tinh khí tượng độ phân giải cao đã truyền về thành công bức ảnh mây màu sắc nhiều màu toàn cảnh động thái cao đầu tiên trên thế giới, phô diễn rõ nét các chi tiết cấu trúc mắt bão.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁI SẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#070

曾经

céng jīng

đã từng, từng

这座历经沧桑的古老水乡小镇，曾经是明清时期繁华喧嚣的漕运商贸重镇。

Zhè zuò lì jīng cāng sāng de gǔ lǎo shuǐ xiāng xiǎo zhèn, céng jīng shì míng qīng shí qī fán huá xuān xiǎo de cáo yùn shāng mào zhòng zhèn.

Thị trấn sông nước cổ kính trải qua bao dâu bể này từng là một trung tâm giao thương vận tải đường thủy sầm uất nhộn nhịp thời Minh - Thanh.

24 nét

HÁN VIỆT: TĂNG KINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#071

产生

chǎn shēng

sinh ra, nảy sinh, sản sinh

不同学术流派思想观点的深入碰撞与交流，往往能够产生突破性的科研创新灵感。

Bù tóng xué shù liú pài sī xiǎng guān diǎn de shēn rù pèng zhuàng yǔ jiāo liú, wǎng wǎng néng gòu chǎn shēng tú pò xìng de kē yán chuàng xīn líng gǎn.

Sự cọ xát và giao lưu sâu sắc giữa các góc nhìn tư tưởng của các trường phái học thuật khác nhau thường sẽ làm nảy sinh những nguồn cảm hứng đối mới khoa học mang tính đột phá.

21 nét

HÁN VIỆT: SẢN SINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#072

厂

hǎn

nhà máy

老师鼓励大家积极厂，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hǎn, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhà máy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: HÁN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#073

场合

chǎng hé

dịp, hoàn cảnh, trường hợp, nơi chốn

在出席联合国多边外事礼宾场合时，应当严格遵守国际外交礼仪规范，展现文明大国的从容风度。

Zài chū xí lián hé guó duō biān wài shì lǐ bīn chǎng hé shí, yīng dāng yán gé zūn shǒu guó jì wài jiāo lǐ yí guī fàn, zhǎn xiàn wén míng dà guó de cóng róng fēng dù.

Khi tham dự các dịp lễ tân đối ngoại đa phương của Liên Hợp Quốc, cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn lễ nghi ngoại giao quốc tế, thể hiện phong thái ung dung đỉnh đặc của một đại quốc văn minh.

17 nét

HÁN VIỆT : TRẢNG CÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#074

场所

chǎng suǒ

địa điểm, nơi chốn, khu vực

各级各类公共图书馆、文化馆与科技馆等公共文化场所全面推行免费错时开放，极大丰富了群众的精神文化生活。

Gè jí gè lèi gōng gòng tú shū guǎn, wén huà guǎn yǔ kē jì guǎn děng gōng gòng wén huà chǎng suǒ quán miàn tuī xíng miǎn fèi cuò shí kāi fàng, jí dà fēng fù le qún zhòng de jīng shén wén huà shēng huó.

Mọi địa điểm văn hóa công cộng như thư viện công cộng, nhà văn hóa và bảo tàng khoa học kỹ thuật các cấp đều áp dụng mở cửa miễn phí lệch giờ toàn diện, làm phong phú to lớn đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

17 nét

HÁN VIỆT : TRẢNG SỎ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#075

超级

chāo jí

siêu cấp, siêu cấp độ, siêu đẳng

国家超级计算中心依托自主先进架构，为全球气候数值模拟与深空探测海量数据分析提供了强大的算力支撑。

Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn yī tuō zì zhǔ xiān jìn jià gòu, wèi quán qiú qì hòu shù zhī mó nǐ yǔ shēn kōng tàn cè hǎi liàng shù liú fēn xī tí gòng le qiáng dà de suàn lì zhī chēng.

Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia dựa vào kiến trúc tiên tiến tự chủ đã mang lại sự hỗ trợ năng lực tính toán mạnh mẽ cho công tác mô phỏng số khí hậu toàn cầu và phân tích dữ liệu khổng lồ thám hiểm không gian sâu.

26 nét

HÁN VIỆT : SIÊU CẤP

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Danh từ

#076

朝

cháo

hướng về, quay về; triều đại, buổi sáng

推开主卧的大窗户，房间朝南采光极佳，整日都能沐浴在温暖和煦的阳光下。

Tuī kāi zhǔ wò de dà chuāng hù, fáng jiān cháo nán cǎi guāng jí jiā, zhěng rì dōu néng mù yù zài wēn nuǎn huó xù de yǎng guāng xià.

Mở toang cánh cửa sổ lớn của phòng ngủ chính, căn phòng hướng nam đón ánh sáng cực tốt, cả ngày đều được đắm mình trong ánh nắng chan hòa ấm áp.

8 nét

HÁN VIỆT : TRIỀU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#077

吵

chǎo

ồn ào, làm ồn, cãi nhau

图书馆里请保持安静，轻声细语，切勿大声喧哗打扰他人阅读。

Tú shū guǎn lǐ qǐng bǎo chí ān jìng, qīng shēng xì yǔ, qiè wù dà shēng xuān huá dǎ rǎo tā rén yuè dú.

Trong thư viện xin giữ trật tự, nói khẽ, không nên làm ồn ào ảnh hưởng tới việc đọc sách của người khác.

12 nét

HÁN VIỆT : SẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#078

吵架

chǎo jià

cãi nhau, cãi cộ

夫妻相处之道在于相互包容与理解，遇到分歧时心平气和地沟通远胜于冲动吵架。

Fū qī xiāng chǔ zhī dào zài yú xiāng hù bāo róng yǔ lǐ jiě, yù dào fēn qí shí xīn píng qì hé de tōng gōng yuǎn shèng yú chōng dòng chǎo jià.

Đạo vợ chồng ăn ở ở kiếp là ở sự bao dung và thấu hiểu lẫn nhau, khi có bất đồng việc bình tâm trao đổi sẽ tốt hơn nhiều so với việc bốc đồng cãi vã.

26 nét

HÁN VIỆT : SẢO GIÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#079

衬衫

chèn shān

áo sơ mi

今天参加重要的外企面试，他特意穿了一件笔挺洁白的棉质衬衫。

Jīn tiān cān jiā zhòng yào de wài qī miàn shì, tā tè yì chuān le yí jiàn bǐng tíng jié bái de mián zhì chèn shān.

Hôm nay đi phỏng vấn quan trọng ở doanh nghiệp nước ngoài, anh ấy đặc biệt diện chiếc áo sơ mi cotton trắng tinh tươm phẳng phiu.

17 nét

HÁN VIỆT : SẴN SẴM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#080

衬衣

chèn yī

áo sơ mi, áo sơ mi mặc trong

他身着整洁得体的白色衬衣站在国际学术报告厅讲台上，沉着从容地发表学术演讲。

Tā shēn zhe zhěng jié dé tǐ de bái sè chèn yī zhàn zài guó jì xué shù bào gào tīng jiǎng tái shàng, chén zhùo cóng róng dì fā biǎo xué shù yǎn jiǎng.

Anh ấy mặc chiếc áo sơ mi màu trắng tinh tươm chỉnh tề đứng trên bục giảng Hội trường Báo cáo Học thuật Quốc tế, điềm tĩnh ung dung phát biểu bài thuyết trình học thuật.

23 nét

HÁN VIỆT : SẴN Y

HSK 3 (3.0)

Động từ

#081

称为

chēng wéi

được gọi là, xưng là, mệnh danh là

世界最大单口径球面射电望远镜被形象地称为中国探索宇宙深空奥秘的“天眼”。

Shì jiè zuì dà dān kǒu jīng qiú miàn shè diàn wàng yuǎn jīng bèi xíng xiàng dì chēng wéi zhōng guó tàn suǒ yǔ zhòu shēn kōng ào mì de "tiān yǎn".

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ đơn lớn nhất thế giới được mệnh danh được gọi là "Mắt Trời" thám hiểm bí ẩn không gian sâu vũ trụ của Trung Quốc.

25 nét

HÁN VIỆT : XƯNG VI



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#082

成功

chéng gōng

thành công

通往成功的道路绝非一帆风顺，它需要持之以恒的毅力与勇于创新的魄力。

Tōng wǎng chéng gōng de dào lù jué fēi yī fǎn fēng shùn, tā xū yào chí zhǐ yǐ héng de yì lì yǔ yǒng yǔ chuàng xīn de pò lì.

Con đường dẫn tới thành công chưa bao giờ trải đầy hoa hồng, nó đòi hỏi sự kiên trì bền bỉ cùng bản lĩnh dám nghĩ dám làm và đổi mới.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#083

成果

chéng guǒ

thành quả, kết quả nghiên cứu

我国科研团队在量子计算领域取得的多项重磅成果，获得了国际学术界的高度评价。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài liàng zǐ jì suàn lǐng yù qǔ dé de duō xiàng zhòng bàng chéng guǒ, huò dé le guó jì xué shù jiè de gāo dù píng jià.

Nhiều thành quả nghiên cứu mang tính bước ngoặt của đội ngũ khoa học nước ta trong lĩnh vực tính toán lượng tử đã nhận được sự đánh giá rất cao từ giới học thuật quốc tế.

19 nét

HÁN VIỆT : THÀNH QUẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#084

成就

chéng jiù

thành tựu, cống hiến; tác thành, tạo nên

这位享誉全球的科学家一生致力于杂交水稻研发，取得了举世瞩目的伟大成就。

Zhè wèi xiǎng yù quán qiú de kē xué jiā yǐ shēng zhì lì yú zá jiāo shuǐ dào yán fā, qǔ dé le jǔ shì zhǔ mù de wēi dà chéng jiù.

Nhà khoa học lừng danh toàn cầu này cả cuộc đời đã cống hiến cho công tác nghiên cứu phát triển lúa lai, gặt hái được những thành tựu vĩ đại khiến cả thế giới phải nghiêng mình khâm phục.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH TỰU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#085

成立

chéng lì

thành lập, sáng lập, đứng vững (lý lẽ)

今年是该国家重点实验室成立三十周年，各界专家齐聚一堂共庆辉煌历程。

Jīn nián shì gāi guó zhòng yǎn shí yàn shì chéng lì sān shí zhōu nián, gè jiè zhuān jiā qí jù yì táng gòng qīng huī huáng lì chéng.

Năm nay là tròn 30 năm ngày thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các chuyên gia thuộc mọi giới đã tề tựu đông đủ cùng chúc mừng chặng đường phát triển vẻ vang.

23 nét

HÁN VIỆT : THÀNH LẬP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#086

成熟

chéng shú

chín chắn, trưởng thành, chín (hoa quả)

经过多年的实践锤炼与挫折磨砺，他的处事方式变得越来越成熟稳重。

Jīng guò duō nián de shí jiàn chuí liàn yǔ cuò zhé mó lì, tā de chǔ shì fāng shì biàn dé yuè lái yuè chéng shú wén zhòng.

Trải qua nhiều năm tôi luyện thực tế và vượt qua bao thử thách, cách đối nhân xử thế của anh ấy ngày càng chín chắn và điềm đạm.

20 nét

HÁN VIỆT : THÀNH THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#087

成员

chéng yuán

thành viên, hội viên

金砖国家扩员具有深远里程碑意义，进一步壮大了“全球南方”维护世界和平发展的核心成员力量。

Jīn zhuān guó jiā kuò yuán jù yǒu shēn yuǎn lǐ chéng bēi yì yì, jìn yí bù zhuàng dà le "quán qiú nán fāng" wéi hù shì jiè hé píng fā zhǎn de hé xīn chéng yuán lì liàng.

Việc mở rộng thành viên của khối BRICS mang ý nghĩa đầu mối sâu sắc, củng cố và lớn mạnh hơn nữa lực lượng thành viên nòng cốt của "Phương Nam Toàn cầu" trong việc bảo vệ hòa bình và phát triển thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT : THÀNH VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#088

成长

chéng zhǎng

trưởng thành, lớn lên, sự lớn lên

每一次挫折与磨难都是人生旅途中不可多得的宝贵财富，推动着我们不断成熟与成长。

Měi yí cì cuò zhé yǔ mó nǎn dōu shì rén shēng lǚ tú zhōng bù kě duō dé de bǎo guì cái fù, tuī dòng zhe wǒ men bù duàn chéng shú yǔ chéng zhǎng.

Mỗi một lần vấp ngã và gian nan thử thách đều là khối tài sản quý giá hiếm có trên hành trình nhân sinh, thúc đẩy chúng ta không ngừng chín chắn và trưởng thành.

20 nét

HÁN VIỆT : THÀNH TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#089

城

chéng

thành, thành phố, tòa thành

这座历史悠久的千年文化古城在现代化进程中实现了历史文脉传承与现代创新发展的完美交融。

Zhè zuò lì shǐ yǒu jiǔ de qiān nián wén huà gǔ chéng zài xiàn dài huà jìn chéng zhōng shí xiàn le lì shǐ wén mài chuán chéng yǔ xiàn dài chuàng xīn fā zhǎn de wán měi jiāo róng.

Tòa thành thành phố cổ văn hóa ngàn năm có bề dày lịch sử lâu đời này trong tiến trình hiện đại hóa đã thực hiện sự giao thoa hoàn hảo giữa phát triển đổi mới sáng tạo hiện đại và kế thừa mạch nguồn văn hóa lịch sử.

9 nét

HÁN VIỆT : THÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#090

城市

chéng shì

thành phố

北京是一座既有三千多年悠久历史，又充满现代科技魅力的国际大城市。

Běijīng shì yí zuò jì yǒu sān qiān duō nián yǒu jiǔ lì shǐ, yòu chōng mǎn xiàn dài kē jì mèi lì de guójì dà chéng shì.

Bắc Kinh là một đại đô thị quốc tế vừa sở hữu hơn 3.000 năm lịch sử hào hùng, vừa tràn đầy sức hút công nghệ hiện đại.

17 nét

HÁN VIỆT : THÀNH THỊ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#091

程度

chéng dù

mức độ, trình độ

随着人工智能技术的飞速迭代，自动化办公系统在很大程度上重塑了现代企业的工作模式。

Suí zhe rén gōng zhì néng jì shù de fēi sù dié dài, zì dòng huà bàn gōng xì tǒng zài hěn dà chéng dù shàng zhòng sù le xiàn dài qī yè de gōng zuò mó shì.

Cùng với sự đổi mới vượt bậc của công nghệ trí tuệ nhân tạo, các hệ thống văn phòng tự động hóa ở mức độ rất lớn đã tái định hình mô hình làm việc của các doanh nghiệp hiện đại.

21 nét

HÁN VIỆT: TRÌNH ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#092

持续

chí xù

kéo dài, duy trì liên tục

得益于持续的绿色低碳产业投入，该地区的生态环境质量实现了逐年稳步改善。

Dé yì yú chí xù de lǜ sè dī tàn chǎn yè tóu rù, gāi dì qū de shēng tài huán jīng zhì liàng shí xiǎn le zhú nián wěn bù gǎi shàn.

Nhờ được đầu tư liên tục vào các ngành công nghiệp xanh giảm phát thải, chất lượng môi trường sinh thái của khu vực này đã cải thiện vững chắc qua từng năm.

27 nét

HÁN VIỆT: TRÌ TỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#093

充满

chōng mǎn

tràn ngập, đông đầy, chứa chan

这间充满书香雅韵与明媚阳光的阅览室，是青年学子们潜心求知的理想殿堂。

Zhè jiān chōng mǎn shū xiāng yǎ yùn yǔ míng mèi yáng guāng de yuè lǎn shì, shì qīng nián xué zǐ mēn qín xīn qiú zhī de lǐ xiǎng diàn táng.

Phòng đọc sách ngập tràn hương thơm của sách vở cùng ánh nắng chan hòa này là thánh đường lý tưởng để các bạn trẻ say mê kiếm tìm tri thức.

17 nét

HÁN VIỆT: SUNG MÃN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tiền tố / Tính từ

#094

初

chū

đầu (tháng/năm); ban đầu, sơ khởi

不忘初心，方得始终；新时代青年要始终坚守对科学求真与报国奉献的崇高信念。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; xīn shí dài qīng nián yào shǐ zhōng jiān shǒu duì kē xué qiú zhēn yǔ bào guó fèng xiàn de chōng gào xìn niàn.

Không quên sơ tâm ban đầu thì mới có được kết quả trọn vẹn; thanh niên thời đại mới cần luôn kiên định niềm tin cao đẹp đối với việc cống hiến cho Tổ quốc và cầu thị chân lý khoa học.

8 nét

HÁN VIỆT: SƠ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#095

初步

chū bù

bước đầu, sơ bộ, giai đoạn khởi đầu

通过首期为期半年的深海载人深潜试验，科研团队获得了关于深海地质构造的初步第一手宝贵实测数据。

Tōng guò shǒu qī wéi qī bàn nián de shēn hǎi zài rén shēn qián shì yàn, kē yán tuán duì huò dé le guān yú shēn hǎi dì zhì gòu zào de chū bù dì yī shǒu bǎo guì shí cè shù jù.

Thông qua đợt thử nghiệm lặn sâu có người lái dưới biển sâu kéo dài nửa năm giai đoạn 1, nhóm nghiên cứu khoa học đã thu được những số liệu đo đạc thực tế quý giá bước đầu tận mắt về cấu trúc địa chất biển sâu.

20 nét

HÁN VIỆT: SƠ BỘ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#096

初级

chū jí

sơ cấp, cơ bản, ban đầu

在初级汉语学习阶段，打好扎实的汉语拼音发音基础能够让后续听说能力的进阶事半功倍。

Zài chū jí hàn yǔ xué xí jiē duàn, dǎ hǎo zhā shí zhǔn zhèng de hàn yǔ pīn yīn fā yīn jī zhǔ néng gòu ràng hòu xù tīng shuō néng lì de jìn jiē shì bàn gōng bèi.

Ở giai đoạn học tiếng Trung sơ cấp, việc tạo lập nền tảng phát âm Pinyin chuẩn xác vững vàng sẽ giúp việc nâng cao kỹ năng nghe nói sau này đạt hiệu quả gấp bội.

22 nét

HÁN VIỆT: SƠ CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#097

初一

chū yī

mùng một (Tết/tháng âm lịch); lớp 6 (năm nhất THCS)

大年初一清晨，千家万户喜气洋洋地互相拜年问好，共同祈愿新的一年五谷丰登、阖家安康。

Dà nián chū yī qīng chén, qiān jiā wàn hù xǐ qì yáng yáng de hù xiāng bài nián wén hǎo, gòng tóng qí yuàn xīn de yī nián wù gǔ fēng dēng, hé jiā ān kāng.

Sáng sớm ngày mùng một Tết Nguyên Đán, muôn nhà muôn cửa vui tươi rạng rỡ chúc Tết chúc mừng năm mới nhau, cùng cầu chúc một năm mới mùa màng bội thu, gia đạo bình an khỏe mạnh.

20 nét

HÁN VIỆT: SƠ NHẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#098

初中

chū zhōng

trường trung học cơ sở, cấp hai (THCS)

在初中学习阶段，学校注重激发青少年对科学探索的浓厚兴趣与动手实践创新能力。

Zài chū zhōng xué xí jiē duàn, xué xiào zhòng zhù jī fā qīng nián duì kē xué tàn suǒ de nóng hòu xìng qù yǔ dòng shǒu shí jiàn chuàng xīn néng lì.

Trong giai đoạn học tập tại trường trung học cơ sở cấp hai, nhà trường chú trọng khơi dậy niềm say mê sâu sắc cùng năng lực đổi mới sáng tạo thực hành của các em thanh thiếu niên đối với thám hiểm khoa học.

16 nét

HÁN VIỆT: SƠ TRUNG

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#099

除了

chú le

ngoài ra, trừ ra

除了每周一闭馆维护以外，国家博物馆每天都向公众免费开放。

Chú le měi zhōu yī bì guǎn wéi hù yǐ wài, Guójiā Bówùguǎn měitiān dōu xiàng gōngzhòng miǎnfèi kāifàng.

Ngoại trừ thứ Hai hàng tuần đóng cửa bảo trì, Bảo tàng Quốc gia mở cửa miễn phí cho công chúng tất cả các ngày còn lại.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỪ LIỄU



HSK 3 (3.0)

Động từ

#100

处理

chǔ lǐ

xử lý, giải quyết, thanh lý

面对突如其来的突发公关危机，企业管理层必须以高度负责的态度迅速妥善处理。

Miàn duì tū rú qí lái de tū fā gōng guān wēi jī, qǐ yè guǎn lǐ céng bì xū yǐ gāo dù zé de tǎi dù xún sù tuō shàn chǔ lǐ.

Đứng trước cuộc khủng hoảng truyền thông bất ngờ ập đến, ban lãnh đạo doanh nghiệp nhất thiết phải nhanh chóng xử lý thỏa đáng với thái độ trách nhiệm cao nhất.

20 nét

HÁN VIỆT: XỬ LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#101

传

chuán

truyền, truyền đạt, lan truyền, trao truyền

老一辈功勋科学家言传身教，将严谨求实、勇攀高峰的科学家精神一代代薪火相传。

Lǎo yì bèi gōng xūn kē xué jiā yán chuán shēn jiào, jiǎng yán jìn qín shí, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiā jīng shén yǐ dài dài xīn huǒ xiāng chuán.

Các nhà khoa học tiên bối có công lao to lớn đã bằng lời nói và việc làm nêu gương, trao truyền truyền đạt tinh thần nhà khoa học dũng cảm trèo lên đỉnh cao, cầu thị nghiêm cần đời đời tiếp nối ngọn lửa thiêng.

13 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#102

传播

chuán bō

truyền bá, lan truyền, phổ biến

借助新媒体数字视听平台，中华优秀传统文化在全球青年群体中得到了广泛深远的传播。

Jiè zhù xīn méi tí shù zì shì tīng píng tái, zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà zài quán qiú qīng nián qún tǐ zhōng dé dào le guǎng fān shēn yuǎn de chuán bō.

Nhờ vào các nền tảng nghe nhìn kỹ thuật số truyền thông mới, văn hóa truyền thống đặc sắc Trung Hoa đã được lan tỏa sâu rộng trong giới trẻ toàn cầu.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN BÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#103

传来

chuán lái

truyền tới, vọng lại, báo về (tin tức/âm thanh)

深空探测飞控大厅里传来了着陆巡视器成功安全降落火星表面的捷报，全场爆发出雷鸣般的欢呼掌声。

Shēn kōng tàn cè fēi kòng dà tīng lǐ chuán lái le zhuó lù xún shì qì chéng gōng ān quán jiàng luò huǒ xīng biǎo miàn de jié bào, quán chǎng bào fā fā chū míng bān de huān hū zhǎng shēng.

Bên trong đại sảnh điều khiển chuyển bay thám trắc không gian sâu đã báo về truyền tới tin thắng trận về việc thiết bị tuần tra hạ cánh đã đáp xuống an toàn thành công trên bề mặt Sao Hỏa, toàn thể khán phòng bùng nổ những tràng pháo tay reo hò như sấm rền.

23 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#104

传说

chuán shuō

truyền thuyết, huyền thoại; tương truyền

这片古老神秘的原始森林中流传着许多动人心魄的民间传说，吸引着无数探险者前来考察。

Zhè piàn gǔ lǎo shén mì de yuán shǐ sēn lín zhōng liú chuán zhe xǔ duō dòng rén xīn pò de mǐn jiān chuán shuō, xǐ yín zhe wú shù tàn xiǎn zhě qián lái kǎo chá.

Bên trong khu rừng nguyên sinh cổ xưa huyền bí này lưu truyền nhiều câu chuyện truyền thuyết dân gian lay động lòng người, thu hút vô số nhà thám hiểm đến khảo sát tìm hiểu.

23 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN THUYẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#105

创新

chuàng xīn

đổi mới sáng tạo; sự đổi mới

坚持创新在我国现代化建设全局中的核心地位，把科技自立自强作为国家发展的战略支撑。

Jiān chí chuàng xīn zài wǒ guó xiàn dài huà jiàn quán shē quán jú zhōng de hé xīn dì wèi, bǎ kē jì zì lì zì qiáng zuò wéi guó jiā fā zhǎn de zhàn lüè zhī chēng.

Kiên trì đặt đổi mới sáng tạo vào vị trí hạt nhân trong toàn cục công cuộc xây dựng hiện đại hóa của nước ta, lấy tự chủ tự cường khoa học công nghệ làm trụ cột chiến lược cho sự phát triển của đất nước.

27 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#106

创业

chuàng yè

khởi nghiệp, lập nghiệp, dựng nghiệp

国家出台系列税收减免与普惠金融扶持举措，全面激发广大青年科技人才敢为人先的创业创新活力。

Guó jiā chū tái xì liè shuì shōu jiǎn miǎn yǔ pǔ huì jīn róng fú chí jǔ cuò, quán miàn jī fā guǎng dà qīng nián kē jì rén cái gǎn wéi rén xiān de chuàng yè xīn huó lì.

Nhà nước ban hành hàng loạt chính sách giảm thuế và hỗ trợ tài chính bao trùm, khơi dậy toàn diện sức sống khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo dám nghĩ dám làm của đồng đảo nhân tài khoa học công nghệ trẻ.

23 nét

HÁN VIỆT: SÁNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#107

创造

chuàng zào

sáng tạo, tạo nên, sự sáng tạo

劳动不仅创造了人类灿烂辉煌的物质文明，更淬炼出了崇高坚韧的精神品格。

Láo dòng bù jìn chuàng zào le rén lèi càn làn huī huáng de wù zhì wén míng, gèng cuì liàn chū le chóng gāo jiǎn rèn de jīng shén pǐn gé.

Lao động không chỉ tạo nên nền văn minh vật chất rực rỡ huy hoàng của loài người mà hơn thế nữa còn tôi luyện nên phẩm chất tinh thần kiên cường cao đẹp.

27 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#108

创作

chuàng zuò

sáng tác, tác phẩm sáng tạo

文艺工作者深入基层工矿与乡村田野体验生活，创作出了一批饱含时代温情与人民情怀的史诗级优秀文艺作品。

Wén yì gōng zuò zhě shēn rù jī céng gōng kuàng yǔ xiāng cūn tián yě tǐ yàn shēng huó, chuàng zuò chū le yí pī bǎo hán shí dài wēn qīng yǔ rén mín qíng huái de shǐ jí yōu xiù wén yì zuò pǐn.

Các văn nghệ sĩ đã đi sâu vào các nhà máy hầm mỏ và đồng ruộng nông thôn ở cơ sở để trải nghiệm cuộc sống, sáng tác nên một loạt các tác phẩm văn học nghệ thuật xuất sắc tầm cỡ sử thi ngập tràn hơi ấm thời đại và tình cảm nhân dân.

23 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TÁC



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#109

从来

cóng lái

từ trước đến nay, chưa bao giờ

无论面对怎样严峻的困难与考验，他从来没有轻言放弃过自己的初心与信念。

Wú lùn miàn duì zěng yáng yán jùn de kùn nán yǔ kǎo yàn, tā cóng lái méi yǒu qīng yán fàng qì guò zì jǐ de chū xīn yǔ xìn niàn.

Bất luận đối mặt với gian nan thử thách khốc liệt đến đâu, anh ấy chưa bao giờ dễ dàng từ bỏ tâm nguyện và niềm tin ban đầu của mình.

18 nét

HÁN VIỆT: TÔNG LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#110

从前

cóng qián

ngày trước, trước đây, xưa kia

从前这里是一片人迹罕至的荒凉盐碱地，如今已蜕变成生机勃勃的现代化高新产业园区。

Cóng qián zhè lǐ shì yí piàn rén jì hǎn zhì de huāng liáng yán jiǎn dì, rú jīn yǐ tuì biàn chéng shēng jī bó bó de xiān jīn chǎn yè yuǎn qū.

Trước đây nơi này vốn là một vùng đất hoang hóa ngập mặn hiểm bóng người qua lại, nay đã lột xác ngoạn mục thành một khu công nghiệp công nghệ cao hiện đại tràn đầy sức sống.

22 nét

HÁN VIỆT: TÔNG TIỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#111

从事

cóng shì

làm, dẫn thân vào, làm công việc (nghề nghiệp)

大学毕业后，他选择扎根基层农业科技一线，潜心从事优质耐旱作物的选育改良工作。

Dà xué bì yè hòu, tā xuǎn zé zhēn gēn jī céng nóng yè kē jì yī xiàn, qīn xīn cóng shì yōu zhì nài hàn zuò wù de xuǎn yù gǎi liáng gōng zuò.

Sau khi tốt nghiệp đại học, anh lựa chọn bám rễ nơi tuyến đầu khoa học công nghệ nông nghiệp cơ sở, chuyên tâm làm công tác lai tạo và cải biến các giống cây trồng chịu hạn chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: TÔNG SỰ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#112

村

cūn

làng

老师鼓励大家积极村，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cūn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THÔN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#113

存

cún

lưu lại

老师鼓励大家积极存，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cún, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lưu lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: TỒN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#114

存在

cún zài

tồn tại, hiện hữu; sự tồn tại

宇宙中存在着无数尚待人类探索与解析的神秘天体物理现象。

Yǔ zhòu zhōng cún zài zhe wú shù shàng dài rén lèi tàn suǒ yǔ jiě xī de shén mì tiān tǐ wù lǐ xiàn xiàng.

Trong vũ trụ bao la tồn tại vô vàn hiện tượng vật lý thiên văn huyền bí đang chờ đợi nhân loại đến khám phá và giải mã.

23 nét

HÁN VIỆT: TỒN TẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#115

错误

cuò wù

sai lầm, sai sót, sai

善于从过往的失败与错误中汲取深刻教训，才能在未来的道路上走得更沉稳坚定。

Shàn yú cóng guò wǎng de shī bài yǔ cuò wù zhōng jí qǔ shēn kè jiào xùn, cái néng zài wèi lái de dào lù shàng zǒu de gèng wěn jiǎn dìng.

Biết rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc từ những thất bại và sai lầm trong quá khứ mới có thể giúp ta vững bước đi đến tương lai.

25 nét

HÁN VIỆT: THÁC NGỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#116

达到

dá dào

đạt được, chạm tới (mục tiêu, tiêu chuẩn)

经过全线技术攻关，该款国产高性能芯片良品率成功达到了国际顶尖行业标准。

Jīng guò quán xiàn jì shù gōng guān, gāi kuǎn guó chǎn gāo xìng néng xīn piàn de liáng pǐn lǜ chéng gōng dá dào le guó jì dīng jiān háng yè biāo zhǔn.

Trải qua quá trình đột phá kỹ thuật trên toàn tuyến, tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn của dòng chip hiệu năng cao nội địa này đã chạm tới tiêu chuẩn hàng đầu trong ngành của thế giới.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẠT ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#117

打破

dǎ pò

phá vỡ, đánh vỡ, đập tan (kỷ lục / độc quyền)

我国科研团队完全自主研发的深海超高压勘探装备，打破了国外长期以来的技术垄断。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì yǎn fā de shēn hǎi chāo gāo yā kǎn tàn zhuāng bèi, dǎ pò le guó wài zhǎng qī yǐ lái de jì shù lǒng duàn.

Thiết bị thăm dò thám hiểm áp lực siêu cao biển sâu do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã phá vỡ đập tan thế độc quyền công nghệ bấy lâu nay của nước ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ PHÁ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#118

打听

dǎ tīng

dò hỏi, thăm dò, hỏi thăm

外国学者专门向中方会务人员详细打听了中国高水平国际科研合作专项基金的申报流程。

Wàiguo xué zhě zhuān mén xiàng zhōng fāng huì wù rén yuán xiáng xì dǎ tīng le zhōng guó gāo shuǐ píng guó jì kē yán hé zuò zhuān xiàng jī jīn de shēn bào liú chéng.

Vị học giả nước ngoài đã đặc biệt tới hỏi thăm dò hỏi chi tiết nhân viên ban tổ chức hội nghị phía Trung Quốc về quy trình đăng ký Quỹ Chuyên án Hợp tác Nghiên cứu Khoa học Quốc tế Trình độ Cao của Trung Quốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : TÁ DẪN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#119

大夫

dài fu

bác sĩ, thầy thuốc

这位经验丰富的老大夫从医四十余载，医德高尚，深受广大患者的信赖与爱戴。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo dà fū cóng yī sì shí yú zài, yí dé gāo shàng, shēn shòu guāng dà huàn zhě de xìn lài yǔ ài dài.

Vị bác sĩ già giàu kinh nghiệm này đã làm nghề y hơn 40 năm, y đức cao đẹp, được đồng đảo bệnh nhân tin tưởng và yêu mến.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI PHU

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#120

大概

dà gài

khoảng chừng, đại khái

从我们目前所在的高铁站驱车前往国际机场，大概需要四十分钟车程。

Cóng wǒ men mù qián suǒ zài de gāo tiě zhàn qū chē qián wǎng guó jì jī chǎng, dà gài xū yào sì shí fēn zhàn qū chē.

Từ ga tàu cao tốc nơi chúng ta đang đứng lái xe đến sân bay quốc tế sẽ mất khoảng chừng 40 phút di chuyển.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI KHÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#121

大使馆

dà shǐ guǎn

đại sứ quán

在异国他乡如果不慎遗失护照，请第一时间联系本国驻当地大使馆寻求领事协助。

Zài yì guó tā xiāng rú guǒ bù shèn yí shī hù zhào, qǐng dì yí shí jiān lián xì běn guó zhù dāng dì dà shǐ guǎn xún qiú lǐng shì xié zhù.

Nếu không may bị thất lạc hộ chiếu ở nước ngoài, bạn hãy liên hệ ngay với Đại sứ quán nước mình tại địa phương để nhận hỗ trợ lãnh sự kịp thời.

📖 33 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI SỨ QUÁN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#122

大约

dà yuē

khoảng chừng, ước chừng

本次国际人工智能高端论坛大约吸引了来自全球三十余个国家的顶尖学者参会。

Běn cì guó jì rén gōng zhì néng gāo duān lùn tán dà yuē xī yīn le lái zì quán qiú sān shí yú gè guó jiā de dīng jiān xué zhě cān huì.

Diễn đàn cấp cao về trí tuệ nhân tạo quốc tế lần này đã thu hút khoảng hơn 30 quốc gia có các học giả hàng đầu tham dự.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI YUỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Lượng từ

#123

代

dài

thế hệ, thời đại; thay thế, đại diện

新一代青年科学家肩负起时代赋予的历史重任，在前沿交叉科技领域勇挑重担、奋发有为。

Xīn yí dài qīng nián kē xué jiā jiān fù qǐ shí dài fù yǔ de lì shǐ zhòng rèn, zài qián yán jiāo chā kē jì lǐng yù yǒng tiǎo zhòng dān, fèn fā yǒu wéi.

Thế hệ các nhà khoa học trẻ tuổi thời đại mới gánh vác trọng trách lịch sử do thời đại trao gửi, dũng cảm gánh vác việc lớn, nỗ lực vươn lên trong các lĩnh vực khoa học công nghệ liên ngành tiên phong.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#124

代表

dài biǎo

đại biểu, đại diện

作为优秀青年代表在联合国青年论坛上发言，展示了新时代青年的风采与担当。

Zuò wéi yōu xiù qīng nián dài biǎo zài lián hé guó qīng nián lùn tán shàng fā yán, zhǎn shì le xīn shí dài qīng nián de fēng cǎi yǔ dān dāng.

Được phát biểu với tư cách đại diện thanh niên ưu tú tại Diễn đàn Thanh niên Liên Hợp Quốc đã thể hiện trọn vẹn phong thái và trách nhiệm của thế hệ trẻ thời đại mới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI BIỂU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#125

代表团

dàibiǎotuán

đoàn đại biểu, đoàn đại diện

由顶尖院士与青年学者组成的国家高级科技代表团赴海外出席了世界科学大会并作多场大会主旨报告。

Yóu dīng jiān yuàn shì yǔ qīng nián xué zhě zù chéng de guó jiā gāo jí kē jì dài biǎo tuán fù hǎi wài chū shì le shì jiè kē xué dà huì bìng zuò duō chǎng dà huì zhǔ jì bào gào.

Đoàn đại biểu đại diện khoa học công nghệ cao cấp quốc gia gồm các viện sĩ hàng đầu và học giả trẻ đã lên đường ra nước ngoài tham dự Đại hội Khoa học Thế giới và có nhiều bài báo cáo chủ đề trước đại hội.

📖 31 nét

HÁN VIỆT : ĐẠI BIỂU ĐOÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#126

带动

dàidòng

lôi kéo, dẫn dắt thúc đẩy

国家级高新技术产业开发区充分发挥创新集聚优势，强力带动了区域全链条高质量转型升级。

Guó jiā jí gāo xīn jì shù kāi fā qū fú hǎi quán lì fā huyǎng xīn jī jù yōu shì, qiáng lì dài dòng le qū yù jīng jì quán liàn tiáo gāo zhì liàng zhuǎn xíng shēng jí.

Khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia phát huy đầy đủ lợi thế quy tụ đổi mới sáng tạo, thúc đẩy dẫn dắt mạnh mẽ sự nâng cấp chuyển đổi chất lượng cao toàn bộ chuỗi kinh tế khu vực.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐỐI ĐỘNG



HSK 3 (3.0)

Động từ

#127

带领

dài lǐng

dẫn dắt, lãnh đạo, dẫn đầu

优秀共产党员干部带领全村乡亲大力发展现代特色设施农业与乡村旅游，走出了一条乡村振兴致富路。

Yǒu xiù gòngchǎn dǎngbù gàn bù dài lǐng quán cūn xiāngqīn dà lì fā zhǎn xiān dài tè sè shè shī nóng yè yǔ xiāng lǚ yóu, zǒu chū le yī tiáo xiāng zhèn xīng fù lù.

Cán bộ đảng viên gương mẫu xuất sắc đã dẫn dắt toàn thể bà con dân làng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đặc sắc hiện đại và du lịch nông thôn, bước đi trên con đường chấn hưng nông thôn làm giàu vững chắc.

📖 17 nét

HÁN VIỆT ĐỐI LÃNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#128

单元

dān yuán

đơn nguyên, bài học, khối nhà

这本教材的每一个教学单元都围绕一个贴近现代生活的核心主题展开深入探讨。

Zhè běn jiàocái de měi yí gè jiàoxué dān yuán dòu wéi rào yí gè tiē jìn xiān dài shēng huó de hé xīn zhǔ tí zhān kāi shēn rù tàn tǎo.

Mỗi một đơn vị bài học trong cuốn giáo trình này đều xoay quanh một chủ đề cốt lõi gần gũi với cuộc sống hiện đại để mở rộng thảo luận chuyên sâu.

📖 26 nét

HÁN VIỆT THIÊN NGUYÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#129

当初

dāng chū

ngày trước, thuở ban đầu, lúc đầu

老一辈拓荒者们回忆起当初塞罕坝林场一穷二白、风沙遮日的艰苦岁月，无不感慨今天这片万亩绿色林海的来之不易。

Lǎo yì bèi tuò huāng zhě men huí yì qǐ dāng chū sāi hǎn bà lín chǎng yí qióng èr bái, fēng shā zhē rì de jiǎn kǔ suì yuè, wú bù gǎn kǎi jīn tiān zhè piàn bǎi wàn mǔ lǜ sè lín hǎi de lái zhī bù yì.

Những người khai hoang thế hệ đi trước nhớ lại những năm tháng gian khó thuở ban đầu khi nông trường rừng Saihanba còn hai bàn tay trắng bao cát mặt mù che khuất mặt trời, ai nấy đều không khỏi cảm khái trước sự quý giá của biển rừng xanh triệu mẫu ngày nay.

📖 17 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG SƠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#130

当地

dāng dì

địa phương, bản địa

品尝地道的当地特色美食并体验民俗节庆，是深度体验一个城市文化的绝佳方式。

Pǐn cháng dì dào dì dāng dì měi shí de sè sè míng cháng bìng tǐ yàn mǐn sú jié qīng, shì shēn dù tǐ yàn yí gè chéng shì wén huà de jué jiā fāng shì.

Thưởng thức món ngon đặc sản địa phương và trải nghiệm các lễ hội dân gian là cách tuyệt vời nhất để cảm nhận sâu sắc văn hóa của một thành phố.

📖 21 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG ĐỊA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#131

当然

dāng rán

Tất nhiên

想要真正学好一门外语，当然离不开持之以恒的日常积累与实践。

Xiǎng yào zhēnzhèng xué hǎo yí mén wài yǔ, dāng rán lí bù kāi chí zhī yǐ héng de rì cháng jī lěi yǔ shí jiàn.

Muốn thực sự học giỏi một ngoại ngữ, đương nhiên không thể thiếu sự tích lũy và thực hành bền bỉ mỗi ngày.

📖 19 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Thời gian

#132

当中

dāng zhōng

ở giữa, trong số, trong quá trình

在漫长艰辛的重大科学实验探索过程当中，团队骨干始终保持着百折不挠的坚韧毅力。

Zài màn cháng jiǎn xīn de zhòng dà kē xué shí yàn tàn suǒ guò chéng zhōng, tuánduì gǔ gàn shǐ zhōng bǎo chí zhe bǎi zhé bù nǎo de jiān rèn yì lì.

Trong quá trình ở giữa quá trình tìm tòi thực nghiệm khoa học trọng đại gian khổ dài đằng đẳng, cán bộ cốt cán của đội luôn giữ vững nghị lực kiên cường trăm trận không lùi bước.

📖 17 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG TRUNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#133

刀

dāo

con dao

厨师手握锋利精致的雕花刀，在短短几分钟内就把普通的萝卜雕刻成了一只栩栩如生的飞鸟。

Chú shī shǒu wò fēng lì jīng zhì de diāo huā dāo, zài duǎn duǎn jǐ fēn zhōng nèi jiù bǎ pǔ tōng de luó bo diào kè chéng le yí zhī xǔ xǔ rú shēng de fēi niǎo.

Người đầu bếp cầm trên tay con dao tía hoa sắc bén tinh xảo, chỉ trong vài phút ngắn ngủi đã biến củ cải trắng bình thường thành một chú chim đang tung cánh sống động như thật.

📖 14 nét

HÁN VIỆT ĐAO

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#134

导演

dǎo yǎn

đạo diễn, dàn dựng

这位才华横溢的青年导演凭借其极具人文关怀的现实主义新作斩获了国际大奖。

Zhè wèi cái huá héng yì de qīng nián dǎo yǎn píng jiē qí jī jù rén wén guān huái de xiàn shí zhǔ yì xīn zuò zhān huò le guó jì dà jiǎng.

Vị đạo diễn trẻ tuổi đầy tài năng này nhờ vào tác phẩm mới mang đậm tính hiện thực và tinh thần nhân văn sâu sắc đã xuất sắc đoạt giải thưởng quốc tế lớn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT ĐẠO DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#135

到达

dào dá

đến, tới nơi

载着科考队员和急需补给物资的运输机冒着大雪安全平稳地到达了南极科考站。

Zài zhè kē kǎo duì yuán hé jí xū bǔ jǐ wù zī de yùn shū jī mào zhe dà xuě ān quán píng wěn de dào dá le nán jí kē kǎo zhàn.

Chiếc máy bay vận tải chở đoàn thám hiểm khoa học cùng hàng tiếp tế khẩn cấp đã bất chấp tuyết rơi dày, hạ cánh an toàn và êm ái tới trạm nghiên cứu Nam Cực.

📖 27 nét

HÁN VIỆT ĐÁO ĐẠT



HSK 3 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#136

到底

dàodǐ

rốt cuộc, rốt cục; đến cùng (làm đến cùng)

面对复杂严峻的科技攻坚难题，科研团队以钉钉子精神一抓到底，终于彻底查明了故障根因。

Miàn duì fù zá yán jùn de kē jì gōng jiān nán tí, kē yán tuán duì yǐ dīng dīng zǐ jīng shén yī zhuā dào dǐ, zhōng yú chē dī chá míng le gù zhàng gēn yīn.

Đứng trước nan đề vượt khó khoa học công nghệ hiểm nghèo phức tạp, nhóm nghiên cứu khoa học với tinh thần đóng đinh làm đến cùng bất tay đến cùng, cuối cùng đã điều tra làm rõ triệt để nguyên nhân gốc rễ của sự cố.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐÁO ĐỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#137

地区

dì qū

khu vực, vùng, địa phương

国家出台了一系列重大支持举措，积极推动中西部地区的高质量协调发展。

Guó jiā chū tái le yī xié zhòng dà zhī chí jǔ cuò, jī jí tuī dòng zhōng xī bù dì qū de gāo zhì liàng xié tiáo fā zhǎn.

Nhà nước đã ban hành chuỗi chính sách hỗ trợ trọng điểm nhằm tích cực thúc đẩy sự phát triển đồng bộ và chất lượng cao của khu vực miền Trung và miền Tây.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA ÂU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#138

得分

dé fēn

ghi điểm, đạt điểm; điểm số đạt được

在国际人工智能创新挑战赛中，我校代表队凭借高精度算法模型获得了全场最高得分并荣获特等奖。

Zài guó jì rén gōng zhī néng chuàng xīn tiǎo zhàn sài zhōng, wǒ xiào dài biǎo duì píng jì gāo jīng dù suàn fǎ mó xíng de lái quán chǎng zuì gāo dé fēn bìng róng huò tè děng jǐng.

Tại Cuộc thi Thách thức Đổi mới Sáng tạo Trí tuệ Nhân tạo Quốc tế, đội tuyển đại diện trường chúng tôi nhờ vào mô hình thuật toán độ chính xác cao đã đạt điểm số ghi điểm cao nhất toàn trường và vinh dự đoạt giải đặc biệt.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC PHẦN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#139

等待

děng dài

chờ đợi, đón đợi

经过漫长而焦急的数周等待，实验室终于迎来了全基因组测序分析的最终结果。

Jīng guò màn cháng ér jiāo jí de shù zhōu děng dài, shí yàn shì zhōng yú yíng lái le quán jǐ zǔ yīn zǔ cè xù fēn xī de zuì zhōng jié guǒ.

Trải qua nhiều tuần lễ chờ đợi đằng đẳng và hồi hộp, phòng thí nghiệm cuối cùng cũng đón nhận kết quả phân tích giải trình tự toàn bộ hệ gen cuối cùng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐẰNG ĐẰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#140

底下

dǐ xià

dưới, bên dưới, phía dưới

在数千米深度的极端海底地层底下，深海钻探装备成功获取到了珍贵的可燃冰实物样品。

Zài shù qiān mǐ shēn dù de jí duān hǎi dī dì céng dì xià, shēn hǎi zuān tàn zhuāng bèi chéng gōng huò qǔ dào le zhēn guì de kě rán bīng shí wù yàng pǐn.

P phía dưới bên dưới tầng địa chất đáy biển cực đoạn ở độ sâu vài ngàn mét, thiết bị khoan biển sâu đã thu thập thành công mẫu vật thực thể băng cháy vô giá.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ HẠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#141

电视剧

diànshìjù

phim truyền hình, phim bộ nhiều tập

这部深刻反映我国战略科学家研制大国重器艰辛奋斗历程的电视剧，在全国播映后引发广泛热烈赞誉。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó zhàn lüè kē xué jiā yán zhì dà guó zhòng qì jiàn xín fèn dòu lì chéng de diàn shì jù, zài quán guó bō yǐng hòu yīn fā guǎng fàn rè liè zàn yù.

Bộ phim truyền hình phim bộ phản ánh sâu sắc chặng đường phấn đấu gian khổ nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia của các nhà khoa học chiến lược nước ta sau khi phát sóng trên toàn quốc đã tạo nên sự ngợi khen nhiệt liệt rộng rãi.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN THỊ KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#142

电视台

diànshìtái

đài truyền hình

国家电视台通过全数字化超高清卫星直播频道，向全球实时直播了中国空间站航天员出舱太空行走盛况。

Guó jiā diàn shì tái tōng guò quán shù zì huà cháo gāo qīng wèi xīng zhí bō pín dào, xiàng quán qiú shí shí zhí bō le zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán chū cāng tài kōng xíng zǒu shèng kuàng.

Đài truyền hình quốc gia thông qua kênh phát sóng vệ tinh siêu nét số hóa toàn diện đã truyền hình trực tiếp theo thời gian thực tới toàn cầu sự kiện hoành tráng phi hành gia Trạm vũ trụ Trung Quốc bước ra ngoài không gian.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN THỊ ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#143

电台

diàn tái

đài phát thanh, đài truyền thanh

每当夜深人静时，收听这家经典音乐广播电台的深夜怀旧栏目总能让人内心倍感宁静。

Měi dāng yè shēn rén jìng shí, shōu tīng zhè jiā jīng diǎn yīn yuè guǎng bō diàn tái de shēn yè huái jì lǎn mù zǒng néng ràng rén nèi xīn bèi gǎn níng jìng.

Mỗi khi đêm về thanh vắng, lắng nghe chuyên mục hoài niệm đêm muộn của đài phát thanh âm nhạc cổ điển này luôn khiến lòng người cảm thấy vô cùng an yên.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#144

电子邮件

diànzǐ yóujiàn

thư điện tử, email

导师通过电子邮件及时向课题组成员发送了国际学术会议论文录用通知与参会指南。

Dǎo shī tōng guò diàn zǐ yóu jiàn jí shí xiàng kè tí zǔ chéng yuán fā sòng le guó jì xué shù huì yì lùn wén lǔ yòng tōng zhī yǔ cān huì zhǐ nán.

Người thầy hướng dẫn thông qua thư điện tử email đã kịp thời gửi thông báo trúng tuyển bài báo hội nghị học thuật quốc tế cùng bản hướng dẫn tham dự cho các thành viên nhóm đề tài.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN TỬ BƯU KIẾN



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#145

调

tiáo

điều chỉnh, điều tiết; giai điệu thanh điệu

技术员在实验前细心调试高精度光谱分析仪，确保各项波长参数处于最佳工作状态。
Jì shù yuán zài shí yǎn qián xīn xīn tiáo shì gāo jīng dù guāng pǔ fēn xī yí, què bǎo gè xiàng bō cháng cān shù chǔ yú zuì jiā gōng zuò zhuàng tài.
Kỹ thuật viên trước khi làm thực nghiệm đã cẩn thận điều chỉnh hiệu chỉnh máy phân tích quang phổ độ chính xác cao, bảo đảm các tham số bước sóng đều ở trạng thái hoạt động tối ưu nhất.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#146

调查

diào chá

điều tra

老师鼓励大家积极调查，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diào chá, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều tra, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU TRA

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#147

调整

tiáo zhěng

điều chỉnh, sắp xếp lại

面对复杂严峻的国际经贸形势，企业敏锐调整产品出口结构、加快布局多元化全球新兴市场。
Miàn duì fù zá yǎn jùn de guó jì jīng mào xíng shì, qì yè mǐn ruì tiáo zhěng chǎn pǐn chū kǒu jié gòu, jiǎ kuài bù jú duō yuán huà quán qiú xīn xīng shì chǎng.
Đứng trước tình hình kinh tế thương mại quốc tế phức tạp khắc nghiệt, doanh nghiệp đã nhanh nhạy điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu sản phẩm, khẩn trương mở rộng sang các thị trường mới nổi toàn cầu đa dạng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#148

订

dìng

đặt hàng

老师鼓励大家积极订，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đặt hàng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Danh từ

#149

定期

dìng qī

định kỳ, theo định kỳ; tiền gửi có kỳ hạn

国家特种设备检验研究院对全国运行的大型客运索道与大型游乐设施实行极其严格的定期安全探伤检测。
Guó jiā tè zhòng shè bèi jiǎn yàn yán jiū yuán duì quán guó yùn xíng de dà xíng kè yùn suǒ dào yǔ dà xíng yóu lè shè shī shí xíng jí qí yán gē de dìng qī ān quán tàn shāng jiǎn cè.
Viện Nghiên cứu Kiểm định Thiết bị Đặc chủng Quốc gia thực thi công tác kiểm tra dò khuyết tật an toàn định kỳ vô cùng nghiêm ngặt đối với các tuyến cáp treo chở khách cỡ lớn và thiết bị vui chơi giải trí lớn đang vận hành trên toàn quốc.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH KỲ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#150

东部

dōng bù

miền Đông, phía đông, khu vực phía đông

我国东部沿海地区对外开放程度高、创新要素密集，是引领全国高新技术产业发展的重要龙头。
Wǒ guó dōng bù yán hai dì qū duì wài kāi fàng chéng dù gāo, chuàng xīn yào sù mì jí, shì yǐn lǐng quán guó gāo xīn jì shù chǎn yè fā zhǎn de zhòng yào lóng tóu.
Khu vực duyên hải miền Đông phía đông nước ta có độ mở cửa đối ngoại cao, các yếu tố đổi mới sáng tạo tập trung dày đặc, là đầu tàu quan trọng dẫn dắt sự phát triển ngành công nghệ cao mới của cả nước.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#151

动力

dòng lì

động lực, nguồn động năng, lực đẩy

高水平科技自立自强是推动经济社会高质量发展与实现中国式现代化的核心动力源泉。
Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng shì tuī dòng jīng jì sù zhì xiàn zhōng guó shì xiàn dài huà de hé xīn dòng lì yuán quán.
Tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao chính là cội nguồn động lực hạt nhân thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển chất lượng cao và hiện thực hóa hiện đại hóa đất nước.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG LỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#152

动人

dòng rén

cảm động, lay động lòng người, truyền cảm

青年志愿者扎根边疆支教奉献的动人事迹，在广大高校师生中引起了极其强烈的热烈反响。
Qīng nián zhì yuàn zhē zhā gēn biān jiāng zhī jiào fèng xiàn de dòng rén shì jì, zài guǎng dà gāo xiào shī shēng zhōng yīn qǐ le jí qí qiáng liè de rè liè fǎn xiǎng.
Những tấm gương câu chuyện sự tích cảm động lay động lòng người của các tình nguyện viên trẻ cầm bân nơi biên cương cống hiến dạy học đã tạo nên sự hưởng ứng nhiệt liệt vô cùng mạnh mẽ trong đông đảo thầy cô và sinh viên đại học.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#153

读者

dú zhě

độc giả, bạn đọc

这部深刻反映新时代大国重器研发历程的长篇报告文学，深深打动了全国各地的广大读者。
Zhè bù shēn kè fǎn yǐng xīn shí dài dà guó zhòng qì yán fā lì chéng de cháng piān bào gào wén xué, shēn shēn dǎ dòng le quán guó gè dì de guǎng dà dú zhě.
Tác phẩm văn học phóng sự dài tập phản ánh sâu sắc chặng đường nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia thời đại mới này đã làm lay động sâu sắc đông đảo độc giả bạn đọc trên khắp cả nước.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC GIẢ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#154

短处

duǎnchū

điểm yếu, sở đoản, khuyết điểm

青年人在成长过程中要勇于正视自身的短处与不足，在虚心求教与刻苦实践中扬长避短、不断完善自我。

Qīng nián rén zài chéng zhǎng guò chéng zhōng yào yǒng yú zhèng shì zì shēn de duǎn chù yǔ bù zú, zài xū xīn qiú jiào yǔ kù kǔ shí jiàn zhōng yáng cháng bì duǎn, bù duàn wán shàn zì wǒ.

Thanh niên trong quá trình trưởng thành cần dũng cảm đối diện thẳng thắn với những điểm yếu sở đoản và thiếu sót của bản thân, phát huy sở trường hạn chế sở đoản và không ngừng hoàn thiện chính mình trong thực tiễn chăm chỉ và khiêm tốn thỉnh giáo.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN XỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#155

短裤

duǎnkù

quần soóc, quần đùi, quần cộc

炎热的夏日午后，运动健儿们换上透气轻便的运动短裤，在田径场上开展体能强化训练。

Yán rè de xià rì wú hòu, yùn dòng jiàn ér men huàn shàng tòu qì qīng biǎn de yùn dòng duǎn kù, zài tián jīng chǎng shàng kāi zhǎn tǐ néng qiáng huà xùn liàn.

Vào buổi chiều hè oi ả, các vận động viên thể thao đã thay bộ quần soóc quần đùi thể thao nhẹ nhàng thoáng khí, triển khai các bài huấn luyện tăng cường thể lực trên sân điền kinh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN KHỐ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#156

短期

duǎn qī

ngắn hạn

在面对复杂的挑战时，保持短期的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí duǎn qī de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái ngắn hạn đặc biệt quan trọng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN KỲ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Phó từ

#157

断

duàn

đứt, gãy; cắt đứt, gián đoạn; kiên quyết

高强度通信光缆具有极强的抗拉抗压性能，在极端深海底恶劣环境下依然能保持信号稳定不断。

Gāo qiáng dù tōng xìn guāng lǎn jù yǒu jí qiáng de kàng lā kàng yā xìng néng, zài jí duān shēn hǎi hǎi dī è liè huán jīng xià yī rán néng bǎo chí xìn hào wěn dìng bù duàn.

Cáp quang thông tin cường độ cao sở hữu tính năng chịu áp lực và chống co giãn cực mạnh, trong môi trường khắc nghiệt dưới đáy biển sâu cực đoan vẫn có thể duy trì tín hiệu ổn định không bị đứt gián đoạn.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: ĐOẠN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#158

队员

duìyuán

đội viên, thành viên trong đội

国家高山科考队全体队员克服高原严寒缺氧等极限挑战，成功登顶珠峰并采集到了关键冰芯样品。

Guó jiā gāo shān kǎo duì quán tǐ duì yuán kè fú gāo yuán yán hán quē yǎng děng jí xiàn tiǎo zhàn, chéng gōng dēng dǐng zhǔ fēng bīng cǎi jí dào le guān jiàn bīng xīn yàng pǐn.

Toàn thể đội viên thành viên đội khảo sát khoa học núi cao quốc gia đã khắc phục các thách thức giới hạn như thiếu oxy, giá rét cực độ vùng cao nguyên, leo lên đỉnh Everest thành công và thu thập được mẫu lõi băng then chốt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐỘI VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#159

对待

duì dài

đối đãi, đối xử, đối diện với

对待学术研究必须始终保持严谨务实、精益求精的态度，切不可有半点弄虚作假。

Duì dài xué shù yán jiū bì xū shǐ zhōng bǎo chí yǎn jìn wù shí, jīng yì qiú jīng de tài dù, qìe bù kě yǒu bàn diǎn nuò xué zào jiǎ.

Đối với nghiên cứu học thuật nhất thiết phải luôn giữ thái độ cẩn trọng thực tế và cầu toàn hoàn hảo, tuyệt đối không được phép có bất kỳ sự giả dối làm màu nào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI ĐÃI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#160

对方

duì fāng

đối phương, bên kia, đối tác

在国际商务谈判中，充分尊重对方的文化传统与核心关切是促成双赢合作的基础。

Zài guó jì shāng wù tán pàn zhōng, chōng fèn zūn zhòng duì fāng de wén huà chuán tǒng yǔ hé xīn guān qiè shì cù chéng shuāng yíng hé zuò de jī chǔ.

Trong đàm phán thương mại quốc tế, việc tôn trọng đầy đủ truyền thống văn hóa và mối quan tâm cốt lõi của đối tác là nền tảng thúc đẩy hợp tác cùng có lợi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI PHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#161

对手

duì shǒu

đối thủ, đối trọng

在激烈的乒乓球世锦赛男单决赛中，两位顶尖选手棋逢对手，为观众奉献了一场巅峰对决。

Zài jī lì de pīng pāng qiú shì jìn sán nán dān jué sài zhōng, liǎng wèi dīng jiān xuān shòu qí féng duì shǒu, wèi guān zhòng fèng xiàn le yī chǎng diǎn fēng duì jué.

Trong trận chung kết đơn nam Giải Vô địch Bóng bàn Thế giới này lửa, hai tay vợt đỉnh cao kỳ phùng địch thủ đã cống hiến cho khán giả một màn so tài đỉnh cao mãn nhãn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#162

对象

duì xiàng

đối tượng; người yêu, bạn đời

这项面向全国青少年的科普创新计划，主要帮扶对象是偏远山区的乡村中小学。

Zhè xiàng miàn xiàng quán guó qīng shào nián de kē pǔ chuàng xīn jì huà, zhǔ yào bāng fú duì xiàng shì piān yuǎn shān qū de xiāng cūn zhōng xué.

Dự án đổi mới phổ biến khoa học hướng tới thanh thiếu niên toàn quốc này có đối tượng trợ giúp trọng tâm là các trường tiểu học và trung học cơ sở vùng sâu vùng xa.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI TƯỢNG



HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#163

顿
dùn

bữa (ăn), trận (đòn) [lượng từ]

除夕之夜全家老少团聚在一起，开开心心地享用了一顿丰盛美味的年夜饭。

Chú xī zhī yè quán jiā lǎo shào tuán jù zài yì qǐ, kāi kāi xīn xīn de xiǎng yòng le yí dùn fēng shèng měi wèi de nián yè dà cān.

Đêm Giao thừa cả nhà già trẻ quây quần sum họp bên nhau, vui vẻ thưởng thức một bữa tiệc tất niên thịnh soạn và ngon lành.

8 nét

HÁN VIỆT ĐỐN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#164

发表
fā biǎo

công bố, phát biểu, đăng bài (báo, tạp chí)

该青年科研团队在国际顶级科学期刊《自然》上发表了关于高温超导机制的重磅论文。

Gāi qīng nián kē yán tuán duì zài guó jì dīng jí kē xué qī kān 《zì rán》 shàng fā biǎo le guān yú gāo wēn chāo dǎo jī zhì de zhòng bàng lùn wén.

Nhóm nghiên cứu khoa học trẻ này đã công bố bài báo khoa học mang tính bước ngoặt về cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao trên tạp chí khoa học hàng đầu thế giới 'Nature'.

22 nét

HÁN VIỆT PHÁT BIỂU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#165

发出
fā chū

phát ra, đưa ra (tín hiệu, âm thanh, lời kêu gọi)

国家气象卫星监测系统提前向防汛抗旱指挥部发出了特大暴雨橙色预警信号。

Guó jiā qì xiàng wèi xīng jiān cè xī tóng tí qián xiàng fáng xùn kǎng hàn zhǐ huī bù fā chū le tè dà bào yǔ chéng sè yù jǐng xìn hào.

Hệ thống quan trắc vệ tinh khí tượng quốc gia đã đưa ra phát ra tín hiệu cảnh báo màu cam về mưa bão đặc biệt lớn trước thời hạn cho Ban Chỉ huy Phòng chống Thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn.

18 nét

HÁN VIỆT PHÁT XUẤT

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#166

发达
fā dá

phát triển, thịnh vượng, phát đạt

我国建成了全球规模最大、技术领先、覆盖广泛的高速铁路与现代综合立体交通发达网络。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān, fù gài guǎng fàn de gāo sù tiě lù yǔ xiàn dài zōng hé lì tǐ jiāo tōng fā dá wǎng luò.

Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới giao thông tổng hợp hiện đại phát triển với đường sắt cao tốc quy mô lớn nhất thế giới, công nghệ dẫn đầu và độ bao phủ rộng khắp.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT ĐẠT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#167

发动
fā dòng

phát động, khởi động (chiến dịch, động cơ)

基层党组织广泛发动群众、紧密依靠群众，汇聚起了建设美丽宜居乡村的磅礴群众智慧与力量。

Jī céng dǎng zǔ zhī guǎng fàn fā dòng qún zhòng, jìn mǐ yī kào qún zhòng, huì jù qǐ le jiàn shè měi lì yǐ jū xiāng cūn de páng bó qún zhòng zhì huì yǔ lì liàng.

Tổ chức Đảng ở cơ sở đã phát động rộng rãi quần chúng nhân dân, dựa chặt vào nhân dân, quy tụ nên trí tuệ và sức mạnh quần chúng vô cùng to lớn để xây dựng những làng quê tươi đẹp đáng sống.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#168

发明
fā míng

phát minh, sáng chế

造纸术与指南针等中国古代四大发明，对人类社会的历史进程产生了极其深远的影响。

Zào zhǐ shù yǔ zhǐ nán zhēn děng zhōng guó dài lǐ sì dà fā míng, duì rén lèi wén míng de lì shǐ jìn chéng chǎn shēng le jí qí shēn yuǎn de yǐng xiǎng.

Bốn phát minh vĩ đại thời cổ đại của Trung Quốc như kỹ thuật làm giấy, la bàn... đã mang lại tầm ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với tiến trình lịch sử văn minh nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT PHÁT MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#169

发生
fā shēng

xảy ra, phát sinh

遇到突发紧急安全事故时，我们要保持镇定，第一时间拨打救援电话并迅速撤离。

Yù dào tū fā jīn jí ān quán shì gù shí, wǒ men yào bǎo chí zhèng dīng, dì yí shí jiān bō dǎ jiù yuán diàn huà bìng xùn sù ché lí.

Khi xảy ra sự cố an toàn khẩn cấp bất ngờ, chúng ta cần giữ bình tĩnh, gọi điện thoại cứu hộ ngay lập tức và nhanh chóng sơ tán.

20 nét

HÁN VIỆT PHÁT SINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#170

发送
fā sòng

gửi đi, phát đi (tín nhắn, dữ liệu, tin hiệu)

中国空间站核心舱通过高速微波通信链路向地面控制中心实时发送全景高清科学实验视频。

Zhōng guó kōng jiān zhàn hé xīn cāng tōng guò gāo sù wēi bō tōng xìn lián lù xiàng dì miàn kòng zhòng zhí shí fā sòng quán jǐng gāo qīng kē xué shí yàn shì pín.

Khoang lõi Trạm vũ trụ Trung Quốc thông qua đường truyền thông tin vi ba tốc độ cao đã truyền tải gửi đi video thực nghiệm khoa học độ phân giải siêu nét toàn cảnh theo thời gian thực về trung tâm điều khiển mặt đất.

21 nét

HÁN VIỆT PHÁT TỔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#171

发言
fā yán

phát biểu, bài phát biểu

在联合国气候变化大会上，我国青年代表围绕绿色可持续发展发表了精彩发言。

Zài lián hé guó qì hòu biàn huà dà huì shàng, wǒ guó qīng nián dài biǎo wéi rào lǜ sè kè chí xù fā zhǎn fā biǎo le jīng cǎi fā yán.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Khí hậu Liên Hợp Quốc, đại diện thanh niên nước ta đã có bài phát biểu truyền cảm hứng xuất sắc xoay quanh chủ đề phát triển xanh bền vững.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT NGÔN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#172

发展

fā zhǎn

phát triển

科技创新与绿色低碳转型正在成为推动当今世界经济可持续高质量发展的双引擎。

Kē jì chuàng xīn yǐn yù lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng zhèng zài chéng wéi tuī dòng dāng jīn shì jì jīng jì kè chí xù gāo zhì liàng fā zhǎn de shuāng yīn qīng.

Đổi mới sáng tạo công nghệ và chuyển đổi xanh giảm phát thải carbon đang trở thành động cơ kép thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển bền vững và chất lượng cao.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÁT TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#173

反对

fǎn duì

phản đối, không đồng ý

在方案研讨会上，大家各抒己见，对存在潜在安全风险的部分设计条款明确提出了反对意见。

Zài fāng àn yán tǎo huì shàng, dà jiā gè shū jǐ jiàn, duì cún zài ān quán fēng xiǎn de bù fèn shè jì tiáo kuǎn míng què tí chū le fǎn duì yì jiàn.

Tại cuộc họp thảo luận phương án, mọi người đã thẳng thắn bày tỏ ý kiến và kiên quyết đưa ra quan điểm phản đối đối với một số điều khoản thiết kế tiềm ẩn rủi ro an toàn.

25 nét

HÁN VIỆT: PHẢN ĐỐI

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Động từ

#174

反复

fǎn fù

lặp đi lặp lại, nhiều lần; tráo trở

经过研发团队对核心算法模型进行反复测试与调优，系统识别准确率终于突破了99%。

Jīng guò yán fā tuán duì hé xīn suàn fǎ mó xíng jìn xíng fǎn fù cè shì yǔ tiáo yōu, xì tǒng shí bié zhǔn què lǜ zhōng yú tú pò le 99%.

Sau khi nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm thử và tinh chỉnh lặp đi lặp lại nhiều lần đối với mô hình thuật toán cốt lõi, độ chính xác nhận diện của hệ thống cuối cùng đã bứt phá vượt qua mức 99%.

26 nét

HÁN VIỆT: PHẢN PHỤC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#175

反应

fǎn yīng

phản ứng (hóa học, cơ thể, dư luận)

在催化剂的高效作用下，反应釜内的化学合成反应在常温常压下平稳高效地进行。

Zài cuī huà jì de gāo xiào zuò yòng xià, fǎn yīng fú nèi de huà xué hé chéng fǎn yīng zài cháng wēn cháng yā xià píng wěn gāo xiào dì jìn xíng.

Dưới tác dụng hiệu quả cao của chất xúc tác, phản ứng tổng hợp hóa học bên trong nồi phản ứng đã diễn ra êm ái và hiệu suất cao ngay tại điều kiện nhiệt độ và áp suất thường.

27 nét

HÁN VIỆT: PHẢN ỨNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#176

反正

fǎn zhèng

dù sao, đằng nào thì

今天时间还很充裕，反正顺路，我们顺便去参观一下附近新建的美术馆吧。

Jīn tiān shí jiān hái hěn chōng yǔ, fǎn zhèng shùn lù, wǒ men shùn biān qù cān guān yì xià fù jìn xīn jiàn de měi shù guǎn ba.

Hôm nay thời gian vẫn còn rất dư dả, đằng nào cũng tiện đường, chúng mình cùng ghé vào tham quan viện bảo tàng mỹ thuật mới xây gần đây luôn nhé.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẢN CHÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#177

范围

fàn wéi

phạm vi, quy mô

随着数字化技术的广泛普及，智慧政务服务的覆盖范围已经延伸到了偏远农村社区。

Suí zhāo shù zì huà jì shù de guǎng fàn pǔ jí, zhì huì zhèng wù fú wù de fù gài fàn wéi yì jīng yǎn shēn dào le piǎn yuǎn nóng cūn shè qū.

Cùng với sự phổ cập sâu rộng của công nghệ số, phạm vi bao phủ của các dịch vụ hành chính công thông minh đã vươn tới tận các cộng đồng nông thôn vùng sâu vùng xa.

18 nét

HÁN VIỆT: PHẠM VI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#178

方式

fāng shì

phương thức, cách thức

随着数字化转型的全面推进，线上协同办公正在成为现代企业极其普遍的工作方式。

Suí zhāo shù zì huà zhuǎn xíng de quán miàn tuī jìn, xiàn shàng xié tóng bàn gōng zhèng zài chéng wéi xiàn dài qǐ yè jí qí pǔ biàn de gōng zuò fāng shì.

Cùng với sự đẩy mạnh toàn diện của chuyển đổi số, làm việc phối hợp trực tuyến đang trở thành phương thức làm việc vô cùng phổ biến của các doanh nghiệp hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG THỨC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#179

防

fáng

phòng, phòng chống, phòng ngừa

防患于未然是科学管理的重要准则，我们要全面建立健全高标准的实验室安全防护预警机制。

Fáng huàn yú wèi rán shì kē xué guǎn lǐ de zhòng yào zhǔn zé, wǒ men yào quán miàn jiàn lì jiàn quán gāo biāo zhǔn de shí yàn shì ān quán fáng hù yǔ jǐng jī zhì.

Phòng ngừa từ khi chưa xảy ra hiểm họa là chuẩn tắc quan trọng của quản lý khoa học, chúng ta cần xây dựng hoàn thiện toàn diện cơ chế cảnh báo sớm và phòng chống an toàn phòng thí nghiệm tiêu chuẩn cao.

14 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#180

防止

fáng zhǐ

phòng ngừa, ngăn ngừa, đề phòng

在大型水利工程施工过程中，必须全流程采取边坡加固与防渗截流举措，坚决防止可能引发的山体滑坡与次生地质灾害。

Zài dà xíng shuǐ lì gōng chéng shī gōng chéng zhōng, bì xū quán liú chéng cái qǔ biān pō jiā gù yǔ fǎng shèn jié liú jǔ cuò, jiǎn jué fáng zhǐ kě néng yīn fā de shān tǐ huá pō yǐ cì shēng dì zhì zài hài.

Trong quá trình thi công các công trình thủy lợi quy mô lớn, bắt buộc phải áp dụng các giải pháp gia cố mái dốc và chống thấm ngăn dòng trong toàn bộ quy trình, kiên quyết phòng ngừa nguy cơ sạt lở núi và thảm họa địa chất thứ cấp có thể xảy ra.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG CHỈ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#181

房东

fángdōng

chủ nhà (cho thuê)

这位和蔼可亲的房东阿姨不仅按时帮租客检修家电，逢年过节还常常送来热气腾腾的手工水饺。

Zhè wèi hé'ǎi kě qīn de fángdōng ē yí bú jìn àn shí bāng zū kè jiǎn xiū jiǎ diàn, féng nián guò jié hái cháng cháng sòng lái rè qì téng téng de shǒu gōng shuǐ jiǎo.

Bác chủ nhà hiền hậu và dễ mến này không chỉ sửa chữa bảo dưỡng đồ điện gia dụng đúng hẹn cho khách thuê, mà mỗi dịp lễ tết còn thường xuyên mang sang biếu những đĩa sủi cào tự tay làm nóng hổi.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : PHÒNG ĐÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#182

房屋

fángwū

nhà cửa, nhà ở, công trình xây dựng nhà

灾区灾后重建工作坚持高标准抗震设计，确保新建的农村居民房屋既安全稳固又节能环保。

Zāi qū zhāi hòu chóng jiàn gōng zuò jiān chí gāo biǎo zhǔn kàng zhèn shè jì, què bǎo xīn jiàn de nóng cūn jū mín fáng wū jì ān quán wěn gù yòu jié néng huán bǎo.

Công tác tái thiết sau thiên tai của vùng lũ giữ vững thiết kế kháng chấn tiêu chuẩn cao, bảo đảm nhà ở nhà cửa của bà con nông thôn mới xây vững chắc an toàn lại vừa tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : PHÒNG ỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#183

房租

fángzū

tiền thuê nhà

为了支持新毕业大学生创新创业，市科技园区出台了首年全额减免青年人公寓房租的优惠政策。

Wèi le zhī chí xīn bì yè dà xué shēng chuàng xīn chuàng yè, shì kējì yuán qū chū tái le shǒu nián quán é jiǎn miǎn qīng nián rén cái gōng yú fáng zū de yōu huì zhèng cè.

Nhằm hỗ trợ sinh viên đại học mới tốt nghiệp đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, Khu Công viên Khoa học Công nghệ thành phố đã ban hành chính sách ưu đãi miễn giảm toàn bộ tiền thuê nhà chung cư nhân tài trẻ trong năm đầu tiên.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : PHÒNG TÔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#184

访问

fǎng wèn

thăm, viếng thăm

应东道国政府盛情邀请，代表团将于下周开启对东南亚多国的正式友好访问。

Yīng dōng dào guó zhèng fǔ shèng qíng yāo qǐng, dài biǎo tuán jiāng yú xià zhōu kāi qǐ dǒng dòng nán yà duō guó de zhèng shì yǒu hǎo fǎng wèn.

Nhận lời mời thịnh tình của chính phủ nước chủ nhà, phái đoàn đại biểu sẽ bắt đầu chuyến thăm hữu nghị chính thức tới các nước Đông Nam Á vào tuần tới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : PHÒNG VẤN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#185

放到

fàngdào

đặt vào, để vào trong

实验员在完成生物组织切片取样后，细心地将样品放到超低温冷冻保存箱中密封冷藏。

Shí yàn yuán zài wán chéng shēng wù zǔ zhī qiē piàn qǔ yàng hòu, xì xīn dì jiāng yàng pǐn fàng dào chāo dī wēn lěng dòng bǎo cún xiāng zhōng mì fēng lěng cáng.

Thí nghiệm viên sau khi hoàn thành lấy mẫu lát cắt mô sinh học đã cẩn thận đặt vào để vào trong tủ đông bảo quản siêu nhiệt độ thấp để ướp lạnh niêm phong.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : PHÒNG ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#186

飞行

fēixíng

bay, bay lượn; chuyển bay

我国完全自主研制的大型民用客机在经历数千小时极端气象飞行测试后，展现出了卓越的安全性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de dà xíng mǐn yòng kè jī jīng lì shù qiān xiǎo shí jí duān qì xiàng fēi xíng cè shì hòu, zhǎn xiǎn chū le zhuó yuè de ān quán xíng néng.

Chiếc máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo sau khi trải qua hàng ngàn giờ kiểm tra chuyển bay bay thử trong thời tiết khí tượng cực đoan đã phô diễn tính năng an toàn trác việt.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : PHI HÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#187

费

fèi

chi phí, lệ phí; tiêu tốn, hao tổn

政府大力推行减税降费政策，切实减轻了广大中小微企业科技创新型企业的运营成本与税费负担。

Zhèng fǔ dà lì tuī xíng jiǎn shuì jiàng fèi zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng le guǎng dà zhōng xiǎo wēi kè jī chuàng xīn xíng qī yè de yùn yíng chéng běn yǔ shuì fèi zūn.

Chính phủ ra sức thực thi chính sách giảm thuế giảm phí lệ phí, giảm nhẹ thiết thực gánh nặng chi phí vận hành và thuế phí cho đông đảo các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ vừa và nhỏ.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#188

费用

fèi yòng

chi phí, viện phí, kinh phí

通过优化供应链仓储物流管理，该制造企业大幅降低了产品全生命周期的综合运营成本。

Tōng guò yōu huà gòng yìng lián cāng chǔ wù liú guǎn lǐ, gāi zhì zào qī yè de dà fǎ jiàng dī le chǎn pǐn quán shēng mìng zhōu qī de zōng hé yùn yíng fèi yòng.

Thông qua việc tối ưu hóa quản lý kho bãi logistics trong chuỗi cung ứng, doanh nghiệp sản xuất này đã hạ giảm đáng kể tổng chi phí vận hành trong toàn bộ vòng đời sản phẩm.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : PHÍ DỤNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Phó từ / Danh từ

#189

分别

fēn bié

chia tay, biệt ly; lần lượt, riêng rẽ; sự khác biệt

大学毕业典礼结束后，朝夕相处四年的同窗挚友们依依不舍地分别，奔赴祖国大江南北。

Dà xué bì yè diǎn lǐ jié shù hòu, zhāo xī xiāng chǔ sì niǎn de tóng chuāng zhì yǒu men yī yī bù shě de fēn bié, bēn fù zú guó dà jiāng nán běi.

Sau khi lễ tốt nghiệp đại học khép lại, những người bạn thân thiết sớm tối bên nhau suốt 4 năm bịn rịn chia tay, hăng hái tỏa đi muôn nẻo đường của Tổ quốc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : PHÂN BIỆT



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#190

分配

fēn pèi

phân bổ, phân phối, phân chia

在分布式云计算架构中，负载均衡器负责将海量并发用户请求科学高效地分配至各个计算节点。

Zài fēn bù shì yún jì suàn jià gòu zhōng, fù zài jūn héng qì fù zé jiāng hǎi liàng bìng fā yòng hù qǐng qiú kē xué gāo xiào dì fēn pèi zhì gē jì suàn jié diǎn.

Trong kiến trúc điện toán đám mây phân tán, bộ cân bằng tải chịu trách nhiệm phân bổ các yêu cầu truy cập đồng thời khổng lồ của người dùng tới các nút tính toán một cách khoa học và hiệu quả.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN PHỐI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#191

分组

fēn zǔ

chia nhóm, phân tổ; nhóm phân chia

在跨学科创新实践研讨课上，教授将全班同学分组展开专题科研方案设计与公开答辩。

Zài kuà xué kē chuàng xīn shí jiàn yán tào kè shàng, jiào shòu jiāng quán bān tóng xué fēn zǔ zhān kāi zhuān tí kē yán fāng àn shè jì yǔ gōng kāi dá biàn.

Trong tiết học thảo luận thực tiễn đổi mới sáng tạo liên ngành, giáo sư đã chia nhóm phân tổ toàn thể các bạn học sinh trong lớp để triển khai bảo vệ công khai và thiết kế phương án nghiên cứu khoa học chuyên đề.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÂN TỔ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#192

丰富

fēng fù

phong phú, dồi dào, làm phong phú

大学图书馆藏书丰富，不仅有古今中外各类名著，还有海量的全球前沿学术期刊数据库。

Dà xué tú shū guǎn cáng shū fēng fù, bù jǐn yǒu gù jīn zhōng wài gè lèi míng zhù, hái yǒu hǎi liàng de quán qiú qián yán xué shù qī kǎn shù jù kù.

Thư viện trường đại học tàng trữ sách vở vô cùng phong phú, không chỉ có các tác phẩm danh tiếng xưa nay trong ngoài nước mà còn có kho cơ sở dữ liệu tạp chí học thuật quốc tế khổng lồ.

20 nét

HÁN VIỆT: PHONG PHÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#193

风险

fēng xiǎn

rủi ro, hiểm họa, mạo hiểm

在瞬息万变的全球金融市场中，建立健全动态智能风险预警与控制机制至关重要。

Zài shùn xī wàn biàn de quán qiú jīn róng shì chǎng zhōng, jiàn lì jiàn quán dòng tài zhì néng fēng xiǎn yǔ jǐng yù kòng zhì jī zhì zhì guān zhōng yào.

Trong thị trường tài chính toàn cầu biến chuyển từng giây từng phút, việc thiết lập và hoàn thiện cơ chế cảnh báo và kiểm soát rủi ro thông minh mang tính động lực có ý nghĩa sống còn.

23 nét

HÁN VIỆT: PHONG HIỂM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#194

否定

fǒu dìng

phủ định, bác bỏ, phủ nhận

科学探索从来不是一蹴而就的，真理往往是在对既有旧学说的不断扬弃与否定中逐步被发现的。

Kē xué tàn suǒ cóng lái bú shì yí cù ér jiù de, zhēn lǐ wǎng wǎng shì zài duì jǐ yǒu jiù xué shuō de bù duàn yáng qì yǔ fǒu dìng zhōng zhú bù bēi fā xiàn de.

Thăm hiểm khoa học chưa bao giờ là chuyện một sớm một chiều, chân lý thường từng bước được khám phá thông qua quá trình không ngừng chọn lọc kế thừa và phủ định các học thuyết cũ trước đó.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỦ ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#195

否认

fǒu rèn

phủ nhận, chối bỏ

在确凿无可辩驳的大量监控与物证面前，肇事嫌疑人不得不低头承认了自己的违法事实。

Zài què záo wú kě biàn bó de dà liàng jiān kòng yǔ wù zhèng miàn qián, zhào shì xián yí rén bù dé bù dī tóu chéng rèn le zì jǐ de wéi fǎ shì shí.

Đứng trước hàng loạt bằng chứng vật chứng và camera giám sát chuẩn xác không thể chối cãi, nghi phạm gây tai nạn đã phải cúi đầu nhận tội về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỦ NHẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#196

服务员

fú wù yuán

bồi bàn

服务员，请点菜。

Fú wù yuán, qǐng diǎn cài.

Phục vụ ơi, cho mình gọi món.

35 nét

HÁN VIỆT: PHỤC VỤ VIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#197

服装

fú zhuāng

trang phục, quần áo

在本届国际时装周上，融合了传统马面裙与现代剪裁的国潮服装惊艳亮相、风靡全场。

Zài běn jiè guó jì shí zhuāng zhōu shàng, róng hé le chuán tǒng mǎ miàn qún yǔ xiàn dài jiǎn cái de guó cháo fú zhuāng jīng yàn liàng xiàng, fēng mǐ quán chǎng.

Tại Tuần lễ Thời trang Quốc tế lần này, các bộ trang phục mang phong cách truyền thống kết hợp giữa váy mǎ diện cổ truyền và đường cắt hiện đại đã xuất hiện lộng lẫy, khuấy đảo sân diễn.

27 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TRANG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#198

福

fú

phúc, hạnh phúc, phúc lộc may mắn

春节前夕，书法家们在社区广场挥毫泼墨，为广大居民义务书写红彤彤的春联与大大的“福”字。

Chūn jié qián xī, shū fǎ jiā men zài shè qū guǎng chǎng huī háo pō mò, wèi guǎng dà jū mín yì wù shū xiě hóng tóng tóng de chūn lián yǔ dà dà de "fú" zì.

Trước thềm Tết Nguyên Đán, các nhà thư pháp đã vung bút phóng mực tại quảng trường khu dân cư, viết tặng miễn phí những câu đối xuân đỏ rực và chữ 'Phúc' lớn đỏ thắm cho đông đảo cư dân.

12 nét

HÁN VIỆT: PHÚC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#199

父母
fùmǔ

cha mẹ, phụ mẫu, đấng sinh thành

无论我们未来走得多远、飞得多高，都要时刻感恩父母的养育之恩与无私关爱。

Wú lùn wǒ men wèi lái zǒu dé duō yuǎn, fēi dé duō gāo, dōu yào shí kè gǎn ēn fù mǔ de wú sī ài.

Bất kể tương lai chúng ta có đi xa đến đâu, bay cao đến mấy, đều phải luôn luôn ghi nhớ biết ơn công ơn dưỡng dục sinh thành và tình yêu thương vô bờ bến của cha mẹ phụ mẫu.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỤ MẪU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#200

父亲
fùqīn

cha, bố, thân phụ

父亲那宽厚温暖的手掌与深沉严谨的教诲，一直是我成长路上最坚实有力的依靠。

Fù qīn nà kuān hòu wēn nuǎn de shǒu zhǎng yǔ shēn chén yán jīn de jiào huì, yì zhí shì wǒ chéng zhǎng lù shàng zuì jiān shí yǒu lì de yī kào.

Bàn tay ấm áp chỗ che cùng những lời răn dạy sâu sắc nghiêm cần của người cha luôn là chỗ dựa vững chãi và mạnh mẽ nhất trên bước đường con khôn lớn.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỤ THÂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Lượng từ

#201

付
fù

trả tiền, thanh toán; giao phó; cống hiến

大国工匠为攻克微米级超精细加工工艺付出了数十年的心血，铸就了令人惊叹的工业奇迹。

Dà guó gōng jiàng wèi gōng kè wēi mǐ jí chāo jīng xì gōng yì fù chū le shù shí nián de xīn xuè, zhù jiù le líng rén jīng tàn de gōng yè qí jì.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn để chinh phục quy trình gia công siêu tinh vi cấp độ micromet đã cống hiến chỉ trả bả ra tâm huyết của suốt mấy chục năm, đúc nên kỳ tích công nghiệp khiến người đời phải kinh ngạc thán phục.

11 nét

HÁN VIỆT: PHÓ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#202

负责
fùzé

phụ trách, chịu trách nhiệm

项目负责人不仅要具备出色的技术统筹能力，更要对团队的整体执行进度与质量负起全责。

Xiàng mù fù zé rén bù jǐn yào jù bèi chū sè de jì shù tǒng chóu néng lì, gèng yào duì tuán tǐ de zhěng tǐ zhí xíng jìn dù yǔ zhì liàng fù qì quán zé.

Người phụ trách dự án không chỉ cần có năng lực bao quát kỹ thuật xuất sắc mà còn phải chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ và chất lượng thực hiện của cả nhóm.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỤ TRÁCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#203

复印
fùyìn

photocopy, sao chụp

办理入职手续时，请携带好身份证、学历证、书原件以及两份清晰的复印件。

Bàn lǐ rù zhí shǒu xù shí, qǐng xié dài hǎo shēn fèn zhèng, xué lì zhèng shù yuán jiàn yǐ jǐ liǎng fèn qīng xī de fù yìn jiàn.

Khi làm thủ tục nhận việc, bạn vui lòng mang theo bản gốc căn cước công dân, bằng cấp cùng 2 bản photocopy rõ nét nhé.

24 nét

HÁN VIỆT: PHỤC ẤN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#204

复杂
fùzá

phức tạp

面对纷繁复杂的国际经济形势，企业必须保持战略定力并不断提升自主创新能力。

Miàn duì fēn fán fù zá de guó jì jīng jì xíng shì, qǐ yè bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì bìng bù duàn tí shēng hé xīn zì zhǔ chuàng xīn néng lì.

Trước bối cảnh tình hình kinh tế quốc tế phức tạp và đa chiều, các doanh nghiệp cần giữ vững định hướng chiến lược và không ngừng nâng cao năng lực tự chủ đổi mới sáng tạo.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỨC TẠP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#205

富
fù

giàu có, dồi dào

真正富有的人不仅在于拥有丰厚的物质财富，更在于拥有丰盛充实的精神世界与善良的心灵。

Zhēn zhèng fù yǒu de rén bù jǐn zài yú yōng yǒu fēng hòu de wù zhì cái fù, gèng zài yú yōng yǒu fēng yǐng chōng shí de jīng shén shì jiè yǔ shàn liáng de xīn lǐng.

Người thực sự giàu có không chỉ ở chỗ sở hữu tài sản vật chất dồi dào, mà cốt lõi nằm ở thế giới tinh thần phong phú và một trái tim nhân hậu.

9 nét

HÁN VIỆT: PHÚ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#206

改进
gǎijìn

cải tiến, cải thiện (kỹ thuật, phương pháp)

工程师根据产线工人的实操反馈，对流水线的自动化装配夹具结构进行了巧妙改进。

Gōng chéng shī gēn jù chǎn xiàn gōng rén de shí cāo fǎn kuì, duì liú shuǐ xiàn de zì dòng huà zhuāng pèi jiǎ jù jié gòu jìn xíng le qiǎo miào gǎi jìn.

Kỹ sư căn cứ vào ý kiến phản hồi thực tế từ công nhân dây chuyền đã tiến hành cải tiến khéo léo kết cấu đồ gá lắp ráp tự động trên dây chuyền sản xuất.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢI TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#207

改造
gǎizào

cải tạo, chỉnh trang chuyển đổi

老旧小区经过智能化与绿色低碳综合改造后，居住环境焕然一新，群众幸福感显著增强。

Lǎo jiù xiǎo qū jīng guò zhì néng huà yǔ lǜ sè dī tàn zōng hé gǎi zào hòu, jū zhù huán jīng huàn rán yì xīn, qún zhòng xìng fú gǎn xiǎn zhù zēng qiáng.

Khu dân cư cũ sau khi trải qua cải tạo chỉnh trang tổng hợp xanh ít phát thải carbon và thông minh hóa, môi trường sống đã thay đổi hoàn toàn tươi mới, cảm giác hạnh phúc của người dân được nâng cao rõ rệt.

28 nét

HÁN VIỆT: CẢI TẠO



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#208

概念

gài niàn

khái niệm, ý niệm

在深入学习现代计算机体系结构之前，必须彻底厘清并发与并行这两个核心概念的区别。

Zài shēn rù xué xí xiàn dài jì suàn jī tǐ jié gòu zhī qián, bì xū chéng dī lǐ qīng bīng fā yǔ bìng xíng zhè liǎng gè hé xīn gài niàn de qū bié.

Trước khi đi sâu vào tìm hiểu kiến trúc hệ thống máy tính hiện đại, bạn nhất định phải làm sáng tỏ triệt để sự khác biệt giữa hai khái niệm cốt lõi: xử lý đồng thời (concurrency) và xử lý song song (parallelism).

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁI NIỆM

HSK 3 (3.0)

Động từ

#209

赶

gǎn

vội vã, tranh thủ đuổi theo; bắt kịp (tàu xe)

为了赶在暴风雨来临前抢收成熟的优质小麦，农机手驾驶着联合收割机昼夜不停地在田野上穿梭作业。

Wèi le gǎn zài bào fēng yǔ lái lín qián qiǎng shōu chéng shú de yōu zhì xiǎo mài, nóng jī shǒu jià shí zhē lián hé shōu gē jī zhòu yè bù tíng dì zài tián yě shàng chuān suǒ zuò yè.

Để kịp tranh thủ vội vã thu hoạch lúa mì chín chất lượng cao trước khi cơn bão ập tới, những người lái máy nông nghiệp đã điều khiển máy gặt đập liên hợp ngày đêm không ngừng chạy qua chạy lại các nghiệp trên cánh đồng.

11 nét

HÁN VIỆT: CẢN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#210

赶到

gǎn dào

khẩn trương tới, vội vã đến nơi

一接到地震灾情紧急通报，国家专业应急救援队伍在第一时间火速赶到了灾区现场展开搜救。

Yí jiē dào dì zhèn zāi qíng jǐn jí tǒng bào, guó jiā zhuān yè yǐng jí jiù yuán duì wú zài dì yí shí jiān huǒ sù gǎn dào le zāi qū xiàn chǎng zhǎn kāi sōu jiù.

Vừa nhận được thông báo khẩn cấp về thảm họa động đất, đội ngũ cứu hộ cứu nạn khẩn cấp chuyên nghiệp quốc gia đã hỏa tốc khẩn trương tới vội vã đến ngay hiện trường vùng thiên tai trong thời gian sớm nhất để triển khai tìm kiếm cứu nạn.

24 nét

HÁN VIỆT: CẢN ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#211

赶紧

gǎn jǐn

mau chóng, khẩn trương, gấp rút

气象台刚刚发布了暴雨红色预警信号，大家赶紧收拾好随身物品关紧门窗。

Qì xiàng tái gāng gāng fā bù le bào yǔ hóng sè yù jǐng xìn hào, dà jiā gǎn jǐn shōu shí shēn wù pǐn guān jǐn mén chuāng.

Đài khí tượng thủy văn vừa phát đi tín hiệu cảnh báo mưa bão cấp độ đỏ, mọi người hãy mau chóng dọn dẹp đồ đạc và đóng chặt các cửa sổ lại.

19 nét

HÁN VIỆT: CẢN KHẨN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#212

赶快

gǎn kuài

nhanh lên, khẩn trương, mau lẹ

末班高铁列车还有十分钟就要停止检票了，请各位未上车的旅客赶快前往检票口。

Mò bān gāo tiě liè chē hái yǒu shí fēn zhǒng jiù yào tíng zhǐ jiǎn piào le, qǐng gè wèi wèi shàng chē de lǚ kè gǎn kuài qián wǎng jiǎn piào kǒu.

Chuyến tàu cao tốc cuối cùng chỉ còn 10 phút nữa là đóng cửa soát vé, xin quý hành khách chưa lên tàu hãy nhanh chân đi chuyển ra cửa soát vé.

25 nét

HÁN VIỆT: CẢN KHOÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ năng nguyện / Tính từ

#213

敢

gǎn

dám, can đảm dũng cảm

青年人在学习和工作中要敢于面对未知的挑战，勇于提出自己的创新想法并付诸实践。

Qīng nián rén zài xué xí hé gōng zuò zhōng yào gǎn yú miàn duì wèi zhī de tiǎo zhàn, yǒng yú tí chū zì jǐ de chuàng xīn xiǎng fǎ bìng fù zhǔ shí jiàn.

Thanh niên trong học tập và công việc cần phải dám đối mặt với những thách thức chưa biết, can đảm đưa ra các ý tưởng đối mới sáng tạo của bản thân và đem ra áp dụng vào thực tế.

13 nét

HÁN VIỆT: CẢM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#214

感冒

gǎn mào

cảm cúm, cảm mạo

冬春交替时节早晚温差较大，抵抗力较弱的老人和儿童要特别注意防寒保暖、预防感冒。

Dōng chūn jiāo tì shí jié zǎo wǎn wēn chà jiào dà, dī kàng lì jiào ruò de lǎo rén hé ér tóng yào tè bié zhù yì fáng hán bǎo nuǎn, yù fáng gǎn mào.

Thời điểm giao mùa đông xuân chênh lệch nhiệt độ ngày đêm khá lớn, người già và trẻ nhỏ có sức đề kháng yếu cần đặc biệt chú ý giữ ấm chống lạnh, phòng ngừa cảm cúm cảm mạo.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM MẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#215

感情

gǎn qíng

tình cảm, cảm xúc

同窗四载结下的深厚同窗感情历久弥坚，即使相隔万里依然心心相印、情同手足。

Tóng chuāng sì zài jié xià de shēn hòu tóng chuāng gǎn qíng lì jiǔ mí jiān, jí shǐ xiāng gé wàn lǐ yī rán xīn xīn xiāng yìn, qíng tóng shǒu zú.

Tình bạn bè đồng môn sâu đậm gần bốn suốt 4 năm đại học càng trải qua năm tháng lại càng thêm bền chặt, dù cách xa vạn dặm đôi bờ vẫn luôn thấu hiểu và gần gũi như anh em ruột thịt.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢM TÌNH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#216

感受

gǎn shòu

cảm nhận, trải nghiệm; cảm nghĩ

置身于广袤无垠的大草原上仰望璀璨星空，能深切感受到大自然的壮美与宇宙的辽阔。

Zhì shēn yú guǎng mào wú yín de dà cǎo yuǎn shàng yáng wǎng cuǐ càn xīng kōng, néng shēn qiè gǎn shòu dào dà zì rán de zhuàng měi yǔ yǔ zhòu de liáo kuò.

Đứng giữa thảo nguyên bao la bạt ngàn ngược nhìn bầu trời sao lung linh, ta có thể cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên và sự vô tận của vũ trụ.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM THỌ



HSK 3 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#217

干吗

gānmá

làm gì, để làm gì vậy (khẩu ngữ)

看你急匆匆地收拾书包，请问你这时候赶着去图书馆干吗？

Kàn nǐ jí cōng cōng dī shōu shí shū bāo, qǐng wèn nǐ zhè shí hòu gǎn zhe qù tú shū guǎn gān má?

Nhìn bạn vội vội vàng vàng thu dọn cặp sách, xin hỏi lúc này bạn vội vã tới thư viện làm gì vậy?

18 nét

HÁN VIỆT : CAN MÁ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#218

高速

gāo sù

tốc độ cao, cao tốc

随着现代化高速铁路网络的全面铺开，城市之间的时空距离被大幅压缩。

Suí zhe xiàn dài huà gāo sù tiě lù wǎng luò de quán miàn pū kāi, chéng shì zhī jiān de shí kōng jù lí bèi dà fú yā suō.

Cùng với sự trải rộng toàn diện của mạng lưới đường sắt tốc độ cao hiện đại, khoảng cách không gian và thời gian giữa các thành phố đã được rút ngắn đáng kể.

27 nét

HÁN VIỆT : CAO TỐC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#219

高速公路

gāo sù gōng lù

đường cao tốc

通往革命老区的高速公路全线通车，将沿线特色农产品运输时间缩短了一大半。

Tōng wǎng gé míng lǎo qū de gāo sù gōng lù quán xiàn tōng chē, jiāng yán xiàn tè sè nóng chǎn pǐn yùn shù shí jiān suǒ duǎn le yí dà bàn.

Tuyến đường cao tốc dẫn tới vùng căn cứ cách mạng cũ thông xe toàn tuyến, rút ngắn hơn một nửa thời gian vận chuyển nông sản đặc sắc dọc tuyến.

35 nét

HÁN VIỆT : CAO TỐC CÔNG LỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#220

告别

gào bié

từ biệt, chia tay, giã từ

在站台上与前来送行的至亲依依不舍地告别后，他毅然踏上了前往边疆支教的列车。

Zài zhàn tái shàng yǔ qián lái sòng xíng de zhì qīn yī yī bù shě de gào bié hòu, tā yì rán tà shàng le qián wǎng biān jiāng zhī jiào de liè chē.

Sau khi bịn rịn chia tay người thân ra tận sân ga tiễn biệt, anh kiên định bước lên chuyến tàu hướng về vùng biên cương để làm tình nguyện dạy học.

20 nét

HÁN VIỆT : CÁO BIỆT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#221

歌迷

gē mí

người hâm mộ ca hát, fan ca nhạc

在奥林匹克体育中心举办的大型交响音乐会上，数万名热情歌迷齐声合唱经典励志歌曲。

Zài ào lín pǐ kè tǐ yù zhōng xīn jǔ bàn de dà xíng jiāo xiǎng yīn yuè huì shàng, shù wàn míng rè qíng gē mí qí shēng hé chàng jīng diǎn lì zhì gē qǔ.

Tại buổi hòa nhạc giao hưởng quy mô lớn tổ chức ở Trung tâm Thể thao Olympic, hàng vạn người hâm mộ fan ca nhạc nhiệt tình đã cùng đồng thanh hòa giọng hát vang các ca khúc truyền cảm hứng kinh điển.

16 nét

HÁN VIỆT : CA MÊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#222

歌声

gē shēng

tiếng hát, giọng ca

清晨的校园林荫道上传来青年合唱团动听悠扬的歌声，洋溢着青春的欢快与朝气。

Qīng chén de xiào yuán lín yīn dào shàng chuán lái qīng nián hé chàng tuán dòng tīng yōu yáng de gē shēng, yáng yì zhe qīng chūn de huān kuài yǔ zhào qì.

Trên con đường rợp bóng cây trong khuôn viên trường lúc sáng sớm vang vọng tiếng hát giọng ca du dương êm ái của dàn hợp xướng thanh niên, ngập tràn sự vui tươi và nhựa sống tràn trề của tuổi trẻ.

20 nét

HÁN VIỆT : CA THANH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#223

歌手

gē shǒu

ca sĩ, người hát

青年歌手以极具感染力的深情嗓音，完美演绎了这首赞美祖国壮丽山河的原创交响声乐作品。

Qīng nián gē shǒu yǐ jí jǔ gǎn rǎn lì de shēn qīng sǎng yīn, wán měi yǎn yì le zhè shǒu zàn měi zǔ guó zhuàng lì shān hé de yuán chuàng jiāo xiǎng shēng yuè zuò pǐn.

Người ca sĩ trẻ tuổi bằng chất giọng truyền cảm sâu lắng đã biểu diễn hoàn hảo tác phẩm thanh nhạc giao hưởng nguyên tác ca ngợi non sông gấm vóc Tổ quốc này.

21 nét

HÁN VIỆT : CA THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#224

个人

gè rén

cá nhân

在推进集体事业蓬勃发展的过程中，必须切实尊重并充分保障每一个人的合法权益。

Zài tuī jìn jí tǐ shì yè péng bó fā zhǎn de guò chéng zhōng, bì xū qiè shí zūn zhòng bìng chōng fèn bǎo zhàng měi yí gè rén de hé fǎ quán yì.

Trong quá trình thúc đẩy sự nghiệp tập thể phát triển vững mạnh, nhất thiết phải tôn trọng và bảo đảm đầy đủ quyền lợi hợp pháp của từng cá nhân.

21 nét

HÁN VIỆT : CÁ NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#225

个性

gè xìng

cá tính, bản sắc riêng

优秀的文艺创作应当在扎根现实生活的时候，充分彰显作者独特的艺术个性与思想锋芒。

Yōu xiù de wén yì chuàng zuò yīng dāng zài zhā gēn xiàn shí shēng huó de tóng shí, chōng fèn zhāng xiǎn zuò zhě dú tè de yì shù gè xìng yǔ sī xiǎng fēng máng.

Sáng tác văn học nghệ thuật xuất sắc cần vừa bám rễ sâu vào đời sống thực tế, vừa thể hiện đậm nét cá tính nghệ thuật độc đáo và tư tưởng sắc sảo của tác giả.

23 nét

HÁN VIỆT : CÁ TÍNH



HSK 3 (3.0)

Động từ

#226

各

gè

các, mỗi, mọi

来自世界各地的青年学者汇聚一堂，共同探讨跨学科前沿科技的发展方向。

Lái zì shì jiè gè dì de qīng nián xué zhě huì jù yì táng, gòng tóng tàn tào kuà xué kē qián yán kē jì de fā zhǎn fāng xiàng.

Các học giả trẻ đến từ khắp nơi trên thế giới tụ tập một nơi để cùng thảo luận về định hướng phát triển của công nghệ liên ngành mũi nhọn.

12 nét

HÁN VIỆT: CÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#227

各地

gèdì

các nơi, khắp mọi miền đất nước

来自全国各地的优秀青年学者齐聚北京，共同参加国家高水平科技创新领军人才研修班。

Lái zì quán guó gè dì de yōu xiù qīng nián xué zhě qí jù běi jīng, gòng tóng cān jiā guó jiā gāo shuǐ píng kē jì chuāng xīn lǐng jūn rén cái yán xiū bān.

Các học giả trẻ xuất sắc đến từ các nơi khắp mọi miền trên cả nước cùng tụ tập tại Bắc Kinh, cùng tham gia lớp tu nghiệp bồi dưỡng nhân tài dẫn đầu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trình độ cao quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT: CÁC ĐỊA

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#228

各位

gèwèi

quý vị, các vị, mọi người

各位专家学者、青年朋友们，热烈欢迎大家参加本次国际前沿人工智能创新峰会！

Gè wèi zhuān jiā xué zhě, qīng nián péng yǒu men, rè liè huān yíng dà jiǎ cān jiā běn cì guó jì qián yán rén gōng zhì néng chuāng xīn fēng huì!

Kính thưa quý vị các vị chuyên gia học giả cùng các bạn trẻ, nhiệt liệt chào mừng mọi người tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Đổi mới Sáng tạo Trí tuệ Nhân tạo Tiên phong Quốc tế lần này!

21 nét

HÁN VIỆT: CÁC VỊ

HSK 3 (3.0)

Đại từ / Số lượng

#229

各种

gèzhǒng

các loại, mọi loại, đủ loại

国家自然博物馆展厅内陈列着来自全球各种生态系统的珍贵动植物化石标本。

Guó jiā zì rán bó wù guǎn zhǎn tīng nèi chén liè zhe lái zì quán qiú gè zhǒng shēng tài xì tǒng de zhēn guì dòng zhī wù huà shí biāo běn.

Bên trong đại sảnh triển lãm của Bảo tàng Tự nhiên Quốc gia trưng bày các mẫu vật hóa thạch động thực vật quý giá đến từ đủ loại các loại hệ sinh thái trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: CÁC CHỦNG

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#230

各自

gèzì

mỗi người, ai nấy, riêng phần mình

研讨会圆满结束后，各位与会专家学者怀揣着丰硕收获各自返回了自己的工作岗位。

Yán tǎo huì yuán mǎn jié shù hòu, gè wèi yǔ huì zhuān jiā xué zhě huái zhuāi zhe fēng shuò huò huò gè zì fǎn huí le zì jǐ de gōng zuò gāng wèi.

Sau khi hội thảo kết thúc thành công tốt đẹp, các chuyên gia học giả tham dự mang theo những thành quả bội thu ai nấy đều trở về với vị trí công tác của riêng mình.

21 nét

HÁN VIỆT: CÁC TỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Phó từ

#231

根本

gēnběn

căn bản, gốc rễ, nền tảng; hoàn toàn (không)

坚持以人民为中心的发展思想，是推动经济社会高质量发展的根本遵循与立足点。

Jiān chí yǐ rén mín wéi zhōng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, shì tuī dòng jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn de gēn běn zūn xún yǔ lì zú diǎn.

Kiên trì tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm là nguyên tắc căn bản và điểm tựa vững chắc để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển chất lượng cao.

21 nét

HÁN VIỆT: CĂN BẢN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#232

更加

gèngjiā

càng thêm, càng, hơn nữa

随着国家高水平对外开放的不断深入，中国同世界各国的科技创新合作变得更加紧密、更加富有成效。

Suí zhe guó jiā gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng de bù duàn shēn rù, zhōng guó tóng shì jiè gè guó de kē jì chuāng xīn hé zuò biàn dé gèng jiā jīn mì, gèng jiā fù yǒu chéng xiào.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao của đất nước ngày càng đi vào chiều sâu, sự hợp tác đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ giữa Trung Quốc và các nước trên thế giới trở nên càng thêm khăng khít, càng thêm giàu tính hiệu quả.

22 nét

HÁN VIỆT: CÀNG GIA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#233

工厂

gōngchǎng

nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng

这座配备了全自动机械臂与数字化数字孪生系统的现代化智慧工厂，实现了全流程无人工厂运作。

Zhè zuò pèi bèi le quán zì dòng jī xié bì yǔ shù zì huà shù zì luǎn shēng xì tǒng de xiàn dài huà zhì huì gōng chǎng, shí xiàn le quán liú chéng wú rén gōng chǎng yùn zuò.

Nhà máy thông minh hiện đại được trang bị cánh tay robot tự động hóa hoàn toàn cùng hệ thống bản sao số kỹ thuật số nã đã hiện thực hóa quy trình vận hành nhà máy không người trực tuyến suốt.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG HÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#234

工程师

gōngchéngshī

kỹ sư

桥梁总工程师带领团队攻克了深水基础施工等多项世界级技术难题，铸就了跨海大桥的世纪奇迹。

Qiáo liáng zǒng gōng chéng shī dài lǐng tuán duì gōng kè le shēn shuǐ jī chǔ shī gōng děng duō xiàng shì jiè jí jì shù nán tí, zhù jiù le kuà hǎi dà qiáo de shì jì qí jì.

Tổng công trình sư cầu đường đã dẫn dắt toàn đội chinh phục hàng loạt bài toán kỹ thuật hóc búa tầm cỡ thế giới như thi công móng nước sâu, kiến tạo nền kỹ tích thể kỳ của cây cầu vượt biển.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TRÌNH SƯ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#235

工夫

gōng fu

công phu, thời gian và công sức bỏ ra

只要功夫深，铁杵磨成针；科学研究必须下真功夫、苦功夫，耐得住坐冷板凳方能取得颠覆性突破。

Zhǐ yào gōng fu shēn, tiě chǔ mó chéng zhēn; kē xué yán jiū bì xū xià zhēn gōng fu, kǔ gōng fu, nài dé zhù zuò lěng bǎn dèng fāng néng qǔ dé diǎn fù xīng tū pò.

Có công mài sắt có ngày nên kim; nghiên cứu khoa học bắt buộc phải bỏ ra công phu thực sự, công phu khổ luyện, chịu đựng được việc ngồi ghế lạnh mới có thể đạt được những đột phá mang tính cách mạng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG PHU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#236

工具

gōng jù

công cụ, phương tiện

熟练掌握现代智能开发工具与算法库，能够成倍提升软件工程师的代码编写与调试效率。

Shú liǎn zhǎng wò xiàn dài zhì néng kāi fā gōng jù yǔ suàn fǎ kù, néng gòu chéng bèi tí shēng ruǎn jiàn gōng chéng shǐ de dài mã biān xiě yǔ tiáo shì xiào lǜ.

Thành thạo các công cụ phát triển thông minh hiện đại cùng các thư viện thuật toán sẽ giúp nâng cao gấp bội hiệu suất viết và gỡ lỗi mã nguồn của kỹ sư phần mềm.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CỤ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#237

工业

gōng yè

công nghiệp

高端智能制造装备与绿色低碳工业体系的协同推进，正在成为推动实体经济转型升级的核心引擎。

Gāo duān zhì néng zhì zào zhuāng bèi yǔ lǜ sè dī tàn gōng yè tǐ xì de xié tóng tuī jìn, zhèng zài chéng wéi tuī dòng shí tǐ jīng jī tuǎn xíng shēng jī de hé xīn yǐn qíng.

Sự đẩy mạnh đồng bộ giữa trang thiết bị chế tạo thông minh cao cấp và hệ thống công nghiệp xanh giảm phát thải đang trở thành động cơ cốt lõi thúc đẩy chuyển đổi nâng tầm nền kinh tế thực thể.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#238

工资

gōng zī

tiền lương

公司不仅按月足额发放基本工资，还会根据个人年度绩效贡献发放丰厚的年终奖金。

Gōng sī bù jǐn àn yuè zú é fā fàng jī běn gōng zī, hái huì gēn jù gè rén nián dù jì xiǎo gòng xiàn fā fàng fēng hòu de nián zhōng jiǎng jīn.

Công ty không chỉ chi trả lương cơ bản đầy đủ đúng ngày hàng tháng mà còn căn cứ vào đóng góp hiệu suất cả năm của từng cá nhân để thưởng Tết hậu hĩnh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TƯ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#239

公布

gōng bù

công bố, công khai (kết quả, chính sách)

国家统计局在例行新闻发布会上正式公布了本季度国民经济运行的核心宏观数据。

Guó jiā tóng jì jú zài lì xíng xīn wén fā bù huì shàng zhèng shì gōng bù le běn jì dù guó mín jīng jì yùn xíng de hé xīn hóng guān shù jù.

Tổng cục Thống kê Quốc gia tại buổi họp báo định kỳ đã chính thức công bố các số liệu vĩ mô cốt lõi về tình hình vận hành của nền kinh tế quốc dân trong quý này.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG BỐ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#240

公共

gōng gòng

công cộng, chung cho xã hội

城市全面完善公共图书馆、文化馆与体育场馆布局，打造十五分钟高品质公共文化服务圈。

Chéng shì quán miàn wán shàn gōng gòng tú shū guǎn, wén huà guǎn yǔ tǐ yù chāng guǎn bù jú, dǎ zào shí wǔ fēn zhòng gāo pǐn zhì gōng gòng wén huà fú wù quān.

Thành phố hoàn thiện toàn diện bố cục các sân vận động thể thao, nhà văn hóa và thư viện công cộng, kiến tạo vòng tròn dịch vụ văn hóa công cộng chất lượng cao trong phạm vi 15 phút.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CỘNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#241

公开

gōng kāi

công khai, minh bạch

政务服务平台全面实行办理流程与收费标准公开透明化，主动自觉接受社会各界监督。

Zhèng wù fú wù píng tái quán miàn shí xíng bàn shì liú chéng yǔ shōu fèi biāo zhǔn gōng kāi tòu míng huà, zhǔ dòng zì jué jiē shòu shè huì gè jiē jiàn dū.

Cổng dịch vụ hành chính công thực hiện công khai minh bạch toàn diện các quy trình giải quyết và mức phí quy định, chủ động tự giác tiếp nhận sự giám sát của toàn xã hội.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#242

公民

gōng mín

công dân

宪法和法律充分保障公民享有广泛而真实的民主权利，保障人民依法享有知情权、参与权、表达权与监督权。

Xiàn fǎ hé fǎ lǜ chōng fèn bǎo zhàng gōng mín xiāng yōu guǎng fàn ér zhēn shí de mǐn zhǔ quán lì, bǎo zhàng rén mín yī fǎ xiāng yǒu zhī qíng quán, cān yǔ quán, biǎo dá quán yǔ jiān dū quán.

Hiến pháp và pháp luật bảo đảm đầy đủ cho công dân được hưởng các quyền dân chủ sâu rộng và chân thực, bảo đảm nhân dân được hưởng quyền được biết, quyền tham gia, quyền bày tỏ và quyền giám sát theo quy định của pháp luật.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG DÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#243

公务员

gōng wù yuán

công chức, cán bộ công chức nhà nước

作为一名人民公务员，必须牢固树立宗旨意识，做到勤政为民、廉洁奉公、敢于担当。

Zuò wéi yí míng rén mín gōng wù yuán, bì xū láo gǔ shù lì zōng zhǐ yì shí, zuò dào qín zhèng wèi mín, lián jié fèng gōng, gǎn yǔ dǎn dāng.

Là một cán bộ công chức của nhân dân, bắt buộc phải xây dựng vững chắc ý thức tôn chỉ, thực hiện cần chính vì dân, liêm khiết phụng công, dám nghĩ dám làm và gánh vác trách nhiệm.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG VỤ VIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#244

功夫

gōng fu

công phu (võ thuật; công sức, thời gian bỏ ra)

只要功夫深，铁杵磨成针；只要保持恒心与定力，任何看似艰巨的目标都能最终达成。
 Zhǐ yào gōng fu shēn, tiě chǔ mó chéng zhēn;
 zhǐ yào bǎo chí héng xīn yǔ dìng lì, rèn hé kǎn shì jiān jù de mù biāo dōu néng zuì zhōng dá chéng.
 Có công mài sắt có ngày nên kim; chỉ cần giữ vững lòng kiên trì và sự định tâm thì bất kỳ mục tiêu to lớn tưởng chừng khó khăn nào cũng sẽ thành công.

20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG PHU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#245

功课

gōng kè

bài vở, bài học tập; công tác chuẩn bị

在做出任何重大跨国投资决策前，战略团队必须提前做好法律合规与地缘政治风险评估的严密功课。
 Zài zuò chū rèng dà kuà guó tóu zī jué cè qián, zhàn lüè tuán duì bì xū tí qián zuò zú fǎ lǜ hé guī yǔ dì yuán zhèng zhì fēng xiǎn píng gū de yán mì gōng kè.
 Trước khi đưa ra bất kỳ quyết sách đầu tư xuyên quốc gia trọng đại nào, đội ngũ chiến lược bắt buộc phải làm bài tập chuẩn bị thật kỹ lưỡng chu đáo về tuân thủ pháp lý và đánh giá rủi ro địa chính trị từ trước.

25 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHOÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#246

功能

gōng néng

chức năng, công năng, tính năng

这款新型智能穿戴手表配备了全天候心率血氧监测与跌倒自动紧急求助呼叫功能。
 Zhè kuǎn xīn xíng zhì néng chuān dài shǒu biǎo pèi bèi le quán tiān hòu xīn lǜ xuè yǎng jiān cè yǔ diē dǎo zì dòng jǐn jí qiú zhù hù jiào gōng néng.
 Mẫu đồng hồ đeo tay thông minh thế hệ mới này được trang bị tính năng theo dõi nhịp tim nồng độ oxy trong máu suốt 24/7 và tính năng tự động gọi cứu hộ khẩn cấp khi bị ngã.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NĂNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#247

共同

gòng tóng

chung, cùng nhau

应对全球气候变化危机是国际社会全体成员必须携手同心、共同面对的重大历史课题。
 Yíng duì quán qiú qì hòu biàn huà wēi jī shì guó jì shè huì quán tǐ chéng yuán bì xū xié shǒu tóng xīn, gòng tóng miǎn duì de zhòng dà lì shǐ kè tí.
 Ứng phó với cuộc khủng hoảng biến đổi khí hậu toàn cầu là đề tài lịch sử lớn lao mà toàn thể thành viên cộng đồng quốc tế phải chung tay đồng lòng đối diện.

24 nét

HÁN VIỆT: CỘNG ĐỒNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#248

共有

gòng yǒu

tổng cộng có; đồng sở hữu, cùng có

本届世界青年科学家大会共有来自全球八十多个国家和地区的三千余名青年代表参会交流。
 Běn jiè shì jiè qīng nián kē xué jiā dà huì gòng yǒu lái zì quán qiú bā shí duō gè guó jiā hé dì qū de sān qiān yú míng qīng nián dài biǎo cān huì jiāo liú.
 Đại hội Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới lần này tổng cộng có hơn ba ngàn đại biểu thanh niên đến từ hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu tham dự giao lưu.

20 nét

HÁN VIỆT: CỘNG HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#249

姑娘

gū niang

cô gái, cô thiếu nữ

这位朝气蓬勃、热爱传统非遗刺绣工艺的江南姑娘，用灵巧的双手绣出了令人惊艳的锦绣画卷。
 Zhè wèi zhāo qì péng bó, rè ài chuán tǒng fēi yí cì xiù gōng yì de jiāng nán gū niáng, yòng líng qiǎo de shuāng shǒu xiù chū le lìng rén jīng yàn de jīn xiù huà juǎn.
 Cô gái vùng Giang Nam tràn đầy sức trẻ và say mê nghề thêu thủ công phi vật thể truyền thống này bằng đôi bàn tay khéo léo đã thêu nên những bức tranh thêu gấm hoa tuyệt mỹ say đắm lòng người.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔ NƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#250

古

gǔ

cổ, thời cổ xưa, cổ kính

中国古代劳动人民凭借非凡的智慧建造了万里长城与都江堰等举世瞩目的宏伟水利工程。
 Zhōng guó gǔ dài láo dòng rén mín píng jiè fēi fán de zhì huì jiàn zào le wàn lǐ cháng chéng yǔ dù jiāng yàn děng jǔ shì mù dǐ de hóng wēi shuǐ lí gōng chéng.
 Nhân dân lao động Trung Quốc thời cổ xưa nhờ vào trí tuệ phi phạm đã xây dựng nên những công trình thủy lợi và kiến trúc hùng vĩ khiến toàn thế giới dõi theo như Đô Giang Yển và Vạn Lý Trường Thành.

8 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#251

古代

gǔ dài

thời cổ đại, cổ xưa

中国古代水利工程都江堰巧妙利用地形与地势实现了两千余年经久不衰的防洪灌溉功能。
 Zhōng guó gǔ dài shuǐ lí gōng chéng dǔ jiāng yàn qiāo miào lì yòng dì xíng yǔ shì shì shí xiàn le liǎng qiān yú niǎn jīng jiǔ bù shuāi de fáng hóng gài gōng néng.
 Công trình thủy lợi Đô Giang Yển thời cổ đại của Trung Quốc đã khéo léo tận dụng địa hình và dòng chảy tự nhiên của con nước để thực hiện chức năng phòng lũ và tưới tiêu hoàn hảo suốt hơn 2.000 năm qua.

16 nét

HÁN VIỆT: CỔ ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#252

故乡

gù xiāng

quê hương, quê nhà, chốn chôn rau cắt rốn

无论身在天涯海角，游子心中时刻深深眷恋着祖国故乡的青山绿水与养育自己的这片热土。
 Wú lùn shēn zài tiān yá hǎi jiǎo, yóu zǐ xīn zhōng shí kè shēn shēn juàn liàn zhe zǔ guó gù xiāng de qīng shān lǜ shuǐ yǔ yǎng yù zì jǐ de zhè piàn rè tǔ.
 Bất luận đang ở chân trời góc bể nào, trong lòng người con xa xứ luôn luôn vương vấn thương nhớ sâu sắc non xanh nước biếc của quê hương Tổ quốc và mảnh đất lành nồng ấm đã nuôi dưỡng mình khôn lớn.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ HƯƠNG


HSK 3 (3.0)

Động từ

#253

挂

guà

treo, móc

客厅正中的墙壁上挂着一幅古色古香的山水画，显得格外高雅静谧。

Kê tǐng zhèng zhōng de qiáng bì shàng guà zhe yí fú gù sè gǔ xiāng de shān shuǐ huà, xiǎn de gé wài gāo yǎ jìng mì.

Trên bức tường chính giữa phòng khách treo một bức tranh phong cảnh sơn thủy cổ kính, toát lên vẻ trang nhã và tĩnh lặng.

14 nét

HÁN VIỆT: QUÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#254

关系

guān xi

mối quan hệ

偶尔犯点小错误没关系，只要能吸取经验教训，继续努力就行。

ǒu'ěr fàn diǎn xiǎo cuò wù méi guān xi, zhǐ yào néng xī qǔ jīng yàn jiàoxùn, jìxù nǔ lì jiù xíng.

Thỉnh thoảng phạm chút sai sót nhỏ không sao đâu, chỉ cần biết rút kinh nghiệm sâu sắc và tiếp tục cố gắng là được.

26 nét

HÁN VIỆT: QUAN HỆ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#255

关注

guān zhù

quan tâm, chú ý theo dõi, dõi theo

国际学术界高度关注我国在新一代受控聚变与高温超导领域取得的最新原创突破。

Guó jì xué shù jiē gāo dù guān zhù wǒ guó zài xīn yí dài shòu kòng hé jù biàn yǔ gāo wēn chāo dǎo lǐng yù qǔ dé de zuì xīn yuán chuàng tū pò.

Giới học thuật quốc tế đặc biệt quan tâm chú ý theo dõi những đột phá nguyên tác mới nhất mà nước ta đạt được trong lĩnh vực siêu dẫn nhiệt độ cao và phản ứng nhiệt hạch có điều khiển thế hệ mới.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN CHÚ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#256

观察

guān chá

quan sát, theo dõi

科研人员正在超高分辨率电子显微镜下，全神贯注地细致观察着纳米晶体的动态生长过程。

Kē yán rén yuán zhèng zài chāo gāo fēn biàn lǜ diàn zǐ xiǎn wēi jīng xià, quán shén guān zhù dì xì zhì guān chá zhe nà mǐ jīng tǐ de dòng tài shēng zhǎng guò chéng.

Các nhà khoa học dưới kính hiển vi điện tử độ phân giải siêu cao đang tập trung cao độ quan sát tỉ mỉ quá trình sinh trưởng động lực học của các tinh thể nano.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÁN SÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#257

观看

guān kàn

xem, theo dõi quan sát (trận đấu/biểu diễn)

数万名中外观众在国家大剧院现场观看了具有浓郁中华传统神韵的大型舞剧演出。

Shù wàn míng zhōng wài guān zhòng zài guó jiā dà jù yuàn xiàn chǎng guān kàn le jù yǒu nóng yù zhōng huá chuán tǒng shén yùn de dà xíng wǔ jù yǎn chū.

Hàng vạn khán giả trong và ngoài nước đã trực tiếp xem theo dõi buổi biểu diễn kịch múa quy mô lớn mang đậm thần vận truyền thống Trung Hoa tại Nhà hát Lớn Quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁN KHÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#258

观念

guān niàn

quan niệm, tư tưởng, nhận thức

践行“绿水青山就是金山银山”的发展观念，已经成为全社会推动绿色低碳转型的普遍共识。

Jiàn xíng "lǜ shuǐ qīng shān jiù shì jīn shān yín shān" de fā zhǎn guān niàn, yǐ jīng chéng wéi quán shè huì tuī dòng lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng de pǔ biàn gòng shí.

Việc thực hành quan niệm phát triển 'Non xanh nước biếc chính là núi vàng núi bạc' đã trở thành nhận thức chung rộng khắp của toàn xã hội trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh giảm phát thải.

18 nét

HÁN VIỆT: QUÁN NIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#259

观众

guān zhòng

khán giả, người xem

来自全球两百多个国家和地区的数亿观众通过卫星电视和网络直播观看了奥运会开幕式盛况。

Lái zì quán qiú liǎng bǎi duō gè guó jiā hé dì qū de shù yì guān zhòng tōng guò wèi xīng diàn shì hé wǎng luò zhí bō kàn le ài yùn huì kāi mù shì shèng kuàng.

Hàng trăm triệu khán giả đến từ hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ đã theo dõi lễ khai mạc Thế vận hội Olympic qua truyền hình vệ tinh và phát trực tuyến trên Internet.

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁN CHÚNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#260

管

guǎn

ống

老师鼓励大家积极管，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极管，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ống, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: QUẢN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#261

管理

guǎn lǐ

quản lý

引入现代化精益生产与智能化仓储管理系统后，工厂的整体运营效率与交付质量大幅提升。

Yǐn rù xiàn dài huà jīng yì shēng chǎn yǔ zhì néng huà cāng kù guǎn lǐ xì tǒng hòu, gōng chǎng de zhěng tǐ yùn yíng xiào lǜ yǔ jiāo fù zhì liàng dà fú tí shēng.

Sau khi áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn hiện đại và hệ thống quản lý kho bãi thông minh, hiệu suất vận hành và chất lượng giao hàng của nhà máy đã tăng vọt rõ rệt.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢN LÝ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#262

光

guāng

ánh sáng, quang; troi, hết sạch

清晨那一缕温暖明媚的金色阳光照亮了整个房间，带来了勃勃生机。

Qīng chén nà yī lǚ wēn nuǎn míng mèi de jīn sè yáng guāng zhào liàng le zhěng gè fáng jiān, dài lái le bó bó shēng jī.

Vạt nắng vàng ấm áp rực rỡ buổi sớm mai chiếu rọi khắp căn phòng, mang lại sức sống dạt dào.

13 nét

HÁN VIỆT: QUANG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#263

光明

guāng míng

quang minh, xán lạn, tươi sáng; ánh sáng

新一代青年学子只要心怀理想、脚踏实地，就必定能在强国建设的伟大征程中开创光明璀璨的未来。

Xīn yí dài qīng nián xué zǐ zhǐ yào xīn huái lǐ xiǎng, jiǎo tà shí dì, jiù bì dìng néng zài qióng guó jiàn shè de wēi dà zhēng chéng zhōng kāi chuāng guāng míng cuǐ càn de wèi lái.

Thế hệ học sinh thanh niên mới chỉ cần nuôi dưỡng hoài bão và kiên định từng bước thì nhất định sẽ mở ra một tương lai xán lạn rực rỡ trên hành trình vĩ đại xây dựng đất nước phồn vinh.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#264

广播

guǎng bō

phát thanh, đài phát thanh, truyền hình

清晨准时收听中央人民广播电台的早间新闻联播，是很多老一辈知识分子保持多年的习惯。

Qīng chén zhǔn shí shōu tīng zhōng yāng rén mín guǎng bō diàn tái de zǎo jiān xīn wén lián bō, shì hěn duō lǎo yī bèi zhī shi fēn zǐ bǎo chí duǒ niǎn de xí guān.

Mỗi sáng nghe đài phát thanh bản tin thời sự sáng của Đài Tiếng nói Trung ương là thói quen nhiều năm của thế hệ trí thức đi trước.

28 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG BÁ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#265

广大

guǎng dà

rộng lớn, đông đảo, sâu rộng

政府出台的这项惠民医疗政策，切实减轻了广大城乡居民看病就医的实际经济负担。

Zhèng fǔ chū tái de zhè xiàng huì mín yī liáo zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng le guǎng dà chéng xiāng jū mín kàn bìng jiù yī de shí jì jīng jì fù dān.

Chính sách y tế vì dân này do chính phủ ban hành đã giảm thiểu thiết thực gánh nặng kinh tế thực tế trong khám chữa bệnh của đông đảo người dân cả thành thị lẫn nông thôn.

25 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#266

规定

guī dìng

quy định

所有进入无尘净化实验室的科研人员都必须严格遵守穿戴防护服与风淋消毒的操作规定。

Suǒ yǒu jìn rù wú chén jìng huà shí yàn shì de kē yán rén yuán dōu bì xū yán gē zūn shǒu chuān dài fáng hù fú yǔ fēng lín xiāo dú de cāo zuò guī dìng.

Toàn bộ nhân viên nghiên cứu khi bước vào phòng thí nghiệm vô trùng đều phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về mặc đồ bảo hộ và khử khuẩn bằng buồng thổi khí.

18 nét

HÁN VIỆT: QUY ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#267

规范

guī fàn

quy phạm, quy chuẩn; chuẩn hóa, chuẩn mực

国家出台生成式人工智能服务管理暂行办法，坚持发展与安全并重，依法规范人工智能健康发展。

Guó jiā chū tái shēng chéng shì rén gōng zhì néng fú wù guǎn lǐ zàn xíng bàn fǎ, jiān chí fā zhǎn yǔ ān quán bìng zhòng, yī fǎ guī fàn rén gōng zhì néng jiàn kāng fā zhǎn.

Nhà nước ban hành Biện pháp Tạm thời về Quản lý Dịch vụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh, kiên trì coi trọng song song cả phát triển và an toàn, quy chuẩn hóa sự phát triển lành mạnh của trí tuệ nhân tạo theo pháp luật.

20 nét

HÁN VIỆT: QUY PHẠM

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#268

国内

guó nèi

trong nước, nội địa

加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú.

Đẩy nhanh xây dựng cực diện phát triển mới lấy đại tuần hoàn trong nước nội địa làm chủ thể, tuần hoàn kép trong nước và quốc tế cùng thúc đẩy lẫn nhau.

20 nét

HÁN VIỆT: QUỐC NỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#269

国庆

guó qīng

Quốc khánh, ngày lễ Quốc khánh

国庆长假期间，天安门广场上鲜艳的五星红旗在晨曦中高高升起，吸引了数十万群众观礼。

Guó qīng cháng jià qī jiān, tiān ān mén guāng chǎng shàng xiān yàn de wǔ xīng hóng qí zài chén xī zhōng gāo gāo shēng qǐ, xī yīn le shù shí wàn qún zhòng guān lǐ.

Trong kỳ nghỉ lễ Quốc khánh dài ngày, lá cờ đỏ năm sao tươi thắm trên Quảng trường Thiên An Môn kiều hãnh tung bay lên cao giữa ánh bình minh sớm, thu hút hàng trăm ngàn người dân tới dự lễ chào cờ.

24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC KHÁNH

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#270

果然

guǒ rán

quả nhiên, đúng thật như dự liệu

经过高精度数学建模反复推导验证，最终测得的物理实验数据果然与先前的理论预测完全一致。

Jīng guò gāo jīng dù shù xué jiàn mó fǎn fù tuī dǎo yán zhèng, zuì zhōng cè dé de wù lǐ shí yàn shù jù guǒ rán yǔ xiān qián de lǐ lùn yù cè wán quán yì zhì.

Trải qua việc kiểm chứng suy diễn lặp đi lặp lại bằng mô hình hóa toán học độ chính xác cao, số liệu thực nghiệm vật lý đo đạc được cuối cùng quả nhiên đúng thật hoàn toàn trùng khớp với dự đoán lý thuyết trước đó.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢ NHIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#271

果汁

guǒ zhī

nước trái cây

在炎热的午后喝上一杯新鲜现榨的冰镇橙子果汁，格外清爽解渴。

Zài yán rè de wǔ hòu hē shàng yì bēi xīn xiān xiān zhā de bīng zhēn chéng zǐ guǒ zhī, gè wài qīng shuǎng jiě kě.

Vào buổi chiều hè oi ả uống một cốc nước ép cam tươi vắt mát lạnh thì thật sảng khoái và giải khát vô cùng.

17 nét

HÁN VIỆT: QUẢ TRÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#272

过程

guò chéng

quá trình, tiến trình

在攀登科学高峰的漫长过程中，不仅要有仰望星空的远大情怀，更要有脚踏实地的钻研作风。

Zài pān dēng kē xué gāo fēng de màn cháng guò chéng zhōng, bù jǐn yào yǒu yǎng wàng xīng kōng de yuǎn dà qíng huái, gèng yào yǒu jiǎo tà shí dì de zuān yán zuò fēng.

Trong suốt quá trình dài leo lên đỉnh cao khoa học, không chỉ cần có tâm hồn cao đẹp ngắm nhìn trời sao mà quan trọng hơn phải có tác phong nghiên cứu thực tế, vững vàng.

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁ TRÌNH

HSK 3 (3.0)

Thán từ / Từ tượng thanh

#273

哈哈

hā hā

ha ha (tiếng cười vui vẻ)

听到科研攻关难题终于彻底破解的喜讯，全组研究人员忍不住哈哈大笑、互相击掌庆祝。

Tīng dào kē yán gōng guān nán tí zhōng yú ché di pò jiě de xǐ xùn, quán zǔ yán jiū rén yuán rěn bú zhù hā hā dà xiào, hù xiāng jī zhǎng qīng zhù.

Nghe được tin vui nan đề nghiên cứu khoa học vượt khó cuối cùng đã được hóa giải triệt để, toàn thể nghiên cứu viên trong nhóm không kìm được cười ha ha sảng khoái, đập tay nhau chúc mừng.

24 nét

HÁN VIỆT: HA HA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#274

海关

hǎi guān

hải quan

海关智慧监管平台通过人工智能图像智能审图技术，实现了进出口货物的高效秒级通关。

Hǎi guān zhì huì jiān guǎn píng tái tóng guò rén gōng zhì néng tú xiàng zhì néng shěn tú jì shù, shí xiàn le jìn chū kǒu huò wù de gāo xiào miǎo jí tōng guān.

Nền tảng giám sát thông minh của hải quan thông qua công nghệ thẩm định hình ảnh tự động bằng trí tuệ nhân tạo đã thực hiện thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu nhanh chóng chỉ trong tích tắc.

23 nét

HÁN VIỆT: HẢI QUAN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#275

害怕

hài pà

sợ hãi

在追求梦想的道路上不要害怕犯错，每一次挫败都是成长的宝贵财富。

Zài zhuī xú mèng xiǎng de dào lù shàng bú yào hài pà fàn cuò, měi yí cì cuò bài dōu shì chéng zhǎng de bǎo guì cái fù.

Trên con đường theo đuổi ước mơ đừng sợ phạm sai lầm, mỗi lần vấp ngã đều là tài sản quý báu giúp ta trưởng thành.

26 nét

HÁN VIỆT: HẠI PHẠ

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#276

好好

hǎo hǎo

thật tốt, cẩn thận kỹ càng, nghiêm túc

青年人要趁着青春年华好好学习科学文化知识，为将来报效祖国打下坚实基础。

Qīng nián rén yào chèn zhe qīng chūn nián huá hǎo hǎo xué xí kē xué wén huà zhī shí, wèi jiāng lái bào xiào zǔ guó dǎ xià jiān shí zhī de gèn jī.

Thanh niên cần tranh thủ năm tháng tuổi xuân thật tốt học tập nghiêm túc tri thức khoa học văn hóa, để đặt nền móng vững chắc cho việc cống hiến phụng sự Tổ quốc trong tương lai.

26 nét

HÁN VIỆT: HẢO HẢO

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#277

好奇

hào qí

hiếu kỳ, tò mò

对大千未知世界的强烈好奇心与探索欲，是点燃青年学子科学创造力的永恒火种。

Duì dà qiān wèi zhī shì jiè de qiáng liè hào qí xīn yù tàn suǒ yù, shì diǎn rán qīng nián xué zǐ kē xué chuàng zào lì de yǒng héng huǒ zhǒng.

Niềm hiếu kỳ mãnh liệt cùng khát khao khám phá thế giới muôn màu vô tận là mối lửa bất diệt thấp sáng năng lực sáng tạo khoa học của các bạn trẻ.

21 nét

HÁN VIỆT: HẢO CƠ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#278

合

hé

hợp, kết hợp, phù hợp, đóng gập lại

新一代跨海特大桥主桥钢箱梁今天顺利实现精准合龙，全线工程建设取得决定性胜利。

Xīn yí dài kuà hǎi tè dà qiáo zhǔ qiáo gāng xiāng liáng jīn tiān shùn lì shí xiàn jīng zhǔn hé lóng, quán xiàn gōng chéng jiàn shè qǔ dé jué dìng xìng shèng lì.

Dầm hợp thép của cây cầu vượt biển đặc biệt lớn thế hệ mới hôm nay đã thuận lợi thực hiện hợp long chuẩn xác, công tác xây dựng công trình toàn tuyến giành được thắng lợi mang tính quyết định.

9 nét

HÁN VIỆT: CÁP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#279

合法

hé fǎ

hợp pháp, đúng luật

任何企业开展商业经营活动都必须严格恪守国家法律法规，确保一切经营行为合法合规。

Rèn hé qì yè kāi zhān shāng yè jīng yíng huó dòng dōu bì xū yán gé kè shǒu guó jiā fǎ lǜ fǎ guī, què bǎo yí qiè jīng yíng xíng wéi hé fǎ hé guī.

Bất kỳ doanh nghiệp nào khi triển khai các hoạt động kinh doanh thương mại đều bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật của Nhà nước, bảo đảm mọi hành vi kinh doanh đều hợp pháp và chuẩn mực.

18 nét

HÁN VIỆT: CÁP PHÁP



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#280

合格

hé gé

hợp quy, đủ tiêu chuẩn, đạt chuẩn

这批智能家用电器在出厂前经过了一百多项严格的安全绝缘与耐久度测试，全部达到了合格标准。

Zhè pī zhì néng jiā yòng qiāng qiè zài chū chǎng qián jīng guò le yī bǎi duō xiàng yán gé de ān quán jué yuán yǔ nài jiǔ dù cè shì, quán bù dǎ dào le hé gé biāo zhǔn.

Lô thiết bị điện gia dụng thông minh này trước khi xuất xưởng đã vượt qua hơn 100 bài kiểm tra cách điện và độ bền nghiêm ngặt, tất cả đều đạt chuẩn hợp quy xuất xưởng.

17 nét

HÁN VIỆT: CẤP CÁCH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#281

合理

hé lǐ

hợp lý, chính đáng, thỏa đáng

制定科学合理的时间管理规划与目标拆解方案，能够极大提升日常学习与工作的推进效率。

Zhì dìng kē xué hé lǐ de shí jiān guǎn lǐ guī huà yǔ mù biāo chāi jiě fāng àn, néng gòu jí dà tí shēng rì cháng xué xí yǔ gōng zuò de tuī jìn xiào lǜ.

Việc lập kế hoạch quản lý thời gian khoa học hợp lý và phương án phân chia nhỏ mục tiêu có thể nâng cao vượt bậc hiệu suất thúc đẩy học tập và công tác thường nhật.

18 nét

HÁN VIỆT: CẤP LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#282

合作

hé zuò

hợp tác, phối hợp

全球性挑战需要世界各国秉持开放包容、互利共赢的原则，进一步深化全方位国际合作。

Quán qiú xìng tiǎo zhàn xū yào shì jiè gè guó bǐng chí kāi fàng bāo róng, hù lì gòng yíng de yuán zé, jìn yí bù shēn huà quán fāng wèi guó jì hé zuò.

Những thách thức mang tính toàn cầu đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải cùng giữ vững nguyên tắc cởi mở bao dung, đôi bên cùng có lợi để làm sâu sắc hơn sự hợp tác quốc tế toàn diện.

19 nét

HÁN VIỆT: CẤP TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#283

和平

hé píng

hòa bình, bình yên, êm ả

和平与发展是全人类的共同愿景，各国应当携手构建休戚与共的人类命运共同体。

Hé píng yǔ fā zhǎn shì quán rén lèi de gòng tóng yuàn jǐng, gè guó yīng dāng xié shǒu gòu jiàn xiū qī yǔ gòng de rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ.

Hòa bình và phát triển là ước nguyện chung của toàn thể nhân loại, các quốc gia cần chung tay xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại cùng chia sẻ ấm no hòa bình.

17 nét

HÁN VIỆT: HOÀ BÌNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#284

红茶

hóngchá

trà đen, hồng trà

中国传统名优红茶汤色红亮、香气馥郁高雅，在国际茶叶博览会上备受各国品茶专家赞誉。

Zhōng guó chuán tǒng míng yōu hóng chá tāng sè hóng liàng, xiāng qì fù yù gāo yǎ, zài guó jì chá yè bó lǎn huì shàng bèi shòu gè guó pǐn chá zhuan jiā zàn yù.

Hồng trà trà đen truyền thống danh tiếng của Trung Quốc có sắc nước đỏ tươi sáng bóng, hương thơm ngào ngạt thanh nhã, nhận được sự khen ngợi nồng nhiệt của các chuyên gia thưởng trà các nước tại Hội chợ Triển lãm Trà Quốc tế.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒNG TRÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#285

红酒

hóngjiǔ

rượu vang đỏ

在国际友好交流晚宴上，中外学者举起高脚杯共品优质红酒，畅叙深厚友谊与合作愿景。

Zài guó jì yǒu hào jiāo liú wǎn yàn shàng, zhōng wài xué zhě jǔ qǐ gāo jiǎo bēi gòng pǐn yōu zhì hóng jiǔ, chàng xù shēn hòu yǒu yì yǔ hé zuò yuàn jǐng.

Tại dạ tiệc giao lưu hữu nghị quốc tế, các học giả trong và ngoài nước đã nâng ly cùng thưởng thức rượu vang đỏ chất lượng cao, hàn huyên tình hữu nghị sâu sắc và tầm nhìn hợp tác tương lai.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒNG TỬU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#286

后果

hòu guǒ

hậu quả, kết cục

在涉及生态红线的重大工程规划中，必须科学审慎评估任何违规开发可能带来的灾难性环境后果。

Zài shè jí shēng tài hóng xiàn de zhòng dà gōng chéng guī huà zhōng, bì xū kē xué shěn shèn píng gū rēn hé wéi guī kāi fā kě néng dài lái de zāi nán xíng huán jīng hòu guǒ.

Trong quy hoạch các đại dự án công trình liên quan đến lần ranh đỏ sinh thái, nhất thiết phải đánh giá khoa học và thận trọng về những hậu quả môi trường thảm khốc mà bất kỳ sự khai thác sai phép nào có thể gây ra.

17 nét

HÁN VIỆT: HẬU QUẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#287

后面

hòu mian

đằng sau, phía sau

小猫在桌子后面。

Xiǎo māo zài zhuō zi hòu mian.

Con mèo nhỏ ở đằng sau cái bàn.

18 nét

HÁN VIỆT: HẬU DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#288

后年

hòunián

năm kia nữa, hai năm sau (năm sau của năm sau)

国家重大深空探测工程按计划将于后年正式发射新一代小行星采样探测器。

Guó jiā zhòng dà shēn kōng tàn cè gōng chéng àn jì huà jiāng yú hòu nián zhèng shì fā shè xīn yí dài xiǎo xíng xīng cǎi yàng tàn cè qì.

Công trình thám trắc không gian sâu rộng đại quốc gia theo đúng kế hoạch sẽ chính thức phóng tàu thám trắc lấy mẫu tiểu hành tinh thế hệ mới vào năm sau nữa hai năm sau.

18 nét

HÁN VIỆT: HẬU NIÊN


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#289

互联网

Hù lián wǎng

mạng Internet, mạng internet toàn cầu

我国建成了全球规模最大、技术领先的光纤宽带与5G移动互联网基础设施网络，赋能千行百业数字化转型升级。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān de guāng xiān kuān dài yǔ 5G yí dòng hù lián wǎng jī chǔ shè shī wǎng luò, fù néng qiān xíng bǎi yè shù zì huà zhuǎn xíng shēng jí.

Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới cơ sở hạ tầng mạng internet di động 5G và cáp quang băng thông rộng có quy mô lớn nhất và công nghệ dẫn đầu thế giới, tiếp sức cho hàng ngàn ngành nghề chuyển đổi số và nâng cấp.

29 nét

HÁN VIỆT : HỒ LIÊN VĨNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#290

互相

hùxiāng

lẫn nhau, cùng nhau tương hỗ

在跨学科前沿科学攻坚中，青年学者们互相启发、密切协作，共同攻克了一个又一个技术难关。

Zài kuà xué kē qián yán kē xué gōng jiǎn zhōng, qīng nián xué zhě men hù xiāng qǐ fā, mì qiè xié zuò, gòng tóng gōng kè le yí gè yòu yí gè jì shù nán guān.

Trong các đợt vượt khó khoa học tiên phong liên ngành, các học giả trẻ tuổi đã gợi mở lẫn nhau cùng nhau, phối hợp chặt chẽ, cùng chinh phục hết ải khó kỹ thuật này đến ải khó kỹ thuật khác.

25 nét

HÁN VIỆT : HỒ TƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#291

华人

Huárén

người Hoa, kiều bào Hoa kiều

广大海外侨胞和海外华人始终心系桑梓，为推动中外人文交流与祖国现代化建设作出了重要贡献。

Guǎng dà hǎi wài qiáo bào hé hǎi wài huá rén shǐ zhōng xīn xì sāng zǐ, wèi tuī dòng zhōng wài rén wén jiāo liú yǔ zǔ guó xiān dài huà jiàn shè zuò chū le zhòng yào gòng xiàn.

Đồng đảo đồng bào kiều bào và người Hoa kiều bảo ở hải ngoại luôn một lòng hướng về quê hương, lập nên những cống hiến quan trọng cho việc thúc đẩy giao lưu nhân văn giữa Trung Quốc và nước ngoài cùng cuộc xây dựng hiện đại hóa Tổ quốc.

21 nét

HÁN VIỆT : HOA NHÂN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#292

化

huā

hóa

老师鼓励大家积极化，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī huà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hóa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT : HOA

HSK 3 (3.0)

Động từ

#293

划船

huá chuán

chèo thuyền

阳春三月微风和煦，游人们相约在风景秀丽的昆明湖上荡起双桨，悠闲划船。

Yáng chūn sān yuè wēi fēng hé xù, yóu rén men xiāng yuē zài fēng jǐng xiù lì de kūn míng hú shàng dàng qī shuāng jiǎng, yōu xián huá chuán.

Tháng Ba mùa xuân gió nhẹ ấm áp, du khách rủ nhau chèo thuyền buông mái chèo thư thái trên mặt hồ Côn Minh phong cảnh hữu tình.

22 nét

HÁN VIỆT : HOA THUYỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#294

话剧

huàjù

kịch nói, vở kịch nói

这部生动再现老一辈战略科学家科研报国崇高精神的经典话剧，在全国高校巡演场场爆满。

Zhè bù shēng dòng zài xiàn lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiǎ kē yán bào guó chóng gāo jīng shén de jīng diǎn huà jù, zài quán guó gāo xiào xún yǎn chǎng chāng bào mǎn.

Vở kịch nói kịch nói kinh điển tái hiện sinh động tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học chiến lược tiến bộ đã kín rạp trong tất cả các buổi lưu diễn tại các trường đại học trên cả nước.

20 nét

HÁN VIỆT : THOẠI KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#295

话题

huà tí

chủ đề trò chuyện, đề tài

在青年创新创业论坛圆桌对话上，人工智能如何赋能实体经济成为了全场最受关注的热门话题。

Zài qīng nián chuàng xīn chuàng yè lùn tán yuán zhuō duì huà shàng, rén gōng zhì néng rú hé fù néng shí tǐ jīng jì chéng wéi le quán chǎng zuì shòu guān zhù de rè mén huà tí.

Tại phiên tọa đàm bàn tròn Diễn đàn Thanh niên Đổi mới Sáng tạo Khởi nghiệp, chủ đề trí tuệ nhân tạo tiếp sức cho nền kinh tế thực thể như thế nào đã trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm lớn nhất của toàn khán phòng.

20 nét

HÁN VIỆT : THOẠI ĐỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#296

环

huán

vòng, chiếc nhẫn; khâu vòng (mắt xích)

在重大科技工程全生命周期质量管理中，每一个检测环节都必须做到精益求精、万无一失。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī zhì liàng guǎn lǐ zhōng, měi yí gè jiǎn cè huán jié dōu bì xū zuò dào jīng jī qióu jīng, wàn wú yí shī.

Trong công tác quản lý chất lượng toàn bộ vòng đời của công trình khoa học công nghệ trọng đại, từng khâu mắt xích kiểm nghiệm kiểm tra đều bắt buộc phải tinh ích cầu tinh, an toàn tuyệt đối không một sai sót.

13 nét

HÁN VIỆT : HOÀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#297

环保

huánbǎo

bảo vệ môi trường, thân thiện môi trường

我国积极倡导绿色低碳生产生活方式，全面推广使用全生物可降解新型环保材料。

Wǒ guó jī jí chàng dǎo lǜ sè dī tàn shēng chǎn shēng huó fāng shì, quán miàn tuī guǎng shǐ yòng quán shēng wù kě jiàng jiě xīn xíng huán bǎo cái liào.

Nước ta tích cực khởi xướng phương thức sinh hoạt và sản xuất xanh ít phát thải carbon, nhân rộng toàn diện việc sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường bảo vệ môi trường kiểu mới có thể phân hủy sinh học hoàn toàn.

26 nét

HÁN VIỆT : HOÀN BẢO



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#298

环境

huán jìng

môi trường

为了保护我们赖以生存的生态环境，大家应当尽量减少使用一次性塑料制品。

Wèile bǎohù wǒmen làiyǐ shēngcún de shēngtài huánjīng, dàjiā yīngdāng jǐnliáng jiǎnshǎo shíyòng yícíxìng sùliào zhìpǐn.

Để bảo vệ môi trường sinh thái mà chúng ta đang sinh sống, mọi người nên hạn chế tối đa việc dùng đồ nhựa dùng một lần.

21 nét

HÁN VIỆT: HOÀN CẢNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#299

欢乐

huān lè

vui tươi, hân hoan, niềm vui ngập tràn

各族儿女身着节日盛装载歌载舞，天安门广场上洋溢着庆祝国庆佳节的无比欢腾与祥和欢乐气氛。

Gè zú ér nǚ shēn zhe jié rì shèngzhuāng zài gē zài wǔ, tiān ān mén guǎng chǎng shàng yáng yì zhe qīng zhù guó qīng jiā jié de wú bǐ huān téng yǔ xiáng hé huān lè qì fēn.

Con em các dân tộc khoác trên mình bộ trang phục lễ hội rực rỡ múa hát tung bừng, Quảng trường Thiên An Môn ngập tràn bầu không khí hòa bình vui tươi hân hoan và rộn ràng tốt bậc chào mừng ngày lễ Quốc khánh.

16 nét

HÁN VIỆT: HOAN LẠC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#300

会议

huì yì

cuộc họp

今天下午两点半，各部门主管将在第一多功能会议厅参加战略会议。

Jīntiān xiàwǔ liǎng diǎn bàn, gè bù mén zhǔguǎn jiāng zài dì yī duō gōngnéng huìyì tīng cānjiā zhàn lüè huì yì.

2 giờ rưỡi chiều nay, các trưởng bộ phận sẽ tham dự cuộc họp chiến lược tại Hội trường đa năng số 1.

24 nét

HÁN VIỆT: HỘI NGHỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#301

会员

huì yuán

hội viên, thành viên hội

作为中国计算机学会青年科技会员，他积极参与组织了多场跨学科青年学者前沿学术沙龙。

Zuò wéi zhōng guó jì suàn jī xué huì qīng nián kē jì huì yuán, tā jī jī cān yù zǔ zhī le duō chǎng kuà xué kē qīng nián xué zhě qián yán xué shù shā lóng.

Với tư cách là một hội viên thành viên công nghệ trẻ của Hội Máy tính Trung Quốc, anh ấy đã tích cực tham gia tổ chức nhiều buổi tọa đàm học thuật tiên phong dành cho các học giả trẻ liên ngành.

26 nét

HÁN VIỆT: HỘI VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#302

活

huó

sống, sinh sống; sống động linh hoạt; công việc

我们做学术研究要灵活运用马克思主义唯物辩证法，绝不能把理论教条化、僵硬化。

Wǒ men zuò xué shù yán jiū yào líng huó yùn yòng mǎ kè sī zhǔ yì wéi wù biàn zhèng fǎ, jué bù néng bǎ lǐ lùn jiào tiáo huà, jiāng yìng huà.

Chúng ta làm nghiên cứu học thuật cần vận dụng linh hoạt sống động phép biện chứng duy vật, tuyệt đối không được biến lý luận thành giáo điều xơ cứng.

13 nét

HÁN VIỆT: HOẠT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#303

火

huǒ

lửa; nổi tiếng, hot; tức giận

这部弘扬中华优秀传统文化的原创动画电影一经上映就彻底火遍了全国。

Zhè bù hóng yáng zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà de yuán chuàng dòng huà diàn yǐng yì jīng shàng yǐng jiù chè dǐ huǒ biàn le quán guó.

Bộ phim hoạt hình nguyên tác tôn vinh văn hóa truyền thống đặc sắc Trung Hoa này vừa công chiếu đã gây sốt khắp cả nước.

10 nét

HÁN VIỆT: HOẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#304

机器

jī qì

máy móc, thiết bị cơ khí

在智能化工业生产车间内，全自动工业机器人手臂精准高效地组装着每一个零部件。

Zài zhì néng huà gōng yè shēng chǎn chē jiān nèi, quán zì dòng gōng yè jī qì rén shǒu bù jīng zhǔn gāo xiào dì zǔ zhuāng zhe měi yí gè líng bù jiàn.

Bên trong phân xưởng sản xuất công nghệ thông minh hóa, các cánh tay robot công nghiệp tự động lắp ráp từng linh kiện với độ chính xác và hiệu quả cao.

17 nét

HÁN VIỆT: CƠ KHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#305

积极

jī jī

tích cực, hăng hái

保持积极乐观的心态并勇于迎接每一次未知的挑战，是通往卓越职业生涯的最佳通行证。

Bǎo chí jī jī lè guān de xīn tài bìng yǒng yú yíng jiē měi yí cì wèi zhī de tiǎo zhàn, shì tōng wǎng zhuó yuè zhí yè shēng yuán de zuì jiā tōng xíng zhèng.

Giữ vững tâm thái tích cực lạc quan và dũng cảm đón nhận mọi thử thách mới chính là tấm vé thông hành tốt nhất trên hành trình sự nghiệp đỉnh cao.

20 nét

HÁN VIỆT: TÍCH CỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#306

积极性

jī jí xìng

tích tích cực, sự hăng hái nhiệt tình

高校通过建立健全科学合理的科技成果转化激励机制，极大调动了科研人员的创新创业积极性。

Gāo xiào tōng guò jiàn lì jiàn quán kē xué hé lǐ de kē jì chéng guǒ zhuǎn huà jī lì jī zhì, jí dà diào dòng le kē yán yán yuán de chuàng xīn chuàng yè yě jī jí xìng.

Trường đại học thông qua việc xây dựng hoàn thiện cơ chế khuyến khích chuyển giao thành quả khoa học công nghệ hợp lý khoa học đã khơi dậy mạnh mẽ tính tích cực sự hăng hái nhiệt tình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các cán bộ nghiên cứu.

31 nét

HÁN VIỆT: TÍCH CỰC TÍNH

HSK 3
(3.0)

Danh từ / Tính từ / Phó từ #307

基本

jī běn

cơ bản, chủ yếu, căn bản

掌握扎实的高等数学与计算机编程技能，是从事现代前沿数据科学研究的基本功。
Zhāng wò zhā shí de gāo děng shù xué yǔ jì suàn jī biǎn chéng jì néng, shì cóng shì xiān dài qiǎn yán shù jù kē xué yán jiū de jī běn gōng.
Nắm vững kỹ năng toán cao cấp và lập trình máy tính vững chắc là kỹ năng cơ bản để làm công tác nghiên cứu khoa học dữ liệu mũi nhọn hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT CƠ BẢN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#308

基本上

jī běn shàng

về cơ bản, nhìn chung

经过连日来的加班加点调试，大科学装置核心控制系统的关键词标已经基本上达到了设计要求。
Jīng guò lián rì lái de jiā bān jiā diǎn tiáo shì, dà kē xué zhuāng zhì hé xīn kòng zhì xì tǒng de guān jiàn zhī biāo yǐ jīng jī běn shàng dá dào le shè jì yāo qiú.
Trải qua những ngày liên tục làm thêm giờ hiệu chỉnh, các chỉ tiêu then chốt của hệ thống điều khiển cốt lõi thiết bị khoa học lớn về cơ bản nhìn chung đã đạt tới yêu cầu thiết kế.

28 nét

HÁN VIỆT CƠ BẢN THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#309

基础

jī chǔ

nền tảng, cơ sở

万丈高楼平地起，扎实的数学与编程基础是从事高深人工智能前沿算法研究的基石。
Wàn zhàng gāo lóu píng dì qǐ, zhā shí shù xué yǔ biān chéng jī chǔ shì cóng shì gāo shēn rén gōng zhì néng qiǎn yán suàn fǎ yán jiū de jī shí.
Nhà cao vạn trượng bắt đầu từ móng đất, nền tảng toán học và lập trình vững chắc sâu dày là viên đá tảng để nghiên cứu các thuật toán trí tuệ nhân tạo chuyên sâu đỉnh cao.

24 nét

HÁN VIỆT CƠ SỞ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#310

及时

jí shí

kịp thời, đúng lúc

遇到技术架构疑难问题时及时向资深技术专家请教，可以有效避免走弯路并提高研发效率。
Yù dào jì shù jià gòu yí nán wèn tí shí jí shí xiàng zī shēn jì shù zhuān jiā qǐng jiào, kě yǐ yǒu xiào bì miǎn zǒu wǎn lù bìng tí gāo yán fā xiào lǜ.
Khi gặp phải vấn đề nan giải về kiến trúc kỹ thuật hãy kịp thời xin ý kiến các chuyên gia công nghệ giàu kinh nghiệm, điều này giúp tránh đi đường vòng và tăng hiệu suất nghiên cứu.

24 nét

HÁN VIỆT CẬP THỜI

HSK 3 (3.0)

Phó từ chỉ mức độ

#311

极了

jí le

...hết mức, cực kỳ, vô cùng

登上泰山之巅观看壮美绝伦的日出云海，眼前雄浑辽阔的景象真是壮观极了！
Dēng shàng tài shān zhī diǎn guān kàn zhuàng měi jué lún de rì chū yún hǎi, yǎn qián xióng hún liáo kuò de jǐng xiàng zhēn shì zhuàng guān jí le!
Trèo lên đỉnh Thái Sơn ngắm bình minh biển mây trắng lộng lẫy tuyệt trần, cảnh tượng bao la hùng vĩ trước mắt thực sự là tráng quan hùng vĩ cực kỳ hết mức!

23 nét

HÁN VIỆT CỰC LIỄU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#312

集体

jí tǐ

tập thể

个人的智慧如同水滴，只有融入集体事业的磅礴大海中才能激荡起壮丽的浪花。
Gè rén de zhì huì rú tóng shuǐ dī, zhǐ yǒu róng rù jī tǐ shì yè de páng bó dà hǎi zhōng cái néng jī dàng qǐ zhuàng lì de làng huā.
Trí tuệ của cá nhân tựa như giọt nước nhỏ bé, chỉ khi hòa mình vào đại dương bao la của sự nghiệp tập thể mới có thể cuộn trào nên những ngọn sóng trắng lộng.

16 nét

HÁN VIỆT TẬP THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#313

集中

jí zhōng

tập trung, gom lại

在重大关键核心技术攻坚阶段，必须集中优势科研资源与拔尖领军人才实施重点突破。
Zài zhòng dà guān jiàn hé xīn jì shù gōng gōng jiān jiē duàn, bì xū jí zhōng yōu shì kē yán zī yuán yǔ bá jiān lǐng jūn rén cái shí shī zhòng diǎn tuō pò.
Trong giai đoạn then chốt đột phá các công nghệ lõi trọng điểm, nhất thiết phải tập trung các nguồn lực khoa học ưu việt cùng đội ngũ nhân tài dẫn đầu để tạo bước đột phá.

16 nét

HÁN VIỆT TẬP TRUNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#314

计算

jì suàn

tính toán, suy tính; thuật toán

借助国家超级计算中心的超强算力，气象学家可以在数分钟内完成全球极端天气路径模拟计算。
Jiè zhù guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn de chāo qiáng suàn lì, qì xiàng xué jiā kě yǐ zài shù fēn zhōng nèi wán chéng quán qiú jù jí tiān qì lù jīng mō nǐ jì suàn.
Nhờ vào sức mạnh tính toán siêu việt của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, các nhà khí tượng học có thể hoàn thành việc tính toán mô phỏng đường đi của thời tiết cực đoan toàn cầu chỉ trong vài phút.

25 nét

HÁN VIỆT KẾ TOÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#315

记录

jì lù

ghi chép, ghi lại; biên bản, kỷ lục

在野外生态考察过程中，考察队员们用高精度红外相机详细记录了雪豹种群的活动轨迹。
Zài yě wài shēng tài kǎo chá guò chéng zhōng, kǎo chá duì yuán men yòng gāo jīng dù hóng wài xiàng jī xiàng xī jì lù le xuě bào zhòng qún de huó dòng guī jī.
Trong quá trình khảo sát sinh thái dã ngoại, các thành viên đoàn khảo sát đã dùng máy ảnh hồng ngoại độ nét cao ghi chép chi tiết về quỹ đạo hoạt động của đàn báo tuyết.

23 nét

HÁN VIỆT KÝ LỤC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#316

记者

jì zhě

phóng viên, nhà báo

那位坚守正义的新闻调查记者深入一线暗访数月，终于揭露了一起重大的环境违法污染真相。

Nà wèi jiān shǒu zhèng yì de xīn wén diào chá jì zhě shēn rù yī xiàn àn fǎng shù yuè, zhōng yú jiē lù le yī qì zhòng dà de huán jīng wéi fǎ wū rǎn zhēn xiàng.

Người phóng viên điều tra báo chí kiên định với công lý ấy đã lặn lội thâm nhập thực tế suốt nhiều tháng ròng, cuối cùng cũng phơi bày sự thật về một vụ xả thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT · KÝ GIẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#317

纪录

jì lù

kỷ lục (thể thao, thành tích)

在刚刚结束的全国田径锦标赛百米飞人大战中，年轻选手以优异成绩打破了保持十年的全国纪录。

Zài gāng gāng jié shù de quán guó tián jīng jǐn bǎo sài bǎi mǐ fēi rén dà zhàn zhōng, nián qīng xuǎn shǒu yǐ yōu yì chéng jì dǎ pò le bǎo chí shí nián de quán guó jì lù.

Trong cuộc đua 100m nam tại giải vô địch điền kinh toàn quốc vừa kết thúc, vận động viên trẻ tuổi đã xuất sắc phá vỡ kỷ lục quốc gia được duy trì suốt 10 năm qua.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · KỶ LỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#318

纪念

jì niàn

kỷ niệm, tưởng niệm, đồ lưu niệm

为了隆重纪念这位为人类航天事业做出卓越贡献的伟大先驱，国家建立了航天科技纪念馆。

Wèi le lóng zhòng jì niàn zhè wèi wéi rén lèi háng tiān shì yè zuò chū zhū yuè yuè gòng xiàn de wēi dà xiān qū, guó jiā jiàn lì le háng tiān kē jì jì niàn guǎn.

Nhằm long trọng tưởng niệm vị tiên bối vĩ đại đã có những cống hiến kiệt xuất cho sự nghiệp hàng không vũ trụ nhân loại, Nhà nước đã thành lập Nhà tưởng niệm Khoa học Hàng không Vũ trụ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · KỶ NIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#319

技术

jì shù

kỹ thuật, công nghệ

量子计算与前沿生物医药技术的深度融合，将为人攻克重大疾病带来颠覆性的新希望。

Liàng zǐ jì suàn yǔ qián yán shēng wù yī yào jì shù de shēn dù róng hé, jiāng wéi rén kǎi fú zhòng dà bìng zhòng kè zhòng dà jí bìng dài lái fù gēng xī wàng.

Sự kết hợp sâu sắc giữa điện toán lượng tử và công nghệ y sinh tiên tiến sẽ mang lại niềm hy vọng mang tính bước ngoặt cho nhân loại trong việc đẩy lùi các căn bệnh hiểm nghèo.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · KỸ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#320

继续

jì xù

tiếp tục, duy trì

取得阶段性成果后切忌骄傲自满，我们应当总结宝贵经验，继续向更高更远的目标全力冲刺。

Qǔ dé jiē duàn xìng chéng guǒ hòu qiè jì jiāo ào zì mǎn, wǒ men yīng dāng zōng jié bǎo guì jīng yàn, jì xù xiàng gèng gāo gèng yuǎn de mù biāo quán lì chōng cǐ.

Sau khi đạt được thành quả giai đoạn ban đầu chớ nên tự mãn kiêu căng, chúng ta cần đúc kết kinh nghiệm quý báu và tiếp tục dốc toàn lực bứt phá hướng tới những mục tiêu cao xa hơn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · KẾ TỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#321

加工

jiā gōng

gia công, chế tác, sản xuất gia công

数控五轴联动高精度数控机床能够对大型航空发动机整体叶盘进行微米级高精度复杂曲面加工。

Shù kòng wǔ zhóu lián dòng gāo jīng dù shù kòng jī chuáng néng gòu duì dà xíng háng kōng fā dòng jī zhěng tǐ yè pán jìn xíng wēi mǐ jí gāo jīng dù fù zá qū miàn jiā gōng.

Máy công cụ điều khiển số độ chính xác cao liên kết 5 trục có thể tiến hành gia công các bề mặt cong phức tạp với độ chính xác cao ở cấp độ micromet đối với đĩa cánh quạt liên khối của động cơ hàng không cỡ lớn.

📖 27 nét

HÁN VIỆT · GIA CÔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#322

加快

jiā kuài

đẩy nhanh, tăng tốc, gia tốc

我们要加快实现高水平科技自立自强，打好关键核心技术攻坚战，把科技命脉牢牢掌握在自己手中。

Wǒ men yào jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, dǎ hǎo guān yàn jī zhōng xīn jì shù gōng gōng zhàn, bǎ kē jì mìng mài láo láo zhǎng wǒ zài zì jǐ shǒu zhōng.

Chúng ta phải đẩy nhanh tăng tốc thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, đánh thắng trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt, nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ trong tay mình.

📖 27 nét

HÁN VIỆT · GIA KHOÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#323

加强

jiā qiáng

tăng cường, củng cố, đẩy mạnh

国家大力加强基础学科拔尖创新人才培养，为建设科技强国提供源源不断的战略智力支撑。

Guó jiā dà lì jiā qiáng jī chǔ xué kē bá jiān chuàng xīn rén cái péi yù, wéi jiàn shè kē jì qiáng guó tí gòng yuán yuán bù duàn de zhàn lüè zhì lì zhī chēng.

Nhà nước ra sức tăng cường củng cố đẩy mạnh bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng các môn học cơ bản, mang lại điểm tựa trí tuệ chiến lược liên tục không ngừng cho việc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT · GIA CƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#324

家具

jiā jù

đồ nội thất, đồ gỗ gia dụng

新房装修完毕后，他们特意挑选了一套简约优雅、环保健康的实木原色定制家具。

Xīn fáng zhuāng xiū wán bǎo hòu, tā men tè yì tiāo xuǎn le yī tào jiǎn yuē yōu yǎ, huán bǎo jiàn kāng de shí mù yuán sè dìng zhì jiā jù.

Sau khi căn nhà mới hoàn thiện phần thô nội thất, họ đã chọn một bộ đồ gỗ nội thất đồng riêng từ gỗ tự nhiên mộc mạc thanh lịch và thân thiện với sức khỏe.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · GIA CỤ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#325

家属

jiā shǔ

người nhà, thân nhân, gia đình
 người thân

国家切实落实对长期奋战在高原边防哨所官兵及其家属的优抚优待政策，筑牢拥军优属坚固社会防线。

Guó jiā qiè shí luò shí duì cháng qī fèn zhàn zài gāo yuán biān fáng shào suǒ guān bīng jī qí jiā shǔ de yōu fú yōu dài zhèng cè, zhù láo yōng jūn yōu shǔ jiān gù shè huì fáng xiàn.

Nhà nước thực thi thiết thực các chính sách ưu đãi chăm lo đặc biệt đối với cán bộ chiến sĩ cùng thân nhân gia đình người nhà của họ đang ngày đêm chiến đấu nơi các đồn biên phòng vùng cao nguyên, xây đắp vững chắc phòng tuyến xã hội ủng hộ quân đội chăm lo hậu phương.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : GIA THUỘC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#326

家乡

jiā xiāng

quê hương, quê nhà

无论走得多远，那条清澈见底的小河与村口茂密的大榕树，永远是游子心中最魂牵梦萦的家乡印记。

Wú lùn zǒu dé duō yuǎn, nà tiáo qīng chè jiàn dǐ de xiǎo hé yǔ cūn kǒu máo mì de dà róng shù, yǒng yuǎn shì yóu zǐ xīn zhōng zuì hún qiān mèng yīng de jiā xiāng yìn jì.

Bất luận có đi xa tới đâu, con sông nhỏ nước trong veo nhìn thấu đáy cùng cây đa rậm rạp đầu làng mãi mãi là dấu ấn quê hương da diết nhất trong lòng người con xa xứ.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : GIA HƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#327

价格

jià gé

giá cả, mức giá

在国际大宗商品交易市场上，供求关系的微妙变化会直接引发原油与黄金现货价格的波动。

Zài guó jì dà zōng shāng pīn jiāo yì shì chǎng shàng, gòng qiú guān xì de wēi miào biàn huà huì zhí jiē yīn fā yuán yóu yǔ huáng jīn xiàn huò jià gé de bō dòng.

Trên thị trường giao dịch hàng hóa nguyên liệu quốc tế, sự thay đổi nhỏ trong quan hệ cung cầu sẽ trực tiếp tác động làm biến động giá cả dầu thô và vàng giao ngay.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : GIÁ CÁCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#328

价钱

jià qián

giá tiền, mức giá

平价惠民生鲜超市里的各类绿色新鲜蔬菜品种齐全、价钱公道，深受广大居民欢迎。

Píng jià huì mǐn shēng xiān chāo shì lǐ de gè lèi lǜ sè xīn xiān shū cài pín zhǒng qí quán, jià qián gōng dào, shēn shòu guāng dà jū mǐn huān yíng.

Các loại rau tươi sạch xanh trong siêu thị tươi sống bình ổn giá phục vụ dân sinh chủng loại đầy đủ phong phú, giá tiền mức giá phải chăng hợp lý, được đông đảo cư dân đón nhận nồng nhiệt.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : GIÁ TIỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#329

价值

jià zhí

giá trị

人生的真正价值在于为社会创造了多少福祉与为他人带来了多少温暖，而非单纯积累个人财富。

Rén shēng de zhēn zhèng jià zhí zài yú wèi shè huì chuàng zào le duō shǎo fú zhǐ yǔ wèi tā rén dài lái le duō shǎo wēn nuǎn, ér fēi dān chún jī lěi gè rén cái fù.

Giá trị đích thực của một đời người nằm ở việc đã cống hiến được bao nhiêu phúc lợi cho xã hội và mang lại bao nhiêu hơi ấm cho người khác, chứ không đơn thuần chỉ là tích lũy của cải cá nhân.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : GIÁ TRỊ

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#330

架

jià

chiếc, cái (máy bay, đàn); giá đỡ; bắc (cầu)

在万众瞩目中，又一架国产大型宽体客机平稳降落在国际机场跑道上，圆满完成试飞任务。

Zài wàn zhòng zhǔ mù zhōng, yòu yí jià guó chǎn dà xíng kuān tǐ kè jī píng wěn jiàng luò zài jī chǎng pǎo dào shàng, yuán mǎn wán chéng shì fēi rèn wù.

Trong sự dõi theo của muôn người, lại thêm một chiếc máy bay chở khách thân rộng cỡ lớn do nước nhà sản xuất đã hạ cánh êm thuận xuống đường băng sân bay quốc tế, hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ bay thử.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : GIÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#331

坚持

jiān chí

kiên trì, bền bỉ

只要每天坚持练习听说读写，你的中文综合运用水平就一定取得突破性进展。

Zhǐ yào měi tiān jiān chí liànxí tīng shuō dú xiě, nǐ de zhōng wén zōng hé yòng shuǐ píng jiù yí dìng huì qǔ dé tú pō xīng jìn zhǎn.

Chỉ cần mỗi ngày kiên trì luyện tập nghe nói đọc viết, trình độ ứng dụng tiếng Trung tổng hợp của bạn nhất định sẽ có bước tiến vượt bậc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : KIÊN TRÌ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#332

坚决

jiān jué

kiên quyết, dứt khoát, quả quyết

国家坚决依法严厉打击任何危害粮食安全、生态红线与公共卫生安全的违法犯罪行为。

Guó jiā jiān jué yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé wēi hài liáng shí ān quán, shēng tài hóng xiàn yǔ gōng gòng wèi shēng ān quán de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Nhà nước kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào gây tổn hại tới an ninh lương thực, lẫn ranh dõ sinh thái và an toàn vệ sinh công cộng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : KIÊN QUYẾT

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#333

坚强

jiān qiáng

kiên cường, bất khuất, vững vàng

面对突如其来的重大变故与逆境，她以惊人的毅力展现出了无比坚强乐观的生命姿态。

Miàn duì tū rú qí lái de zhòng dà biàn gù yǔ nǐ jìng, tā yǐ jīng rén de yì lì zhǎn xiàn chū wú bǐ jiān qiáng lè guān de shēng mìng zī tài.

Đứng trước biến cố lớn và nghịch cảnh bất ngờ ập đến, cô đã bằng nghị lực phi thường thể hiện một tư thế sống vô cùng kiên cường và lạc quan.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : KIÊN CƯỜNG



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#334

简单

jiǎn dān

đơn giản

Đây là bài tập ngữ pháp luyện tập. Nhìn qua thì không phức tạp, chỉ cần nắm vững các mẫu câu cơ bản là trả lời được ngay.

Zhè dào Hànyǔ yǔfǎ liànxí títú kàn qǐ lái bìng bù fù zá, zhǐ yào zài jī chǔ jù shì jiù hěn róng yì jiě dá.

Bài tập ngữ pháp tiếng Trung này trông không hề phức tạp chút nào, chỉ cần nắm vững cấu trúc câu cơ bản là trả lời được ngay.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢN ĐƠN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#335

简直

jiǎnzhí

quả thật, quả là, hầu như dường như

Đây là bài tập ngữ pháp luyện tập. Nhìn qua thì không phức tạp, chỉ cần nắm vững các mẫu câu cơ bản là trả lời được ngay.

Zhè xiàng yóu qīng nián tuán duì zì zhǔ gōng kè de gāo jīng mǐ guāng xué fáng zhèn xì tǒng, qí cè liáng jīng zhǔn dù jiǎnzhí dá dào le lìng rén nán yǐ zhì xìn de jí xiàn suǒ zhǔn.

Hệ thống chống rung quang học độ chính xác cao do nhóm thanh niên tự chủ vượt khó chế tạo này có độ chuẩn xác đo đạc quả thật quá là đã đạt tới mức chuẩn giới hạn khiến người ta khó lòng tin nổi.

22 nét

HÁN VIỆT: GIẢN TRỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#336

建

jiàn

xây dựng

老师鼓励大家积极建，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực xây dựng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: KIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#337

建成

jiànchéng

xây dựng hoàn thành, khánh thành hoàn tất

世界最大单口径球面射电望远镜“中国天眼”全面建成并正式投入常态化天文科研观测。

Shì jiè zuì dà kǒu jīng qiú miàn shè diàn wàng yuǎn jīng "zhōng guó tiān yǎn" quán miàn jiàn chéng bìng zhèng shì tóu rù cháng tài huà tiān wén kē yán guān cè.

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ đơn lớn nhất thế giới "Mắt Trời Trung Quốc" (FAST) đã xây dựng hoàn thành khánh thành toàn diện và chính thức đưa vào quan trắc nghiên cứu khoa học thiên văn thường thái hóa.

21 nét

HÁN VIỆT: KIẾN THÀNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#338

建立

jiàn lì

thiết lập, gây dựng, thành lập

在开展国际前沿跨学科科研攻关中，建立高效顺畅的跨机构协同创新机制至关重要。

Zài kāi zhān guó jì qián yán kuà xué kē kē yán gōng guān zhōng, jiàn lì gāo xiào shùn chàng de kuà jī gòu xié tóng chuàng xīn jī zhì zhì guān zhōng yào.

Trong việc triển khai nghiên cứu đột phá liên ngành tiên phong quốc tế, việc thiết lập cơ chế đối mới sáng tạo phối hợp liên viện trường trôi chảy và hiệu quả có ý nghĩa then chốt.

24 nét

HÁN VIỆT: KIẾN LẬP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#339

建设

jiàn shè

xây dựng, kiến thiết, công cuộc xây dựng

推进生态文明建设与绿色可持续发展，功在当代、利在千秋，关乎中华民族永续发展大计。

Tuī jìn shēng tài wén míng jiàn shè yǔ lǜ sè kě chí fā zhǎn, gōng zài dāng dài, lì zài qiān qiū, guān hū zhōng huá mín zú yǒng xù fā zhǎn dà jì.

Đẩy mạnh xây dựng văn minh sinh thái và phát triển xanh bền vững là sự nghiệp lập công ở hiện tại, tạo phúc cho muôn đời sau, gắn liền mật thiết tới đại kế phát triển trường tồn của dân tộc.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN THIẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#340

建议

jiàn yì

kiến nghị, đề xuất, lời khuyên

针对城市老旧街区雨季内涝隐患，政协委员们经过实地考察提出了多条切实可行的改造建议。

Zhēn duì chéng shì lǎo jiù jiē qū yǔ jì nèi lǎo yīn huàn, zhèng xié wěi yuán mēn jīng guò shí dì kǎo chá tí chū le duō tiáo tiáo qiè shí kě xíng de gǎi zào jiàn yì.

Đối với nguy cơ ngập úng mùa mưa tại các khu phố cổ đô thị, các đại biểu sau khi khảo sát thực tế đã đưa ra nhiều kiến nghị để xuất cải tạo mang tính khả thi cao.

21 nét

HÁN VIỆT: KIẾN NGHỊ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#341

将近

jiāng jìn

gần, xấp xỉ, suýt soát (thời gian, số lượng)

中国高速铁路运营总里程已经将近五万公里，稳居全球高速铁路总里程的三分之二以上。

Zhōng guó gāo sù tiě lù yùn yíng zǒng lǐ chéng yí jīng jiāng jìn wú wàn gōng lǐ, wěn jū quán qiú gāo sù tiě lù zǒng lǐ chéng de sān fēn èr zhī yǐ shàng.

Tổng chiều dài vận hành đường sắt cao tốc của Trung Quốc đã xấp xỉ gần 50.000 cây số, vững vàng chiếm hơn 2/3 tổng chiều dài đường sắt cao tốc của toàn thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG CẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#342

将来

jiāng lái

tương lai, sau này

立足当下脚踏实地努力奋斗，才能在将来迎接机遇时拥有从容自信的底气。

Lì zú dāng xià jiǎo tà shí dì nǚ lì fèn dòu, cái néng zài jiāng lái yíng jiē jī yù shí yǒng yǒu cóng róng zì xìn de dǐ qì.

Hãy đứng vững ở hiện tại và chăm chỉ phấn đấu, có như vậy trong tương lai khi cơ hội gõ cửa bạn mới có đủ tự tin và bản lĩnh đón nhận.

21 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG LAI



HSK 3 (3.0)

Động từ

#343

交费

jiāofèi

nộp phí, đóng tiền phí

市民如今通过手机政务服务应用程序，足不出户就能一键完成水电燃气与物业费用的线上交费。

Shì mǐn rú jīn tōng guò shǒu jī zhèng wù fú wù yíng yòng chéng xù, zú bù chū hù jiù néng yí jiàn wán chéng shuǐ diàn rán qì yǔ wù yè fèi yòng de xiàn shàng jiāo fèi.

Người dân ngày nay thông qua ứng dụng dịch vụ hành chính công trên điện thoại di động, chẳng cần bước chân ra khỏi nhà là có thể nộp phí đóng tiền phí dịch vụ quản lý tòa nhà và điện nước gas trực tuyến chỉ bằng một nút bấm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: GIAO PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#344

交警

jiāojǐng

cảnh sát giao thông, CSGT

在暴风雪极端恶劣天气中，执勤交警冒着严寒指挥交通，全力保障广大群众平安出行。Zài bào fēng xuě jí duān è liè tiān qì zhōng, zhí qín jiāo jǐng mào zhe yán hán zhǐ huī jiāo tōng, quán lì bǎo zhàng guāng dà qún zhòng píng ān chū xíng.

Trong thời tiết cực kỳ khắc nghiệt của bão tuyết, các chiến sĩ cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ đã đội giá rét điều khiển giao thông, dốc toàn lực bảo đảm người dân đi lại bình an.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: GIAO CẢNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#345

交流

jiāo liú

giao lưu, trao đổi

语言不仅是传递信息的实用工具，更是促进不同文明互鉴与心灵沟通的交流桥梁。

Yǔ yán bù jǐn shì chuán dì xìn xī de shí yòng gōng jù, gèng shì cù jìn bù tóng wén míng hù jiàn yǔ xīn líng gōu tōng de jiāo liú qiáo liáng.

Ngôn ngữ không chỉ là công cụ hữu dụng để truyền đạt thông tin, mà hơn thế nữa còn là nhịp cầu giao lưu thúc đẩy sự học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh và kết nối tâm hồn.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: GIAO LƯU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#346

交往

jiāo wǎng

giao lưu, qua lại, quan hệ tiếp xúc qua lại

在推进共建“一带一路”高质量发展进程中，各国人民之间的友好往来与人文交往不断深化。

Zài tuī jìn gòng jiàn "yī dài yí lù" gāo zhì liàng fā zhǎn jìn chéng zhōng, gè guó rén mín zhī jiān de yǒu hǎo wǎng lái yǔ rén wén jiāo wǎng bú duàn shēn huà.

Trong tiến trình thúc đẩy phát triển chất lượng cao cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường', sự qua lại hữu nghị cùng giao lưu nhân văn giữa nhân dân các nước không ngừng được làm sâu sắc hơn.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: GIAO VẮNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#347

交易

jiāo yì

giao dịch, mua bán trao đổi

全国碳排放权交易市场运行平稳有序，有效发挥了利用市场机制推动全社会绿色低碳转型的枢纽作用。

Quán guó tàn pái fàng quán jiāo yì shì chǎng yún xíng píng wěn yǒu xù, yǒu xiào fā huī le lì yòng shì chǎng jī zhì tuī dòng quán shè huì lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng de shǔ niǔ zuǒ yòng.

Thị trường giao dịch quyền phát thải carbon toàn quốc vận hành ổn định trật tự, phát huy hiệu quả vai trò đầu mối vận dụng cơ chế thị trường để thúc đẩy toàn xã hội chuyển đổi xanh ít phát thải.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: GIAO DỊCH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#348

较

jiào

so sánh

老师鼓励大家积极较，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ dà jiā jī jǐ jiào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực so sánh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: GIẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#349

教材

jiào cái

giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy

这套国家规划重点教材紧扣时代科技前沿，理论体系严谨扎实且配备了丰富的数字化教学资源。

Zhè tào guó jiā guī huà zhòng diǎn jiào cái jǐn kòu shí dài kē jì qián yán, lǐ lùn tǐ xì yán zhǐ qián yán, lì lùn tǐ xì yán zhǐ qián yán.

Bộ giáo trình trọng điểm cấp quốc gia này bám sát mũi nhọn khoa học công nghệ của thời đại, hệ thống lý luận chặt chẽ vững vàng và được trang bị phong phú các nguồn học liệu số hóa đi kèm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: GIÁO TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#350

教练

jiào liàn

huấn luyện viên; huấn luyện

国家游泳队资深教练根据每位运动员的身体机能指标，量身定制了个性化的体能与专项技术训练方案。

Guó jiā yóu yǒng duì zī shēn zǒng jiào liàn gēn jù měi wèi yùn dòng yuán de shēn tǐ jī néng zhǐ biāo, liàng shēn dìng zhì le gè xīng huà de tǐ néng yǔ zhuān xiàng jì shù xùn liàn fāng àn.

Tổng huấn luyện viên giàu kinh nghiệm của đội tuyển bơi lội quốc gia căn cứ theo chỉ số thể trạng của từng vận động viên đã thiết kế riêng phương án rèn luyện thể lực và kỹ thuật chuyên sâu cá nhân hóa.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: GIÁO LUYỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#351

接待

jiē dài

tiếp đón, tiếp đãi, đón tiếp

国际青年志愿者团队以热情周到、专业规范的涉外礼仪，圆满完成了本届博览会的国际贵宾接待任务。

Guó jì qīng nián zhì yuàn zhē tuán duì yǐ rè qíng zhōu dào, zhuān yè guī fàn de shè wài lǐ yí, yuán mǎn wán chéng le běn jiè bó lǎn huì de guó jì guī bīn jiē dài rèn wù.

Đội ngũ tình nguyện viên thanh niên quốc tế bằng phong thái lễ tân đối ngoại niềm nở chu đáo và chuyên nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp đón các vị khách quý quốc tế tại hội chợ triển lãm lần này.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TIẾP ĐÃI



HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#352

接近

jiē jìn

tiếp cận, gần kề, xấp xỉ

经过多轮技术优化，该国产人工智能大语言模型在多项专业基准测评中的综合表现已经接近国际顶尖水平。

Jīng guò duō lún jì shù yōu huà, gāi guó chān rén gōng zhī néng dà yǔ yán mó xíng zài duō xiàng zhuān yè jī zhūn cè píng zhōng de zōng hé biǎo xiàn yì jīng jiē jìn guó jì dīng jiān shuǐ píng.

Sau nhiều vòng tối ưu hóa công nghệ, sự thể hiện tổng thể của mô hình ngôn ngữ lớn trí tuệ nhân tạo nội địa này trên nhiều bài kiểm thử tiêu chuẩn chuyên ngành đã tiệm cận mức hàng đầu thế giới.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TIẾP CẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#353

节约

jié yuē

tiết kiệm

随手关灯、节约每一度电和每一滴水，是我们每个人都可以身体力行的环保好习惯。

Suí shǒu guān dēng, jié yuē měi yí dù diàn hé měi yí dī shuǐ, shì wǒ men měi gè rén dōu kě yǐ shēn tǐ lì xíng de huán bǎo hào xí guān.

Tắt đèn khi ra khỏi phòng, tiết kiệm từng số điện và từng giọt nước là thói quen sống xanh mà mỗi chúng ta đều có thể dễ dàng thực hành hàng ngày.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TIẾT YUÊ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#354

结合

jié hé

kết hợp, gắn kết

将深厚扎实的理论基础与鲜活生动的工程实践紧密结合，是培养卓越工程师的关键路径。

Jiāng shēn hòu zhā shí de lǐ lùn jī chǔ yǔ xiān huó shēng dòng de gōng chéng shí jiàn jīn mì jié hé, shì péi yǎng zhuó yuè gōng chéng shī de guān jiàn lù jīng.

Việc gắn kết chặt chẽ giữa nền tảng lý thuyết sâu rộng vững chắc với thực tiễn kỹ thuật công trình sinh động là con đường then chốt để đào tạo nên những kỹ sư xuất sắc.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: KẾT CÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#355

结婚

jié hūn

kết hôn

哥哥和相恋多年的大学同窗好友上个月在海边举行了浪漫的婚礼，正式结婚了。

Gēgē hé xiāng liàn duō nián de dà xué tóng chuāng hǎo yǒu shàng yuè zài hǎi biān jǔ xíng le làng mǎn de hūnlǐ, zhèng shì jié hūn le.

Anh trai và người bạn gái thời đại học gần bó nhiều năm tháng trước đã tổ chức một hôn lễ lãng mạn bên bờ biển, chính thức kết hôn rồi.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: KẾT HÔN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#356

结实

jiē shí

chắc chắn, bền chắc, rắn rỏi

这套采用传统榫卯工艺手工精制的全实木书架不仅古朴典雅，而且结实耐用、历久弥坚。

Zhè tào cǎi yòng chuán tǒng sǔn mǎo gōng yì shǒu gōng jīng zhì de quán shí mù shù jiǎ bù jīn gǔ piǎo diǎn yǎ, ér qiě jiē shí nài yòng, lì jiǔ mí jiān.

Bộ giá sách gỗ thật tự nhiên làm thủ công bằng kỹ thuật mộng ngàm cổ truyền này không chỉ cổ kính tao nhã mà còn vô cùng chắc chắn, bền bỉ cùng thời gian.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: KẾT THỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#357

结束

jié shù

kết thúc, khép lại hoàn thành

经过为期五天的精彩学术研讨与成果交流，首届国际青年科技创新论坛在全场热烈掌声中圆满结束。

Jīng guò wéi qī wǔ tiān de jīng cǎi xué shù yán tǎo yǔ chéng guó jiāo liú, shǒu jiè guó jì qīng nián kē jì chuàng xīn lùn tán zài quán chǎng rè liè zhǎng shēng zhōng yuán mǎn jié shù.

Trải qua 5 ngày trao đổi thành quả và hội thảo học thuật đặc sắc, Diễn đàn Đổi mới Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật Thanh niên Quốc tế lần thứ nhất đã kết thúc khép lại mỹ mãn trọn vẹn trong tràng pháo tay nhiệt liệt của toàn thể khán phòng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: KẾT THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#358

解决

jiě jué

giải quyết

只要大家集思广益、团结协作，再复杂的难题也终将迎刃而解。

Zhǐ yào dà jiā jí sī guǎng yì, tuán jié zuó tuān, zài fù zá de nán tí yě zhōng jiāng yíng rèn ér jiě.

Chỉ cần mọi người cùng góp sức đóng góp ý kiến và đoàn kết hợp tác, nan đề phức tạp đến đâu rồi cũng sẽ được giải quyết ổn thỏa.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: GIẢI QUYẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#359

解开

jiě kāi

mở ra, tháo cởi; giải mã (bí ẩn)

古生物学家通过对远古生物化石的高精度断层扫描，成功解开了该物种早期演化的核心生命奥秘。

Gǔ shēng wù xué jiā tōng guò duì yuǎn gǔ shēng wù huà shí de gāo jīng dù duàn céng sǎo miáo, chéng gōng jiě kāi le gāi wù zhǒng zǎo qī yǎn huà de hé xīn shēng mìng ào mì.

Các nhà cổ sinh vật học thông qua việc chụp cắt lớp độ chính xác cao đối với hóa thạch sinh vật cổ đại đã giải mã mở ra thành công bí ẩn sinh mệnh cốt lõi về sự tiến hóa giai đoạn đầu của loài này.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: GIẢI KHAI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#360

金

jīn

vàng

老师鼓励大家积极金，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī jīn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vàng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: KIM



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#361

金牌

jīnpái

huy chương vàng, giải vàng

在国际奥林匹克数学与物理竞赛中，我国青年代表队凭借扎实功底与出色发挥包揽了全部金牌。

Zài guó jì ào lín pǐ kè shù xué yǔ wù lǐ jìng sài zhōng, wǒ guó qīng nián dài biào duì píng jì jiē zhā shí gōng dī yǔ chū sè fā huī bāo lǎn le quán bù jīn pái.

Trong Kỳ thi Olympic Toán học và Vật lý Quốc tế, đội tuyển đại diện thanh niên nước ta nhờ vào nền tảng vững vàng và phong độ xuất sắc đã thu tóm toàn bộ huy chương vàng giải vàng.

21 nét

HÁN VIỆT: KIM BÀI

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#362

仅

jǐn

chỉ, chỉ có vồn vẹn

乘坐新一代时速六百公里高速磁浮试验列车，从北京到上海全程运行时间仅需两个半小时。

Chéng zuò xīn yí dài shí sù liù bǎi gōng lǐ gāo sù cí fú shì yàn liè chē, cóng běi jīng dào shàng hǎi quán chéng yùn xíng shí jiān jǐn xū liǎng gè bàn xiǎo shí.

Ngồi trên đoàn tàu thử nghiệm đệm từ cao tốc thế hệ mới vận tốc 600 km/h, toàn bộ thời gian chạy từ Bắc Kinh đến Thượng Hải chỉ vồn vẹn mất hai tiếng rưỡi đồng hồ.

13 nét

HÁN VIỆT: CẬN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#363

仅仅

jǐnjǐn

chỉ, vồn vẹn chỉ là

科学研究不仅仅是发表学术论文，更重要的是将科研成果切实转化为造福人民的实际生产力。

Kē xué yán jiū bù jǐn jǐn shì fā biāo xué shù lùn wén, gèng zhòng yào de shì jiāng kē yán chéng guǒ qiè shí zhuān huà wéi zào fú rén mín de shí jì shēng chǎn lì.

Nghiên cứu khoa học không chỉ vồn vẹn chỉ là công bố các bài báo luận văn học thuật, mà điều quan trọng hơn là phải chuyển hóa thiết thực thành quả nghiên cứu khoa học thành lực lượng sản xuất thực tế mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

26 nét

HÁN VIỆT: CẬN CẬN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#364

尽量

jǐn liàng

hết sức, cố gắng tối đa, hết mức có thể

在日常饮食中我们应当尽量减少高糖、高盐与高油腻食品的摄入，坚持清淡健康的饮食习惯。

Zài rì cháng yǐn shí zhōng wǒ men yīng dāng jǐn liàng jiǎn shǎo gāo táng, gāo yán yǔ gāo yóu nì shí pǐn de shè rù, jiān chí qīng dàn jiàn kāng de yǐn shí xí guān.

Trong chế độ ăn uống hàng ngày chúng ta nên cố gắng hết sức giảm thiểu việc dung nạp các loại thực phẩm nhiều đường, nhiều muối và dầu mỡ, duy trì thói quen ăn uống thanh đạm lành mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: TẬN LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#365

紧

jǐn

chật, khít; gấp, khẩn trương, sát nút

虽然本次跨国联合研发攻关的时间表非常紧迫，但团队全体成员依然信心百倍、斗志昂扬。

Suī rán běn cì kuà guó lián hé yán fā gōng guān de shí jiān biǎo fēi cháng jǐn pò, dàn tuán duì quán tǐ chéng yuán yī rán xìn xīn bǎi bèi, dòu zhì áng yáng.

Mặc dù mốc thời gian biểu của đợt phối hợp nghiên cứu phát triển xuyên quốc gia lần này vô cùng gấp gáp, nhưng toàn thể thành viên trong nhóm vẫn tràn đầy tự tin và ngùn ngụt khí thế quyết tâm.

8 nét

HÁN VIỆT: KHẨN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#366

紧急

jǐn jí

khẩn cấp, cấp bách

遇到极端暴雨导致的地质灾害险情时，应急防汛指挥部会立即启动紧急人员疏散预案。

Yù dào jí duān bào yǔ dǎo zhì de dì zhì zāi hài xiǎn qīng shí, yìng jí fáng xùn zhǐ huī bù huì lǐ jí qǐ dòng jǐn jí rén yuán sǎn yù àn.

Khi gặp phải nguy cơ thảm họa địa chất do mưa bão cực đoan gây ra, ban chỉ huy phòng chống thiên tai khẩn cấp sẽ lập tức kích hoạt phương án sơ tán người dân khẩn cấp.

17 nét

HÁN VIỆT: KHẨN CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#367

紧张

jǐn zhāng

căng thẳng, hồi hộp

登上国际学术演讲台前他感到心跳加速十分紧张，但深呼吸几次后便迅速调整到了最佳状态。

Dēng shàng guó jì xué shù yǎn jiǎng tái qián tā gǎn dào xīn tiào jiǎ sù shí fēn jǐn zhāng, dàn shēn hū xī jǐ cì hòu biàn xùn sù tiáo zhěng dào le zuì jīa zhuàng tài.

Trước khi bước lên bục diễn thuyết học thuật quốc tế anh ấy cảm thấy tim đập nhanh hồi hộp căng thẳng, nhưng sau vài hơi thở sâu đã nhanh chóng lấy lại phong độ tốt nhất.

22 nét

HÁN VIỆT: KHẨN TRƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#368

近期

jìn qī

thời gian gần đây, dạo gần đây, ngắn hạn

国家科技部近期将正式发布面向未来十年的前沿量子信息与类脑计算重大专项申报指南。

Guó jiā kē jì bù jìn qī jiāng zhèng shì fā bù miàn xiàng wèi lái shí nián de qián yán liàng zǐ xìn xī yǔ lèi nǎo jì suàn zhòng dà zhuān xiàng shēng bào zhǐ nán.

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia trong thời gian gần đây dạo gần đây sẽ chính thức công bố bản hướng dẫn đăng ký chuyên án trọng đại tính toán phỏng não và thông tin lượng tử tiên phong hướng tới mười năm tới.

22 nét

HÁN VIỆT: CẬN KỲ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#369

进步

jìn bù

tiến bộ, tiến bước, sự tiến bộ

只要每天坚持比昨天多掌握一点新知识、多解决一个新问题，日积月累就必定能取得长足的进步。

Zhǐ yào měi tiān jiān chí bǐ zuó tiān duō zhǎng wò yí diǎn xīn zhī shí, duō jiě jué yí gè xīn wèn tí, rì jī yuè lěi jù bì dìng néng qǔ dé cháng zú de jìn bù.

Chỉ cần mỗi ngày kiên trì nắm vững thêm một chút kiến thức mới, giải quyết thêm một bài toán mới so với ngày hôm qua, thì tích lũy ngày qua ngày nhất định sẽ gặt hái được sự tiến bộ vượt bậc.

20 nét

HÁN VIỆT: TIẾN BỘ



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#370

进一步

jìnyíbù

tiến thêm một bước, sâu hơn nữa

为了进一步激发全社会创新创造活力，国家出台了一系列大力支持青年科研骨干挑大梁的政策措施。

Wèi le jìn yí bù jī fā quán shè huì chuàng xīn chuàng zào huó lì, guó jiā chū tái le yí xiè dà liáng zhī chí qīng nián kē yán gǔ dàn tiāo dà liáng de zhèng cè cuò shī.

Nhằm tiến thêm một bước khơi dậy sâu hơn nữa sức sống đổi mới sáng tạo của toàn xã hội, nhà nước đã ban hành một loạt chính sách biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ các cán bộ nghiên cứu khoa học nòng cốt trẻ tuổi gánh vác trọng trách lớn.

32 nét

HÁN VIỆT: TIẾN NHẤT BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#371

进展

jìn zhǎn

tiến triển, bước tiến, sự phát triển

我国在新一代全超导托卡马克核聚变实验装置运行中取得了突破性进展，再次刷新了世界纪录。

Wǒ guó zài xīn yí dài quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kē hé jù biàn shí yàn chuāng zhì yù n xíng zhōng qǔ dé le tú pò xìng jìn zhǎn, zài cì shuā xīn le shì jiè jì lù.

Nước ta trong việc vận hành thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân Tokamak siêu dẫn toàn phần thế hệ mới đã đạt được bước tiến triển mang tính đột phá, một lần nữa làm mới kỷ lục thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT: TIẾN TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#372

京剧

jīng jù

Kinh kịch

作为中国传统戏曲艺术的杰出代表，京剧融合了唱念做打等极其丰富高超的艺术表现形式。

Zuò wéi zhōng guó chuán tǒng xì qǔ yì shù de jié chū dài biǎo, jīng jù róng hé le cháng niàn zuò dǎ děng jí qí fēng fù gāo chāo de yì shù biǎo xiàn xíng shì.

Là đại diện tiêu biểu xuất sắc của nghệ thuật sân khấu cổ truyền Trung Hoa, Kinh kịch kết tinh những hình thức biểu diễn nghệ thuật phong phú và đỉnh cao như xướng, niệm, tố, đả.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#373

经济

jīng jì

kinh tế

大力发展数字经济与绿色低碳产业正在成为推动全球高质量可持续发展的新引擎。

Dà lì fā zhǎn shù zì jīng jì yǔ lǜ sè dī tàn chǎn yè zhèng zài chéng wéi tuī dòng quán qiú gāo zhì liàng chí xù fā zhǎn de xīn yīn qíng.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế số và các ngành công nghiệp xanh giảm phát thải carbon đang trở thành động cơ mới thúc đẩy sự phát triển bền vững chất lượng cao toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: KINH TẾ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#374

经历

jīng lì

trải nghiệm, kinh qua, từng trải

青年时期在偏远山区支教志愿服务的宝贵经历，彻底改变了他对人生价值观的深层理解。

Qīng nián shí qī zài piān yuǎn shān qū zhī jiào zhì yuàn fú wù de bǎo qù jīng lì, chè dǐ gǎi biàn le tā duì rén shēng jià zhī guān de shēn céng lǐ jiě.

Trải nghiệm quý báu khi đi tình nguyện dạy học ở vùng cao hẻo lánh thời trẻ đã làm thay đổi hoàn toàn nhận thức sâu sắc của anh ấy về các giá trị nhân sinh.

24 nét

HÁN VIỆT: KINH LỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#375

经验

jīng yàn

kinh nghiệm

这位资深主刀医生在复杂心脏微创外科手术领域积累了三十余年极其深厚的临床实践经验。

Zhè wèi zī shēn zhǔ dāo yī shēng zài fù zá xīn zāng wēi chuāng wài kē shù shù lǐng yù jī lěi le sān shí yǔ nián jí qí shēn hòu de lín chuāng shí jiàn jīng yàn.

Bác sĩ phẫu thuật chính giàu kinh nghiệm này đã tích lũy hơn 30 năm kinh nghiệm thực hành lâm sàng vô cùng sâu dày trong lĩnh vực phẫu thuật tim vi phẫu phức tạp.

20 nét

HÁN VIỆT: KINH NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#376

经营

jīng yíng

kinh doanh, quản lý điều hành

企业唯有坚持诚信守法经营、注重自主创新与品质至上，才能在激烈的市场浪潮中基业长青。

Qǐ yè wéi yǒu jiān chí chéng xìn shǒu fǎ jīng yíng, zhòng zhòng zì zhǔ chuàng xīn yǔ pǐn zhì zhì shàng, cái néng zài jī lì de shì chǎng làng cháo zhōng jī yè cháng qīng.

Doanh nghiệp chỉ khi kiên trì kinh doanh bằng chữ tín thượng tôn pháp luật, chú trọng đổi mới tự chủ và chất lượng là trên hết mới có thể phát triển sự nghiệp trường tồn giữa sóng gió thương trường.

25 nét

HÁN VIỆT: KINH DOANH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#377

精彩

jīng cǎi

đặc sắc, tuyệt vời, xuất sắc

昨晚两支世界顶级足球俱乐部联袂奉献了一场高潮迭起、精彩绝伦的巅峰对决。

Zuó wǎn liǎng zhī shì jiè dǐng jí zú qiú jù bù lián mèi fèng xiàn le yí chǎng gāo cháo dié qǐ, jīng cǎi jué lún de diǎn fēng duì jué.

Tối qua hai câu lạc bộ bóng đá hàng đầu thế giới đã cùng nhau cống hiến một trận cầu đỉnh cao kịch tính đến nghẹt thở và vô cùng đặc sắc.

18 nét

HÁN VIỆT: TINH THÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#378

精神

jīng shén

tinh thần, nghị lực, phấn chấn

那种面对逆境百折不挠、勇攀科学高峰的奉献精神，永远值得我们每一个人学习与传承。

Nà zhǒng miàn duì nǐ jìng bǎi zhé bù náo, yǒng pān kē xué gāo fēng de fèng xiàn jīng shén, yǒng yuǎn zhí de wǒ men měi yí gè rén xué xí yǔ chuán chéng.

Tinh thần cống hiến kiên cường bất khuất trước nghịch cảnh và dũng cảm chinh phục đỉnh cao khoa học ấy mãi mãi xứng đáng để mỗi chúng ta học tập và kế thừa.

20 nét

HÁN VIỆT: TINH THẦN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#379

景色
jǐng sè

cảnh sắc, phong cảnh

深秋时节漫步在香山红叶栈道上，漫山遍野
层林尽染，壮美秀丽的秋日景色令人流连忘返。

Shēn qiū shí jié màn bù zài xiāng shān hóng yè
zhàn dào shàng, mǎn shān biàn yě céng lín jìn
rǎn, zhuàng měi xiù lì de qiū rì jǐng sè lìng rén liú
lián wàng fǎn.

Mùa thu muộn dạo bước trên lối mòn ngắm lá
phong đỏ núi Hương Sơn, khắp núi đổi
nhuộm thắm sắc đỏ vàng rực rỡ, cảnh sắc
mùa thu trắng lệt tươi đẹp khiến người ta say
dắm quên cả lối về.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CẢNH SẮC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#380

警察
jīng chá

cảnh sát, công an

交通警察顶着烈日严寒坚守在繁忙的十字路口
指挥交通，为市民的安全顺畅出行保驾护航。

Jiāo tōng jǐng chá dǐng zhe lì rì yán hán jiān shǒu
zài fán máng de shí zì lù kǒu zhǐ huī jiāo tōng, wèi
shì mǐn de ān quán shùn chāng chū xíng bǎo wǎng hù
háng.

Các chiến sĩ cảnh sát giao thông dãi dãi
dưới nắng gắt mưa rét kiên trì bám chốt chỉ
huy phương tiện tại các ngã tư đông đúc, giữ
gìn an toàn cho việc đi lại của người dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CẢNH SÁT

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#381

静
jìng

yên tĩnh, thanh tịnh, tĩnh tâm

非淡泊无以明志，非宁静无以致远；科研工作
者需要耐得住寂寞、保持一颗专注沉静的
治学之心。

Fēi dàn bó wú yǐ míng zhì, fēi níng jìng wú yǐ zhì
yuǎn; kē yán gōng zuò zhě xū yào nài dé zhù jì
mò, bǎo chí yī kē zhuān zhù chén jìng de zhì xué
zhī xīn.

Không đạm bạc thì không thể sáng tỏ chí
hướng, không tĩnh lặng thanh tịnh thì không
thể đi được tới bước đường xa xôi; người làm
nghiên cứu khoa học cần phải chịu được sự
cô đơn quạnh quẽ, giữ vững một trái tim làm
học vấn trầm tĩnh và chuyên chú.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: TĨNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#382

久
jiǔ

lâu rồi

老师鼓励大家积极久，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de
zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
lâu rồi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: CỬU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#383

旧
jiù

cũ, xưa, đã qua sử dụng

城市更新改造项目在保留历史古建筑旧貌风
采的同时，全面升级了社区管网与现代化公
共服务设施。

Chéng shì gēng xīn gǎi zào xiàng mù zài bǎo liú lì
shǐ gù jiàn zhù jiù mào fēng cǎi de tóng shí, quán
miàn shēng jí le shè qū guǎn wǎng yǔ xiàn dài
huà gōng gòng fú wú shè shī.

Dự án cải tạo làm mới đô thị trong khi giữ
nguyên phong thái diện mạo cũ của các
công trình kiến trúc cổ lịch sử, đã nâng cấp
toàn diện mạng lưới đường ống cùng các cơ
sở dịch vụ công cộng hiện đại hóa của khu
dân cư.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: CỰU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#384

救
jiù

cứu, cứu giúp, cứu chữa, cứu nạn

人民至上、生命至上；在特大自然灾害抢险
救援一线，国家救援队全力以赴搜救每一
位受困群众。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng; zài
tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù yuán yī xiàn, guó
jiā jiù yuán duì yuǎn quán lì yì fú sǒu jiù měi yí wèi
shòu kùn qún zhòng.

Nhân dân là trên hết, sinh mệnh là trên hết;
trên tuyến đầu cứu hộ khẩn cấp thiên tai đặc
biệt lớn, các đội viên cứu hộ cứu nạn quốc
gia đã dốc toàn tâm toàn lực tìm kiếm cứu
giúp cứu nạn từng người dân bị mắc kẹt.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: CỬU

HSK 3
(3.0)

Phó từ / Liên từ / Trợ
từ

#385

就是
jiùshì

chính là; cứ, dẫu là; chỉ là

科技创新的根本目的，就是要让广大人民群众
过上更加幸福、更加美好的高品质现代生
活。

Kē jī chuàng xīn de gēn běn mù dì, jiù shì yào
ràng guāng dà rén mín qún zhòng guò shàng
gèng jiā xìng fú, gèng jiā měi hǎo de gāo pīn zhì
xiàn dài shēng huó.

Mục đích căn bản của đổi mới sáng tạo khoa
học công nghệ chính là để đồng đạo quần
chúng nhân dân được sống một cuộc sống
hiện đại chất lượng cao tươi đẹp và hạnh
phúc hơn.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỰU THÌ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#386

就业
jiù yè

việc làm, giải quyết việc làm, tìm
việc làm

国家坚持实施就业优先战略，强化对高校毕
业生、退役军人与农民工等重点群体的全方
位就业支持服务。

Guó jiā jiān chí shí shī jiù yè yōu xiān zhàn lüè,
qiáng huà duì gāo xiào bì yè yě shēng, tuì yì jūn rén
yǔ nóng mǐn gōng děng zhòng diǎn qún tǐ de
quán fāng wèi jiù yè yě zhī chí fú wú.

Nhà nước kiên trì thực thi chiến lược ưu tiên
việc làm, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ giải
quyết việc làm toàn diện cho các nhóm đối
tượng trọng điểm như sinh viên tốt nghiệp
đại học, quân nhân xuất ngũ và lao động
nông thôn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TỰU NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#387

举办
jǔ bàn

tổ chức, đăng cai

为深化全球青年学者交流互鉴，北京大学定
于下个月隆重举办国际汉学高端学术研讨
会。

Wèi shēn huà quán qiú qīng nián xué zhě jiāo liú
hù jiàn, běi jīng dà xué dīng yú xià gè yuè lóng
zhòng jǔ bàn guó jì hàn xué gāo duān xué shù
yán tao huì.

Nhằm thắt chặt giao lưu học thuật giữa các
học giả trẻ quốc tế, Đại học Bắc Kinh dự kiến
sẽ long trọng tổ chức Hội thảo học thuật cấp
cao về Hán học quốc tế vào tháng tới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CỬ BIỆN



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#388

具体

jù tǐ

cụ thể, chi tiết, rành mạch

在制定重大工程实施计划时，必须明确各个时间节点的具体交付成果与责任人分工。

Zài zhì dìng zhòng dà gōng chéng shí shī jì huà shí, bì xū míng què gè gè shí jiān jié diǎn de jù tǐ jiāo fù chéng guǒ yǔ zé rèn rén fēn gōng.

Khi lập kế hoạch triển khai công trình trọng đại, nhất thiết phải xác định rành mạch các sản phẩm bàn giao cụ thể cùng sự phân công người chịu trách nhiệm tại từng mốc thời gian.

18 nét

HÁN VIỆT: CỤ THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#389

具有

jù yǒu

sở hữu, có được, mang tính (đặc điểm, ý nghĩa)

这项由我国科学家自主研发的深海极端环境探测装备，具有世界领先的高精度感知与抗高压性能。

Zhè xiàng yóu wǒ guó kē xué jiā zì zhǔ yán fā de shēn hǎi jí duān huán jìng tàn cè zhuāng bèi, jù yǒu shì jiè líng xiān de gāo jīng dù gǎn zhī yǔ kàng gāo yā xìng néng.

Thiết bị thám trắc môi trường cực đoan biển sâu do các nhà khoa học nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo này sở hữu có được tính năng chịu áp lực cao và cảm nhận độ chính xác cao dẫn đầu thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: CỤ HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#390

剧场

jù chǎng

nhà hát, rạp hát sân khấu

在新建成的国家级现代化艺术剧场内，观众们屏息凝神地欣赏着精彩绝伦的民族芭蕾舞剧。

Zài xīn jiàn chéng de guó jiā jí xiàn dài huà yì shù jù chǎng nèi, guān zhòng men bǐng xī níng shén dì xīn shǎng zhe jīng cǎi jué lún de mín zú bā lěi wǔ jù.

Bên trong nhà hát rạp hát nghệ thuật hiện đại hóa cấp quốc gia mới xây, khán giả nín thở chăm chú thưởng thức buổi biểu diễn kịch múa ba lê dân tộc đặc sắc tuyệt đỉnh.

20 nét

HÁN VIỆT: KỊCH TRÀNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#391

据说

jù shuō

nghe nói, tương truyền

据说这座坐落于崇山峻岭之间的千年古刹始建于东汉末年，至今完整保留着珍贵的古壁画遗存。

Jù shuō zhè zuò zuò luò yú chóng shān jùn lǐng zhī jiān de qiān nián gǔ chà shǐ jiàn yú dòng hàn mò nián, zhì jīn wán zhěng bǎo liú zhe zhēn guī de gǔ bì huà yí cún.

Nghe nói ngôi chùa cổ ngàn năm tọa lạc giữa chốn non cao trùng điệp này được khởi lập từ cuối thời Đông Hán, đến nay vẫn bảo tồn nguyên vẹn những di sản bích họa cổ vô giá.

20 nét

HÁN VIỆT: CƯ THUYẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#392

决定

jué dìng

quyết định

经过慎重的权衡与全家人的充分沟通，他毅然决定去北京大学深造。

Jīng guò shèn zhòng de quán héng yǔ quán jiā rén de chōng fèn gōu tōng, tā yì rán jué dìng qù Běi jīng Dà xué shēn zào.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và trao đổi thấu đáo cùng cả gia đình, bạn ấy đã dứt khoát quyết định đến Đại học Bắc Kinh học nâng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#393

决赛

jué sài

trận chung kết, vòng chung kết

在世界机器人大赛青少年总决赛的赛场上，参赛选手沉着冷静地调试算法、精准操控机械臂完成高难度挑战。

Zài shì jiè jī qì rén dà sài qīng shào nián zǒng jué sài de sài chǎng shàng, cān sài xuǎn shǒu chén zhùo lěng jìng dì tiáo shì suàn fǎ, jīng zhǔn cāo kòng jī xié bì wán chéng gāo nán dù tiǎo zhàn.

Trên sân thi đấu trận chung kết Cuộc thi Robot Thế giới dành cho thanh thiếu niên, thí sinh đã điềm tĩnh hiệu chỉnh thuật toán, điều khiển cánh tay robot chuẩn xác để hoàn thành thử thách độ khó cao.

26 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#394

决心

jué xīn

quyết tâm, lòng quyết tâm

无论前进道路上面临多么复杂的外部环境与风险挑战，我们坚定不移推进高质量发展的决心坚如磐石。

Wú lùn qián jìn dào lù miàn lín duō me fù zá de wài bù huán jīng yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, wǒ men jiān dìng bù yí tuī jìn gāo zhì liàng fā zhǎn de jué xīn jiān rú pán shí.

Bất luận chặng đường phía trước đối mặt với môi trường bên ngoài phức tạp và muôn vàn thách thức rủi ro đến đâu, quyết tâm kiên định đẩy mạnh phát triển chất lượng cao của chúng ta vẫn vững chắc như bàn thạch.

23 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT TÂM

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#395

绝对

jué duì

tuyệt đối, hoàn toàn

在涉及国家核心数据与公民个人隐私安全的高标准防护中，必须做到全流程绝对保密与安全可控。

Zài shè jí guó jiā hé xīn shù jù yǔ gōng mín gēn gē yīn sī ān quán de gāo biāo zhǔn fáng hù zhōng, bì xū zuò dào quán liú chéng jué duì bǎo mì yǔ ān quán kě kòng.

Trong công tác bảo vệ tiêu chuẩn cao liên quan đến dữ liệu cốt lõi quốc gia và an toàn thông tin riêng tư cá nhân của công dân, nhất thiết phải thực hiện bảo mật tuyệt đối và an toàn tự chủ trong toàn bộ quy trình.

24 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT ĐỐI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#396

咖啡

kā fēi

cà phê

你想喝咖啡吗?

Nǐ xiǎng hē kāfēi ma?

Bạn muốn uống cà phê không?

22 nét

HÁN VIỆT: CÀ PHÊ



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#397

开发

kāi fā

khai phát, phát triển, lập trình (phần mềm)

研发团队成功开发出了具有完全自主知识产权的新一代全栈式分布式数据库系统。

Yán fā tuán duì chéng gōng kāi fā chū le jù yǒu wán quán zì zhǔ quán quán zì zhǔ fēn bù shì fēn bù shì dàtǔ cù database xìtǒng.

Đội ngũ nghiên cứu phát triển đã phát triển lập trình thành công hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán toàn diện thể hệ mới sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI PHÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#398

开放

kāi fàng

mở cửa, rộng mở, phóng khoáng; nở (hoa)

中国始终坚定不移推进高水平对外开放, 与世界各国共享超大规模市场的发展红利。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bǔ yí tuī jìn gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, yǔ shì jiè gòng xiǎng chāo dà guī mó shì chǎng de fā zhǎn hóng lì.

Trung Quốc luôn kiên định không ngừng đẩy mạnh mở cửa đối ngoại ở trình độ cao, cùng các quốc gia trên thế giới chia sẻ những thành quả phát triển từ thị trường siêu quy mô.

22 nét

HÁN VIỆT: KHAI PHÓNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#399

开始

kāi shǐ

bắt đầu

我们八点开始上课。

Wǒ men bā diǎn kāi shǐ shàng kè.

Chúng ta 8 giờ bắt đầu vào học.

24 nét

HÁN VIỆT: KHAI THỦY

HSK 3 (3.0)

Động từ

#400

开业

kāi yè

khai trương, mở cửa kinh doanh

国家级青年科技创新孵化器今天隆重举行开业仪式, 首批三十家高新技术创业团队入驻孵化。

Guó jiā jī qīng nián kē jì chuàng xīn fù huà qì jīn tiān lóng zhòng jǔ xíng kāi yè yí shì, shǒu pī sān shí jiā gāo xīn jì shù chuàng yè tuán duì rù zhù fù huà.

Vườn ươm đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ thanh niên cấp quốc gia hôm nay đã long trọng tổ chức nghi thức khai trương mở cửa, 30 đội tuyển khởi nghiệp công nghệ cao mới đầu tiên đã chính thức vào cấm bản ươm tạo.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#401

开展

kāi zhǎn

triển khai, phát động, tiến hành

国家卫生健康委组织全国多学科医疗专家团队, 深入偏远乡村全面开展健康义诊与巡回医疗帮扶行动。

Guó jiā wèi shēng jiàn kāng wěi zǔ zhī quán guó duō xué kē yī liáo zhuān jiā tuán duì, shēn rù piān yuǎn xiāng cūn quán miàn kāi zhǎn jiàn kāng yī zhěn yǔ xún huí yī liáo bāng fú xíng dòng.

Ủy ban Y tế Sức khỏe Quốc gia đã tổ chức đoàn chuyên gia y tế đa ngành trên cả nước, đi sâu vào các thôn bản xa xôi hẻo lánh để triển khai toàn diện chiến dịch khám chữa bệnh tình nguyện và chỉ viện y tế lưu động.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#402

看起来

kàn qǐ lái

xem ra, nhìn có vẻ, trông có vẻ

这道前沿数学猜想推导步骤看起来十分繁复, 但只要理顺了底层逻辑框架就能找到突破口。

Zhè dào qián yán shù xué cǎi xiǎng tuī dǎo bù zhòu kàn qǐ lái shí fēn fán fù, dàn zhǐ yào lǐ shùn le dī céng luó jī kuāng jià jiù néng zhǎo dào tū pò kǒu.

Các bước suy diễn phỏng đoán toán học tiên phong này xem ra nhìn có vẻ vô cùng phức tạp rối rắm, nhưng chỉ cần làm sáng tỏ khung logic tầng đáy là sẽ có thể tìm ra được điểm đột phá.

34 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH KHỞI LAI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#403

看上去

kàn shàng qù

trông có vẻ, nhìn bề ngoài

这件由大国工匠纯手工打磨的精密航空发动机叶片表面光滑如镜, 看上去犹如一件精美绝伦的艺术品。

Zhè jiàn yóu dà guó gōng jiàng chún shǒu gōng dǎ mó de jīng mì háng kōng fā dòng jī yè piàn biǎo miàn guāng huá rú jìng, kàn shàng qù yóu rú yì jiàn jīng měi jué lún de yì shù pǐn.

Bề mặt cánh tuabin động cơ hàng không chính xác được nghệ nhân bậc thầy nước lớn mài giũa hoàn toàn thủ công này nhìn bóng như gương, nhìn bề ngoài trông có vẻ tựa như một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo tuyệt mỹ.

29 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH THƯỜNG KHỨ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#404

考验

kǎo yàn

thử thách, tôi luyện; cuộc thử thách

深海载人潜水器在马里亚纳海沟经受了万米级超高压与极寒漆黑恶劣环境的严峻极限考验。

Shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì zài mǎ lì yà nà hǎi gōu jīng shòu zhù le wàn mǐ jí chāo gāo shuǐ yā yǔ jí hán qī hēi è liè huán jīng de yán jùn jí xiàn kǎo yàn.

Tàu lặn có người lái ở biển sâu tại rãnh Mariana đã vượt qua thử thách cực hạn gay gắt của môi trường tâm tối lạnh giá khắc nghiệt cùng áp lực nước siêu cao ở độ sâu vạn mét.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢO NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#405

科技

kējì

khoa học công nghệ, khoa kỹ

科技是第一生产力、人才是第一资源、创新是第一动力; 我们要加快建设世界科技强国。

Kējì shì dì yī shēng chǎn lì, rén cái shì dì yī zī yuán, chuàng xīn shì dì yī dòng lì; wǒ men yào jiā kuài jiàn shè shì jiè kējì qiáng guó.

Khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất số một, nhân tài là tài nguyên hàng đầu, đổi mới sáng tạo là động lực thứ nhất; chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

18 nét

HÁN VIỆT: KHOA KỸ



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#406

可靠

kě kào

đáng tin cậy, an toàn, chuẩn xác

在大规模分布式金融系统中，必须确保底层数据库具备极高的数据一致性与安全可靠

性。

Zài dà guī mó fēn bù shì jīn róng xì tǒng zhōng, bì xū què bǎo dī céng shù jù kù jù bèi jī gāo de shù jù yì zhì xìng yǔ ān quán kě kào xìng.

Trong hệ thống tài chính phân tán quy mô lớn, nhất thiết phải bảo đảm cơ sở dữ liệu tầng dưới sở hữu tính nhất quán dữ liệu và độ an toàn tin cậy cực cao.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢ KHẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#407

可乐

kě lè

nước ngọt có ga cola; đáng cười thú vị

在炎热的夏日户外运动结束后，喝一杯冰镇无糖柠檬可乐让人感到格外清凉畅快。

Zài yán rè de xià rì hù wài yùn dòng jié shù hòu, hē yì bēi bīng zhēn wú táng níng méng kě lè ràng rén gān dào gé wài qīng liáng cháng kuài.

Sau khi kết thúc các hoạt động thể thao ngoài trời vào ngày hè oi bức, uống một ly nước ngọt có ga cola chanh ướp lạnh không đường khiến con người cảm thấy vô cùng sảng khoái và mát lạnh.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢ LẠC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#408

克服

kè fú

khắc phục, vượt qua (khó khăn, nhược điểm)

科考队员们顽强克服了极寒缺氧、暴风雪肆虐等极端高原环境考验，圆满完成了科学考察任务。

Kē kǎo duì yuán men wán qiáng kè fú le jí hán quē yǎng, bào fēng xuě sù niè děng jí duān gāo yuán huán jīng kǎo yàn, yuán mǎn wán chéng le kē xué kǎo chá rèn wu.

Các thành viên đoàn khảo sát đã ngoan cường vượt qua những thử thách khắc nghiệt của môi trường cao nguyên như giá rét thiếu oxy, bão tuyết hoành hành để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khảo sát khoa học.

21 nét

HÁN VIỆT: KHẮC PHỤC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#409

客观

kè guān

khách quan

在撰写学术论文与评估实验数据时，研究者必须保持严谨求实、不带任何主观偏见的客观态度。

Zài zhuān xiě xué shù lùn wén yǔ píng gū shí yán shù jù shí, yán jiū zhè bì xū bǎo chí yán jīn qí shí, bù dài rèn hé zhǔ guān piān jiàn de kè guān tài dù.

Khi viết luận văn học thuật và đánh giá số liệu thực nghiệm, người nghiên cứu nhất thiết phải giữ thái độ khách quan cầu thị cần trọng, không mang theo bất kỳ định kiến chủ quan nào.

17 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH QUÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#410

课程

kè chéng

khóa học, môn học, chương trình học

这门由院士领衔讲授的跨学科前沿课程理论体系深厚，深受广大青年研究生的热烈欢迎。

Zhè mén yóu yuàn shì lǐng xián jiǎng shòu de kuà xué kè qián yán kè chéng lǐ lùn tǐ xì shēn hòu, shēn shòu guāng dà qīng nián yán jiū shēng de rè liè huān yíng.

Môn học mũi nhọn liên ngành do đích thân vị viện sĩ lão thành chủ trì giảng dạy này có hệ thống lý luận uyên thâm, được đông đảo học viên cao học nhiệt liệt đón nhận.

23 nét

HÁN VIỆT: KHOÁ TRÌNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#411

空

kōng

trống rỗng

在面对复杂的挑战时，保持空的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí kōng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái trống rỗng đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#412

空调

kōng tiáo

Điều hòa không khí

炎热盛夏，将室内中央空调温度设定在二十六度既舒适宜人又节能环保。

Yán rè shèng xià, jiāng shì nèi zhōng yāng kōng tiáo wēn dù shè dìng zài èr shí liù dù jì shū shì yì rén yòu jié néng huán bǎo.

Giữa trưa hè oi ả, cài đặt nhiệt độ điều hòa trung tâm ở mức 26 độ C vừa mát mẻ dễ chịu lại vừa tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#413

空儿

kòng er

thời gian rảnh, lúc rảnh rỗi; khoảng trống

等周末实验告一段落有了空儿，我们相约去国家科技馆参观最新落成的深空探索特展。

Děng zhōu mò shí yán gào yí duàn luò yǒu le kòng er, wǒ men xiāng yuē qù guó jiā kē jì guǎn cān guān zuì xīn luò chéng de shēn kōng tàn sù tè zhǎn.

Đợi đến cuối tuần khi thực nghiệm tạm xong một giai đoạn có thời gian rảnh lúc rảnh rỗi, chúng mình hãy hẹn nhau tới Nhà Triển lãm Khoa học Kỹ thuật Quốc gia tham quan triển lãm đặc biệt về thám trắc không gian sâu mới khánh thành nhé.

19 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#414

恐怕

kǒng pà

e rằng, sợ rằng

由于受大雾低能见度管制与雷暴天气持续影响，今晚的返程航班恐怕很难准点起飞。

Yóu yú shòu dà wù dī néng jiàn dù guǎn zhì yǔ léi bào tiān qì chí xù yǐng xiǎng, jīn wǎn de fǎn chéng háng bān kǒng pà hěn nán zhǔn diǎn qǐ fēi.

Do ảnh hưởng của sương mù hạn chế tầm nhìn và đồng bão kéo dài, chuyến bay chiều về tối nay e rằng khó có thể cất cánh đúng giờ.

24 nét

HÁN VIỆT: KHỦNG PHẠ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#415

裤子

kù zi

quần

这件经典剪裁的深蓝色商务休闲长裤穿在身上既合身挺拔又透气舒适。

Zhè jiàn jīngdiǎn jiǎncái de shēnlánsè shāngwù xiūxián chángkù chuān zài shēn shàng jì héshēn tǐngbá yòu tòuqì shùshì.

Chiếc quần dài công sở màu xanh lam đậm cắt may cổ điển này mặc vào người vừa vặn đứng phom lại rất thoáng khí và êm ái.

21 nét

HÁN VIỆT: KHỐ TỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#416

快速

kuàisù

nhanh chóng, tốc độ cao

我国高速铁路网络实现了全国各大主要城市群之间的快速互联互通，极大促进了区域协调发展。

Wǒ guó gāo sù tiě lù wǎng luò shí xiàn le quán guó gè dà zhǔ yào chéngqún zhī jiān de kuài sù hù lián hù tōng, jí dà cù jìn le qū yù xié tiáo fā zhǎn.

Mạng lưới đường sắt cao tốc nước ta đã thực hiện việc kết nối giao thông liên thông tốc độ cao nhanh chóng giữa các cụm đô thị lớn chủ yếu trên cả nước, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển hài hòa giữa các vùng miền.

27 nét

HÁN VIỆT: KHOÁI TỐC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#417

困

kùn

buồn ngủ

在面对复杂的挑战时，保持困的心态尤为重

要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí kùn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp,

giữ tâm thái buồn ngủ đặc biệt quan trọng.

11 nét

HÁN VIỆT: KHỐN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#418

困难

kùn nan

khó khăn, gian khổ, trở ngại

无论前进的道路上面临多少严峻困难，我们都要坚定信念、勇往直前。

Wú lùn qián jìn de dào lù miàn lín duō shǎo yǎn jùn kùn nán, wǒ men dōu yào jiǎn dīng xīn niàn, yǒng wǎng zhí qián.

Bất kể chặng đường phía trước đối mặt với bao nhiêu khó khăn gian khổ, chúng ta đều phải kiên định niềm tin và dũng cảm tiến lên.

25 nét

HÁN VIỆT: KHỐN NAN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#419

浪费

làng fèi

lãng phí, phung phí

粮食来之不易，我们要时刻牢记“一粥一饭当思来之不易”，杜绝舌尖上的铺张浪费。

Liáng shí lái zhī bù yì, wǒ men yào shí kè牢 jì "yī zhōu yī fàn dāng sī lái zhī bù yì", dù jué shé jiǎn shàng de pū zhāng làng fèi.

Hạt gạo làm ra chẳng dễ dàng, chúng ta hãy luôn ghi nhớ bài học quý trọng hạt ngọc trời, kiên quyết bài trừ thói quen phung phí lãng phí thức ăn.

24 nét

HÁN VIỆT: LÃNG PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#420

老百姓

lǎo bǎi xìng

bà con, người dân thường, bách tính

党和政府始终把老百姓的安危冷暖放在首位，千方百计解决群众的急难愁盼民生问题。

Dǎng hé zhèng fǔ shǐ zhōng bǎ lǎo bǎi xìng de ān wēi lěng nuǎn fàng zài shǒu wèi, qiān fāng bǎi jì jiě jué qún zhòng de jí nán chóu pàn mǐn shēng wèn tí.

Đảng và Chính phủ luôn đặt sự an nguy và đời sống ấm no của bà con nhân dân lên hàng đầu, tìm mọi cách giải quyết thấu đáo những băn khoăn trăn trở cấp bách của quần chúng.

29 nét

HÁN VIỆT: LÃO BÁCH TÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#421

老板

lǎo bǎn

ông chủ, chủ doanh nghiệp

这位诚信经营数十年的老字号饭庄老板，始终坚持真材实料与童叟无欺的崇高商业信条。

Zhè wèi chéng xìn jīng yíng shù shí nián de lǎo zì hào fàn zhuāng lǎo bǎn, shǐ zhōng jiān chí zhēn cái shí liào yǔ tóng sǒu wú qī de chóng gāo shāng yè xìn tiào.

Vị chủ quán ăn gia truyền kinh doanh bằng chữ tín suốt hàng chục năm qua luôn kiên định tôn chỉ thương nghiệp cao đẹp: nguyên liệu thật, giá trị thật và không bao giờ lừa dối khách hàng.

18 nét

HÁN VIỆT: LÃO BẢN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#422

老太太

lǎo tài tai

bà cụ, bà lão, cụ bà

青年志愿者定期来到社区看望独居的老太太，为老人打扫房间并细心检查用电气安全。

Qīng nián zhì yuàn zhē men dīng qī lái dào shè qū kàn wàng dú jū de lǎo tài tai, wèi lǎo rén dǎ sǎo fáng jiān bìng xì xīn jiǎn chá yòng diàn qì ān quán.

Các tình nguyện viên trẻ định kỳ tới khu dân cư thăm hỏi cụ bà bà cụ sống neo đơn, dọn dẹp phòng ốc và cẩn thận kiểm tra an toàn điện nước gas cho cụ.

35 nét

HÁN VIỆT: LÃO THÁI THÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#423

老头儿

lǎo tóu er

ông cụ, ông lão, cụ ông

那位满头银发的功勋老科学家像个亲切的老头儿一样，在校园里微笑着和年轻学子们探讨前沿物理课题。

Nà wèi mǎn tóu yín fà de gōng xūn lǎo kē xué jiā xiàng gè qīn qiè de lǎo tóu er yí yàng, zài xiào yuán lǐ wēi xiào zhe hé níng qīng xué zǐ men tàn tào qián yán wù lǐ kè tí.

Vị nhà khoa học lão thành có công trạng lẫy lừng mái tóc bạc phơ đó tựa như một cụ ông ông cụ thân thiện, mỉm cười thảo luận các đề tài vật lý tiên phong cùng các bạn sinh viên trẻ trong khuôn viên trường.

30 nét

HÁN VIỆT: LÃO ĐẦU NHÂN



HSK 3 (3.0)

Động từ

#424

乐
 Lè

hạnh phúc

老师鼓励大家积极乐，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lè, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
 Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực hạnh phúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: LẠC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#425

乐队
 yuèduì

ban nhạc, dàn nhạc

大学交响管弦乐队在新年音乐会上精湛演奏了多部中外传世交响名作，赢得了全场热烈掌声。

Dà xué jiāo xiǎng guǎn xián yuè duì zài xīn nián yīn yuè huì shàng jīng zhàn yǎn zòu le duō bù zhōng wài chuán shì jiāo xiǎng míng zuò, yíng dé le quán chǎng rè liè zhǎng shēng.

Dàn nhạc ban nhạc giao hưởng giao hưởng thính phòng trường đại học tại buổi hòa nhạc đón năm mới đã trình diễn điều luyện nhiều kiệt tác giao hưởng để đời trong và ngoài nước, nhận được những tràng pháo tay nhiệt liệt của toàn thể khán phòng.

17 nét

HÁN VIỆT: LẠC ĐỘI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#426

乐观
 lè guān

lạc quan, yêu đời

无论身处何种逆境与人生低谷，始终保持乐观开朗的心态与坚韧不拔的毅力，是战胜一切艰难险阻的法宝。

Wú lùn shēn chù hé zhǒng nǐ jìng yǔ rén shēng dī gǔ, shǐ zhōng bǎo chí lè guān kāi lǎng de xīn tài yǔ jiān rèn bù bá de yì lì, shì zhàn shèng yī qiè jiān nán xiǎn zǔ de fǎ bǎo.

Bất luận rơi vào nghịch cảnh hay nốt trầm nào của cuộc đời, luôn giữ vững tâm thái lạc quan yêu đời và nghị lực kiên cường bất khuất là vũ khí thần kỳ để chiến thắng mọi gian nan thử thách.

16 nét

HÁN VIỆT: LẠC QUÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#427

类
 lèi

loại, loài, thể loại; giống nhau

图书馆对馆藏的数百万册中外图书文献进行了科学严谨的学科分类与数字化标引上架。

Tú thư guǎn duì guǎn cáng de shù bǎi wàn cè zhōng wài tú shū wén xiàn jìn xíng le kē xué yán jǐn de xué kē fēn lèi yǔ shù zì huà biāo yǐn shàng jià.

Thư viện đã tiến hành phân loại chuyên ngành và gắn mã định danh số hóa khoa học chuẩn mực cho hàng triệu cuốn sách tài liệu trong và ngoài nước trong kho tàng.

11 nét

HÁN VIỆT: LOẠI

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#428

类似
 lèi sì

tương tự, tương tự như thế, giống nhau

天文学家在距离地球数百光年的太阳系外行星系统中，成功发现了一颗具有类似地球宜居环境特征的岩石行星。

Tiān wén xué jiā zài jù lí dì qiú shù bǎi guāng nián de tài yáng xì wài xíng xīng xì tǒng zhōng, chéng gōng fā xiàn le yī kē jù yǒu lèi sì dì qiú yí jū huán jīng tè zhēng de yán shí xíng xīng.

Các nhà thiên văn học bên trong hệ hành tinh ngoài hệ Mặt Trời cách Trái Đất hàng trăm năm ánh sáng đã phát hiện thành công một hành tinh đất đá sở hữu các đặc trưng môi trường có thể sinh sống được tương tự như Trái Đất.

24 nét

HÁN VIỆT: LOẠI TỰ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#429

离婚
 lí hūn

ly hôn, ly dị

现代民法典设立了协议离婚冷静期制度，旨在引导夫妻双方理性审慎地对待婚姻关系。

Xià dài mǐn fǎ diǎn shè lì le xié yì lí hūn lěng jìng qī zhì dù, zhǐ zài yǐn dǎo fū fù fāng qī shuāng fāng lǐ xìng shěn shèn dì duì dài hūn yīn guān xì.

Bộ luật Dân sự hiện đại đã thiết lập cơ chế thời gian suy nghĩ đối với ly hôn thuận tình nhằm hướng dẫn hai vợ chồng nhìn nhận thận trọng và lý tính về mối quan hệ hôn nhân.

24 nét

HÁN VIỆT: LY HÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#430

里面
 lǐ miàn

bên trong, phía trong

在这座全球领先的恒温超净实验室内，科学家们正在里面操作精密光刻设备加工纳米级芯片。

Zài zhè zuò quán qiú lǐng xiān de héng wēn chāo jīng shí yàn shì nèi, kē xué jiā men zhèng zài lǐ miàn cāo zuò jīng mì guāng kè shè bèi jiā gōng nà mǐ jī xīn piàn.

Bên trong phía trong phòng thí nghiệm siêu sạch nhiệt độ không đổi hàng đầu thế giới này, các nhà khoa học đang thao tác thiết bị quang khắc chính xác để gia công các con chip cấp độ nanomet.

18 nét

HÁN VIỆT: LÝ DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#431

理发
 lǐ fà

cắt tóc, làm tóc

农历二月二民间素有“龙抬头”理发的传统习俗，寓意着辞旧迎新、鸿运当头。

Nóng lì èr yuè èr mǐn jiān sù yǒu "lóng tái tóu" lǐ fà de chuán tǒng xí sú, yù yì zhe cí jiù yíng xīn, hóng yùn dāng tóu.

Ngày mừng 2 tháng 2 Âm lịch trong dân gian có phong tục truyền thống cắt tóc 'Rồng ngẩng đầu', mang ý nghĩa xua đi vận cũ đón vận may khởi sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: LÝ PHÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#432

理解
 lǐ jiě

hiểu

老师鼓励大家积极理解，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lǐ jiě, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hiểu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: LÝ GIẢI



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#433

理论

lǐ lùn

lý luận, lý thuyết; tranh luận, phân
bua

伟大的实践孕育伟大的理论，科学的理论反过来又为伟大的实践提供前瞻性的行动指南。

Wěi dà de shí jiàn yù yù wěi dà de lǐ lùn, kē xué de lǐ lùn fǎn guò lái yòu wéi wěi dà de shí jiàn tí gōng qián zhān xīng de xíng dòng zhǐ nán.

Thực tiễn vĩ đại dưỡng mầm nên lý luận vĩ đại, và lý luận khoa học ngược lại sẽ cung cấp kim chỉ nam hành động mang tầm nhìn đón đầu cho thực tiễn vĩ đại.

17 nét

HÁN VIỆT · LÝ LUẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#434

理由

lǐ yóu

lý do, căn cứ, nguyên cớ

只要心中有坚定的理想信念与崇高的追求，我们就没有任何理由在困难面前止步不前。

Zhǐ yào xīn zhōng yǒu jiān dìng de lǐ xiǎng xìn niàn yǔ chóng gāo de zhūi qiú, wǒ men jiù méi yǒu rèn hé lǐ yóu zài kùn nán miàn qián zhǐ bù qián.

Chỉ cần trong tim có lý tưởng niềm tin kiên định và khát vọng cao đẹp, chúng ta sẽ không có bất kỳ lý do gì để chùn bước dừng chân trước khó khăn.

23 nét

HÁN VIỆT · LÝ DO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#435

力

lì

sức, sức lực, lực (vật lý), năng lực

十四亿中华儿女心往一处想、劲往一处使，汇聚成了推进中国式现代化强国建设的磅礴伟力。

Shí sì yì zhōng huá ér nǚ xīn wǎng yí chù xiǎng, jìn wǎng yí chù shǐ, huì jù chéng le tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà qiáng guó jiàn shè de páng bó wēi lì.

Một tỷ bốn trăm triệu người con đất nước lòng cùng hướng về một nơi, sức lực sức cùng dồn vào một chỗ, hội tụ thành nguồn sức mạnh vĩ đại dời non lấp biển để thúc đẩy xây dựng cường quốc hiện đại hóa đất nước.

8 nét

HÁN VIỆT · LỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#436

力量

lì liang

sức mạnh, năng lực, động lực

团结就是力量，万众一心、同舟共济是中华民族战胜一切艰难险阻的磅礴精神伟力。

Tuán jié jiù shì lì liang, wàn zhòng yí xīn, tóng zhōu gòng jì shì zhōng huá mín zú zhàn shèng yí qiè jiǎn nán xiǎn zǔ de páng bó jīng shén wēi lì.

Đoàn kết là sức mạnh, triệu người như một đồng tâm hiệp lực cùng chèo một con thuyền là sức mạnh tinh thần to lớn giúp dân tộc ta vượt qua mọi ghềnh thác gian nan.

19 nét

HÁN VIỆT · LỰC LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#437

立刻

lì kè

liền, ngay tức thì, lập tức

接到紧急救援指令后，消防救援特勤中队指战员立刻穿戴好重型防护装备火速奔赴火灾现场。

Jiē dào jǐn jí jiù yuán zhǐ lìng hòu, xiāo fáng jiù yuán tè qín zhōng duì zhǐ zhàn yuán lì kè chuān dài hǎo zhòng xíng fáng hù zhuāng bèi huǒ sù bēn fù huǒ zǎi xiàn chǎng.

Nhận được lệnh cứu hộ khẩn cấp, các chiến sĩ chỉ huy thuộc đội đặc nhiệm phòng cháy chữa cháy lập tức mặc trang bị bảo hộ chuyên dụng hỏa tốc lao về phía hiện trường vụ cháy.

23 nét

HÁN VIỆT · LẬP KHẮC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#438

利用

lì yòng

tận dụng, khai thác sử dụng

现代生态循环农业充分利用农作物秸秆与禽粪便制取生物天然气与有机肥料，实现了变废为宝。

Xiàn dài shēng tài xūn huán nóng yè chōng fèn lì yòng nóng zuò wù jiē gān yǔ chù quān fēn biàn zhì qǔ shēng wù tiān rán qì yǔ yǒu jī fēi liào, shí xiàn le biàn fèi wéi bǎo.

Nông nghiệp tuần hoàn sinh thái hiện đại tận dụng triệt để rơm rạ cây trồng và chất thải chăn nuôi để sản xuất khí sinh học thiên nhiên cùng phân bón hữu cơ, biến chất thải thành nguồn tài nguyên quý báu.

25 nét

HÁN VIỆT · LỢI DỤNG

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#439

连

lián

ngay cả, đến cả, liền

他最近全身心投入到毕业设计攻关中，忙得废寝忘食，连中午吃饭的时间都顾不上了。

Tā zuì jìn quán shēn xīn tóu rù dào bì yè shè jì gōng guān zhōng, máng dé fèi qín wàng shí, lián zhōng wǔ chī fàn de shí jiān dōu gù bù shàng le.

Dạo gần đây anh ấy dốc toàn bộ tâm trí cho đồ án tốt nghiệp, bận rộn tới mức quên ăn quên ngủ, đến ngay cả giờ ăn cơm trưa cũng chẳng màng đến ý.

11 nét

HÁN VIỆT · LIÊN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#440

连忙

lián máng

vội vàng, luống cuống, nhanh nhẩu

看到抱小孩的乘客上车，坐在前排的年轻小伙子连忙微笑着主动起身让座。

Kàn dào bào xiǎo hái de chéng kè shàng chē, zuò zài qián pái de nián qīng xiǎo hūo zǐ lián máng wēi xiào zhe zhǔ dòng qǐ shēn ràng zuò.

Nhìn thấy hành khách bế con nhỏ bước lên xe, chàng thanh niên trẻ ngồi ở hàng ghế đầu vội vàng mỉm cười chủ động đứng dậy nhường chỗ.

21 nét

HÁN VIỆT · LIÊN MANG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Phó từ

#441

连续

lián xù

liên tục, liên tiếp không ngừng

我国粮食生产实现连续多年丰收，总产量连续多年稳定在一万三千亿斤以上，筑牢了国家粮食安全基石。

Wǒ guó liáng shí shēng chǎn shí xiàn lián xù duō nián fēng shōu, zǒng chǎn liàng lián xù duō nián wěn dìng zài yí wàn sān qiān yì jīn yǐ shàng, zhù láo le guó jiā ān quán jī shí.

Sản lượng sản xuất lương thực của nước ta đã thực hiện được mùa liên tục liên tiếp trong nhiều năm, tổng sản lượng nhiều năm liên ổn định ở mức trên 1,3 nghìn tỷ cân, xây đắp vững chắc nền móng an ninh quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT · LIÊN TỤC


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#442

连续剧

lián xù jù

phim truyền hình nhiều tập

这部深刻反映我国脱贫攻坚与乡村振兴壮阔历程的现实主义电视剧，赢得了海内外观众的一致赞誉。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó tuō pín gōng jiàn yǔ xiāng zhèn xīng zhuàng kuò lì chéng de xiàn shí zhǔ yì diàn shì jù, yíng dé le hǎi nèi wài guān zhòng de yí zhì zàn yǔ.

Bộ phim truyền hình nhiều tập mang tính hiện thực phản ánh sâu sắc chặng đường tráng lệ xóa đói giảm nghèo và chấn hưng nông thôn của nước ta đã nhận được sự khen ngợi nồng nhiệt của khán giả khắp nơi.

35 nét

 HÁN VIỆT: **LIÊN TỤC KỊCH**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#443

联合

lián hé

liên hiệp, liên kết, phối hợp

多所顶尖高校与科研院所建立联合实验室，共同开展深海深地前沿基础科学研究攻关。Duō suǒ dīng jiān gāo xiào yǔ kē yán yuán suǒ jiàn lì lián hé shí yàn shì, gòng tóng kāi zhǎn shēn hǎi shēn dì qián yán jī chǔ kē xué yán jiū gōng guān.

Nhiều trường đại học hàng đầu và viện nghiên cứu khoa học đã thành lập các phòng thí nghiệm liên kết, cùng nhau triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong về biển sâu và lòng đất sâu.

18 nét

 HÁN VIỆT: **LIÊN CẤP**
HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#444

联合国

Liánhéguó

Liên Hợp Quốc (LHQ)

中国坚定维护以联合国为核心的国际体系与以国际法为基础的国际秩序，积极参与全球治理体系变革。

Zhōng guó jiǎn dìng wéi hù yǐ lián hé guó wèi hé xīn de guó jì tǐ xì yǔ yǐ guó jì fǎ wéi jī chǔ de guó jì zhì xù, jī jí cān yǔ quán qiú zhì lǐ tǐ xì biàn gé.

Trung Quốc kiên định giữ gìn hệ thống quốc tế lấy Liên Hợp Quốc làm hạt nhân và trật tự quốc tế lấy luật pháp quốc tế làm cơ sở, tích cực tham gia cải cách hệ thống quản trị toàn cầu.

28 nét

 HÁN VIỆT: **LIÊN CẤP QUỐC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#445

联系

lián xì

liên hệ, liên lạc, mối liên hệ

虽然大学毕业后大家奔赴不同城市工作，但老班长依然定期组织线上聚会与大家保持紧密联系。

Suī rán dà xué bì yè hòu dà jiā bēn fù bù tóng chéng shì gōng zuò, dàn lǎo bān zhǎng yī rán dìng qī zǔ zhī xiàn shàng jù huì yǔ dà jiā bǎo chí jǐn mì lián xì.

Dẫu sau khi ra trường mỗi người một ngả về các thành phố khác nhau làm việc, nhưng lớp trưởng vẫn định kỳ tổ chức họp mặt trực tuyến để duy trì liên lạc gắn kết với mọi người.

22 nét

 HÁN VIỆT: **LIÊN HỆ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#446

凉水

liángshuǐ

nước lạnh, nước lã mát

剧烈体育运动大汗淋漓后切忌立即暴饮凉水或冲冷水澡，以免引起血管骤缩损害健康。

Jù liè tǐ yù yùn dòng dà hàn lín lí hòu qiè jì lì jí bào yǐn liáng shuǐ huò chōng lěng shuǐ zǎo, yǐ miǎn yīn qǐ xuè guǎn zhòu suō sǔn hài jiàn kāng.

Sau khi vận động thể thao kịch liệt mồ hôi đầm đìa tuyệt đối tránh uống ừng ực nước lạnh ngay lập tức hoặc tắm nước lạnh, để tránh gây co thắt mạch máu đột ngột làm tổn hại sức khỏe.

17 nét

 HÁN VIỆT: **LƯƠNG THUỶ**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Lượng từ

#447

领

lǐng

dẫn dắt, lĩnh nhận (lương); cổ áo

战略科学家领衔重大前沿课题攻坚，带领跨学科拔尖青年团队取得了多项引领性重大原创成果。

Zhàn lüè kē xué jiǎ lǐng xián zhòng dà qián yán kè tí gōng jiān, dài lǐng kuà xué kē bā jiān qīng nián tuán duì qǔ dé le duō xiàng yǐn lǐng xìng zhòng dà yuán chuàng chéng guǒ.

Nhà khoa học chiến lược dẫn dắt lĩnh xướng vượt khó các đề tài tiên phong trọng đại, dẫn đầu đội ngũ thanh niên xuất chúng liên ngành đạt được nhiều thành quả nguyên tác trọng đại mang tính dẫn dắt.

8 nét

 HÁN VIỆT: **LÃNH**
HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#448

领导

lǐng dǎo

lãnh đạo, người đứng đầu; dẫn dắt

卓越的领导团队不仅要具备前瞻性的战略眼光，更要具备凝聚团队、关爱下属的人格魅力。

Zhuó yuè de lǐng dǎo tuán duì bù jǐn yào jù bèi qián xīng de zhàn lüè yǎn guāng, gèng yào jù bèi níng jù tuán duì, guān ài xià shǔ de rén gé mèi lì.

Một đội ngũ lãnh đạo xuất sắc không chỉ cần sở hữu tầm nhìn chiến lược đón đầu thời đại, mà hơn thế nữa còn cần có sức hút nhân cách lan tỏa để kết nối tập thể và chăm lo cho cấp dưới.

16 nét

 HÁN VIỆT: **LÃNH ĐẠO**
HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#449

领先

lǐng xiān

dẫn đầu, đi đầu, vị trí dẫn đầu tiên phong

我国在特高压输电、高铁成套装备制造与光伏新能源全产业链等核心技术领域保持着世界领先地位。

Wǒ guó zài tè gāo yǎ shū diàn, gāo tiě chéng tào zhuāng bèi zhì zào yǔ guāng fú xīn néng yuán quán chǎn yè lián dēng hé xīn jì shù lǐng yǔ bǎo chí zhè shì jìe lǐng xiān dì wèi.

Nước ta duy trì vị thế dẫn đầu thế giới trong các lĩnh vực công nghệ cốt lõi như truyền tải điện siêu cao áp, chế tạo trang thiết bị hoàn chỉnh đường sắt cao tốc cùng toàn bộ chuỗi ngành năng lượng mới quang điện.

20 nét

 HÁN VIỆT: **LÃNH TIÊN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#450

另外

lìng wài

ngoài ra, hơn nữa, khác

除了提交中英文双语求职简历外，另外还需要附上两封权威教授亲笔签署的学术推荐信。

Chú le tí jiāo zhōng yīng wén shuāng yǔ qiú zhí jiàn lì wài, lìng wài hái xū fù shàng liáng fēng quán wēi jiào shòu qīn bǐ qiān shǔ de xué shù tuī jiàn xìn.

Ngoài việc nộp sơ yếu lý lịch song ngữ Trung - Anh, ngoài ra bạn còn cần đính kèm thêm 2 bức thư giới thiệu học thuật có chữ ký trực tiếp của các giáo sư uy tín.

18 nét

 HÁN VIỆT: **LÃNH NGOẠI**


**HSK 3
(3.0)**

Tính từ / Động từ / Phó từ #460

乱

luàn
**hỗn loạn, lộn xộn; làm rối; bừa bãi
tùỵ tiện**

在面临复杂严峻的突发公共危机挑战时，我们必须沉着冷静，决不能自乱阵脚、忙中出错。

Zài miàn lín fù zá yán jùn de tū fā gōng gòng wēi jī tiǎo zhàn shí, wǒ men bì xū chén zhùo lěng jìng, jué bù néng zì luàn zhèn jiǎo, máng zhōng chū cuò.

Khi đứng trước những thử thách khủng hoảng công cộng đột xuất hiểm nghèo phức tạp, chúng ta bắt buộc phải điềm tĩnh bình tĩnh, tuyệt đối không được tự làm rối loạn đội hình, vội vàng bừa bãi sinh sai lầm.

13 nét

 HÁN VIỆT : **LOẠN**
HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ #461

落后

luò hòu
lạc hậu, tụt hậu, lùi lại phía sau

在科技日新月异的大变革时代，唯有坚持自主创新、争分夺秒，才不会在国际竞争格局中落后于人。

Zài kējì rì xīn yuè yì de dà biànxī gē shí dài, wéi yǒu jiān chí zì zhủ chuàng xīn, zhēng fēn duó miǎo, cái bú huì zài guó jì jìng zhēng gé jú zhōng hòu yú rén.

Trong thời đại chuyển mình mạnh mẽ khoa học công nghệ đổi thay từng ngày, chỉ có kiên trì đổi mới tự chủ, tranh thủ từng phút từng giây mới không bị tụt lại phía sau trong cục diện cạnh tranh quốc tế.

17 nét

 HÁN VIỆT : **LẠC HẬU**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #462

麻烦

má fan
phiền phức, làm phiền, phiền toái

不好意思麻烦您在百忙之中抽出宝贵时间帮我审阅并润色一下这篇学术论文的英文摘要。

Bù hǎo yì sī má fan nín zài bǎi máng zhī zhōng chōu chū bǎo guì shí jiān bāng wǒ shēn yuè bīng rùn sè yí xià zhè piān xué shù lùn wén de yīng wén zhāi yào.

Thật phiền thấy/cô quá, mong thầy/cô bớt chút thời gian quý báu trong lúc bận rộn xem qua và chỉnh sửa giúp em bản tóm tắt tiếng Anh của bài báo khoa học này ạ.

22 nét

 HÁN VIỆT : **MA PHIÊN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #463

马

mǎ
con ngựa

辽阔广袤的呼伦贝尔大草原上，成群结队的骏马在蓝天下自由奔腾。

Liáokuò guǎngmào de Hūlúnbèi'ěr dà cǎoyuán shàng, chéngqún jiéduì de jùnmǎ zài lántiān xià zì yóu bēnténg.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la rộng lớn, từng đàn tuần mã dũng mãnh phi nước đại tự do dưới vòm trời xanh.

11 nét

 HÁN VIỆT : **MÃ**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ #464

满足

mǎn zú
thỏa mãn, đáp ứng; hài lòng

建设覆盖全民的普惠型公共文化服务体系，能够极大满足人民群众日益增长的精神文化需求。

Jiàn shè fù gài quán mǐn de pǔ huì xíng gōng gòng wén huà fú wù tǐ xì, néng gòu jí dà mǎn zú rén mǐn qún zhòng rì yì zēng zhǎng de jīng shén wén huà xū qiú.

Việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng bao trùm toàn dân có thể đáp ứng trọn vẹn nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng tăng của quần chúng nhân dân.

17 nét

 HÁN VIỆT : **MÃN TÚ**
HSK 3 (3.0)

Phó từ #465

慢慢

màn màn
từ từ, chậm chậm, dần dần

只要坚持每天踏踏实实背诵十个生词并造句，汉语水平就会在潜移默化中慢慢提高。

Zhǐ yào jiān chí měi tiān tà tà bēi sòng shí gè shēng cí bìng zào jù, hàn yǔ píng jù huì zài yǐn yǎn mó huà zhōng màn màn tí gāo.

Chỉ cần kiên trì mỗi ngày học thuộc mười từ mới và đặt câu một cách chắc chắn vững vàng, trình độ tiếng Hán sẽ dần dần từ từ tiến bộ trong mưa dầm thấm lâu.

22 nét

 HÁN VIỆT : **MẠN MẠN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #466

毛病

máo bìng
**tật xấu, khuyết điểm; hỏng hóc,
trục trặc**

在日常学习与工程实践中，我们要坚决克服粗心大意、马虎敷衍的不良毛病。

Zài rì cháng xué xí yǔ gōng chéng shí jiàn zhōng, wǒ men yào jiān jué kè fú cǐ xīn dà yì, mǎ hǔ fū yǎn de bù liáng máo bìng.

Trong học tập thường nhật và thực hành kỹ thuật công trình, chúng ta cần kiên quyết khắc phục những tật xấu như bất cẩn cầu thả hay làm qua loa cho xong chuyện.

19 nét

 HÁN VIỆT : **MAO BỆNH**
HSK 3 (3.0)

Tính từ #467

没用

méi yòng
vô dụng, không có tác dụng, vô ích

面对复杂严峻的科技攻关挑战，一味抱怨和逃避是完全没用的，唯有迎难而上才能彻底破解困局。

Miàn duì fù zá yán jùn de kējì guān tiǎo zhàn, yí wèi bào yuàn hé táo bì shì wán quán méi yòng de, wéi yǒu yíng nán ér shàng cái néng chè dì pò jiě kùn jú.

Đứng trước thử thách hiểm nghèo phức tạp của việc vượt khó khoa học công nghệ, việc chỉ biết phàn nàn và trốn tránh là hoàn toàn vô dụng vô ích, chỉ có đón đầu khó khăn mới có thể phá vỡ bế tắc triệt để.

25 nét

 HÁN VIỆT : **MỘT DỤNG**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #468

媒体

méi tǐ
**truyền thông, cơ quan thông tấn
báo chí**

主流新闻媒体积极创新国际传播话语体系与全媒体传播形态，生动讲好中国科技自立自强与和平发展的时代故事。

Zhǔ liú xīn wén méi tǐ jī jī chuàng xīn guó jì chuán bō huà yǔ tǐ xì yǔ quán méi tǐ chuán bō xíng tài, shēng dòng jiǎng hǎo zhōng guó kējì zì lì zì qiáng yǔ hé píng fā zhǎn de shí dài gù shì.

Các cơ quan thông tấn báo chí truyền thông đồng chính tích cực đổi mới hệ thống diễn ngôn truyền thông quốc tế cùng các hình thái truyền thông đa phương tiện toàn diện, kể thật sinh động những câu chuyện thời đại về tự chủ tự cường khoa học công nghệ và phát triển hòa bình của Trung Quốc.

18 nét

 HÁN VIỆT : **MÔI THỂ**



HSK 3 (3.0)

Đại từ

#469

每

měi

mỗi

我每天都学汉语。
Wǒ měi tiān dōu xué Hànyǔ.
Mỗi ngày tôi đều học tiếng Trung.

13 nét

HÁN VIỆT : MỖI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#470

美

měi

sắc đẹp

老师鼓励大家积极美，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí měi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sắc đẹp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : MỸ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#471

美好

měi hǎo

đẹp

在面对复杂的挑战时，保持美好的心态尤为重要。
zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí měi hǎo de xīn tài yóu wéi zhòng yào.
Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đẹp đặc biệt quan trọng.

27 nét

HÁN VIỆT : MỸ HẢO

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#472

美丽

měi lì

xinh đẹp, tươi đẹp

金秋时节九寨沟碧水澄澈、层林尽染，倒映着蓝天白云，宛如人间仙境般美丽动人。
jīn qiū shí jié de jiǔ zhài gǒu bì shuǐ chéng chè, céng lín jìn rǎn, dào yǐng zhe lán tiān bái yún, wǎn rú rén jiān xiān jìng bān měi lì dòng rén.
Cửu Trại Câu vào độ thu sang làn nước trong veo biếc xanh, rừng cây rực rỡ sắc màu soi bóng mây trời, đẹp mê hồn tựa chốn bồng lai tiên cảnh trần gian.

24 nét

HÁN VIỆT : MỸ LỖY

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#473

美食

měi shí

món ăn ngon, mỹ vị ẩm thực

在国际美食文化节上，汇聚了中国八大菜系的经典非遗特色美食，吸引了无数中外食客大饱口福。
zài guó jì měi shí wén huà jié shàng, huì jù le zhōng guó bā dà cài xì de jīng diǎn fēi yí tè sè měi shí, xī yín liǎo wú shù zhōng wài shí kè dà bǎo kǒu fú.
Tại Lễ hội Văn hóa Ẩm thực Món ăn ngon Quốc tế đã hội tụ các món ăn ngon đặc sản di sản phi vật thể kinh điển của tám trường phái ẩm thực lớn Trung Hoa, thu hút vô số thực khách trong và ngoài nước thỏa sức thưởng thức.

27 nét

HÁN VIỆT : MỸ THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#474

美术

měi shù

mỹ thuật, hội họa

中国传统书画艺术博大精深，在世界古典美术史册中占据着不可替代的崇高地位。
zhōng guó chuán tǒng shū huà yì shù bó dà jīng shēn, zài shì jiè gǔ diǎn měi shù shǐ cè zhōng zhàn jù zhe bù kě tì dài de chóng gāo dì wèi.
Nghệ thuật thư pháp và hội họa truyền thống Trung Hoa vô cùng uyên thâm sâu rộng, chiếm giữ một vị thế cao quý không thể thay thế trong biên niên sử mỹ thuật cổ điển thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT : MỸ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#475

美元

Měiyuán

đồng Đô la Mỹ, USD

我国高附加值高端装备与新能源汽车出口贸易额突破千亿美元大关，国际竞争力持续攀升。
wǒ guó gāo fù jiā zhí gāo duān zhuāng bèi yǔ xīn néng yuán qì chéng zhū kǒu mào yì é tú pō qiān yì měi yuán dà guān, guó jì jìng zhēng lì chí xù pān shēng.
Kim ngạch thương mại xuất khẩu xe ô tô năng lượng mới và trang thiết bị cao cấp giá trị gia tăng cao của nước ta đã vượt mốc 100 tỷ đồng Đô la Mỹ USD, sức cạnh tranh quốc tế liên tục tăng trưởng mạnh.

28 nét

HÁN VIỆT : MỸ NGUYÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#476

迷

mí

bị ám ảnh

老师鼓励大家积极迷，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bị ám ảnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : MÊ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#477

面对

miàn duì

đối diện, đối mặt với

面对突如其来的严峻挑战，唯有坚定信念、迎难而上，才能在逆境中开辟出崭新的发展天地。
miàn duì tū rú qí lái de yán jùn tiǎo zhàn, wéi yǒu jiān dìng xīn niàn, yíng nán ér shàng, cái néng zài nǐ jìng zhōng kāi pì chū zhǎn xīn de fā zhǎn tiān dì.
Đối diện với những thử thách khắc nghiệt bất ngờ ập đến, chỉ có kiên định niềm tin và dũng cảm đón đầu khó khăn mới có thể mở ra chân trời phát triển hoàn toàn mới trong nghịch cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT : DIỆN ĐỐI



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#478

面积

miàn jī

diện tích

经过几代治沙人持之以恒的辛勤造林，我国北方防护林体系建设累计新增了数百万公顷的绿化面积。

Jīng guò jǐ dài zhì shā rén chí zhǐ zhī yǐ héng de xīn qín zào lín, wǒ guó běi fāng fáng hú lín tǐ xì jiàn shè lěi jī xīn zēng le shù bǎi wàn gōng qīng de lǜ huà miàn jī.

Trải qua công cuộc trồng rừng kiên trì bền bỉ của nhiều thế hệ người cải tạo sa mạc, hệ thống rừng phòng hộ phía Bắc nước ta đã gia tăng lũy kế hàng triệu héc-ta diện tích phủ xanh.

📖 20 nét

HÁN VIỆT DIỆN TÍCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#479

民间

mín jiān

dân gian, trong nhân dân, phi chính phủ

国家大力推进非物质文化遗产系统性保护工程，积极扶持民间传统手工艺人推陈出新、传承千年文脉。

Guó jiā dà lì tuī jìn fēi wù zhì wén huà yí chǎn xì tǒng xíng bǎo hù gōng chéng, jī jí fú chí mǐn jiān chuán tǒng shǒu gōng yì rén tuī chén chū xīn, chuán chéng qiān nián wén mài.

Nhà nước đẩy mạnh dự án bảo tồn có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể, tích cực hỗ trợ các nghệ nhân thủ công truyền thống dân gian đổi mới sáng tạo, kế thừa mạch nguồn văn hóa ngàn năm.

📖 17 nét

HÁN VIỆT DÂN GIAN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#480

民族

mín zú

dân tộc

各民族共同团结奋斗、共同繁荣发展，是中华民族生生不息、实现伟大复兴的坚实基础。

Gè mín zú gòng tóng tuán jié fèn dòu, gòng tóng fán róng fā zhǎn, shì zhōng huá mín zú shèng shèng fù xīng de jī chǎn shí jī.

Các dân tộc cùng đoàn kết phấn đấu và cùng phát triển thịnh vượng là nền tảng vững chắc để khối đại đoàn kết các dân tộc trường tồn và phát triển hưng thịnh.

📖 19 nét

HÁN VIỆT DÂN TỘC

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#481

明确

míng què

rõ ràng, dứt khoát, minh xác; làm rõ

在启动重大跨部门协作研发项目前，必须明确界定各个子模块的具体接口规范与交付时间表。

Zài qǐ dòng zhòng dà kuà bù mén xié zuò yán fā xiàng mù qián, bì xū míng què jiè dìng gè gè zǐ mó kuài de jù tǐ jiē kǒu guī fàn yǔ jiāo fù shí jiān biǎo.

Trước khi khởi động dự án nghiên cứu phát triển phối hợp liên phòng ban trọng đại, nhất thiết phải xác định rõ ràng quy chuẩn giao diện cụ thể và mốc thời gian bàn giao của từng phân hệ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT MINH XÁC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#482

明显

míng xiǎn

rõ rệt, hiển nhiên, rành rành

自从实施了严格的生活垃圾分类管理举措后，整个居民社区的公共卫生环境得到了极其明显的改善。

Zì cóng shí shī le yán gé de shēng huó fān lèi guǎn lǐ jù cuò hòu, zhěng gè jū mín shì qū de gōng gòng wèi shēng huán jīng dé dào le jí qí míng xiǎn de gǎi shàn.

Kể từ sau khi thực thi nghiêm túc các biện pháp quản lý phân loại rác thải sinh hoạt, môi trường vệ sinh công cộng của toàn bộ khu dân cư đã được cải thiện vô cùng rõ rệt.

📖 19 nét

HÁN VIỆT MINH HIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#483

命运

mìng yùn

số phận, vận mệnh

知识改变命运，勤奋铸就辉煌；无数寒门学子通过发奋攻读改写了自己的人生轨迹。

Zhī shí gǎi biàn mìng yùn, qín fèn zhù jiù huī huáng; wú shù hán mén xué zǐ tōng guò fā fèn gōng dú gǎi xiě le zì jǐ de rén shēng guī jī.

Tri thức thay đổi vận mệnh, sự cần cù kiến tạo nên vinh quang; biết bao học trò nghèo nhờ miệt mài đèn sách đã tự tay viết lại quỹ đạo cuộc đời tươi sáng của chính mình.

📖 25 nét

HÁN VIỆT MỆNH VẬN

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#484

某

mǒu

nào đó, người nào đó, mỗ

在国家重大关键核心技术研发攻坚中，某国家重点实验室成功研制出了首台完全自主知识产权原型机。

Zài guó jiā zhòng dà guān jiàn hé xīn jī shù yán fā gōng jiàn zhòng, mǒu guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng yán zhì chū le shǒu tái wán quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán yuán xíng jī.

Trong đợt xung kích nghiên cứu phát triển công nghệ lõi then chốt trọng đại quốc gia, một phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia nào đó đã nghiên cứu chế tạo thành công cỗ máy mẫu thử nghiệm đầu tiên sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ.

📖 12 nét

HÁN VIỆT MỠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#485

母亲

mǔ qīn

mẹ, thân mẫu

母亲那温暖慈祥的目光与默默无闻的悉心关怀，始终是照亮我人生前行道路的明灯。

Mǔ qīn nà wēn nuǎn cí xiáng de mù guāng yǔ mò mò wú wén de xī xīn guān huái, shǐ zhōng shì zhào liàng wǒ rén shēng qián xíng dào lù de míng dēng.

Ánh mắt ấm áp hiền từ cùng sự quan tâm chăm chút âm thầm của mẹ luôn là ngọn hải đăng soi sáng mọi nẻo đường đời con tiến bước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT MẪU THÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#486

木头

mù tóu

gỗ, khúc gỗ; đồ dẫn, khúc gỗ (nghĩa bóng)

老匠人手持雕刻刀在坚硬细腻的红木木头上细心雕琢，片刻间一朵栩栩如生的牡丹花跃然木上。

Lǎo jiàng rén shǒu chí diāo kè dāo zài jiān yìng xì nì de hóng mù mù tóu shàng xīn xīn diào zhuó, piàn kè jiān yī duǒ xǔ xǔ rú shēng de mǔ dān huā yuè rán mù shàng.

Người thợ già cầm dao khắc tỉ mỉ đục đẽo trên khúc gỗ gụ cứng cáp mịn màng, loáng một cái mắt đũa hoa mẫu đơn sống động như thật đã hiện lên tinh xảo trên thớ gỗ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT MỘC ĐẦU



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#487

目标

mù biāo

mục tiêu, đích đến

青年人要立大志、明大德、成大才，将个人的奋斗目标自觉融入国家发展大局之中。

Qīng nián rén yào lì dà zhì, míng dà dé, chéng dà cái, jiāng gè rén de fèn dòu mù biāo zì jué róng rù guó jiā fā zhǎn dà jú zhī zhōng.

Thanh niên cần nuôi chí lớn, rèn luyện đức lớn, lập tài lớn, tự giác hòa quyền mục tiêu phấn đấu cá nhân vào đại cục phát triển chung của đất nước.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: MỤC TIÊU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#488

目前

mù qián

hiện tại, trước mắt, hiện nay

目前，由我国自主研发的新一代高端国产大飞机已正式进入密集商业航线常态化运营阶段。

Mù qián, yóu wǒ guó zì zhū yán fā de xīn yí dài gāo duān guó chǎn dà fēi jī yǐ zhèng shì jìn rù mì jí shāng yè háng xiàn cháng tài huà yùn yíng jiē duàn.

Hiện nay, thể hệ máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn cao cấp do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã chính thức bước vào giai đoạn vận hành thường mại thường thái trên các đường bay dày đặc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: MỤC TIỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#489

奶茶

nǎi chá

trà sữa

采用新鲜原叶现萃高山绿茶与纯鲜牛奶调制的低糖新中式奶茶，深受当代年轻消费者的青睐。

Cǎi yòng xīn xiān yuán yè xiàn cuì gāo shān lǜ chá yǔ chún xiān niú nǎi tiáo zhì de dī táng xīn zhōng shì nǎi chá, shēn shòu dāng dài nián qīng xiǎo fēi zhē de qīng ài.

Món trà sữa kiểu Trung mới ít đường được pha chế từ sữa tươi nguyên chất và trà xanh núi cao chiết xuất tươi từ lá trà tươi nhận được sự ưa chuộng sâu sắc của đông đảo người tiêu dùng trẻ tuổi thời nay.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: NÃI TRÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#490

男子

nán zǐ

nam giới, người đàn ông, phái nam

在世界田径锦标赛男子百米决赛中，我国短跑健儿以沉稳发挥勇夺桂冠，创造了亚洲短跑新历史。

Zài shì jiè tián jīng jǐn biāo sài nán zǐ bǎi mǐ jué sài zhōng, wǒ guó duǎn pǎo jiàn ér yǐ chén wěn fā hui yǒng duó guì guān, chuàng zào le yà zhōu duǎn pǎo xīn lì shǐ.

Trong trận chung kết 100 mét nam giới phái nam tại Giải Vô địch Điền kinh Thế giới, tuyển thủ chạy nước rút của nước ta bằng phong độ điểm tĩnh đã xuất sắc đoạt vòng nguyệt quế, tạo nên lịch sử mới cho chạy nước rút châu Á.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NAM TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#491

南部

nán bù

miền Nam, phía nam, khu vực phía nam

我国南部热带雨林国家公园生物多样性极其丰富，是我国重要的热带种质资源基因宝库。

Wǒ guó nán bù rè dài yǔ lín guó jiā jī gōng yuán shēng wù duō yàng xíng jì qí fēng fù, shì wǒ guó zhòng yào de rè dài zhòng zhì zǐ yuán jī yīn bǎo kù.

Công viên Quốc gia Rừng mưa Nhiệt đới ở phía nam miền Nam nước ta sở hữu tính đa dạng sinh học vô cùng phong phú, là kho báu gen tài nguyên giống loài nhiệt đới quan trọng của nước ta.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: NAM BỘ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#492

难道

nán dào

lẽ nào, chẳng lẽ

既然我们已经掌握了详实的实验数据与科学论据，难道还不足以证明该理论假说的正确性吗？

Jì rán wǒ men yǐ jīng zhǎng wò le xiáng shí de shí yàn shù jù yǔ kē xué lùn jù, nán dào hái bù zú yǐ zhèng míng gāi lǐ lùn jiǎ shuō de zhèng què xìng ma?

Một khi chúng ta đã nắm trong tay những số liệu thực nghiệm chuẩn xác và luận cứ khoa học vững chắc, lẽ nào lại chưa đủ để chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết lý thuyết này sao?

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#493

难度

nán dù

độ khó, mức độ khó khăn

尽管这项深空探测着陆任务的技术难度极高、风险极大，但科研攻关团队依然圆满实现了精准软着陆。

Jìn guǎn zhè xiàng shēn kōng tàn cè zhù lù rèn wù de jì shù nán dù jí gāo, fēng xiǎn jí dà, dàn kē yán guān guān tuán duì yī rán yuán mǎn shí xiàn le jīng zhǔn ruǎn zhù lù.

Dẫu độ khó mức độ khó khăn kỹ thuật của nhiệm vụ hạ cánh thám trắc không gian sâu này là cực kỳ cao, rủi ro vô cùng lớn, nhưng nhóm xung kích nghiên cứu khoa học vẫn thực hiện hạ cánh mềm chuẩn xác một cách mỹ mãn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#494

内

nèi

bên trong, nội bộ, trong vòng

请在收到录取通知书之日起三日内，登录学校系统完成线上学籍确认。

Qǐng zài shōu dào lǚ qǔ tōng zhī shū zhī rì qǐ sān rì nèi, dēng lù xué xiào xì tǒng wán chéng xiàn shàng xué jí què rèn.

Xin vui lòng đăng nhập vào hệ thống của trường để hoàn tất xác nhận nhập học trực tuyến trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được giấy báo trúng tuyển.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: NỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#495

内容

nèi róng

nội dung

这部大型纪录片不仅画面构图极具美感，而且解说内容翔实丰富、引人入胜。

Zhè bù dà xíng jì lù piàn bù jǐn huà miàn gòu tú jù yǒu měi gǎn, ér qiě jiě shuō nèi róng xiáng shí fēng fù, yǐn rén rù shèng.

Bộ phim tài liệu quy mô lớn này không chỉ có bố cục khung hình tuyệt mỹ mà nội dung thuyết minh cũng vô cùng phong phú, lôi cuốn người xem.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NỘI DUNG


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#496

内心

nèixīn

 nội tâm, đáy lòng, sâu thẳm tâm
hồn

听到国歌在国际赛场上高亢奏响的那一刻，每一位中华儿女的内心都涌动着无比的自豪与激情。

Tīng dào guó gē zài jì sài chǎng shàng gāo kàng zòu xiǎng de nà yí kè, měi yí wèi zhōng huá ér nǚ de nèi xīn dōu yǒng dòng zhe wú bǐ de zì háo yǔ jī qíng.

Vào khoảnh khắc quốc ca vang lên hào hùng trên đấu trường quốc tế, trong sâu thẳm đáy lòng nội tâm của mỗi một người con đất Việt/Trung Hoa đều trào dâng niềm tự hào và nhiệt huyết vô bờ bến.

19 nét

 HÁN VIỆT : **NỘI TÂM**
HSK 3 (3.0)

Cụm từ nghi vấn

#497

能不能

néng bu néng

 có thể... được không, liệu có thể
không

请问您能不能向青年学者深入分享一下在国家重大前沿课题攻坚中如何突破思维定式的心得体会?

Qǐng wèn nín néng bù néng xiàng qīng nián xué zhě shēn rù fēn xiǎng yí xià zài guó jiǎ zhòng dà qián yán kè tí gōng jiān zhōng rú hé tú pò sī wéi dìng shì de xīn dé tǐ huì?

Xin hỏi giáo sư có thể chia sẻ sâu sắc cùng các học giả trẻ về tâm đắc kinh nghiệm làm thế nào để phá vỡ lối mòn tư duy trong các đợt xung kích để tài tiên phong trong đại quốc gia được không ạ?

31 nét

 HÁN VIỆT : **NĂNG BẤT NĂNG**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#498

能力

néng lì

năng lực, khả năng

在日新月异的数字化职场中，终身自主学习能力是决定一个人职业发展高度的核心竞争力。

Zài rì xīn yuè yì de shù zì huà zhí chǎng zhōng, zhōng shēn zì zhǔ xué xí néng lì shì jué dìng yí gè rén zhí yè fā zhǎn gāo dù de hé xīn jīng zhēng lì.

Trong môi trường làm việc số hóa biến chuyển từng ngày, năng lực tự học suốt đời là sức mạnh cạnh tranh cốt lõi quyết định tầm cao sự nghiệp của mỗi cá nhân.

18 nét

 HÁN VIỆT : **NĂNG LỰC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#499

年初

niánchū

đầu năm, hồi đầu năm

自今年年初国家重大科技攻关项目启动实施以来，各项研发任务均按既定里程碑节点高质量推进。

Zì jīn nián chū guó jiǎ zhòng dà kē jì gōng guān xiàng mù qí dòng shí shí yí lái, gè xiàng yán fā rèn wù jūn àn jì dìng lí chéng bēi jiē diǎn gāo zhì liàng tuī jìn.

Kể từ hồi đầu năm đầu năm nay khi dự án vượt khó khoa học công nghệ trọng đại quốc gia được khởi động thực thi, tất cả các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển đều được thúc đẩy chất lượng cao theo đúng các cột mốc đề ra.

18 nét

 HÁN VIỆT : **NIÊN SƠ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#500

年代

niándài

thời đại, niên đại, thập kỷ

上世纪六十年代老一辈科学家在戈壁荒漠里隐姓埋名、艰苦创业，铸就了“两弹一星”的不朽丰碑。

Shàng shí jì liù shí nián dài lǎo yī bèi kē xué jiā zài gē bì huāng mò lǐ yǐn xìng mái míng, jiǎn kù chuàng yè, zhù jiù le "liǎng dàn yī xīng" de bù xiǔ fēng bēi.

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, các thế hệ nhà khoa học tiên bối đã ẩn danh cống hiến nơi sa mạc hoang vu, vượt qua bao gian khổ để dựng xây nên tượng đài bất tử 'Hai quả bom, một vệ tinh'.

18 nét

 HÁN VIỆT : **NIÊN ĐẠI**
HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#501

年底

niándǐ

cuối năm, dịp cuối năm

在每年年底举行的科技创新表彰大会上，对在关键核心技术攻关中作出突出贡献的优秀团队予以重奖。

Zài měi nián nián dǐ jǔ xíng de kē jì chuàng xīn biǎo chāng dà huì shàng, duì zài guān yàn jī xīn jì shù gōng guān zhòng zuò chū tú chū gòng xiǎn de yōu xiù tuán dui yǔ yǐ zhòng jiǎng.

Tại Đại hội Biểu dương Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ tổ chức vào dịp cuối năm cuối năm hàng năm, các nhóm xuất sắc lập nên cống hiến kiệt xuất trong trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt đều được trao thưởng lớn.

18 nét

 HÁN VIỆT : **NIÊN ĐỂ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#502

年纪

niánjì

tuổi tác, tuổi

这位老院士虽然已到期颐之年，依然精神矍铄，每天坚持指导青年科研团队攻克学术难题。

Zhè wèi lǎo yuàn shì suī rán yǐ dào qī yí zhī nián, yī rán jīng shén jué shuò, měi tiān jiān zhǐ zhī dào qīng nián kē yán tuán dui gōng kè xué shù nán tí.

Vị viện sĩ lão thành này tuy tuổi tác đã gần trăm tuổi nhưng tinh thần vẫn quắc thước minh mẫn, mỗi ngày đều kiên trì hướng dẫn các nhà nghiên cứu trẻ chinh phục những đề tài học thuật hóc búa.

20 nét

 HÁN VIỆT : **NIÊN KỶ**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#503

念

niàn

 đọc to, đọc tụng; suy nghĩ, nhớ
nhung; ý niệm

早读课上，同学们全神贯注地念着经典诗文名篇，琅琅书声回荡在美丽的校园走廊之间。

Zǎo dú kè shàng, tóng xué men quán shén guān zhù dì niàn zhe jīng diǎn shī wén míng piān, láng láng shū shēng huí dàng zài měi lì de xiào yuán zǒu láng zhī jiān.

Trong tiết đọc sách sáng sớm, các bạn học sinh chăm chú tập trung đọc to các bài thơ văn kinh điển danh tiếng, tiếng đọc sách rộn rã ngân vang khắp hành lang khuôn viên trường tươi đẹp.

10 nét

 HÁN VIỆT : **NIỆM**
HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#504

牛

niú

 con bò, trâu bò; cừ khôi, xuất sắc
(khẩu ngữ)

我们要大力发扬为民服务孺子牛、创新发展拓荒牛、艰苦奋斗老黄牛的“三牛”精神。

Wǒ men yào dà lì fā yáng wèi mín fú wù rú zǐ niú, chuàng xīn fā zhǎn tuò huāng niú, jiǎn kù fēn dòu lǎo huáng niú de "sān niú" jīng shén.

Chúng ta cần ra sức phát huy tinh thần 'Ba con trâu con bò': con trâu cù cung phục vụ nhân dân, con trâu khai hoang đổi mới phát triển và con trâu vàng cày cù phấn đấu gian khổ.

9 nét

 HÁN VIỆT : **NGƯU**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#505

农村

nóng cūn

nông thôn, làng quê

随着美丽乡村振兴战略的深入推进，如今农村的生态人居环境与基础设施发生了巨大变化。

Suí zhe měi lì xiāng cūn zhèn xīng zhàn lüè de shēn rù tuī jìn, rú jīn nóng cūn de shēng tài rén jū huán jīng yǔ jī chǔ shè shī fā shēng le jù dà biàn huà.

Cùng với việc triển khai sâu rộng chiến lược xây dựng nông thôn mới tươi đẹp, ngày nay cảnh quan môi trường sống và cơ sở hạ tầng ở vùng nông thôn đã có những bước chuyển mình to lớn.

23 nét

HÁN VIỆT : NÔNG THÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#506

农民

nóng mín

nông dân, người làm nông

广大农民群众用勤劳的双手耕耘沃野田畴，筑牢了国家粮食安全的最坚实基础。

Guǎng dà nóng mín qún zhòng yòng qín láo de shuāng shǒu gēng yún wò yě tián chóu, zhù láo le guó jiā liáng shí ān quán de zuì jiān shí dì xián.

Đồng đảo bà con nông dân bằng đôi bàn tay cần cù chăm chỉ cày cấy trên những cánh đồng màu mỡ, đã dựng xây nên phòng tuyến vững chắc nhất cho an ninh lương thực quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT : NÔNG DÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#507

农业

nóng yè

nông nghiệp

现代数字农业深度融合了卫星遥感、物联网与智能水肥一体化灌溉技术，实现了精准高效耕作。

Xià dài shù zì nóng yè shēn dù róng hé le wèi xīng yáo gǎn, wù lián wǎng yǔ zhì néng shuǐ féi yī tǐ huà guàn gài jì shù, shí xiàn le jīng zhǔn gāo xiào gēng zuò.

Nông nghiệp kỹ thuật số hiện đại kết hợp sâu sắc công nghệ viễn thám vệ tinh, Internet vạn vật (IoT) cùng kỹ thuật tưới phân bón thông minh khép kín, hiện thực hóa canh tác chuẩn xác hiệu quả cao.

22 nét

HÁN VIỆT : NÔNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#508

女子

nǚ zǐ

nữ giới, người phụ nữ, phái nữ

在国际排联女子排球世界锦标赛上，中国女排姑娘们凭借顽强拼搏、永不言败的坚韧毅力勇夺世界冠军。

Zài guó jì pái lián nǚ zǐ pái qiú shì jiè jīn biāo sài shàng, zhōng guó nǚ pái gū niáng men píng jiè wán qiǎng pīn bó, yǒng bù yán bài de jiān rèn yì lì yǒng duó shì jiè guān jūn.

Tại Giải Vô địch Bóng chuyền Nữ giới Thế giới, các cô gái bóng chuyền nữ đã nhờ vào nghị lực kiên cường ngoan cường chiến đấu, không bao giờ chịu khuất phục để xuất sắc đoạt ngôi vô địch thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT : NỮ TỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#509

暖和

nuǎn huo

ấm áp, làm ấm

春回大地，微风拂拂，天气逐渐变得晴朗暖和起来。

Chūn huí dà dì, wēi fēng chuī fú, tiān qì zhú jiàn biàn dé qíng lǎng nuǎn huo qǐ lái.

Mùa xuân trở lại, gió nhẹ mơn man, thời tiết dần trở nên quang đãng và ấm áp hẳn lên.

21 nét

HÁN VIỆT : NỎÃ HOÀ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#510

拍

pāi

chụp (ảnh), quay (phim); vỗ, đập; cái vợt

科考队员用高倍专业遥感无人机拍下了雪域高原珍稀濒危野生动物在雪山峡谷间奔跑的珍贵画面。

Kē kǎo duì yuán yòng gāo bèi zhuān yè yáo gǎn wú rén jī pāi xià le xuě yù gāo yuán zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng wù zài xuě shān xiá gǔ jiān bēn pǎo de zhēn guì huà miàn.

Đội viên khảo sát khoa học đã dùng máy bay không người lái viễn thám chuyên dụng độ phóng đại cao quay chụp chụp lại những thước phim vô giá về các loài động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đang chạy giữa hẻm núi tuyết trên cao nguyên tuyết trắng.

10 nét

HÁN VIỆT : PHÁCH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#511

排名

páimíng

xếp hạng, thứ hạng, bảng xếp hạng

我国在世界知识产权组织发布的全球创新指数综合排名中持续稳步攀升，稳居全球创新型国家前列。

Wǒ guó zài shì jiè zhī shí chǎn quán zǐ zhī fā bù de quán qiú chuàng xīn zhǐ shù zōng hé pái míng zhōng chí xù wěn bù pān shēng, wěn jū quán qiú chuàng xīn xíng guó jiā qián liè.

Nước ta trên bảng xếp hạng thứ hạng tổng hợp Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới công bố liên tục thăng hạng vững chắc, đứng vững trong hàng ngũ các quốc gia đổi mới sáng tạo dẫn đầu thế giới.

25 nét

HÁN VIỆT : BÀI DANH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#512

牌子

páizi

biển hiệu, tấm biển; thương hiệu nhãn hiệu

国家重点实验室大门前悬挂着金字招牌，代表着国家在这一尖端科学领域的最高学术荣誉与战略使命。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì dà mén qián xuān guà zhe jīn zì zhāo pái, dài biǎo zhe guó jiā zài zhè yī jiān duān kē xué lǐng yù de zuì gāo xué shù róng yù yǔ zhàn lüè shǐ mìng.

Trước cổng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia treo tấm biển biển hiệu chữ vàng danh giá, đại diện cho sứ mệnh chiến lược và danh dự học thuật cao nhất của đất nước trong lĩnh vực khoa học mũi nhọn này.

19 nét

HÁN VIỆT : BÀI TỬ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#513

派

pài

gửi

老师鼓励大家积极派，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gửi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT : PHÁI



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#514

判断

pàn duàn

phán đoán, nhận định, đánh giá

在瞬息万变的金融投资市场中，凭借客观翔实的数据做出精准理性的趋势判断至关重要。

Zài shùn xī wàn biàn de jīn róng tóu zī shì chǎng zhōng, píng jiè kè guān xiáng shí de shù jù zuò chū jīng zhūn lǐ xīng de qū shì pàn duàn zhì guān zhòng yào.

Trên thị trường đầu tư tài chính biến đổi trong từng chớp mắt, việc dựa vào số liệu khách quan chuẩn xác để đưa ra phán đoán xu hướng một cách lý tính là vô cùng quan trọng.

19 nét

HÁN VIẾT: PHÁN ĐOẠN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#515

胖

pàng

béo

通过半年科学规律的体育锻炼与健康饮食，他成功减重，不再显得臃肿发胖。

Tōngguò bàn nián kēxué guīlǜ de tǐyù duànliàn yǔ jiànkāng yǐnshí, tā chénggōng jiǎnzhòng, bù zài xiǎnde yōngzhǒng fāpàng.

Nhờ nửa năm kiên trì tập thể dục khoa học và ăn uống lành mạnh, anh ấy đã giảm cân thành công, không còn cảm giác thừa cân béo phì nữa.

13 nét

HÁN VIẾT: BÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#516

跑步

pǎo bù

chạy bộ

我喜欢早上去跑步。

Wǒ xǐhuan zǎoshang qù pǎobù.

Tôi thích đi chạy bộ vào buổi sáng.

23 nét

HÁN VIẾT: BẢO BỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#517

配

pèi

phối, phối hợp, pha trộn; xứng đôi

新落成的国家超级计算中心全面配备了国际领先的液冷散热与高密度运算集群系统。

Xīn luò chéng de guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn quán miàn pèi bèi le guó jì lǐng xiān de yè lěng sàn rè sǎn rè yǔ gāo mǐ dù yún suàn jí qún xì tǒng.

Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia mới khánh thành được trang bị phối trí toàn diện hệ thống cụm tính toán mật độ cao và tản nhiệt làm mát bằng chất lỏng hàng đầu quốc tế.

14 nét

HÁN VIẾT: PHỐI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#518

配合

pèi hé

phối hợp, kết hợp ăn ý; thích hợp

在重大航天交会对接任务中，地面测控中心与在轨航天员乘组精密配合，圆满完成了全套操作。

Zài zhòng dà háng tiān jiāo huì duì jiē rèn wù zhōng, dì miàn kè kòng zhōng xīn yǔ zài guǐ háng tiān yuán chéng zǔ jīng mì pèi hé, yuán mǎn wán chéng le quán tào cǎo zuò.

Trong nhiệm vụ ghép nối tàu vũ trụ quan trọng, trung tâm điều khiển mặt đất cùng phi hành đoàn trên quỹ đạo đã phối hợp chuẩn xác tuyệt đối, hoàn thành xuất sắc toàn bộ quy trình thao tác.

23 nét

HÁN VIẾT: PHỐI HỢP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#519

批评

pī píng

phê bình, chỉ trích

面对导师严肃认真的建设性学术批评，他虚心接受并对论文中的漏洞进行了全面修正。

Miàn duì dǎo shī yán sù rèn zhēn de jiàn shè xìng xué shù pī píng, tā xīn jiē shòu bìng duì lùn wén zhōng de lòu dòng jìn xíng le quán miàn xiū zhèng.

Đứng trước những lời phê bình học thuật nghiêm cần mang tính xây dựng của thầy hướng dẫn, bạn ấy đã khiêm tốn tiếp thu và chỉnh sửa toàn diện các lỗi hỏng trong bài luận.

21 nét

HÁN VIẾT: PHÊ BÌNH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#520

批准

pī zhǔn

phê chuẩn, chuẩn y, phê duyệt

经国家发改委与科技部正式立项批准，该前沿大科学装置实验基地在综合性国家科学中心正式开工建设。

Jīng guó jiā fā gǎi wěi yǔ kē jì bù zhèng shì lì xiàng pī zhǔn, gāi qián yán dà kē xué zhǔāng zhì shí yàn jī dì zài zōng hé xìng guó jiā kē xué zhōng xīn zhèng shì kāi gōng jiàn shè.

Được Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cùng Bộ Khoa học Công nghệ chính thức phê chuẩn lập dự án, căn cứ thực nghiệm công trình khoa học lớn tiên phong này đã chính thức khởi công xây dựng tại trung tâm khoa học quốc gia tổng hợp.

22 nét

HÁN VIẾT: PHÊ CHUẨN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#521

皮

pí

da (người, động vật); vỏ (cây, quả);
bưởi bính

传统北京烤鸭讲究将烤得金黄酥脆的鸭皮蘸上细白糖食用，入口即化、香脆可口。

Chuán tǒng běi jīng kǎo yā jiāng jiǔ jiàng kǎo dé jīn huáng sù cuī de yā pí zhān shàng xì bái táng shí yòng, rù kǒu jí huà, xiāng cuī kě kǒu.

Món vịt quay Bắc Kinh truyền thống rất chú trọng việc dùng phần da vịt nướng vàng ươm giòn rụm chấm vào đường trắng mịn để thưởng thức, tan ngay trong miệng, thơm giòn đậm đà khó cưỡng.

10 nét

HÁN VIẾT: BÌ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#522

皮包

pí bāo

túi da, cặp da, ví da

老教授每天都提着这只装满学术手稿与参考书籍的深棕色皮包，风雨无阻地来到教室为学生授课。

Lǎo jiào shòu měi tiān dōu tí zhe zhè zhī zhuāng mǎn xué shù shǒu gǎo yǔ cān kǎo shū jí de shēn zōng sè pí bāo, fēng yǔ wú zǔ dì lái dào jiào shì wéi xué shēng shòu kè.

Vị giáo sư già mỗi ngày đều xách chiếc túi da cặp da màu nâu sẫm đựng đầy sách tham khảo và bản thảo học thuật này, mưa nắng không ngại tới lớp học giảng dạy cho sinh viên.

19 nét

HÁN VIẾT: BÌ BAO



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#523

啤酒

píjiǔ

bia

炎炎夏日，三五好友聚在露天大排档吃烧烤，畅饮冰镇鲜啤酒，真是快意人生。

Yányán xiànrì, sān wǔ hǎoyǒu jù zài lùtiān dàpáidǎng chī shāokǎo, chāngyīn bīngzhēn xiān píjiǔ, zhēn shì kuàiyì rénshēng.

Giữa trưa hè oi ả, vài ba người bạn tụ tập bên quán nướng vỉa hè ăn đồ nướng và uống bia tươi ướp lạnh, quả là sảng khoái tuyệt vời.

26 nét

HÁN VIỆT: BIA TỪU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#524

票价

piàojià

giá vé

国家大剧院面向青年学生与社会公众推行公益低票价政策，让高雅艺术惠及更广大的基层群众。

Guójiā dàjù yuàn miànxiàng qīngnián xuéshēng yǔ shèhuì gōngzhòng tuīxíng gōngyì dī piàojià zhèngcè, ràng gāoyǎ yìshù huìjiá gèng guǎng dà de jī céng qúnzhòng.

Nhà hát Lớn Quốc gia triển khai chính sách giá vé công ích thấp hướng tới công chúng xã hội và học sinh sinh viên thanh niên, để nghệ thuật thanh cao tiếp cận phục vụ đông đảo quần chúng cơ sở.

22 nét

HÁN VIỆT: PHIẾU GIÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#525

评价

píngjià

đánh giá, nhận xét, thẩm định

国际同行权威专家对该科研团队在拓扑绝缘体物理机制方面取得的原创性突破给予了极高的学术评价。

Guójì tóngxíng quánwēi zhuānjiā duì gāi kēyán tuánduì zài tuōpǔ juéyuán tǐ wùlǐ jīzhì fāngmiàn qǔdé de yuánchuàng xìng tuōpò gěyǐ jī gāo de xuéshù píngjià.

Các chuyên gia uy tín đồng nghiệp quốc tế đã dành sự đánh giá học thuật rất cao cho những bước đột phá mang tính nguyên tắc của nhóm nghiên cứu về cơ chế vật lý chất cách điện topo-pô.

25 nét

HÁN VIỆT: BÌNH GIÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#526

苹果

píngguǒ

quả táo

我喜欢吃苹果。

Wǒ xǐhuan chī píngguǒ.

Tôi thích ăn táo.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH QUẢ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#527

破

pò

vỡ, rách, hỏng; phá vỡ, đánh tan, giải quyết

科研人员勇于打破传统学术教条定式，在前瞻性基础理论研究中取得了多项突破性原创成果。

Kēyán rén yuányǒng yú dǎ pò chuán tǒng xuéshù jiào tiáo dìngshì, zài qiánzhān xìng jī chǔ lǐ lùn yánjiū zhōng qǔdé le duō xiàng tuōpò xìng yuánchuàng chéngguǒ.

Các cán bộ nghiên cứu khoa học dũng cảm phá vỡ đập tan lối mòn giáo điều học thuật truyền thống, đạt được nhiều thành quả nguyên tắc mang tính đột phá trong nghiên cứu lý luận cơ bản nhìn xa trông rộng.

8 nét

HÁN VIỆT: PHÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#528

破坏

pòhuài

phá hoại, hủy hoại, làm tổn hại

严厉禁止任何人在国家自然保护区核心区域内从事开矿、砍伐等破坏生态红线的违法活动。

Yánlì jìnzhǐ rènhé rén zài guójiā zìrán bǎohù qū héxīn qū yù nèi cóngshì kāikuàng, kǎnfá děng pòhuài shēngtài hóngxiàn de wéifǎ huódòng.

Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ ai tiến hành các hoạt động khai khoáng, chặt phá rừng vi phạm pháp luật hủy hoại lẫn ranh đỏ sinh thái bên trong vùng lõi khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

16 nét

HÁN VIỆT: PHÁ HOẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#529

普遍

pǔbiàn

phổ biến, phổ quát

随着低碳绿色出行理念深入人心，乘坐公共交通与骑共享单车已经成为公众普遍接受的生活方式。

Suízhe dītàn lǜ sè chū xíng lǐ niàn shēn rù rén xīn, chéng zuò gōnggòng jiāo tōng yǔ qí gòngòng xiānggòng dān chē yí jīng chéng wéi gōngzhòng pǔbiàn jiēshòu de shēnghuó fāngshì.

Khi lối sống xanh giảm phát thải ăn sâu vào tiềm thức mọi người, việc đi phương tiện công cộng và đạp xe đạp công cộng đã trở thành thói quen phổ biến được đông đảo người dân đón nhận.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỔ BIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#530

普及

pǔjí

phổ cập, phổ biến rộng rãi

国家全面普及九年义务教育并大力推进优质均衡发展，有效保障了每一个适龄儿童享有公平优质教育的权利。

Guójiā quánmiàn pǔjí jiǔnián yìwù jiàoyù bìng dàlì tuījìn yōuzhì pínghé fāzhǎn, yǒuxiǎo bǎozhàng le měi yí gè shìlíngr ér tóng xiāng yǒu gōngpíng yōuzhì jiàoyù de quánlì.

Nhà nước phổ cập toàn diện giáo dục nghĩa vụ chín năm và đẩy mạnh phát triển cân bằng chất lượng cao, bảo đảm hiệu quả quyền được thụ hưởng nền giáo dục bình đẳng chất lượng cao của mọi trẻ em đúng độ tuổi.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỔ CẬP

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#531

期

qī

kỳ, thời kỳ, giai đoạn; số (báo/tạp chí)

在最新一期国际权威科学期刊上，我国青年研究团队发表了在量子调控领域的最新突破性原创论文。

Zài zuì xīn yí qī guójì quánwēi kēxué qīkǎn shàng, wǒ guó qīngnián yánjiū tuánduì fābiǎo le zài liàngzǐ tiáokòng lǐng yù de zuì xīn tǔpò xìng yuánchuàng lùnwén.

Trên số kỳ mới nhất của tạp chí khoa học có thẩm quyền quốc tế, nhóm nghiên cứu thanh niên nước ta đã công bố bài báo khoa học nguyên tác mang tính đột phá mới nhất trong lĩnh vực điều khiển lượng tử.

10 nét

HÁN VIỆT: KỲ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#532

齐

qí

Tề

老师鼓励大家积极齐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ dà jiā jī qí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Tề, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#533

其次

qí cì

thứ hai, tiếp theo, thứ yếu

学好一门外语首先要建立持久的兴趣，其次要掌握科学的记忆法则并持之以恒地实践。
Xué hǎo yī mén wài yǔ yào shǒu xiān yào jiàn lì chí jiǔ de xìng qù, qí cì yào zhǎng wò kě xué de jì yì fǎ zé bìng chí zhǐ yì héng dì shí jiàn.
Học giỏi một ngoại ngữ trước hết phải gây dựng được niềm say mê lâu bền, thứ đến là phải nắm vững phương pháp ghi nhớ khoa học và kiên trì thực hành bền bỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: KỶ THỨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#534

其实

qí shí

Trên thực tế

许多人总觉得中文声调很难，其实只要找对方法并每天跟读模仿，很快就能掌握。
Xǔ duō rén zǒng jué de Zhōngwén shēngdiào hěn nán, qí shí zhǐ yào zhǎo duì fāngfǎ bìng měitiān gēndú mófǎng, hěn kuài jiù néng zhǎngwò.
Nhiều người cứ nghĩ thanh điệu tiếng Trung rất khó, thực ra chỉ cần tìm đúng phương pháp và kiên trì nhại giọng mỗi ngày thì sẽ nắm bắt rất nhanh.

21 nét

HÁN VIỆT: KỶ THỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#535

奇怪

qí guài

kỳ lạ, kỳ quái lạ lùng; lầy lăm lạ

地质学家在青藏高原米深层钻探中发现了一种结构奇怪的远古矿物结晶，引起了国际矿物学界的极大兴趣。
Dì zhì xué jiā zài qīng zàng gāo yuán wàn mǐ shēn céng zuān tàn zhōng fā xiàn le yī zhǒng jié gòu qí guài de yuǎn gù kuàng wù jí jié jīng, yīn qǐ le guó jì kuàng wù xué jiè de jí dà xìng qù.
Các nhà địa chất học trong đợt khoan thăm dò tầng sâu vạn mét trên cao nguyên Thanh Tạng đã phát hiện ra một loại tinh thể khoáng vật cổ xưa có cấu trúc kỳ lạ lạ lùng, thu hút sự quan tâm to lớn của giới khoáng vật học quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: CƠ QUÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#536

气候

qì hòu

khí hậu

昆明四季如春、气候温和湿润，因而享有举世闻名的“春城”美誉。
Kūn míng sì jì rú chūn, qì hòu wēn hé shī rùn, yīn ér xiāng yǒu jǔ shì wén míng de "chūn chéng" měi yù.
Côn Minh bốn mùa ấm áp như mùa xuân, khí hậu ôn hòa mát mẻ dễ chịu nên được xưng tụng danh xưng 'Thành phố Mùa Xuân' lừng danh thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÍ HẬU

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#537

千万

qiān wàn

nhất thiết, tuyệt đối (khuyến can); hàng chục triệu

在实验室配比易燃化学试剂时，千万要严格遵守防火防爆操作规程，切勿大意。
Zài shí yàn shì pèi bǐ yì rán huà xué shì jì shí, qiān wàn yào yán gé zūn shǒu fáng huǒ fáng bào cāo zuò guī chéng, qiè wù dà yì.
Khi pha chế các hóa chất dễ cháy nổ trong phòng thí nghiệm, nhất thiết phải tuyệt đối tuân thủ quy trình an toàn phòng chống cháy nổ, chớ nên lơ là bất cẩn.

20 nét

HÁN VIỆT: THIÊN MẶC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị / Thời gian

#538

前后

qián hòu

trước sau, trước và sau; khoảng chừng

在国家重大科学工程发射前后，全体测控人员始终保持二十四小时高度警惕与精确测控。
Zài guó jiā zhòng dà kē xué gōng chéng fā shè qián hòu, quán tǐ cè kòng rén yuán shí zhòng bảo chí èr shí sì xiǎo shí gāo dù jǐng tì yǔ jīng què cè kòng.
Trong khoảng thời gian trước và sau trước sau khi phóng công trình khoa học trọng đại quốc gia, toàn thể nhân viên đo đạc điều khiển luôn duy trì cảnh giác cao độ 24/24 và đo đạc điều khiển chuẩn xác.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỀN HẬU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#539

前进

qián jìn

tiến lên, tiến về phía trước

新时代的中国青年要勇立时代潮头，不畏任何艰难险阻，向着中华民族伟大复兴的光辉彼岸奋勇前进。
Xīn shí dài de zhōng guó qīng nián yào yǒng lì shí dài cháo tóu, bù wèi rèn hé jiān nán xiǎn zǔ, xiàng zhe zhōng huá mín zú wéi dà fù xīng de guāng huī bǐ àn fèn yǒng qián jìn.
Thanh niên Trung Quốc thời đại mới cần dũng cảm đứng trên đầu ngọn sóng thời đại, không sợ bất kỳ muôn trùng gian nan hiểm trở nào, dũng mãnh tiến lên tiến về phía trước hướng tới bến bờ rực rỡ của sự phục hưng vĩ đại dân tộc.

22 nét

HÁN VIỆT: TIẾN TIẾN

HSK 3 (3.0)

Phương vị từ

#540

前面

qián miàn

phía trước, đằng trước

学校就在前面。
Xué xiào jiù zài qián miàn.
Trường học ở ngay phía trước.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỀN DIỆN


HSK 3 (3.0)

Động từ

#541

前往

qiánwǎng

đi tới, lên đường đến (nơi chốn)

由顶尖地质学家组成的国家科考队整装出发，前往青藏高原腹地开展新一轮综合地质科学考察。

Yóu dīng jiān dì zhì xué jiā zǔ chéng de guó jiā kǎo kǎo duì zhēng zhuāng chū fā, qián wǎng qīng zàng gāo yuán fù dì kǎi zhǎn xīn yī lún zōng hé dì zhì kē xué kǎo chá.

Đội khảo sát khoa học quốc gia gồm các nhà địa chất học hàng đầu đã thu xếp hành trang lên đường xuất phát, đi tới lên đường đến vùng lõi cao nguyên Thanh Tạng để triển khai đợt khảo sát khoa học địa chất tổng hợp mới.

26 nét

HÁN VIỆT : TIỀN VǢNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#542

强

qiáng

mạnh mẽ, kiên cường, vượt trội

我们要加快建设科技强国、人才强国，不断提升国家战略科技力量与国际核心竞争力。

Wǒ men yào jiā kuài jiàn shè kē jì qiáng guó, rén cái cái qiáng guó, bù duàn tí shēng guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng yǔ guó jì hé xīn jīng zhēng lì.

Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng cường quốc nhân tài mạnh mẽ, cường quốc khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao sức mạnh khoa học công nghệ chiến lược quốc gia và năng lực cạnh tranh cốt lõi quốc tế.

12 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#543

强大

qiángdà

hùng mạnh, to lớn mạnh mẽ

强大的综合国力与高水平科技自立自强，是我们从容应对一切外部风险挑战的最大底气与坚实后盾。

Qiáng dà de zōng hé guó lì yǔ gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, shì wǒ men cóng róng yìng duì yī qiè wài bù fēng xiǎn tiào zhàn de zuì dà dǐ qì yǔ jiān shí hòu dùn.

Năng lực tổng thể quốc gia hùng mạnh to lớn cùng sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao là điểm tựa vững chắc và sự tin lớn nhất để chúng ta ứng dụng ứng phó với mọi rủi ro thách thức từ bên ngoài.

23 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#544

强调

qiángdiào

nhấn mạnh, nêu bật

项目负责人在技术评审总结会上反复强调，系统安全防护与数据隐私合规是不可逾越的红线。

Xiàng mù fù zé rén zài jì shù píng shěn zǒng jié huì shàng fǎn fù qiáng diào, xì tǒng ān quán fáng hù hù yǔ shǔ jù yīn sī hé guī shì bù kě yuè de hóng xiàn.

Người phụ trách dự án tại hội nghị tổng kết thẩm định kỹ thuật đã liên tục nhấn mạnh rằng, an toàn phòng hộ hệ thống và tuân thủ bảo mật dữ liệu là lần ranh đỏ bất khả xâm phạm.

23 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#545

强烈

qiángliè

mãnh liệt, mạnh mẽ, gay gắt

对于未知浩瀚宇宙的强烈好奇心与探索欲，始终是指引一代代天文学家探索星辰大海的动力灯塔。

Duì yú wèi zhī hào hàn yǔ zhòu de qiáng liè hào qí xīn yǔ tàn suǒ yù, shǐ zhōng shì zhǐ yīn yǐ dài dài tiān wén xué jiā tàn suǒ xīng chén dà hǎi de dòng lì dēng tǎ.

Niềm hiếu kỳ mãnh liệt cùng khát vọng khám phá vũ trụ bao la vô tận luôn là ngọn hải đăng động lực dẫn đường cho các thế hệ nhà thiên văn học tiến về biển sao muôn trùng.

24 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG LIỆT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#546

桥

qiáo

cầu

老师鼓励大家积极桥，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qí qiáo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : KIỂU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#547

巧

qiǎo

khéo léo, tài tình; trùng hợp tình cờ

民间非遗剪纸艺人用一把普普通通的剪刀和一双巧手，剪出了栩栩如生的百鸟朝凤图。

Mín jiān fēi yí jiǎn zhǐ yì rén yòng yí bǎ pǔ pǔ tōng tōng de jiǎn dāo hé yí shuāng qiǎo shǒu, jiǎn chū le xǔ xǔ rú shēng de bǎi niǎo cháo fēng tú.

Nghệ nhân cắt giấy di sản phi vật thể dân gian chỉ bằng một chiếc kéo bình thường và đôi bàn tay tài tình khéo léo đã cắt nên bức tranh bách điều triều phụng sống động như thật.

9 nét

HÁN VIỆT : XẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#548

亲

qīn

thân yêu

老师鼓励大家积极亲，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qīn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thân yêu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : THÂN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#549

亲切

qīn qiè

thân thiết, ân cần, niềm nở

老科学家在实验室里与青年研究生促膝交谈，话语亲切和蔼，给予了大家莫大的鼓舞与关怀。

Lǎo kē xué jiā zài shí yàn shì lǐ yǔ qīng nián yán jiū shēng cù xī jiāo tán, huà yǔ qīn qiè hé ǎi, jǐ yǔ le dà jiā mò dà de gǔ wǔ yǔ guān huái.

Nhà khoa học lão thành trong phòng thí nghiệm ngồi trò chuyện ân cần cùng các nghiên cứu sinh trẻ tuổi, lời nói thân tình ấm áp đã tiếp thêm cho mọi người niềm cổ vũ và sự quan tâm to lớn.

22 nét

HÁN VIỆT : THÂN TIẾP



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#550

亲人

qīnrén

người thân, người ruột thịt gia đình

除夕之夜，无论相隔千山万水，游子们总会赶回家与亲人团聚，共享天伦之乐。

Chú xī zhī yè, wú lùn xiāng gé qiān shān wàn shuǐ, yóu zǐ men zòng huì gān huí jiā yǔ qīn rén tuán jù, gòng xiǎng tiān lún zhī lè.

Đêm giao thừa tất niên, bất kể cách trở muôn dặm non sông, những người con xa xứ luôn trở về nhà để đoàn tụ sum họp cùng người thân người ruột thịt, cùng chia sẻ niềm vui sum vầy gia đình.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN NHÂN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#551

亲自

qīn zì

đích thân, tự mình

总工程师亲自带队深入极寒野外试验场，对新一代智能电动汽车的核心电池低温性能进行极限测试。

Zōng gōng chéng shì zhēn qīn zì dài dui shēn rù jí hán yě wài shì yàn chǎng, duì xīn yí dài zhì néng diàn dòng qì chē de hé xīn diàn chí dī wēn xìng néng jìn xíng jí xiàn cè shì.

Tổng công trình sư đã đích thân dẫn đầu đoàn công tác đi sâu vào bãi thử nghiệm đã ngoại vùng cực lạnh để tiến hành kiểm thử giới hạn đối với hiệu năng nhiệt độ thấp của khối pin cốt lõi xe điện thông minh thế hệ mới.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN TỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#552

情感

qíng gǎn

tình cảm, cảm xúc nội tâm

这首壮美的爱国主义交响诗篇融入了作者对祖国壮丽山河与伟大人民的无限深厚真挚情感。

Zhè shǒu zhuàng měi de ài guó zhǔ yì jiāo xiǎng shī piān róng rù le zuò zhě duì zǔ guó zhuàng lì shān hé yǔ wēi dà rén mín de wú xiàn shēn hòu zhēn zhì qíng gǎn.

Thiên sử thi giao hưởng chủ nghĩa yêu nước tráng lệ này đã hòa quyện tình cảm cảm xúc chân thành sâu sắc vô bờ bến của tác giả đối với nhân dân vĩ đại và non sông gấm vóc Tổ quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: TÌNH CẢM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#553

情况

qíng kuàng

tình hình, hoàn cảnh, tình huống

项目负责人正在会议上向上级领导详细汇报近期工程攻关的最新进展情况与应对方案。

Xiàng mù fù zé rén zhèng zài huì yì shàng shàng jí lǐng dǎo xiàng xiàng shàng jí lǐng dǎo xiàng xī jìn qī gōng chéng gōng guān de zuì xīn jìn zhǎn qíng kuàng yǔ yìng duì fāng àn.

Người phụ trách dự án đang báo cáo chi tiết với cấp trên trong cuộc họp về tình hình tiến độ đột phá nhất của công trình cùng các phương án ứng phó.

17 nét

HÁN VIỆT: TÌNH HUỐNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#554

请教

qǐng jiào

thỉnh giáo, khiêm tốn hỏi xin ý kiến chỉ bảo

青年学者在开展跨学科前沿理论研究时，虚心向资深院士专家请教重大物理实验系统集成的关键工艺细节。

Qīng nián xué zhě zài kāi zhān kuà xué kē qián yán jì lùn yán jiū shí, xū xīn xiàng zǐ shēn yuǎn shì zhuān jiā qǐng jiào zhòng dà wù lǐ shí yàn xì tǒng jí chéng de guān jiàn gōng yì xì jié.

Các học giả trẻ tuổi khi triển khai nghiên cứu lý luận tiên phong liên ngành đã khiêm tốn thỉnh giáo các chuyên gia viện sĩ lão thành về các chi tiết công nghệ then chốt trong việc tích hợp hệ thống thực nghiệm vật lý trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: THỈNH GIÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#555

庆祝

qīng zhù

chúc mừng, ăn mừng, lễ kỷ niệm

各界人士欢聚一堂，隆重庆祝我国首座全自主知识产权大型深空观测基地正式落成启用。

Gè jiè rén shì huān jù yì táng, lóng zhòng qīng zhù wó guó shǒu zuò quán zì zhǔ zhī shì chǎn quán dà xíng shēn kōng guān cè jī zhèng shì luò chéng qǐ yòng.

Đại diện các giới đã quây quần tế tụ đồng đủ, long trọng chúc mừng căn cứ quan sát không gian sâu cỡ lớn sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn đầu tiên của nước ta chính thức khánh thành và đưa vào sử dụng.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH CHÚC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#556

球迷

qiú mí

người hâm mộ bóng đá/thể thao (fan)

在足球锦标赛总决赛现场，数万名激情澎湃的热情球迷挥舞着队旗齐声高唱助威歌曲。

Zài zú qiú jìn biāo sài zōng jué sài xiàn chǎng, shù wàn míng jī qíng pēng pài de rè qíng qiú mí huī wǔ zhe duì qí qí shēng gāo chàng zhù wēi gē qǔ.

Tại sân vận động diễn ra trận chung kết giải vô địch bóng đá, hàng vạn người hâm mộ cuồng nhiệt ngùn ngụt khí thế đã vẫy cờ đội bóng và đồng thanh cất cao tiếng hát cổ vũ.

21 nét

HÁN VIỆT: CẦU MÊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#557

区

qū

khu, khu vực, quận huyện địa bàn

国家级高新技术产业开发区聚集了大量顶尖科创企业，成为培育发展新质生产力的核心高地。

Guó jiā jī gāo xīn jì shù chǎn yè jù jí le dà liàng dīng jiān kē chuāng qǐ yè, chéng wéi péi yù fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì de hé xīn gāo dī.

Khu vực địa bàn khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia quy tụ lượng lớn các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ hàng đầu, trở thành cao điểm cốt lõi để nuôi dưỡng phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

13 nét

HÁN VIỆT: ÂU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#558

区别

qū bié

sự khác biệt, phân biệt

深入剖析这两组近义词在语体色彩与适用语境上的细微区别，是提升汉语精确表达的关键。

Shēn rù pōu xī zhè liǎng zǔ jìn yì cí zài yǔ tǐ sè cǎi yǔ shì yòng yǔ jīng shàng de xī wēi qū bié, shì tí shēng hàn yǔ jīng què biǎo dá de guān jiàn.

Phân tích chuyên sâu những nét khác biệt tinh tế về sắc thái phong cách và ngữ cảnh sử dụng của 2 nhóm từ đồng nghĩa này là chìa khóa để nâng cao độ chuẩn xác khi diễn đạt tiếng Trung.

21 nét

HÁN VIỆT: ÂU BIỆT


HSK 3 (3.0)

Động từ

#559

取消

qǔ xiāo

hủy bỏ, bãi bỏ, hủy

受沿海超强台风登陆带来的极端暴雨大风天气影响，铁路部门依法紧急取消了部分客运列车运行。

Shòu yán hǎi chāo qiáng tái fēng dèng lù dàì lái de jí duǎn bào yǔ dà fēng tiān qì yǐng xiǎng, tiě lù bù mén yī fǎ jǐn jí qǔ xiāo le bù fēn kè yùn liè chē yùn xíng.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa to gió lớn cực đoan từ siêu bão đổ bộ vào vùng ven biển, ngành đường sắt đã khẩn cấp cho hủy bỏ một số chuyến tàu chở khách theo quy định an toàn.

21 nét

HÁN VIỆT: THỦ TIÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#560

去世

qù shì

qua đời, từ trần, tạ thế (trang trọng)

这位为我国杂交水稻事业奉献毕生心血的伟大科学家安祥去世，全国人民自发肃穆送别。

Zhè wèi wèi wǒ guó zá jiāo shuǐ dào shì yè fèng xiàn bì shēng xīn xuè de wèi dà kē xué jiā ān xiáng qù shì, quán guó rén mín zì fā sù mù sòng bié.

Nhà khoa học vĩ đại đã cống hiến trọn vẹn tâm huyết cả cuộc đời cho sự nghiệp lúa lai nước nhà đã thanh thản tạ thế, nhân dân cả nước đã tự giác trang nghiêm tiễn biệt ông.

22 nét

HÁN VIỆT: KHỬ THỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#561

全场

quán chǎng

toàn trường, toàn thể hội trường/khán phòng

当大国重器总设计师走上领奖台时，全场数千名代表起立并爆发出经久不息的热烈掌声。

Dāng dà guó zhòng qì zǒng shè jī shī shàng jiǎng tái shí, quán chǎng shù qiān míng dài biǎo qǐ lì bìng bào fā chū jǐng jiǔ bù xī de rè liè zhǎng shēng.

Khi vị tổng công trình sư thiết kế đại khí quốc gia bước lên bục nhận giải, toàn trường toàn thể hội trường hàng ngàn đại biểu đã đứng dậy và vỗ tay nhiệt liệt kéo dài không ngừng.

17 nét

HÁN VIỆT: TOÀN TRƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#562

全面

quán miàn

toàn diện, bao quát

实施乡村振兴战略必须坚持因地制宜、统筹兼顾，全面推进产业、人才、文化、生态和组织振兴。

Shí shī xiāng zhèn xīng zhàn lüè bì xū jiān chí yīn dì zhì yí, tǒng chóu jiān gù, quán miàn tuī jìn chǎn yè, rén cái, wén huà, shēng tài hé zǔ zhī zhèn xīng.

Thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn cần kiên trì tùy theo điều kiện địa phương, điều phối toàn diện và đẩy mạnh đồng bộ chấn hưng ngành nghề, nhân tài, văn hóa, sinh thái và tổ chức.

19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#563

全球

quán qiú

toàn cầu, toàn thế giới

中国积极推进全球绿色低碳转型与应对气候变化国际合作，展现了负责任大国的胸怀与担当。

Zhōng guó jī jìn tuī jìn quán qiú lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng yǔ yìng duì qì hòu biàn huà guó jì hé zuò, zhǎn xiàn le fù zé rèn dà guó de xiōng huái yǔ dān dāng.

Trung Quốc tích cực thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải carbon toàn cầu toàn thế giới và hợp tác quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu, phô diễn tầm vóc và tinh thần gánh vác trách nhiệm của một nước lớn có trách nhiệm.

22 nét

HÁN VIỆT: TOÀN CẦU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#564

缺

quē

mất tích

老师鼓励大家积极缺，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mất tích, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#565

缺点

quē diǎn

khuyết điểm, nhược điểm

金无足赤人无完人，我们要学会正视自身的缺点与短板，并在实践中不断加以改正与完善。

Jīn wú zú chì rén wú wán rén, wǒ men yào xué huì zhèng shì shēn de quē diǎn yǔ duǎn bǎn, bìng zài shí jiàn zhōng bù duàn jiā yǐ gǎi zhèng yǔ wán shàn.

Nhân vô thập toàn, vàng không thuần khiết; chúng ta cần học cách dũng cảm nhìn thẳng vào những khuyết điểm hạn chế của bản thân để không ngừng sửa đổi và hoàn thiện mình qua thực tiễn.

25 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT ĐIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#566

缺少

quē shǎo

thiếu thốn, thiếu hụt

在偏远干旱地区，水资源的严重缺少对当地工农业生产与生态环境构成了巨大制约。

Zài piǎn yuǎn gān hàn dì qū, shuǐ zī yuán de yán zhòng quē shǎo duì dāng dì gōng nóng yè shēng chǎn yǔ shēng tài huán jīng gòu chéng le jù dà zhì yuē.

Tại những vùng đất khô cằn hẻo lánh, sự thiếu thốn nghiêm trọng về nguồn nước đã trở thành rào cản to lớn đối với sản xuất nông công nghiệp và môi trường sinh thái địa phương.

22 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT THIỂU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#567

确保

què bǎo

bảo đảm chắc chắn, bảo đảm an toàn tuyệt đối

国家粮食安全战略健全了粮食产购储加销链条协同机制，确保中国人的饭碗牢牢端在自己手中。

Guó jiā liáng shí ān quán zhàn lüè jiàn quán le liáng shí chǎn gòu chú jiǎ xiāo quán liàn tiáo xié tóng jī zhì, què bǎo zhōng guó rén de fàn wǎn láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng.

Chiến lược An ninh Lương thực Quốc gia đã hoàn thiện cơ chế phối hợp toàn chuỗi sản xuất - thu mua - dự trữ - chế biến - tiêu thụ lương thực, bảo đảm chắc chắn tuyệt đối bát cơm của nhân dân luôn nằm vững chắc trong tay mình.

23 nét

HÁN VIỆT: XÁC BẢO



HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#568

确定

què dìng

xác định, chốt lại; chắc chắn

经过专家组为期数月的科学实地勘探与周密论证，国家重大引水工程的主线走向最终正式确定。

Jīng guò zhuān jiǎ zǔ wéi qī shù yuè de kē xué shí dì kǎn tàn yú zhōu mì lùn zhèng, guó jiā zhòng dà yǐn shuǐ gōng chéng de zhǔ xiàn zǒu xiàng zuì zhōng zhèng shì què dìng.

Trải qua nhiều tháng khảo sát thực địa khoa học và thẩm định chu đáo của hội đồng chuyên gia, hướng tuyến trục chính của đại công trình dẫn nước quốc gia cuối cùng đã chính thức được xác định.

18 nét

HÁN VIỆT: XÁC ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#569

确实

què shí

thực sự, quả thực, xác thực

经过权威科研机构的多轮严格对照实验论证，该新型环保材料确实具有优异的阻燃与隔热性能。

Jīng guò quán wēi kē yán jī gòu de duō lún yán gé duì zhào shí yàn lùn zhèng, gāi xīn xíng huán bǎo cái liào què shí jù yǒu yōu yì de zǔ rán yǔ gé rè xìng néng.

Sau nhiều đợt thử nghiệm đối chứng nghiêm ngặt tại các cơ quan nghiên cứu uy tín, loại vật liệu bảo vệ môi trường thế hệ mới này quả thực sở hữu tính năng chống cháy và cách nhiệt siêu việt.

22 nét

HÁN VIỆT: XÁC THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#570

裙子

qún zi

váy

她今天特意挑选了一条剪裁优雅大方、色彩清新的碎花连衣裙去参加朋友的婚礼。

Tā jīn tiān tè yì tiāo xuǎn le yì tiáo jiǎn cái yōu yǎ dà fāng, sè cǎi qīng xīn de suǐ huā lián yī qún qù cān jiā péng you de hūnlǐ.

Hôm nay cô ấy đặc biệt chọn một chiếc váy liền thân hoa nhí cắt may thanh lịch và màu sắc tươi tắn để dự đám cưới người bạn.

24 nét

HÁN VIỆT: QUẦN TỬ

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#571

群

qún

đàn, bầy, nhóm, tốp [lượng từ]

在清澈见底的高原湖泊水面上，一群群优雅的天鹅正迎着晨光自由自在地嬉戏翱翔。

Zài qīng chè jiàn dǐ de gāo yuán hú pō shuǐ miàn shàng, yì qún qún yōu yǎ de tiān é zhèng yíng zhe chén guāng zì yóu zì zài dì xī xì áo xiáng.

Trên mặt nước trong vắt nhìn thấu tận đáy của hồ nước vùng cao nguyên, từng đàn thiên nga thanh tao duyên dáng đang đón ánh bình minh thông dong bơi lội và sải cánh chào lộng tự do.

8 nét

HÁN VIỆT: QUẦN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#572

热爱

rè ài

yêu tha thiết, nồng nhiệt yêu mến

唯有对从事的科学探索事业怀揣着发自内心的炽热热爱，才能在漫长枯燥的实验岁月中永葆激情。

Wéi yǒu duì cóng shì de kē xué tàn sù shì yè huái chuāi zhe fā xīn nèi xīn de chì rè rè ài, cái néng zài màn cháng kǔ zào de shí yàn suì yuè zhōng yǒng bǎo jī qīng.

Chỉ khi nuôi dưỡng trong tim tình yêu nồng nhiệt tha thiết xuất phát từ đáy lòng đối với sự nghiệp thám hiểm khoa học, người ta mới có thể giữ mãi ngọn lửa đam mê qua những tháng năm thực nghiệm dài đằng đẵng.

23 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT ÁI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#573

热烈

rè liè

nồng nhiệt, nhiệt liệt, sôi nổi

在联合国大会讲坛上，我国代表关于构建人类命运共同体的深刻主旨发言赢得了全场长久而热烈的掌声。

Zài lián hé guó dà huì jiǎng tán shàng, wǒ guó dài biǎo guān yú gòu jiàn rén lèi mìng yùn gòng tǒng tǐ de shēn kè zhǔ zhǐ fā yán yíng dé le quán chǎng cháng jiǔ ér rè liè de zhǎng shēng.

Trên diễn đàn Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, bài phát biểu dẫn đề sâu sắc của đại diện nước ta về việc cùng xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại đã nhận được những tràng pháo tay kéo dài nồng nhiệt của toàn thể hội trường.

26 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT LIỆT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#574

人才

rén cái

nhân tài, người tài

国家深入实施新时代人才强国战略，全方位全链条培养、引进、用好顶尖科技战略科学家与青年拔尖人才。

Guó jiā shēn rù shí shí xīn shí dài rén cái qiáng guó zhàn lüè, quán fāng wèi quán liàn tiáo péi yāng, yīn jìn, yòng hào dīng jiān kē jì zhàn lüè kē xué jiā yǔ qīng nián bá jiān rén cái.

Nhà nước đã sâu thực thi chiến lược cường quốc nhân tài thời đại mới, đào tạo, thu hút và trọng dụng toàn diện chuỗi liên kết đối với các nhà khoa học chiến lược công nghệ đỉnh cao và đội ngũ nhân tài trẻ xuất chúng.

17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN TÀI

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#575

人工

rén gōng

nhân tạo, thủ công; trí tuệ nhân tạo (AI)

新一代通用人工智能与具身智能机器人深度融合，正在深刻重塑全球高端制造与现代科研范式。

Xīn yí dài tōng yòng rén gōng zhì néng yǔ jù shēn zhì néng jī qì rén shēn dù róng hé, zhèng zài shēn kè zhòng sù quán qiú gāo duān zhì zào yǔ xiàn dài kē yán fàn shì.

Trí tuệ nhân tạo đa năng thế hệ mới cùng robot thông minh hiện thân kết hợp sâu rộng với nhau, đang định hình lại sâu sắc các mô hình nghiên cứu khoa học hiện đại và ngành sản xuất chế tạo cao cấp toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: NHÂN CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#576

人类

rén lèi

loài người, nhân loại

和平利用外层空间与探索浩瀚宇宙未知奥秘，是造福全人类福祉与推动人类文明进步的崇高共同事业。

Hé píng lì yòng wài céng kōng jiān yǔ tàn sù hào hàn yǔ zhòu wèi zhī ào mì, shì zào fú quán rén lèi fú zhǐ yǔ tuī dòng rén lèi wén míng jìn bù de chóng gāo gòng tóng shì yè.

Khai thác sử dụng hòa bình không gian vũ trụ bên ngoài và thám hiểm những điều bí ẩn chưa biết của vũ trụ bao la là sự nghiệp chung cao đẹp tạo phúc cho toàn nhân loại và thúc đẩy văn minh loài người tiến bộ.

20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN LOẠI



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#577

人民
rénmín

nhân dân, quần chúng nhân dân

江山就是人民，人民就是江山；共产党打江山、守江山，守的是人民的心。

Jiāng shān jiù shì rén mín, rén mín jiù shì jiāng shān; gòng chǎn dǎng dǎ jiāng shān, shǒu jiāng shān, shǒu de shì rén mín de xīn.

Giang sơn chính là nhân dân, nhân dân chính là giang sơn; Đảng giành giang sơn, giữ vững giang sơn, chính là giữ trọn trái tim của nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: NHÂN DÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#578

人民币
rén mín bì

Đồng Nhân dân tệ (RMB)

随着国际经贸结算体系的多元化发展，跨境贸易中使用人民币结算的比重正在稳步攀升。

Suí zhe guó jì jīng mào jié suàn tǐ xì de duō yuán huà fā zhǎn, kuà jìng mào yì zhōng shǐ yòng rén mín bì jié suàn de bǐ zhòng zhèng zài wěn bù pān shēng.

Cùng với sự phát triển đa dạng hóa của hệ thống thanh toán kinh tế thương mại quốc tế, tỷ trọng sử dụng đồng Nhân dân tệ trong thanh toán thương mại xuyên biên giới đang tăng trưởng ổn định.

32 nét

HÁN VIỆT: NHÂN DÂN TỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#579

人群
rénqún

đám đông, dòng người, đoàn người

国庆升旗仪式结束后，广场上热烈欢呼庆祝的人群久久不愿散去，大家挥舞国旗合影留念。

Guó qīng shēng qí yí shì jié shù hòu, guǎng chǎng shàng rè liè huān hū qīng zhù de rén qún jiǔ jiǔ bù yuàn sǎn qù, dà jiā huī wǔ guó qí hé yǐng liú niàn.

Sau khi nghi lễ chào cờ Quốc khánh kết thúc, đám đông dòng người reo hò chúc mừng nồng nhiệt trên quảng trường lưu luyến mãi không muốn rời đi, mọi người cùng vẫy cờ Tổ quốc chụp ảnh kỷ niệm.

17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN QUẦN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#580

人生
rén shēng

đời người, nhân sinh, kiếp người

奋斗是青春最亮丽的底色，把个人的理想抱负融入祖国与时代的伟大发展中，才能书写最无悔的壮丽人生。

Fèn dòu shì qīng chūn zuì liàng lì de dǐ sè, bǎ gè rén de lǐ xiǎng bào fù róng rù zú guó yǔ shí dài de wéi dà fā zhǎn zhōng, cái néng shū xiě zuì wú huǐ de zhuàng lì rén shēng.

Phấn đấu là gam màu rực rỡ nhất của tuổi trẻ, hòa quyện lý tưởng hoài bão của cá nhân vào sự phát triển vĩ đại của Tổ quốc và thời đại mới có thể viết nên cuộc đời tráng lệ không bao giờ phải hối tiếc.

19 nét

HÁN VIỆT: NHÂN SINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#581

人员
rén yuán

nhân viên, cán bộ, nhân sự

在重大极端自然灾害防汛应急响应期间，全体防汛抢险救援人员全员取消休假，坚守在防汛堤坝一线。

Zài zhòng dà jí duān zì rán zāi hài fáng xùn yǐng yǎng qī jiān, quán tǐ fáng xùn qiǎng jiù yuán rén yuán quán yuán qǔ xiǎo xiū jià, jiǎn shǒu zài fáng xùn dī bà yí xiàn.

Trong thời gian kích hoạt phản ứng khẩn cấp phòng chống thiên tai cực đoan, toàn thể cán bộ nhân viên cứu hộ phòng chống lũ lụt đều hủy bỏ kỳ nghỉ, kiên cường túc trực nơi tuyến đầu đấu sóng ngọn gió.

21 nét

HÁN VIỆT: NHÂN VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#582

认出
rènchū

nhận ra, nhận diện ra

多年后再次相聚，老同学一眼就从熙熙攘攘的人流中认出了昔日同窗挚友。

Duō nián hòu zài cì xiāng jù, lǎo tóng xué yí yǎn jiù cóng xī xī rǎng rǎng de rén liú zhōng rèn chū le xī rì tóng chuāng zhì yǒu.

Nhiều năm sau gặp lại, người bạn học cũ chỉ nhìn một thoáng đã nhận ra nhận diện ra người bạn tri kỷ cùng lớp thuở nào giữa dòng người qua lại tấp nập đông đúc.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẬN XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#583

认得
rènde

nhận biết được, nhận ra, biết mặt

经过半年的强化学习，这名外国留学生如今已经能够熟练认得两千多个常用汉字。

Jīng guò bàn nián de qiáng huà xué xí, zhè míng wài guó liú xué shēng rú jīn yǐ jīng néng gòu shú liàn rèn de liǎng qiān duō gè cháng yòng hàn zì.

Trải qua nửa năm học tập tăng cường, bạn lưu học sinh nước ngoài này ngày nay đã có thể nhận biết được nhận diện thuần thục hơn hai ngàn chữ Hán thông dụng.

28 nét

HÁN VIỆT: NHẬN ĐẮC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#584

认可
rèn kě

công nhận, thừa nhận, tán thành đánh giá cao

我国完全自主研发的新一代国产支线客机以卓越的安全性与经济性，顺利获得了国际民航组织的权威适航认可。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài guó chǎn zhī xiàn kè jī jǐ yǐ zhào yuè de ān quán xīng yǐ jīng jì xīng, shùn lì huò dé le guó jì mǐn háng zǔ zhī de quán wēi shì háng rèn kě.

Máy bay chở khách đường bay ngắn thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo với tính kinh tế và độ an toàn vượt trội đã thuận lợi đạt được sự công nhận thừa nhận đủ điều kiện bay có thẩm quyền của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO).

26 nét

HÁN VIỆT: NHẬN KHẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Lượng từ

#585

任
rèn

đảm nhiệm, bổ nhiệm; nhiệm kỳ; bất kể

青年学者勇挑重担，受聘担任了国家重点实验室主任兼重大前沿项目首席科学家。

Qīng nián xué zhě yǒng tiǎo zhòng dān, shòu pìn dān rèn le guó jiā zhòng diǎn shí yán shì zhǔ rěn jiān zhòng dà qián yán xiàng mù shǒu xī kē xué jiā.

Người học giả trẻ tuổi dũng cảm gánh vác trọng trách, được bổ nhiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia kiêm Nhà khoa học Trưởng của dự án tiên phong trọng đại.

11 nét

HÁN VIỆT: NHÂM



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#586

任何

rèn hé

bất kỳ, bất cứ

在追求科学真理的道路上，我们不应抱有任
何侥幸心理，唯有脚踏实地才能求得真知。

Zài zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de dào lù shàng, wǒ
men bù yǐng bào yǒu rèn hé jiǎo xīn xīn lǐ, wéi
yǒu jiǎo tà shí dì cái néng qiú dé zhēn zhī.

Trên con đường kiếm tìm chân lý khoa học,
chúng ta không được phép mang bất kỳ tâm
lý cầu may nào, chỉ có làm việc thực tế vững
vàng mới tìm ra tri thức đích thực.

21 nét

HÁN VIỆT: NHÂM HÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#587

任务

rèn wu

nhiệm vụ, công tác

全体搜救队员临危受命，克服恶劣暴雨天
气，圆满完成了抗洪抢险救援的紧急任务。

Quán tǐ sōu jiù duì yuán lín wēi shòu mìng, kè fú
è liè bào yǔ tiān qì, yuán mǎn wán chéng le kàng
hóng qiǎng xiǎn jiù yuán de jǐn jí rèn wu.

Toàn thể đội viên cứu hộ nhận lệnh giữa lúc
gian nguy, vượt qua thời tiết mưa bão khắc
nghiệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khẩn
cấp chống lũ cứu nạn.

25 nét

HÁN VIỆT: NHÂM VỤ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#588

仍

réng

Vẫn

老师鼓励大家积极仍，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī réng, yǒng yú tàn suǒ xīn
de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
Vẫn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#589

仍然

réng rán

vẫn, vẫn cứ, vẫn còn

尽管已经年过八旬，这位德高望重的老科学
家仍然坚持每天在实验室指导青年科研人
员。

Jìn guǎn yǐ jīng nián guò bā xún, zhè wèi dé gāo
wàng zhòng de lǎo kē xué jiā réng rán jiān chí
měi tiān zài shí yàn shì zhǐ dǎo qīng nián kē yán
rén yuán.

Dẫu nay đã ngoài 80 tuổi, nhà khoa học lão
thành đức cao vọng trọng này vẫn kiên trì
mỗi ngày tới phòng thí nghiệm tận tình chỉ
dẫn cho các nhà nghiên cứu trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#590

日常

rì cháng

thường ngày, hàng ngày, thường
nhật

养成垃圾分类投放与节水节电的良好日常习
惯，是践行绿色低碳环保生活方式的最直接
体现。

Yǎng chéng lā jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié
diàn de liáng hǎo rì cháng xí guǎn, shí jiàn xīng lǜ
sè de tàn huán bǎo shēng huó fāng shì de zuì zhí
jiē tǐ xiàn.

Rèn luyện thói quen tốt hàng ngày phân loại
rác thải đúng chỗ cùng việc tiết kiệm điện
nước là biểu hiện trực tiếp nhất của việc thực
hành lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi
trường.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẬT THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#591

容易

róng yì

dễ dàng, thuận lợi; dễ (dễ mắc lỗi)

攀登世界科技巅峰的征程从来不是一件容易
的事情，唯有具备坚忍不拔毅力的攀登者才
能最终登顶。

Pān dēng shì jiè kē jì diǎn fēng de zhēng chéng
cóng lái bú shì yì jiàn róng yì de shì qing, wéi yǒu
jù bèi jiān rěn bù bá yì lì de pān dēng zhě cái
néng zuì zhōng dēng dǐng.

Hành trình trèo lên đỉnh cao khoa học kỹ
thuật thế giới chưa bao giờ là một việc dễ
dàng thuận lợi, chỉ có những người leo núi sở
hữu nghị lực kiên cường bất khuất mới có thể
leo lên tới đỉnh cuối cùng.

19 nét

HÁN VIỆT: DUNG DỊ

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#592

如何

rú hé

như thế nào, làm sao, ra sao

如何通过原创性前沿基础理论创新赋能现代
化产业体系建设，是新时代科技界共同面临
的重大命题。

Rú hé tōng guò yuán chuàng xīng qián yán jī chǔ
lì lùn chuàng xīn fù néng xiàn dài huà chǎn yè tí xī
jiàn shè, shì xīn shí dài kē jì jiè gòng tóng miàn lín
de zhòng dà mìng tí.

Làm thế nào để thông qua đổi mới lý luận cơ
bản tiên phong mang tính nguyên tác tiếp
sức cho công cuộc xây dựng hệ thống công
nghiệp hiện đại hóa là bài toán lớn mà giới
khoa học công nghệ thời đại mới cùng chung
tay giải quyết.

21 nét

HÁN VIỆT: NHƯ HẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#593

散步

sàn bù

đi dạo, tản bộ

晚饭后陪着父母在小区花园的小道上悠闲散
步，是一天中最温馨放松的时光。

Wǎn fàn hòu péi zhe fù mǔ zài xiǎo qū huā yuán
de xiǎo dào shàng yōu xián sǎn bù, shì yì tiān
zhōng zuì wēn xīn fàng sōng de shí guāng.

Sau bữa cơm tối cùng bố mẹ thong dong đi
dạo trên con đường nhỏ trong hoa viên khu
chung cư là khoảng thời gian ấm áp và thư
thái nhất trong ngày.

26 nét

HÁN VIỆT: TẢN BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#594

沙发

shā fā

ghế sofa, ghế, đi-văng

下班回到温馨舒适的家中，整个人惬意地窝
在柔软宽大的真皮沙发里听音乐，非常解
乏。

Xià bān huí dào wēn xīn shū shì de jiā zhōng,
zhěng gè rén qiè yì dì wō zài róu ruǎn kuān dà de
zhēn pí shā fā lǐ tīng yīn yuè, fēi cháng jiě fá.

Tan sở trở về mái ấm ngọt ngào tiện nghi,
toàn thân khoan khoái lệt lệt trong chiếc
ghế sofa da bò êm ái rộng rãi nghe nhạc, mọi
mệt mỏi đều tan biến hết.

22 nét

HÁN VIỆT: SA PHÁT


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#595

沙子

shāzi

cát, hạt cát

经过几代治沙英雄的接续奋斗，曾经黄沙漫天的荒漠如今筑起了一道道坚不可摧的绿色生态屏障。

Jīng guò jǐ dài zhì shā yīng xióng de jiē xù fèn dòu, céng jīng huāng mò shā mǎn tiān de huāng mò rú jīn zhù qǐ le yī dào dào jiān bù kě cuī de lǜ sè shēng tài píng zhàng.

Trải qua sự phấn đấu tiếp nối của nhiều thế hệ anh hùng trị cát sa mạc, vùng đất hoang vu cát vàng bao cát ngập trời ngày xưa ngày nay đã dựng xây nên những bức bình phong sinh thái xanh kiên cố không thể phá vỡ.

23 nét

HÁN VIỆT : SA TỬ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#596

伤

shāng

đau

老师鼓励大家积极伤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shāng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đau, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#597

伤心

shāng xīn

đau lòng, buồn bã, đau khổ

看到悉心照料多年的宠物犬因病离世，小男孩伤心难过地失声痛哭起来。

Kàn dào xī xīn zhào liào duō nián de chǒng wù quǎn yīn bìng lí shì, xiǎo nán hái shāng xīn nán guò dì shǐ shēng tòng kū qǐ lái.

Chứng kiến chú cún cưng gần bó chăm sóc nhiều năm không qua khỏi vì bạo bệnh, cậu bé đã đau lòng òa khóc nức nở.

19 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#598

商品

shāng pǐn

hàng hóa, thương phẩm

得益于中欧班列的高效常态化运行，数万吨优质特色商品在欧亚大陆之间实现了高效双向流通。

Dé yì yú zhōng ōu bān liè de gāo xiào cháng tài huà yùn xíng, shù wàn zhòng yōu zhì tè sè shāng pǐn zài ōu yà dà lù zhī jiān shí xiàn le gāo xiào shuāng xiàng liú tōng.

Nhờ vào sự vận hành thường thái hiệu quả cao của các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu, hàng vạn loại hàng hóa đặc sản chất lượng cao đã thực hiện lưu thông hai chiều nhanh chóng qua lục địa Á - Âu.

24 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG PHẨM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#599

商业

shāng yè

thương mại, thương nghiệp, kinh doanh

现代数字绿色商业不仅高度重视经济效益回报，更积极践行环境保护与社会责任共赢的可持续发展理念。

Xià dài shù zì lǜ sè shāng yè bù jīn gāo dù zhòng jīng jì xiào yì huí bào, gèng jī jí jiàn xíng huán jīng bǎo hù yǔ shè huì zé rèn gòng yíng de kě chí xù fā zhǎn lǐ niàn.

Thương mại xanh kỹ thuật số hiện đại không chỉ chú trọng cao độ tới hiệu quả kinh tế hoàn vốn mà còn tích cực thực hành triết lý phát triển bền vững cùng thắng lợi giữa bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#600

上来

shàng lái

đi lên

老师鼓励大家积极上来，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shàng lái, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

18 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG LẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#601

上面

shàng miàn

phía trên, bên trên, mặt trên

在这座大型天文射电望远镜的反射面板上面，铺设了数千块高精度的铝合金反射单元。

Zài zhè zuò dà xíng tiān wén shè diàn wǎng yuǎn jìng de fǎn shè miàn bǎn shàng miàn, pū shè le shù qiān kuài gāo jīng dù de alú huī jīn fǎn shè dān yuán.

Phía trên trên bề mặt tấm phản xạ của chiếc kính viễn vọng vô tuyến thiên văn quy mô lớn này được lát hàng ngàn đơn vị phản xạ bằng hợp kim nhôm độ chính xác cao.

18 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG DIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ xu hướng

#602

上去

shàng qu

đi lên, bước lên phía trên

当优秀科研骨干代表走上去领奖台的那一刻，全场响起了经久不息的热烈欢呼声。

Dāng yōu xiù kē yán gǔ dài biǎo zǒu shàng qù lǐng jiǎng tái de nà yī kè, quán chǎng xiǎng qǐ le jǐng jiǔ bù xī de rè liè huān hū shēng.

Vào khoảnh khắc đại biểu cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán xuất sắc bước lên đi lên bực nhận giải thưởng, toàn thể khán phòng đã vang lên những tiếng reo hò nhiệt liệt kéo dài không dứt.

17 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG KHỬ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#603

上升

shàng shēng

tăng lên, đi lên, dâng cao

随着我国高新技术产业持续壮大，战略性新兴产业在国内生产总值的比重稳步上升。

Suí zhe wǒ guó gāo xīn jì shù chǎn yè chí xù zhuàng dà, zhàn lüè xìng xīn xíng chǎn yè zài guó nèi shēng chǎn zǒng zhí de bǐ zhòng wěn bù shàng shēng.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng của các ngành công nghệ cao mới của nước ta, tỷ trọng của các ngành mới nổi mang tính chiến lược trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng lên đi lên một cách vững chắc.

20 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG THĂNG



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#604

上衣

shàngyī

áo, áo khoác ngắn phía trên

在重大国事外交迎宾仪式上，国宾仪仗队队员身着笔挺整齐的礼宾上衣，威武庄严。

Zài zhòng dà guó shì wài jiāo yíng bīn yí shì shàng, guó bīn yì zhàng duì duì yuán shēn zhuān bǐ tǐng zhěng qí de lǐ bīn shàng yī, wēi wǔ zhuāng yán.

Trong nghi thức đón tiếp ngoại giao trọng đại của quốc gia, các chiến sĩ Đội Tiểu binh Danh dự đón khách quốc tế mặc chiếc áo lễ tân chỉnh tề ngay ngắn, vô cùng trang nghiêm và uy phong.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG Y

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#605

设备

shè bèi

thiết bị, máy móc trang thiết bị

国家超算中心机房里整齐排列着全自主可控的千万亿次级高性能液冷超级计算设备集群。

Guó jiā chāo suàn zhōng xīn jī fáng lǐ zhěng qí pái liè zhe qiān yì zhū kē kòng de qiān wàn yì cì jí gāo xìng néng yè lěng chāo jí jì suàn shè bèi jí qún.

Trong phòng máy Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia xếp ngay ngắn cụm thiết bị siêu máy tính làm mát bằng chất lỏng hiệu năng cao cấp triệu tỷ phép tính tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

26 nét

HÁN VIỆT: THIẾT BỊ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#606

设计

shè jì

thiết kế, quy hoạch; bản thiết kế

我国桥梁工程设计团队成功攻克了深海复杂海况下超大跨度悬索桥的空气动力学抗风设计难题。

Wǒ guó qiáo liáng gōng chéng shè jì tuán duì chéng gōng gōng kè le shēn hǎi fù zá hǎi kuàng xià chāo dà kuà dù xuán sǎo qiáo de kōng qì dòng lì xué kàng fēng shè jì nán tí.

Đội ngũ thiết kế công trình cầu đường nước ta đã khắc phục thành công bài toán thiết kế khí động học chống gió bão của cầu treo nhịp siêu lớn trong điều kiện hải văn biển sâu phức tạp.

23 nét

HÁN VIỆT: THIẾT KẾ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#607

设立

shè lì

thiết lập, thành lập, xây dựng mới

国家正式设立三江源、大熊猫、东北虎豹等首批国家公园，开启了中国自然生态保护地体系建设崭新篇章。

Guó jiā zhèng shì shè lì sān jiāng yuán, dà xióng māo, dōng běi hǔ bào děng shǒu pī guó jiā gōng yuán, kāi qǐ le zhōng guó zì rán shēng tài bǎo hù dì tí xī jiàn shè zhì xīn piān zhāng.

Nhà nước đã chính thức thành lập thiết lập đợt Công viên Quốc gia đầu tiên như Tam Giang Nguyên, Gấu Trúc Lớn, hổ Báo Đông Bắc, mở ra trang sử hoàn toàn mới trong việc xây dựng hệ thống khu bảo tồn sinh thái tự nhiên của Trung Quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: THIẾT LẬP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#608

社会

shè huì

xã hội

当代青年应当主动走出象牙塔，积极投身社会志愿服务与实践调研，增长才干。

Dāng dài qīng nián yīng dǎng zhǔ dòng zǒu chū xiàng yá tǎ, jī jí tóu shēn shè huì zhì yuàn fú wù yǔ shí jiàn diào yán, zēng zhǎng cái gàn.

Thế hệ trẻ ngày nay nên chủ động bước ra khỏi tháp ngà học thuật, tích cực dẫn thân vào các hoạt động tình nguyện xã hội và khảo sát thực tế để trau dồi bản lĩnh.

22 nét

HÁN VIỆT: XÃ HỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#609

身份证

shēn fèn zhèng

thẻ căn cước công dân, CMND/CCCD

在进入国际学术考场前，请各位考生提前准备好准考证与本人有效二代居民身份证。

Zài jìn rù guó jì xué shù kǎo chǎng qián, qǐng gè wèi kǎo shēng tí qián zhǔn bèi hào zhǔn kǎo zhèng yǔ běn rén yǒu xiào èr dài jū mín shēn fèn zhèng.

Trước khi bước vào phòng thi học thuật quốc tế, xin các thí sinh hãy chuẩn bị sẵn thẻ dự thi cùng thẻ căn cước công dân CCCD thể hệ hai hợp lệ của bản thân.

33 nét

HÁN VIỆT: THÂN PHẦN CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#610

深

shēn

sâu, sâu sắc, sâu đậm

他对中国古代哲学典籍有着极其深厚的研究造诣，见解独到精辟，令人由衷叹服。

Tā duì zhōng guó gù dài zhé xué diǎn jí yǒu jí shēn hòu de yán jiū zào yì, jiàn jiě dú dào jīng pì, líng rén yóu zhōng tàn fú.

Anh ấy có trình độ nghiên cứu vô cùng uyên thâm và sâu sắc về các thư tịch triết học cổ đại Trung Quốc, kiến giải độc đáo sắc sảo khiến người nghe thần phục từ đáy lòng.

13 nét

HÁN VIỆT: THÂM

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#611

深刻

shēn kè

sâu sắc, sâu đậm, thâm thúy

这场涉及全球经济转型与气候治理的跨国高端学术对话，给所有与会学者留下了极其深刻的启示。

Zhè chǎng shè jí quán qiú jīng jì zhuǎn xíng yǔ qì hòu zhì lǐ de guó jiā gāo duān xué shù duì huà, gěi suǒ yǒu yǔ huì xué zhě liú xià le jí qí shēn kè de qǐ shì.

Cuộc đối thoại học thuật cấp cao xuyên quốc gia liên quan tới chuyển đổi kinh tế toàn cầu và quản trị khí hậu này đã để lại những bài học gợi mở vô cùng sâu sắc cho tất cả các học giả tham dự.

23 nét

HÁN VIỆT: THÂM KHẮC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#612

深入

shēn rù

đi sâu

老师鼓励大家积极深入，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shēn rù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi sâu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

26 nét

HÁN VIỆT: THÂM NHẬP


HSK 3 (3.0)

Động từ / Lượng từ #613

升

shēng

lên, thăng cấp, mọc lên; lít (đơn vị thể tích)

清晨的天安门广场上，鲜艳庄严的五星红旗伴随着雄壮的国歌声冉冉升起，场面无比庄严神圣。

Qīng chén de tiān ān mén guǎng chǎng shàng, xiān yàn zhuāng yán de wú xīng hóng qí bàn suí zhe xióng zhuàng de guó gē shēng rán rán shēng qǐ, chǎng miàn wú bǐ zhuāng yán shén shèng.

Trên Quảng trường Thiên An Môn lúc sáng sớm, lá cờ đỏ năm sao tươi thắm trang nghiêm hòa cùng tiếng quốc ca hùng tráng từ từ mọc lên bay lên cao, khung cảnh vô cùng trang nghiêm và thiêng liêng.

12 nét

HÁN VIỆT: THĂNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ #614

生产

shēng chǎn

sản xuất, chế tạo; sinh nở

现代化智能无人“黑灯工厂”依托工业机器人 与全自动流程，实现了全天候不间断的高精度工业生产。

Xià dài huà zhì néng wú rén "hēi dēng gōng chǎng" yī tuō gōng yè jī rén yǔ quán zì dòng liú chéng, shí xiàn le quán tiān hòu bù jiàn duàn de gāo jīng dù gōng yè shēng chǎn.

Những 'nhà máy không đèn' thông minh hiện đại không người lái dựa vào robot công nghiệp và quy trình hoàn toàn tự động đã thực hiện sản xuất công nghiệp chính xác cao liên tục suốt 24/7.

21 nét

HÁN VIỆT: SINH SẢN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ #615

生存

shēng cún

sinh tồn, tồn tại và phát triển

地球是人类赖以生存的唯一家园；全人类必须携手应对全球气候变暖危机，共同守护生生不息的绿色地球。

Dì qiú shì rén lèi lài yǐ shēng cún de wéi yī jiā yuán; quán rén lèi bì xū xié shǒu yìng duì quán qiú qì hòu biàn nuǎn wēi jī, gòng tóng shǒu hù shēng shēng bù xī de lǜ sè dì qiú.

Trái Đất là mái ấm duy nhất mà loài người nương tựa để sinh tồn; toàn thể nhân loại bắt buộc phải chung tay ứng phó cuộc khủng hoảng nóng lên toàn cầu, cùng nhau che chở bảo vệ một Trái Đất xanh trường tồn sinh sôi nảy nở không ngừng.

22 nét

HÁN VIỆT: SINH TỒN

HSK 3 (3.0)

Tính từ #616

生动

shēng dòng

sinh động, chân thực, hấp dẫn

老教授通过生动鲜活的实际工程案例与幽默风趣的语言，把晦涩高深的理论知识讲解得通俗易懂。

Lǎo jiào shòu tōng guò shēng dòng xiān huó de shí jī gōng chéng àn lì yǔ yōu mò fēng qù de yǔ yán, bǎ huì sè gāo shēn de lǐ lùn zhī shí jiǎng jiě dé tōng sù yì dǒng.

Vị giáo sư già thông qua những ví dụ công trình thực tế sinh động hấp dẫn cùng ngôn từ hài hước dí dỏm đã giảng giải những tri thức lý luận cao siêu học búa trở nên vô cùng dễ hiểu.

24 nét

HÁN VIỆT: SINH ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ #617

生命

shēng mìng

sinh mệnh, sự sống, mạng sống

生命只有一次，珍爱生命、注重安全健康是享受一切幸福美好人生的首要前提。

Shēng mìng zhǐ yǒu yí cì, zhēn ài shēng mìng, zhù zhòng ān quán jiàn kāng shì xiǎng shòu yī qiè xìng fú měi hǎo rén shēng de shǒu yào qián tí.

Sinh mệnh mỗi người chỉ có một, biết trân quý sự sống và chú trọng an toàn sức khỏe chính là tiền đề tiên quyết để tận hưởng một cuộc đời hạnh phúc tốt đẹp.

24 nét

HÁN VIỆT: SINH MỆNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ #618

生意

shēng yì

kinh doanh, buôn bán; sức sống sinh khí

得益于一流的法治化营商环境与跨境电商便利化政策，外贸企业的进出口生意越做越红火。

Dé yì yú yí liú de fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng yǔ kuà jīng diàn shāng biàn lì huà zhèng cè, wài mào qǐ yè de jìn chū kǒu shēng yì yuè zuò yuè hóng huǒ.

Nhờ vào chính sách tạo thuận lợi thương mại điện tử xuyên biên giới và môi trường kinh doanh pháp trị hóa đỉnh cao, công việc buôn bán kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp ngoại thương ngày càng phát đạt hồng phát.

22 nét

HÁN VIỆT: SINH Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ #619

生长

shēng zhǎng

sinh trưởng, lớn lên, phát triển

在智能化现代农业温室大棚里，各种无公害优质蔬菜在水肥一体化精准调控下茁壮成长。

Zài zhì néng huà xià dài nóng yè wēn shì dà péng lǐ, gè zhǒng wú gōng hài yōu zhì shū cài zài shuǐ féi yí tǐ huà jīng zhǔn tiáo kòng xià zhuó zhuàng shēng zhǎng.

Bên trong nhà kính nông nghiệp hiện đại thông minh hóa, các loại rau củ chất lượng cao không chất độc hại sinh trưởng phát triển xanh tốt khỏe mạnh dưới sự điều tiết chuẩn xác tích hợp nước và phân bón.

20 nét

HÁN VIỆT: SINH TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ #620

声明

shēng míng

tuyên bố, thông cáo chính thức; tuyên bố lập trường

在国际多边外交峰会闭幕之际，各国领导人共同发表了关于携手构建和平稳定与合作共赢新秩序的联合声明。

Zài guó jì duō biān wài jiāo fēng huì bì mù zhī jī, gè guó lǐng dǎo rén gòng tóng fā biǎo le guān yú xié shǒu gòu jiàn hé píng wěn dìng yǔ hé zuò gòng yíng xīn zhì xù de lián hé shēng míng.

Vào thời điểm bế mạc hội nghị thượng đỉnh ngoại giao đa phương quốc tế, lãnh đạo các nước đã cùng nhau công bố bản tuyên bố chung về việc chung tay xây dựng trật tự mới hòa bình, ổn định và hợp tác cùng thắng.

22 nét

HÁN VIỆT: THANH MINH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ #621

胜

shèng

thắng, chiến thắng; vượt trội; cảnh đẹp

在国际大学生创新创业大赛总决赛中，我校代表队凭借卓越的原创科技方案力克强手、勇夺全胜。

Zài guó jì dà xué shēng chuàng xīn chuàng yè dà sài zǒng jué sài zhōng, wǒ xiào dài biǎo duì píng jiè zhuó yuè de yuán chuàng kē jì fāng àn lì kè qiáng shǒu, yǒng duó quán shèng.

Trong trận chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo Sinh viên Quốc tế, đội tuyển đại diện trường chúng tôi nhờ vào phương án khoa học công nghệ nguyên tác tác việt đã đánh bại các đối thủ mạnh, xuất sắc giành toàn thắng chiến thắng vẻ vang.

12 nét

HÁN VIỆT: THẮNG

HSK 3
(3.0)Danh từ / Động từ /
Tính từ

#622

胜利

shèng lì

thắng lợi, chiến thắng

在全体科研攻关团队的顽强拼搏与协同攻坚下，这项国家级重大战略工程最终迎来了全面胜利。

Zài quán tǐ kē yán gōng guān tuán duì de wán qiáng pīn bó yǔ xié tóng gōng jiān xià, zhè xiàng guó jiā jí zhòng dà zhàn lüè gōng chéng zuì zhōng yíng lái le quán miàn shèng lì.

Dưới sự nỗ lực kiên cường và phối hợp hiệp đồng chiến đấu của toàn thể đội ngũ nghiên cứu khoa học, đại dự án chiến lược cấp quốc gia này cuối cùng đã đón chào thắng lợi toàn diện.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: THẮNG LỢI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#623

失去

shī qù

mất đi, đánh mất, thất lạc

无论身处多么艰难的人生逆境，只要心中怀揣希望与信念，就绝不会失去重新启航的方向与动力。

Wú lùn shēn chù duō me jiān nán de rén shēng nǐ jìng, zhǐ yào xīn zhōng huái chuāi xī wàng yǔ xìn niàn, jiù jué bú huì shī qù chóng xīn qǐ háng de fāng xiàng yǔ dòng lì.

Bất luận rơi vào nghịch cảnh cuộc đời gian nan đến đâu, chỉ cần trong tim luôn ấp ủ hy vọng và niềm tin thì tuyệt đối sẽ không bao giờ đánh mất phương hướng và động lực để tái khởi hành.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THẤT KHỨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#624

石头

shí tou

hòn đá, viên đá, đá

摸着石头过河，是中国在波澜壮阔的改革开放实践中总结出的极其宝贵的渐进式探索智慧。

Mō zhe shí tou guò hé, shì zhōng guó zài bō lán zhuàng kuò de gǎi gé kāi fàng shí jiàn zhōng zōng jié chū de jí qí bǎo guì de jiàn jìn shì tàn suǒ zhì huì.

'Đò đá qua sông' là bài học trí tuệ thâm hiểm tiệm tiến vô cùng quý báu mà Trung Quốc đã đúc kết được trong thực tiễn cải cách mở cửa trắng lẹ sông gió muốn trũng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THẠCH ĐẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#625

石油

shí yóu

dầu mỏ, dầu khí, dầu thô

深海“深海一号”超深水大气田与塔里木万米深地钻井工程，极大增强了国家石油与天然气能源安全保障能力。

Shēn hǎi "shēn hǎi yí hào" chāo shēn shuǐ dà qì tián yǔ tà lǐ mù wàn mǐ shēn dì zuān jǐng gōng chéng, jí dà zēng qiáng le guó jiā shí yóu yǔ tiān rán qì néng yuán ān quán bǎo zhàng néng lì.

Mỏ khí thiên nhiên nước siêu sâu 'Thâm Hải Số 1' cùng công trình khoan giếng sâu vạn mét trong lòng đất tại bồn địa Tarim đã tăng cường to lớn năng lực bảo đảm an ninh năng lượng dầu mỏ và khí đốt thiên nhiên của quốc gia.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THẠCH DẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#626

时

shí

thời gian, giờ

开会时间到了。

Kāi huì shí jiān dào le.

Thời gian họp đến rồi.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: THỜI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#627

时代

shí dài

thời đại, kỷ nguyên

我们正身处一个人工智能与数字经济深刻重塑人类社会生产生活形态的伟大变革时代。

Wǒ men zhèng shēn chù yí gè rén gōng zhì néng yǔ dù jì jīng jì shēn kè zhòng shù rén lèi shè huì shēng chǎn shēng huó xíng tài de wēi dà biàn gé shí dài.

Chúng ta đang sống trong một thời đại chuyển mình vĩ đại khi trí tuệ nhân tạo và nền kinh tế số đang tái định hình sâu sắc hình thái sản xuất và đời sống của xã hội loài người.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỜI ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#628

时刻

shí kè

thời khắc, thời điểm; luôn luôn, mọi lúc

作为国家安全与公共卫生的忠诚守护者，全体一线值守人员时刻保持着高度的警惕性与责任感。

Zuò wéi guó jiā ān quán yǔ gōng gòng wèi shēng de zhōng chéng shǒu hù zhě, quán tǐ yí xiàn zhí shǒu rén yuán shí kè bǎo chí zhe gāo dù de jǐng tì xíng yǔ zé rèn gǎn.

Với tư cách là những người bảo vệ trung thành của an ninh quốc gia và vệ sinh dịch tễ công cộng, toàn thể cán bộ túc trực tuyến đầu luôn luôn giữ vững tinh thần cảnh giác và tinh thần trách nhiệm cao độ ở mọi thời khắc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THỜI KHẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#629

实际上

shí jì shàng

trên thực tế, thực ra, thực chất

看起来十分复杂的深空算法模型，实际上可以通过底层核心物理守恒定律进行巧妙的降维化简。

Kàn qǐ lái fēn fēn fù fù zá de shēn kōng suàn fǎ mó xíng, shí jì shàng kě yǐ tōng guò dī céng hé xīn wú lǐ shǒu héng dīng lǚ jìn xíng qiǎo miào de jiàng wéi huà jiǎn.

Mô hình thuật toán không gian sâu nhìn bề ngoài trông có vẻ vô cùng phức tạp, nhưng trên thực tế thực chất lại có thể tiến hành đơn giản hóa giảm chiều một cách tài tình thông qua các định luật bảo toàn vật lý cốt lõi tảng đáy.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẾ THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#630

实力

shí lì

thực lực, sức mạnh tiềm tàng thực chất

我国在载人航天、深海探测与超级计算机等战略高科技领域展现出了坚强雄厚的国家综合科技实力。

Wǒ guó zài zài rén hán tiān, shēn hǎi tàn cè yǔ chāo jí jì suàn jī děng zhàn lüè gāo kē jì lǐng yù zhǎn xiàn chū le jiān qiáng xióng hòu de guó jiā zōng hé kē jì shí lì.

Nước ta trên các lĩnh vực công nghệ cao chiến lược như máy tính siêu cấp, thăm dò biển sâu và hàng không vũ trụ có người lái đã phô diễn thực lực khoa học công nghệ tổng hợp quốc gia hùng hậu và kiên cường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THỰC LỰC



HSK 3 (3.0)

Động từ

#631

实行

shí xíng

thực hành, thi hành, áp dụng (chính sách, chế độ)

国家对生态脆弱敏感区域实行极其严格的生态保护红线制度，实行终身追问责机制。

Guó jiā duì shēng tài ruò ruò qū yù shí xíng jí qí yán gé de shēng tài bǎo hù hóng xiàn zhì dù, shí xíng zhōng shēn zhuī wèn zé jī zhì.

Nhà nước thi hành chế độ lần ranh đỏ bảo vệ sinh thái vô cùng nghiêm ngặt đối với các vùng sinh thái nhạy cảm để bị tổn thương, áp dụng cơ chế truy cứu trách nhiệm suốt đời.

24 nét

HÁN VIỆT

THỰC HÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#632

实验

shí yàn

thí nghiệm, làm thí nghiệm; thực nghiệm

科研团队在国家重离子加速器科学装置上开展了数百次极端高能物理碰撞精密实验。

Kē yán tuán duì zài guó jiā zhòng lí zǐ jiā sù qì kē xué zhuāng zhì shàng kāi zhǎn le shù bǎi cì jù duān gāo néng wú lí pèng chuāng jīng mì shí yàn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã triển khai hàng trăm đợt thí nghiệm va chạm vật lý năng lượng cực cao chính xác trên máy gia tốc ion nặng quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT

THỰC NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#633

实验室

shí yàn shì

phòng thí nghiệm

国家重点实验室汇聚了一流科研装备与拔尖创新人才，是开展前沿基础科学攻关的战略策源地。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì huì jù le yí liú kē yán zhuāng bèi yǔ bá jiǎn chuàng xīn rén cái, shì kāi zhǎn qián yán jī chǔ kē xué gōng guān de zhàn lüè cè yuán dì.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia quy tụ các trang thiết bị nghiên cứu khoa học hàng đầu cùng các nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng, là cái nôi chiến lược khởi nguồn triển khai các đợt vượt khó khoa học cơ bản tiên phong.

31 nét

HÁN VIỆT

THỰC NGHIỆM THẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#634

食品

shí pǐn

thực phẩm, đồ ăn

食品安全重于泰山，监管部门必须严把原材料采购与生产加工的每一道质量关卡。

Shí pǐn ān quán zhòng yú tài shān, jiǎn guǎn bù mēn bǐ xū yán bǎ yuán cái lǎo cái gōu yǔ shēng chǎn jiā gōng de měi yī dào zhì liàng guān qiǎ.

An toàn vệ sinh thực phẩm quan trọng tựa núi Thái Sơn, các cơ quan thanh tra kiểm soát phải siết chặt từng khâu chất lượng từ thu mua nguyên liệu đến chế biến sản xuất.

25 nét

HÁN VIỆT

THỰC PHẨM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Liên từ

#635

使

shǐ

khiến cho, làm cho; phái cử

先进数字技术与现代农业的深度融合应用，使广大农户大幅降低了劳动强度并显著提高了粮食亩产量。

Xiān jìn shù zì jì shù yǔ xiān dài nóng yè de shēn dù hé yīng yòng, shǐ guǎng dà nóng hù dà fú jiàng dī le láo dòng qiáng dù bìng xiǎn zhù tí gāo le liáng shí mù chǎn liàng.

Ứng dụng dung hợp sâu sắc giữa nông nghiệp hiện đại và công nghệ kỹ thuật số tiên tiến đã làm cho khiến cho đồng ruộng bà con nông dân giảm thiểu vượt bậc cường độ lao động và nâng cao rõ rệt sản lượng lúa trên mỗi mẫu.

10 nét

HÁN VIỆT

SỬ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#636

始终

shǐ zhōng

từ đầu đến cuối, luôn luôn, nhất quán

中国始终坚定不移奉行互利共赢的开放战略，为全球经济复苏与繁荣稳定注入强劲确定性动力。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dīng bù yí fēng xíng hù lì gòng yíng de kāi fàng zhàn lüè, wèi quán qiú jīng jì fù sū yǔ fán róng wěn dìng zhù rù qiáng jīng què dìng xíng dòng lì.

Trung Quốc luôn luôn kiên định thực thi chiến lược mở cửa đôi bên cùng có lợi từ đầu đến cuối, tiếp thêm động lực chắc chắn mạnh mẽ cho sự phục hồi và ổn định phồn vinh của kinh tế toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT

THUỶ CHUNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#637

世纪

shì jì

thế kỷ

回顾过去一个世纪的人类文明进程，科学技术与生产力的飞跃创造了前所未有的繁荣奇迹。

Huí gù guò qù yí gè shì jì de rén lèi wén míng jìn chéng, kē xué jì shù yǔ shēng chǎn lì de fēi yuè chuàng zào le qián suǒ wèi yǒu de fán róng qí jì.

Nhìn lại tiến trình văn minh nhân loại trong suốt một thế kỷ qua, bước nhảy vọt của khoa học công nghệ và sức sản xuất đã kiến tạo nên những kỳ tích phồn vinh chưa từng có.

23 nét

HÁN VIỆT

THẾ KỶ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#638

世界

shì jiè

thế giới

放眼当今世界，掌握多门外语与跨文化交际能力正在成为全球化人才的核心竞争优势。

Fàng yǎn dāng jīn shì jiè, zhǎng wò duō mén wài yǔ jiāo jì néng lì zhèng chéng wéi yǔ kuà wén huà jiāo jì néng lì zhèng chéng wéi quán qiú huà rén cái de hé xīn jīng zhēng yōu shì.

Nhìn ra thế giới ngày nay, việc thông thạo nhiều ngoại ngữ và năng lực giao tiếp đa văn hóa đang trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của nhân tài toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT

THẾ GIỚI

HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#639

世界杯

Shìjièbēi

Giải Vô địch Thế giới, World Cup

在四年一度的国际足联世界杯总决赛上，两支顶尖球队展开了扣人心弦的巅峰对决。

Zài sì nián yí dù de guó jì zú qián shì jiè bēi zōng jué sài shàng, liǎng zhǐ dīng jiàn qiú duì zhǎn kāi le kòu rén xīn xián de diǎn fēng duì jué.

Tại trận chung kết Giải Vô địch Bóng đá Thế giới World Cup bốn năm một lần, hai đội bóng đỉnh cao đã triển khai một cuộc đối đầu đỉnh cao nghẹt thở gay cấn.

35 nét

HÁN VIỆT

THẾ GIỚI BÓI



HSK 3 (3.0)

Động từ

#649

适合

shì hé

thích hợp, phù hợp

找到最适合自己的学习方法与节奏，能够让知识的吸收与运用事半功倍。

Zhǎo dào zuì shì hé zì jǐ de xué xí fāng fǎ yǔ jié zòu, néng gòu ràng zhī shí de xī shōu yǔ yùn yòng shì bàn gōng bèi.

Tìm được phương pháp và nhịp độ học tập phù hợp nhất với bản thân sẽ giúp việc tiếp thu và vận dụng kiến thức đạt hiệu quả gấp đôi mà tốn ít công sức.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : QUÁT CẤP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#650

适应

shì yīng

thích nghi, thích ứng

来到全新的工作环境后，他迅速调整状态，很快便适应了团队的高效协作节奏。

Lái dào quán xīn de gōng zuò huán jīng hòu, tā xùn sù tiáo zhěng zhuàng tài, hěn kuài biàn shì yīng le tuán dui de gāo xiào xié zuò jié zòu.

Sau khi đến môi trường làm việc mới, anh ấy đã nhanh chóng điều chỉnh tâm thế và bắt nhịp thích nghi rất nhanh với guồng quay làm việc hiệu quả của nhóm.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : QUÁT ỨNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#651

适用

shì yòng

thích hợp áp dụng, phù hợp sử dụng

这种由我国自主研发的新型生态环保防沙治沙工艺，非常适用在干旱半干旱荒漠化地区大面积推广。

Zhè zhǒng yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā de xīn xíng shēng tài huán bǎo fáng shā zhì shā gōng yì, fēi cháng shì yòng zài gān hàn bàn gān hàn huāng mò huà dì qū dà miàn jī tuī guǎng.

Quy trình công nghệ ngăn cát trị cát bảo vệ môi trường sinh thái kiểu mới do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển này rất thích hợp áp dụng phù hợp sử dụng để nhân rộng trên diện rộng ở các khu vực hoang mạc hóa bán khô hạn và khô hạn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : QUÁT DỤNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#652

收费

shōu fèi

thu phí, tính phí; lệ phí

国家森林公园全面推行免门票政策与智能化便民服务，严禁任何违规乱收费行为。

Guó jiā sēn lín gōng yuán quán miàn tuī xíng miǎn mén piào zhèng cè yǔ zhì néng huà biān mín fú wù, yán jìn rèn hé wéi guī luàn shōu fèi xíng wéi.

Công viên Rừng Quốc gia triển khai toàn diện chính sách miễn phí vé vào cửa và dịch vụ tiện ích thông minh, nghiêm cấm mọi hành vi thu phí tính phí sai quy định tùy tiện.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : THU PHÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#653

收看

shōu kàn

xem truyền hình, đón xem chương trình

全国数亿群众围坐在电视机前，满怀喜悦与激动地收看神舟载人飞船凯旋返回的现场直播。

Quán guó shù yì qún zhòng wéi zuò zài diàn shì jī qián, mǎn huái xǐ yuè yǔ jī dòng dì shōu kàn shén zhōu zài rén fēi chuán kǎi xuán fān huí de xiàn chǎng zhí bō.

Hàng trăm triệu quần chúng trên khắp cả nước quây quần bên màn hình ti vi, tràn đầy xúc động và niềm vui sướng đón xem xem truyền hình trực tiếp buổi truyền hình trực tiếp tàu vũ trụ có người lái Thần Châu khai hoàn trở về.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : THU KHÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#654

收听

shōu tīng

nghe đài, lắng nghe phát thanh

广大车主习惯在早晚高峰出行时收听国家应急广播电台的实时路况与气象预报。

Guǎng dà chē zhǔ xí guàn zài zǎo wǎn gāo fēng chū xíng shí shí shōu tīng guó jiā yìng jí guǎng bō diàn tái de shí shí lù kuàng yǔ qì xiàng yù bào.

Đông đảo các tài xế chủ xe có thói quen lắng nghe nghe đài dự báo khí tượng và tình hình giao thông theo thời gian thực của Đài Phát thanh Khẩn cấp Quốc gia khi đi lại vào giờ cao điểm sáng tối.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : THU DẪN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#655

收音机

shōu yīn jī

máy thu thanh, radio

应急广播系统能够在遭遇重大自然灾害断电断网的极端特殊情况下，通过太阳能应急收音机向灾区群众及时播发权威救灾指令。

Yìng jí guǎng bō xì tǒng néng gòu zài zāo yù zhòng dà zì rán zāi hài duàn diàn duàn wǎng de jí duān tè shū qíng kuàng xià, tōng guò tài yáng néng yìng jí shōu yīn jī xiàng zhì qū qún zhòng jí shí bō fā quán wēi jiù zāi zhì lǐng.

Hệ thống phát thanh khẩn cấp trong các trường hợp đặc biệt cực đoan khi gặp phải thảm họa thiên tai trọng đại bị cắt mạng mất điện, có thể thông qua chiếc máy thu thanh radio khẩn cấp chạy bằng năng lượng mặt trời kịp thời phát các chỉ thị cứu trợ thiên tai có thẩm quyền tới nhân dân vùng thảm họa.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : THU ÂM CƠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#656

手续

shǒu xù

thủ tục, giấy tờ thủ tục

政务服务大厅推行“一网通办”集成改革，让群众足不出户就能在几分钟内轻松办理完全部审批手续。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng "yī wǎng tōng bàn" jí chéng gǎi gé, ràng qún zhòng zú bú chū mén zài jǐn jǐn zhōng nèi qīng sōng bàn wán quán bù shen pī shǒu xù.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công đẩy mạnh cải cách tích hợp "Một cửa điện tử", giúp người dân không cần rời khỏi nhà cũng có thể dễ dàng giải quyết hoàn tất toàn bộ thủ tục thẩm định phê duyệt chỉ trong vài phút.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : THỦ TỤC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#657

手指

shǒu zhǐ

ngón tay

青年钢琴演奏家修长灵活的手指在黑白琴键上飞速起舞，流淌出宛如天籁之音的动人乐章。

Qīng nián gāng qín yǎn zòu jiā xiū cháng líng huó de shǒu zhǐ zài hēi bái qín jiàn shàng fēi sù qǐ wǔ, liú tǎng chū wǎn rú tiān lài zhī yīn de dòng rén yuè zhāng.

Những ngón tay thon dài linh hoạt của nghệ sĩ dương cầm trẻ lướt bay thoăn thoắt trên phím đàn đen trắng, tuôn trào nên những chương nhạc lay động lòng người tựa âm thanh của chốn bồng lai.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : THỦ CHỈ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#658

首都

shǒu dū

thủ đô

北京作为中华人民共和国的首都，不仅是全国的政治中心，更是底蕴深厚的历史文化名城。

Běijīng zuò wéi zhōngguó huá rén mín gòng hé guó de shǒu dū, bù jīn shì quán guó de zhèng zhì zhōng xīn, gèng shì dǐ yùn shēn hòu de lì shǐ wén huà míng chéng.

Bắc Kinh với tư cách là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, không chỉ là trung tâm chính trị của cả nước mà còn là danh thành lịch sử văn hóa có bề dày sâu sắc.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐÔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#659

首先

shǒu xiān

trước tiên, đầu tiên

解决复杂的工程技术难题，首先要精准定位核心瓶颈所在，然后再有地的放矢地开展攻坚。

Jiě jué fù zá de gōng chéng jì shù nán tí, shǒu xiān yào jīng zhǔn dìng wèi hé xīn píng jīng suǒ zài, rán hòu zài yǒu de fàng shǐ dì kāi zhǎn gōng gōng jiān.

Để giải quyết các bài toán kỹ thuật công trình phức tạp, trước tiên cần phải định vị chuẩn xác điểm nghẽn cốt lõi nằm ở đâu, sau đó mới tập trung dốc lực tháo gỡ từng bước.

26 nét

HÁN VIỆT: THỦ TIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#660

受

shòu

nhận được

老师鼓励大家积极受，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shòu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhận được, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THỌ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#661

受伤

shòu shāng

bị thương, tổn thương

在突发特大火扑救一线，数名英勇奋战的年轻消防员虽然局部轻微受伤，依然顽强不下火线。

Zài tū fā tè dà huǒ shān huǒ pū jiù yī xiàn, shù míng yīng yǒng fēn zhàn de nián qīng xiǎo fáng yuán suī rán jú bù qīng wēi shòu shāng, yī rán wán qiáng bù xià huǒ xiàn.

Tại tuyến đầu dập tắt vụ cháy rừng đặc biệt lớn bùng phát bất ngờ, vài chiến sĩ cứu hỏa trẻ dũng cảm chiến đấu tuy bị thương nhẹ cục bộ nhưng vẫn kiên cường bám trụ không rời vị trí chiến đấu.

19 nét

HÁN VIỆT: THỌ THƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#662

书架

shū jià

giá sách, kệ sách

教授宽敞整洁的书房内靠墙摆放着整面实木书架，分门别类整齐陈列着数千册中外文史哲经典文献。

Jiào shòu kuān chǎng zhěng jié de shū fáng nèi kào qiáng bài fàng zhe zhěng miàn shí mù shū jià, fēn mén bié lèi zhěng qí chén liè zhāo shù qiān cè zhōng wài wén shǐ zhé jīng diǎn wén xiàn.

Bên trong phòng đọc sách rộng rãi ngăn nắp của giáo sư kê sát tường cả một hệ giá sách gỗ thật, trưng bày ngay ngắn theo từng phân loại hàng ngàn cuốn thư tịch tài liệu kinh điển văn sử triết trong và ngoài nước.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯ GIÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#663

输

shū

thua

老师鼓励大家积极输，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thua, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THÂU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#664

输入

shū rù

nhập vào, truyền vào, đầu vào;
nhập liệu

科研人员在超算平台上输入精准的大气物理初始观测变量参数，启动了全球气候演化超高分辨率数值模拟。

Kē yán rén yuán zài chāo suàn píng tái shàng shù rù jīng zhǔn de dà qì wù lǐ chū shǐ guān cè biàn liàng cān shù, qǐ dòng le quán qiú qì hòu yǎn huà chāo gāo fēn biǎn lǚ shù zhī mó nǐ.

Các nhà nghiên cứu khoa học đã nhập các thông số biến số quan trắc vật lý khí quyển ban đầu chuẩn xác trên nền tảng siêu máy tính, khởi chạy chương trình mô phỏng số phân giải siêu cao về sự tiến hóa khí hậu toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THÂU NHẬP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#665

熟人

shú rén

người quen, người quen biết

在国际青年科学家论坛上，他惊喜地遇到了多位在海外留学深造时结识的学术界熟人。

Zài guó jì qīng nián kē xué jiā lùn tán shàng, tā jīng xǐ de yù dào le duō wèi zài hǎi wài liú xué zēn shāo shí jié shí de xué jiè shú rén.

Tại Diễn đàn Các Nhà Khoa học Trẻ Quốc tế, anh ấy đã bất ngờ vui mừng gặp lại nhiều người quen trong giới học thuật từng quen biết khi du học tu nghiệp ở nước ngoài.

19 nét

HÁN VIỆT: THỤC NHÂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#666

属

shǔ

thuộc về, cấp (tuổi con giáp);
loại

中国在大气科学装置建设与量子信息科技攻坚中取得的一系列重大原创突破，当属世界顶尖水平。

Zhōng guó zài dà qì kē xué zhāng zhì jiàn shè yǔ liàng zǐ xìn xī kē jì gōng jiàn zhōng qǔ dé de yī xì liè zhòng dà yuán chuàng tū pò, dāng shǔ shì jiè dīng jiān shuǐ píng.

Một loạt những đột phá nguyên tác trọng đại mà Trung Quốc đạt được trong các trận đánh vượt khó công nghệ thông tin lượng tử và xây dựng thiết bị khoa học lớn xứng đáng thuộc về xếp vào trình độ đỉnh cao thế giới.

8 nét

HÁN VIỆT: THƯỢC



HSK 3 (3.0)

Động từ

#667

属于

shǔ yú

thuộc về, nằm trong

青年是国家的未来与民族的希望，未来的壮阔天地属于每一个敢于追梦、勇于担当的奋斗者。

Qīng nián shì guó jiā de wèi lái yǔ mín zú de xī wàng, wèi lái de zhuàng kuò tiān dì shǔ yú měi yí gè gǎn yǔ zhūi mèng, yǒng yú dǎn dāng de fèn dòu zhě.

Thanh niên là tương lai của đất nước và niềm hy vọng của dân tộc, khoảng trời bao la tráng lệ phía trước thuộc về mỗi người dám ước mơ và dũng cảm gánh vác sứ mệnh.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THUỘC VU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#668

束

shù

bó

老师鼓励大家积极束，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bó, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: THÚC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#669

数量

shù liàng

số lượng

在追求学术论文发表数量的同时，我们更应将研究质量与原创性成果放在第一位。

Zài zhuī qiú xué shù lùn wén fā biǎo shù liàng de tóng shí, wǒ men gèng yào jiāng yán jiū zhì liàng yǔ yuán chuàng xīng chéng guǒ fàng zài dì yí wèi.

Song song với việc chú trọng số lượng bài báo khoa học công bố, chúng ta càng cần phải đặt chất lượng nghiên cứu và tính sáng tạo đột phá lên vị trí hàng đầu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: SỐ LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Tính từ

#670

双

shuāng

đôi, cặp; kép, song đôi (lượng từ)

大国工匠用一双巧手在微米级的精密航天构件上精雕细琢，创造了令人叹服的现代工业奇迹。

Dà guó gōng jiàng yòng yí shuāng qiǎo shǒu zài wēi mǐ jí de jīng mì háng tiān gòu jiàn shàng jīng diào xì zhuó, chuàng zào le lìng rén tàn fú de xiàn dài gōng yè qí jì.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn dùng một đôi bàn tay khéo léo tỉ mỉ điêu khắc trên các cấu kiện hàng không vũ trụ chính xác cấp độ micromet, tạo nên những kỳ tích công nghiệp hiện đại khiến người đời phải khâm phục.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: SONG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#671

双方

shuāng fāng

hai bên, đôi bên, song phương

在平等互利与相互尊重的坚实基础上，双方正式签署了新一代清洁能源联合开发战略合作备忘录。

Zài píng děng hù lì yǔ xiāng hù zūn zhòng de jiān shí shí jī chǔ shàng, shuāng fāng zhèng shì qiān shǔ le xīn yí dài qīng jié néng yuán lián hé kāi fā zhàn lüè hé zuò bèi wàng lù.

Trên nền tảng vững chắc của sự bình đẳng đôi bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau, hai bên đã chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược cùng khai thác năng lượng sạch thế hệ mới.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: SONG PHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#672

思想

sī xiǎng

tư tưởng, luồng tư tưởng

先进的思想是推动社会变革与文明演进的伟大先导，能够为人类历史的前行指引正确航向。

Xiān jìn de sī xiǎng shì tuī dòng shè huì biàn gé yǔ wén míng yǎn jìn de wéi dà xiān dǎo, néng gòu wéi rén lèi lì shǐ de qián xíng zhǐ yīn zhèng què háng xiàng.

Tư tưởng tiên tiến là ngọn cờ đầu vĩ đại thúc đẩy cải cách xã hội và tiến hóa văn minh, có thể soi đường chỉ lối hải trình đúng đắn cho sự phát triển của lịch sử loài người.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TƯ TƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#673

死

sǐ

chết; cứng nhắc, khăng khăng; cực kỳ

读书要融会贯通、灵活运用，切不可死记硬背而不知变通。

Dú shū yào róng huì guān tōng, líng huó yùn yòng, qiè bù kě sǐ jì yìng bèi ér bù zhī biàn tōng.

Học sách phải biết liên hệ thấu suốt và vận dụng linh hoạt, tuyệt đối không nên học vẹt máy móc rập khuôn mà không biết biến hóa theo thực tế.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#674

速度

sù dù

tốc độ, vận tốc

京沪高铁复兴号动车组以每小时三百五十公里的运营速度飞驰，展现了中国高铁领跑世界的速度与实力。

Jīng hù gāo tiě fù xīng hào dòng chē zǔ yǐ měi xiǎo shí sān bǎi wú shí gōng lǐ de yùn yíng sù dù fēi chí, zhǎn xiàn le zhōng guó gāo tiě lǐng pǎo shì jiè de sù dù yǔ shí lì.

Đoàn tàu cao tốc Fuxing trên tuyến đường sắt Bắc Kinh - Thượng Hải lao đi vun vút với vận tốc vận hành 350 km/h, thể hiện tốc độ và thực lực dẫn đầu thế giới của đường sắt cao tốc Trung Quốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TỐC ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Giới từ

#675

随

suí

theo, tùy theo, đi theo; cùng với

我们要随时代的发展而不断更新知识储备，勇于在跨学科交叉融合中开辟新领域新赛道。

Wǒ men yào suí shí dài de fā zhǎn ér bù duàn gēng xīn zhī shí chǔ bèi, yǒng yú zài kuà xué kē jiāo chā róng hé zhōng kāi pì xīn lǐng yù xīn sài dào.

Chúng ta cần tùy theo đi theo sự phát triển của thời đại mà không ngừng cập nhật kho tàng tri thức tích lũy, dũng cảm mở ra những đường đua mới, lĩnh vực mới trong sự giao thoa dung hợp liên ngành.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: TUỖ

HSK 3
(3.0)Lượng từ / Danh từ /
Trợ từ #676

所

suǒ

ngôi, tòa (trường học, viện); nơi,
chỗ; sở (trợ từ)

国家在西部地区重点援建的这所现代化综合性实验中学，配备了一流的科学实验室与数字图书馆。

Guó jiā zài xī bù dì qū zhòng diǎn yuán jiàn de zhè suǒ xiàn dài huà zōng hé xìng shí yàn zhōng xué, pèi bèi le yì liú de kē xué shí yàn shì yǔ shù zì tú shū guǎn.

Ngôi trường trung học thực nghiệm tổng hợp hiện đại do Nhà nước hỗ trợ xây dựng trọng điểm tại khu vực miền Tây được trang bị các phòng thí nghiệm khoa học và thư viện số hóa đẳng cấp hàng đầu.

9 nét

HÁN VIỆT : SỞ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#677

所长

suǒ zhǎng

viện trưởng / giám đốc viện nghiên
cứu / trưởng đồn; sở trưởng

中国科学院微电子研究所所长在大会上作主旨报告，深入阐述了集成电路先进制程的攻关路径。

Zhōng guó kē xué yuán wēi diàn zì yán jiū suǒ suǒ zhǎng zài dà huì shàng zuò zhǔ zhǐ bào gào, shēn rù chǎn shù lè jī chéng diàn lù xiān jìn zhì chéng de gōng guān lù jīng.

Viện trưởng Giám đốc Viện Nghiên cứu Vi điện tử thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã có bài báo cáo chủ đề tại đại hội, diễn giải sâu sắc lộ trình vượt khó quy trình chế tạo tiên tiến mạch tích hợp (IC).

19 nét

HÁN VIỆT : SỞ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#678

台

tái

chiếc, cỗ, đài (lượng từ cho máy
móc); bực, sân khấu

这台由我国自主研发设计的高性能超导量子计算原型机，运算速度打破了多项世界纪录。

Zhè tái yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā shè jì de gāo xìng néng chāo dǎo liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, yùn suàn sù dù dǎ pò le duō xiàng shì jiè jì lù.

Chiếc máy tính nguyên mẫu lượng tử siêu dẫn hiệu năng cao do nước ta tự chủ nghiên cứu thiết kế này đã phá vỡ nhiều kỷ lục thế giới về tốc độ tính toán.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#679

谈

tán

nói chuyện, đàm phán, trao đổi

双方代表在极其友好融洽的氛围中，就深化未来产业投资合作深入谈了两个多小时。

Shuāng fāng dài biǎo zài jí qí yǒu hào róng qià de fēn wéi zhōng, jiù shēn huà wèi lái chǎn yè tóu zī hé zuò shēn rù tán le liǎng gè duō xiǎo shí.

Đại diện hai bên trong bầu không khí vô cùng thân thiện và hòa nhã đã trao đổi đàm phán sâu suốt hơn 2 tiếng đồng hồ về việc đẩy mạnh hợp tác đầu tư công nghiệp trong tương lai.

9 nét

HÁN VIỆT : ĐÀM

HSK 3 (3.0)

Động từ

#680

谈话

tán huà

nói chuyện

老师鼓励大家积极谈话，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tán huà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nói chuyện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

17 nét

HÁN VIỆT : ĐÀM THOẠI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#681

谈判

tán pàn

đàm phán, thương lượng

在经历了多轮艰苦卓绝的跨国双边谈判后，两国正式达成了全面削减碳关税与贸易壁垒的里程碑式自贸协定。

Zài jīng lì le duō lún jiǎn kǔ zhuó jué de kuà guó shuāng biān tán pàn hòu, liǎng guó zhèng shì dá chéng le quán miàn xuē jiǎn tàn guān shuì yǔ mào yì bì lǐ de lì chéng bēi shì zì mào xié dìng.

Sau khi trải qua nhiều vòng đàm phán song phương xuyên quốc gia vô cùng gian nan, hai nước đã chính thức đạt được hiệp định thương mại tự do mang tính bước ngoặt về việc cắt giảm toàn diện thuế carbon và các rào cản thương mại.

17 nét

HÁN VIỆT : ĐÀM PHÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#682

汤

tāng

Súp

老师鼓励大家积极汤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tāng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Súp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : THANG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#683

糖

táng

đường

老师鼓励大家积极糖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí táng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đường, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#684

特色

tè sè

đặc sắc, bản sắc nét riêng độc đáo

中国坚定不移沿着中国特色社会主义道路勇毅前行，创造了经济快速发展和社会长期稳定两大奇迹。

Zhōng guó jiǎn dīng bù yí yǎn zhe zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù yǒng yì qián xíng, chuàng zào le jīng jì kuài sù fā zhǎn hé shè huì cháng qī wěn dìng liǎng dà qí jì.

Trung Quốc kiên định không ngừng dũng cảm tiến bước trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, tạo nên hai kỳ tích vĩ đại: kinh tế phát triển nhanh chóng và xã hội duy trì ổn định lâu dài.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC SẮC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#685

提前

tí qián

trước thời hạn, làm sớm hơn

为了确保大型国际峰会开幕式万无一失，全体技术保障与礼宾接待人员提前两小时便就位准备完毕。

Wèi le què bǎo dà xíng guó jì fēng huì kāi mù wàn wú yī shī, quán tǐ jì shù bǎo zhàng yǔ lǐ bīn jiē dài rén yuán tí qián liǎng xiǎo shí biàn jiù wèi zhǔn bèi wán bì.

Nhằm bảo đảm lễ khai mạc Hội nghị thượng đỉnh quốc tế diễn ra suôn sẻ không một sai sót, toàn bộ nhân viên kỹ thuật và lễ tân đã có mặt chuẩn bị sẵn sàng từ trước 2 tiếng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#686

提问

tí wèn

đặt câu hỏi, chất vấn, nêu câu hỏi

在国际学术峰会主旨报告后的互动环节，台下的青年学者们纷纷踊跃举手就前沿模型架构进行专业提问。

Zài guó jì xué shù fēng huì zhǔ zhǐ bào gào hòu de hù dòng huán jié, tái xià de qīng nián xué zhě men fēn fēn yǒng yuè jǔ shǒu jiù qián yán mó xíng jià gòu jìn xíng zhuān yè tí wèn.

Trong phần giao lưu sau bài báo cáo dẫn đề tại hội nghị thượng đỉnh học thuật quốc tế, các học giả trẻ phía dưới đều hào hứng giơ tay đặt câu hỏi chuyên môn sâu về kiến trúc mô hình tiên phong.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ VẤN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#687

题目

tí mù

đề bài, tiêu đề, chủ đề bài toán

博士学位论文的选题必须紧扣国家重大战略需求与国际学术前沿，确立具有重大原创价值的研究题目。

Bó shì xué wèi lùn wén de xuǎn tí bì xū jǐn kòu guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yǔ guó jì xué shù qián yán, què lì jù yǒu zhòng dà yuán chuàng jià zhí de yán jiū tí mù.

Việc chọn đề tài luận án tiến sĩ bắt buộc phải bám sát nhu cầu chiến lược trọng đại của quốc gia và mũi nhọn học thuật quốc tế, xác lập đề bài nghiên cứu có giá trị nguyên tác to lớn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ MỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#688

体会

tǐ huì

thấu hiểu, cảm nhận sâu sắc; bài học trải nghiệm

只有真正深入基层一线与劳动群众同甘共苦，才能深切体会到人民群众的喜怒哀乐与急难愁盼。

Zhǐ yǒu zhēn zhèng shēn rù jī céng yī xiàn yǔ láo dòng qún zhòng tóng gān gòng kǔ, cái néng shēn qiè tǐ huì dào rén qún zhòng de xǐ nǎi ài lè yǔ jí nán chóu pàn.

Chỉ khi thực sự đi sâu xuống cơ sở tuyến đầu cùng chia ngọt sẻ bùi với quần chúng lao động, người ta mới có thể thấu cảm sâu sắc nỗi niềm vui buồn và những băn khoăn trăn trở cấp thiết của nhân dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỂ HỘI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#689

体现

tǐ xiàn

thể hiện, phản ánh, biểu thị

这项覆盖全体困难家庭的精准兜底救助民生政策，充分体现了社会主义制度的优越性与人文关怀。

Zhè xiàng fù gài quán tǐ kùn nán jiā tíng de jīng zhǔn dǒu dǐ jiù zhù mín shēng zhèng cè, chōng fēn tǐ xiàn le shè huì zhǔ yì zhì dù de yōu yuè xìng yǔ rén wén guān huái.

Chính sách dân sinh cứu trợ đỡ đầu chính xác bao phủ toàn bộ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn này đã thể hiện trọn vẹn tinh ưu việt cùng sự quan tâm nhân văn sâu sắc của chế độ xã hội chủ nghĩa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỂ HIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#690

体验

tǐ yàn

trải nghiệm, thể nghiệm

在国家科技馆数字沉浸式展厅中，观众可以通过虚拟现实头盔身临其境地体验太空漫步的奇妙震撼。

Zài guó jiā kē jì guǎn shù zì chén shì zhǎn hǎl zhōng, guān zhòng kě yǐ tōng guò xū yí xiàn shí tóu guāi shēn lín qí jǐng dì tǐ yàn tài kōng mǎn bù de qí miào zhèn hàn.

Trong phòng triển lãm kỹ thuật số tương tác nhập vai của Bảo tàng Khoa học Công nghệ Quốc gia, khách tham quan có thể thông qua kính thực tế ảo VR để trải nghiệm cảm giác kỳ thú và chấn động khi đi bộ ngoài không gian vũ trụ.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: THỂ NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#691

天空

tiān kōng

bầu trời

秋高气爽，湛蓝如洗的晴朗天空飘着朵朵洁白无瑕的云絮，令人心旷神怡。

Qiū gāo qì shuǎng, zhàn lán rú xǐ de qíng lǎng tiān kōng piāo zhe duǒ duǒ jié bái wú xiá de yún絮, líng rén xīn kuàng shén yí.

Mùa thu khí trời mát mẻ trong lành, trên nền bầu trời trong xanh như gột rửa lũng lờ trời những cụm mây trắng muốt không một tí vết, khiến tâm hồn người ta thư thái vô cùng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THIÊN KHÔNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#692

甜

tián

ngọt ngào, thơm ngọt (vị giác, cuộc sống)

新疆吐鲁番盆地得天独厚的光热资源与巨大昼夜温差，培育出了汁多肉脆、甘甜如蜜的顶级葡萄与哈密瓜。

Xīn jiāng tǔ lǔ fān pén dì dé tiān dòu hòu de guāng rè zī yuán yǔ jù dà zhòu yě wēn chà, péi yù chū le zhī duō ròu cuì, gān tián rú mì de dīng jí pú táo yǔ hā mǐ guā.

Nguồn tài nguyên nhiệt và ánh sáng trời ban độc nhất vô nhị cùng sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cực lớn của bốn địa Turpan Tân Cương đã nuôi dưỡng nên những quả dưa Hami và nho thượng hạng nhiều nước giòn ngọt thơm ngọt như mật.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM

HSK 3 (3.0)

Động từ

#693

跳

tiào

nhảy, nhảy lên; đập (tim)

在国际体育锦标赛跳水决赛中，我国跳水健儿动作如行云流水，以无可挑剔的高分摘得桂冠。

Zài guó jì tǐ yù jīn biāo sài tiào shuǐ jué sài zhōng, wǒ guó tiào shuǐ jiàn ér dòng zuò rú xíng yún liú shuǐ, yǐ wú kě tiāo剔 de gāo fēn zhāi đé guī guān.

Trong trận chung kết nhảy cầu Giải Vô địch Thể thao Quốc tế, các vận động viên nhảy cầu nước ta động tác uyển chuyển như mây trôi nước chảy, đoạt vòng nguyệt quế với số điểm cao không chút tí vết.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#694

跳高

tiàogāo

nhảy cao, môn nhảy cao

在全国大学生田径运动会男子跳高决赛中，选手凭借完美弧度一跃而过两米二八的高度并打破赛会纪录。

Zài quán guó dà xué shēng tián jīng yùn dòng hui nán zǐ tiào gāo jué sài zhōng, xuǎn shǒu píng jiè wán měi hú dù yí yuē èr guò liǎng mǐ èr bā de gāo dù bìng dǎ pò sài huì jì lù.

Trong trận chung kết môn nhảy cao nam tại Đại hội Thể thao Điền kinh Sinh viên Toàn quốc, tuyển thủ nhờ vào đường cong hoàn hảo đã nhảy qua mức xà 2,28 mét và phá kỷ lục của đại hội.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **KHIÊU CAO**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#695

跳舞

tiào wǔ

kiêu vũ, nhảy múa

妹妹非常喜欢跳舞。

Mèimei fēicháng xǐhuan tiàowǔ.

Em gái rất thích nhảy múa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **KHIÊU VŨ**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#696

跳远

tiào yuǎn

nhảy xa

老师鼓励大家积极跳远，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiào yuǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhảy xa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : **KHIÊU VIỄN**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#697

铁

tiě

sắt; cứng rắn, thép

我们要铸就坚如钢铁的理想信念，以钉钉子精神一抓到底，把各项重大战略部署落到实处。

Wǒ men yào zhù jiù jiān rú gāng tiě de lǐ xiǎng xìn niàn, yǐ dīng dīng zǐ jīng shén yì zhూa dào dǐ, bǎ gè xiàng zhòng dà zhàn lüè bù shū luò dào shí chù.

Chúng ta phải đúc nên lý tưởng niềm tin kiên cố như sắt thép, với tinh thần đóng đinh làm việc đến cùng, đưa mọi sự bố trí chiến lược trọng đại vào thực tiễn thực chất.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : **THIỆT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#698

铁路

tiělù

đường sắt, ngành đường sắt

我国建成了全球规模最大、技术领先的现代化高速铁路网络，八纵八横高铁主通道全面贯通。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān de xiān dài huà gāo sù tiě lù wǎng luò, bā zòng bā héng gāo tiě zhǔ tōng dào quán miàn guān tōng.

Nước ta đã xây dựng nên mạng lưới đường sắt cao tốc hiện đại hóa có công nghệ dẫn đầu và quy mô lớn nhất thế giới, trục hành lang đường sắt cao tốc chính 'Tám dọc Tám ngang' đã thông suốt toàn diện.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **THIỆT LỘ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#699

听力

tīnglì

thính lực, khả năng nghe hiểu

在国际中文水平考试中，考生通过多听真实中文广播与日常对话，全面提高了汉语听力理解水平。

Zài guó jì zhōng wén shuǐ píng kǎo shì zhōng, kǎo shēng tōng guò duō tīng zhēn shí zhōng wén guǎng bō yǔ rì cháng duì huà, quán miàn tí gāo le hàn yǔ tīng lì lǐ jiě shuǐ píng.

Trong Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung Quốc tế, thí sinh thông qua việc nghe nhiều các đàm thoại hàng ngày và chương trình phát thanh tiếng Trung chân thực đã nâng cao toàn diện trình độ nghe hiểu thính lực tiếng Hán.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **DẪN LỰC**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#700

听众

tīngzhòng

thính giả, người nghe

在国家科技大讲堂上，院士渊博风趣的科普报告深深吸引了全场数百名青年听众。

Zài guó jiā kē jì dà táng shàng, yuǎn shì yuān bó fēng qù de kē pǔ bào gào shēn shēn xī yīn le quán chǎng shù bǎi míng qīng nián tīng zhòng.

Tại Giảng đàn Khoa học Kỹ thuật Quốc gia, bài báo cáo phổ biến khoa học uyên thâm dí dỏm của vị viện sĩ đã cuốn hút sâu sắc hàng trăm thính giả người nghe trẻ tuổi có mặt trong khán phòng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **DẪN CHÚNG**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#701

停止

tíng zhǐ

dừng lại, đình chỉ, ngưng

在探索未知科学边界与追求卓越人生的漫长道路上，我们永远不要停止向前迈进的勇敢步伐。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué biān jiè yǔ zhuī qiú zhōu yuè rén shēng de màn cháng dào lù shàng, wǒ men yǒng yuǎn bú yào tíng zhǐ xiàng qián jìn de yǒng gǎn bù fá.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học và mưu cầu một cuộc đời phi thường, chúng ta đừng bao giờ dừng lại những bước chân dũng cảm tiến về phía trước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **ĐÌNH CHỈ**

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#702

通常

tōng cháng

thông thường, thường lệ, bình thường

在标准大气压条件下，纯净水的冰点通常精确定义为摄氏零度，沸点精确定义为摄氏一百度。

Zài biāo zhǔn dà qì yā tiáo jiàn xià, chún jìng shuǐ de bīng diǎn tōng cháng jīng què dìng yì wéi shè shì líng dù, fēi diǎn jīng què dìng yì wéi shè shì yì bǎi dù.

Trong điều kiện áp suất khí quyển tiêu chuẩn, điểm đóng băng của nước tinh khiết thông thường được định nghĩa chính xác là 0 độ C và nhiệt độ sôi được định nghĩa chính xác là 100 độ C.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **THÔNG THƯỜNG**



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#703

通信

tōngxìn

thông tin liên lạc, truyền thông viễn thông

我国完全自主研发的第六代移动通信关键技术试验验证取得重大突破，领跑全球数字化进程。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de dì liù dài yí dòng tōng xìn guān jiàn jì shù shì yàn yàn zhèng qǔ dé zhòng dà tū pò, lǐng pǎo quán qiú shù zì huà jìn chéng.

Việc kiểm chứng thử nghiệm công nghệ then chốt thông tin liên lạc viễn thông di động thế hệ thứ sáu (6G) do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã đạt được đột phá trọng đại, dẫn đầu tiến trình số hóa toàn cầu.

18 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TÍN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#704

同意

tóng yì

đồng ý

经过专家委员会全方位论证与评估，全体评审成员一致同意通过了该项绿色环保工程方案。

Jīngguò zhuānjiā wéiyuánhui quán fāngwèi lúnzhèng yǔ pínggū, quán tǐ píngshěn chéngyuán yìzhì tóngyì tóngguò le gāi xiàng lǜsè huánbảo gōngchéng fāng'àn.

Sau khi được hội đồng chuyên gia thẩm định và đánh giá toàn diện, toàn thể thành viên ban giám khảo đã nhất trí đồng thuận thông qua phương án công trình bảo vệ môi trường xanh này.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG Ý

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#705

痛

tòng

đau đớn

在面对复杂的挑战时，保持痛的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí tòng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đau đớn đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: THỐNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#706

痛苦

tòng kǔ

đau khổ, thống khổ, nỗi đau

现代无痛微创诊疗技术的全面推广，极大减轻了广大患者在手术及康复过程中的身心痛苦。

Xiàndài wú tòng wēi chuàng zhěn liáo jì shù de quán miàn tuī guǎng, jí dà jiǎn qīng le guǎng dà huàn zhě zài shǒu shù jí kāng fù guò chéng zhōng de shēn xīn tòng kǔ.

Việc phổ cập toàn diện công nghệ khám chữa bệnh không đau xâm lấn tối thiểu hiện đại đã giảm thiểu to lớn nỗi đau đớn về thể xác và tinh thần cho đông đảo bệnh nhân trong quá trình phẫu thuật và hồi phục chức năng.

18 nét

HÁN VIỆT: THỐNG KHỔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#707

头脑

tóunǎo

đầu óc, trí tuệ, trí não

面对突发错综复杂的危机挑战，我们必须时刻保持清醒冷静的战略头脑，做到沉着应对、科学决策。

Miàn duì tū fā cuò zōng fù zá de wēi jī tiǎo zhàn, wǒ men bì xū shí kè bǎo chí qīng xǐng lěng jìng de zhàn lüè tóu nǎo, zuò dào chén zhù yíng duì, kē xué jué cè.

Đứng trước các khủng hoảng thách thức đột xuất đan xen phức tạp, chúng ta bắt buộc phải luôn luôn duy trì một đầu óc trí não chiến lược tỉnh táo và điềm tĩnh, thực hiện ra quyết sách khoa học, bình tĩnh ứng phó.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU NÃO

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#708

突出

tū chū

nổi bật, xuất chúng; nhô ra, làm nổi bật

这位青年科学家在高温超导机理研究领域做出了极其突出的原创性贡献，荣获国际权威青年学者大奖。

Zhè wèi qīng nián kē xué jiā zài gāo wēn chāo dǎo jī lǐ yán jiū lǐng yù zuò chū le jí qí tū chū de yuán chuàng xìng gòng xiàn, róng huò guó jì quán wèi qīng nián xué zhě dà jiǎng.

Nhà khoa học trẻ này đã có những cống hiến nguyên tác vô cùng nổi bật xuất chúng trong lĩnh vực nghiên cứu cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao, vinh dự nhận giải thưởng học giả trẻ uy tín quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT XUẤT

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#709

突然

tū rán

đột nhiên

原本晴空万里的午后突然乌云密布，紧接着下起了一场电闪雷鸣的倾盆大雨。

Yuánběn qīngkōng wàn lǐ de wǔ hòu tū rán wú yún mì bù, jǐn jiē zhe xià qǐ le yí chǎng diàn shǎn léi míng de qīngpén dàyǔ.

Buổi chiều trời đang quang đãng bỗng nhiên mây đen ập ụp kéo đến, ngay sau đó trút xuống một cơn mưa rào sấm chớp rền vang như trút nước.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#710

图

tú

bản đồ, bức vẽ, hình ảnh; mưu cầu hướng tới

在这幅由高分辨率遥感卫星绘制的全球生态植被图上，我国北方新增的大片绿色林海清晰可见。

Zài zhè fú yóu gāo fēn biàn lǜ yǎo gǎn wèi xīng huì zhì de quán qiú shēng tài zhí bèi tú shàng, wǒ guó běi fāng xīn zēng de dà piàn lǜ sè lín hǎi qīng xī kě jiàn.

Trên bức vẽ bản đồ thảm thực vật sinh thái toàn cầu được vẽ bởi vệ tinh viễn thám độ phân giải cao này, những dải rừng cây xanh rộng lớn mới trồng ở miền Bắc nước ta hiện lên rõ mồn một.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#711

图画

tú huà

bức tranh, tranh vẽ, họa phẩm

一幅幅生动记录新时代乡村振兴壮丽巨变的精美图画，在国家美术馆展厅内吸引了无数观众驻足赞赏。

Yí fú fú shēng dōng jì xīn shí dài xiāng cūn zhīng xīng zhuàng lì jù biàn de jīng měi tú huà, zài guó jiā měi shù guǎn zhǎn tīng nèi xīn yīn liǎo wú shù guān zhòng zhù zú zàn shǎng.

Từng bức tranh tranh vẽ tinh xảo ghi lại sinh động sự đổi thay kỳ vĩ tráng lệ của chân hưng nông thôn thời đại mới đã thu hút vô số khán giả đứng bước ngời khen trong đại sảnh Triển lãm Mỹ thuật Quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ HOA



HSK 3 (3.0)

Động từ

#712

土
tǔ

đất

老师鼓励大家积极土，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shi.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đất, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THỔ

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#713

团
tuán

đoàn, khối, cuộn, nắm; tụ tập;
đoàn thể, trung đoàn

来自全球二十多个国家的青年科学家代表团齐聚一堂，共同探讨绿色低碳能源技术的发展路线图。

Lái zì quán qiú èr shí duō gè guó jiā de qīng nián kē xué jiā dài biǎo tuán qí jù yì táng, gòng tóng tàn tào lù sè dī tàn néng yuán jì shù de fā zhǎn lù xiàn tú.

Đoàn đại biểu các nhà khoa học trẻ đến từ hơn 20 quốc gia trên thế giới đã hội tụ đồng đủ, cùng nhau thảo luận về lộ trình phát triển công nghệ năng lượng xanh giảm phát thải.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#714

团结
tuán jié

đoàn kết, đoàn kết một lòng

全国五十六个民族像石榴籽一样紧紧抱在一起，团结一心、同舟共济，共同书写中华民族伟大复兴的辉煌篇章。

Quán guó wú shí liù gè mín zú xiàng shí liú zǐ yí yàng jǐn jǐn bào zài yì qǐ, tuán jié yì xīn, tóng zhōu gòng jì, gòng tóng shū xiě zhōng huá mín zú wéi dà fú xīng de huī huáng piān zhāng.

Năm mươi sáu dân tộc trên cả nước như những hạt lựu ôm chặt lấy nhau, đoàn kết một lòng, chung thuyền vượt sóng gió, cùng nhau viết nên trang sử huy hoàng phục hưng vĩ đại của dân tộc.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN KẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#715

团体
tuán tǐ

đoàn thể, tập thể tổ chức, mang tính đồng đội

在国际奥林匹克数学与物理竞赛中，由我国青年学子组成的国家代表队凭借出色的团队协作夺得团体总分世界冠军。

Zài guó jì ào lín pǐ kè shù xué yǔ wù lǐ jìng sài zhōng, yóu wǒ guó qīng nián xué zǐ zú chéng de guó jiā dài biǎo duì píng jiè chū sè de tuán tǐ xié zuò duó de tuán tǐ zǒng fēn shì jiè quán jūn.

Tại các kỳ thi Olympic Vật lý và Toán học Quốc tế, đội tuyển đại diện quốc gia gồm các bạn học sinh trẻ nước ta nhờ vào sự hợp tác làm việc nhóm xuất sắc đã giành ngôi Quán quân thế giới tổng điểm đoàn thể đồng đội.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#716

推动
tuī dòng

thúc đẩy, đẩy mạnh, làm động lực

高水平科技自立自强是推动经济社会高质量发展与实现中国式现代化的战略基石。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng shì tuī dòng jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ shí xiàn zhōng guó shì xiàn dài huà de zhàn lüè jī shí.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao là nền tảng chiến lược để thúc đẩy đẩy mạnh hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao.

26 nét

HÁN VIỆT: SUY ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#717

推广
tuī guǎng

phổ biến, nhân rộng, quảng bá rộng rãi

农业科技特派员深入田间地头，向广大农户手把手推广绿色有机水肥一体化高效种植新技术。

Nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù tián jiān dì tóu, xiàng guǎng dà nóng hù shào bā shòu tuī guǎng lǜ sè yǒu jī shuǐ féi yī tǐ huà gāo xiào zhòng zhí xīn jì shù.

Các phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp đã đi sâu xuống tận đồng ruộng, tận tình cầm tay chỉ việc phổ biến kỹ thuật mới trồng trọt hữu cơ xanh tích hợp phân bón nước hiệu quả cao cho đồng dân bà con nông dân.

26 nét

HÁN VIỆT: SUY QUẢNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#718

推进
tuī jìn

đẩy mạnh, xúc tiến tiến hành

我们要扎实推进中国式现代化建设，统筹推进新型工业化、信息化、城镇化与农业现代化。

Wǒ men yào zhā shí wěn bù tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà jiàn shè, tǒng chóu tuī jìn xīn xíng gōng yè huà, xīn xī huà, chéng zhèn huà yǔ nóng yè xiàn dài huà.

Chúng ta phải đẩy mạnh xúc tiến tiến hành xây dựng hiện đại hóa đất nước một cách vững chắc ổn định, quy hoạch đẩy mạnh đồng bộ công nghiệp hóa kiểu mới, đô thị hóa, thông tin hóa và hiện đại hóa nông nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT: SUY TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#719

推开
tuī kāi

đẩy mở ra, mở tung cánh cửa

清晨推开实验室的窗户，扑面而来的是清新宜人的微风与满目苍翠的校园美景。

Qīng chén tuī kāi shí yàn shì de chuāng hù, pū miàn ér lái de shì qīng xīn yí rén de wēi fēng yǔ mǎn mù cāng cuì de xiào yuán měi jīng.

Sáng sớm đẩy mở ra cánh cửa sổ phòng thí nghiệm, ủa vào mặt là làn gió mát trong lành để chịu cùng cảnh đẹp ngút ngàn xanh biếc của khuôn viên trường.

22 nét

HÁN VIỆT: SUY KHAI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#720

退
tuì

lùi, rút lui; trả lại, thoái lui

在暴风雨引发的洪峰平稳消退后，驻地部队官兵立即协助当地群众全力开展灾后清淤与消杀重建。

Zài bão fēng yǔ yīn fā de hóng fēng píng wěn xiāo tuì hòu, zhù dì bù duì guān bīng lì jí xié zhù dāng dì qún zhòng quán lì kāi zhǎn zāi hòu qīng yǔ yǔ xiāo shā chóng jiàn.

Sau khi đỉnh lũ do mưa bão gây ra rút lui êm đềm, cán bộ chiến sĩ quân đội đóng quân tại địa bàn đã lập tức hỗ trợ bà con nhân dân dọn dẹp bùn đất, khử trùng tiêu độc và tái thiết sau bão lũ.

10 nét

HÁN VIỆT: THOÁI


HSK 3 (3.0)

Động từ

#721

退出

tuìchū

rút lui, rút khỏi, thoái lui

随着传统高耗能重污染落后产能的有序退出，绿色低碳高端先进制造业正在加速崛起。

Suí zhe chuán tǒng gāo hào néng zhòng wū rǎn luò hòu chǎn néng de yǒu xù tuì chū, lǜ sè dī tàn gāo duān xiān jìn zhì zào yè zhèng zài jiā sù qǐ.

Cùng với việc rút lui rút khỏi có trật tự của các năng lực sản xuất lạc hậu ô nhiễm nặng tiêu tốn nhiều năng lượng truyền thống, ngành chế tạo tiên tiến cao cấp xanh ít phát thải carbon đang đẩy nhanh triển khai.

18 nét

HÁN VIỆT: THOÁI XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#722

退休

tuìxiū

nghỉ hưu, về hưu

这位在三尺讲台上辛勤耕耘四十载的特级教师光荣退休后，依然志愿投身于乡村教育公益事业中。

Zhè wèi zài sān chǐ jiǎng tái shàng xīn qín gēng yún sì shí zài de tè jí jiāo shī guāng róng tuì xiū hòu, yī rán zhì yuàn tóu shēn yú xiāng cūn jiào yù gōng gòng yì shì yè zhōng.

Người nhà giáo ưu tú cống hiến miệt mài suốt 40 năm trên bục giảng sau khi vinh dự nghỉ hưu vẫn tiếp tục tình nguyện dẫn thân cho sự nghiệp thiện nguyện giáo dục vùng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: THOÁI HƯU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#723

外交

wàijiāo

ngoại giao, bang giao

中国始终坚定奉行独立自主的和平外交政策，积极推动构建新型国际关系与人类命运共同体。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng fèng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jí tuī dòng gòu jiàn xīn xíng guó jì guān xì yǔ rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới và cộng đồng chung vận mệnh nhân loại.

16 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI GIAO

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#724

外面

wàimiàn

bên ngoài, phía ngoài

虽然外面寒风凛冽、风雪交加，但重大科学工程控制大厅内灯火通明，全体科研骨干斗志昂扬。

Suī rán wài miàn hán fēng lǐn liè, fēng xuě jiā jiā, dàn zhòng dà kē xué gōng chéng kòng zhì dà tīng nèi dēng huǒ tōng míng, quán tǐ kē yán gǔ gàn dòu zhì áng yáng.

Dẫu cho bên ngoài phía ngoài gió rét gấm rú tuyết rơi phủ đầy, nhưng bên trong đại sảnh điều khiển công trình khoa học trọng đại vẫn rực rỡ ánh đèn, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ý chí chiến đấu sục sôi.

18 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#725

外文

wàiwén

ngoại văn, tiếng nước ngoài, sách báo nước ngoài

在高校国际学术图书馆内，藏有数万册前沿科学领域的外文学术原版专著与权威期刊。

Zài gāo xiào guó jì xué shù tú shū guǎn nèi, cáng yǒu shù wàn cè qián yán kē xué lǐng yù de wài wén xué shù yuán bản zhuān zhù yǔ quán wēi qī kān.

Bên trong Thư viện Học thuật Quốc tế trường đại học lưu trữ hàng vạn cuốn chuyên khảo bản gốc và tạp chí có thẩm quyền bằng ngoại văn tiếng nước ngoài trong các lĩnh vực khoa học tiên phong.

16 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI VĂN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#726

完美

wánměi

hoàn mỹ, hoàn hảo, tuyệt hảo

在国际花样滑冰大奖赛赛场上，选手以近乎完美的四周跳高难度技术动作与优美艺术表现力征服了全场裁判。

Zài guó jì huà yàng huái bīng dà jiǎng sài sài chǎng shàng, xuǎn shǒu yǐ jìn hū wán měi de sì zhōu tiào gāo nán dù jì shù dòng zuò yǔ yōu měi yì shù biǎo xiǎn lì zhēng fú le quán chǎng cái pàn.

Trên sân thi đấu giải trượt băng nghệ thuật Grand Prix quốc tế, vận động viên bằng động tác kỹ thuật nhảy xoay 4 vòng trên không hoàn hảo cùng sức biểu cảm nghệ thuật uyển chuyển đã chinh phục toàn bộ ban giám khảo.

22 nét

HÁN VIỆT: HOÀN MỸ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#727

完善

wánshàn

hoàn thiện, hoàn chỉnh; làm cho hoàn thiện

进一步健全完善国家知识产权保护法律制度体系，能够为全社会创新创业提供强有力的法治保障。

Jìn yí bù jiàn quán wán shàn guó jiā zhī shí chǎn quán bǎo hù fǎ lǜ zhì dù tí xì, néng gòu wèi quán shè huì chuàng xīn chuàng yè yǐ tí gòng qiáng yǒu lì de fǎ zhì bǎo zhàng.

Việc kiện toàn và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thể chế pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia có thể mang lại sự bảo đảm pháp trị đặc lực cho hoạt động đổi mới sáng tạo khởi nghiệp của toàn xã hội.

19 nét

HÁN VIỆT: HOÀN THIỆN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#728

完整

wánzhěng

hoàn chỉnh, nguyên vẹn, trọn vẹn

经过考古专家长达数年的科学微痕发掘与拼接修复，这件珍贵的商代青铜国宝终于恢复了完整容貌。

Jīng guò kǎo gǔ zhuān jiā cháng dà shù nián de kē xué wēi hén fā xué yǔ pīn jiē xiū fù, zhè jiàn zhēn guì de shāng dài qīng tóng guó bǎo zhōng yú huī fù le wán zhěng róng mào.

Trải qua nhiều năm khai quật vết tích vi mô và ghép nối phục chế khoa học của các chuyên gia khảo cổ, món bảo vật quốc gia đồ đồng thời Thương vô giá này cuối cùng đã phục hồi lại diện mạo hoàn chỉnh nguyên vẹn ban đầu.

18 nét

HÁN VIỆT: HOÀN CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#729

玩具

wánjù

đồ chơi

这款将传统鲁班锁榫卯结构与现代编程模块巧妙融合的益智科教玩具，深受青少年儿童的喜爱。

Zhè kuǎn jiāng chuán tǒng lú bān suǒ sǔn mǎo jié gòu yǔ xiàn dài biān chéng mó kuài qiǎo miào róng hé de yì zhì kē jiào wán jù, shēn shòu qīng shào nián ér tóng de xǐ ài.

Món đồ chơi khoa học giáo dục phát triển trí tuệ kết hợp khéo léo kết cấu mộng ngàm khóa Lỗ Ban cổ truyền với các khối lập trình hiện đại này được các bạn nhỏ thanh thiếu niên vô cùng yêu thích.

24 nét

HÁN VIỆT: NGỌAN CỤ



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#730

往往

wǎng wǎng

thường, thường hay (theo quy luật/kinh nghiệm)

在遭遇重大危机考验的逆境时刻，一个人的从容定力与担当魄力往往能够起到力挽狂澜的关键作用。

Zài zāo yù zhòng dà wēi jī kǎo yàn de nǐ jìng shí kè, yí gè rén de cóng róng dīng lì yǔ dān dāng pò lì wǎng wǎng néng qǐ dào lì wǎn kuáng lǎn de guān jiàn zuò yòng.

Vào những thời khắc cam go đối diện với khủng hoảng sóng gió, sự điềm tĩnh và bản lĩnh dám đứng mũi chịu sào của một người thường hay đóng vai trò then chốt xoay chuyển tình thế.

24 nét

HÁN VIỆT: VǎNG VǎNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#731

危害

wēi hài

nguy hại, làm hại, tác hại

严禁在水源保护区倾倒工业危险废弃物，依法坚决打击任何严重危害公共安全与居民饮水健康的违法行为。

Yán jìn zài shuǐ yuán bǎo hù qū qīng dǎo gōng yè wēi xiǎn fèi qì wù, yī fǎ jiǎn jué dǎ jī rèn hé yán zhòng wēi hài gōng gòng shēng tài ān quán yǔ jū mín yǐn shuǐ jiàn kāng de wéi fǎ xíng wéi.

Nghiêm cấm tuyệt đối việc đổ chất thải nguy hại công nghiệp tại các khu vực bảo vệ nguồn nước, kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật mọi hành vi gây tác hại nghiêm trọng tới an toàn sinh thái công cộng và sức khỏe nguồn nước uống của người dân.

24 nét

HÁN VIỆT: NGUY HẠI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#732

危险

wēi xiǎn

nguy hiểm

在面对复杂的挑战时，保持危险的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí wēi xiǎn de xīn tài yóu wēi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nguy hiểm đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: NGUY HIỂM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#733

围

wéi

vây quanh, vây quanh, bao bọc

在青少年科学体验营中，同学们开心地围在大科学家身边，聚精会神地聆听宇宙深空奥秘讲解。

Zài qīng shào nián kē xué tǐ yàn yíng zhōng, tóng xué men kāi xīn dì wéi zài dà kē xué jiā shēn biān, jù jīng huì shén dì líng tīng yǔ zhòu shēn kōng ào mì jiǎng jiě.

Tại Trại hè Trải nghiệm Khoa học Thanh thiếu niên, các bạn học sinh vui vẻ vây quanh vây quanh bên cạnh nhà khoa học lớn, chăm chú lắng nghe giảng giải về các bí ẩn không gian sâu trong vũ trụ.

8 nét

HÁN VIỆT: VI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#734

伟大

wěi dà

vĩ đại, to lớn, cao cả

中华民族在五千多年连绵不绝的文明演进历史长河中，创造了举世闻名、辉煌灿烂的伟大文明成就。

Zhōng huá mín zú zài wǔ qiān duō nián lián mián bù jué de wén míng yǎn jìn lì shǐ cháng hé zhōng, chuàng zào le jǔ shì wén míng, huī huáng càn làn de wěi dà wén míng chéng jiù.

Dân tộc ta trong dòng chảy lịch sử tiến hóa văn minh trường tồn hơn 5.000 năm liên tục đã kiến tạo nên những thành tựu văn minh vĩ đại rực rỡ chói lọi lừng danh khắp năm châu.

23 nét

HÁN VIỆT: VĨ ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#735

卫生

wèishēng

vệ sinh, y tế vệ sinh; sạch sẽ

国家全面推进健康中国建设，完善城乡基层公共卫生医疗服务体系，筑牢人民群众生命健康防线。

Guó jiā quán miàn tuī jìn zhōng guó jiàn shè, wán shàn chéng xiāng jī céng gōng gòng wèi shēng yī liáo fú wù tǐ xì, zhù láo rén mín qún zhòng shēng mìng jiàn kāng fáng xiàn.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng Nước Nhà Khỏe Mạnh, hoàn thiện hệ thống dịch vụ y tế vệ sinh công cộng cơ sở nông thôn và thành thị, xây chắc phòng tuyến sức khỏe sinh mệnh cho quần chúng nhân dân.

23 nét

HÁN VIỆT: VỆ SINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#736

卫生间

wèi shēng jiān

nhà vệ sinh, phòng vệ sinh, toilet

现代化高铁车站与大型国际机场全面配备了无障碍第三卫生间与母婴室，细节处尽显人性化关怀。

Xiàn dài huà gāo tiě chē zhàn yǔ dà xíng guó jī chǎng quán miàn pèi bèi bù liáo wú zhàng ài dì sān wèi shēng jiān yǔ mǔ yīng shì, xì jié chù jìn xiǎn rén xìng huà guān huái.

Các nhà ga tàu cao tốc hiện đại cùng sân bay quốc tế quy mô lớn đều được trang bị đầy đủ nhà vệ sinh không rào cản dành cho người khuyết tật và phòng chăm sóc mẹ và bé, từng chi tiết nhỏ đều toát lên sự quan tâm nhân văn sâu sắc.

31 nét

HÁN VIỆT: VỆ SINH GIAN

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#737

为了

wèi le

vì, để, nhằm mục đích

为了实现国家高水平科技自立自强，几代科研人员前赴后继、勇攀高峰，作出了卓越历史贡献。

Wèi le shí xiàn guó jiā gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jǐ dài kē yán rén yuán qián fù hòu jì, yǒng pān gāo fēng, zuò chū le zhuó yuè lì shǐ gòng xiàn.

Vì để thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của đất nước, nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu khoa học người trước ngã xuống người sau tiến lên, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, lập nên những cống hiến lịch sử trác việt.

27 nét

HÁN VIỆT: VÌ LIỄU

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#738

温暖

wēn nuǎn

ấm áp, ấm lòng; sưởi ấm

社区志愿服务者在严冬腊月为孤寡老人送去热气腾腾的爱心水饺与棉衣，让老人感受到了融融的社会大家庭温暖。

Shè qū zhì yuàn fú wù zhě zài yán dōng là yuè wèi gū guǎ lǎo rén sòng qù rè qì téng téng de ài xīn shuǐ jiǎo yǔ mián yī, ràng lǎo rén gǎn shòu dào le róng róng de shè huì dà jiā tíng wēn nuǎn.

Các tình nguyện viên dịch vụ khu dân cư trong những ngày đông giá rét tháng Chạp đã mang những đĩa sủi cảo chan chứa tình yêu thương nóng hổi cùng áo bông ấm áp đến tận tay các cụ già neo đơn, giúp các cụ cảm nhận được hơi ấm chan hòa của đại gia đình xã hội.

26 nét

HÁN VIỆT: ÔN NỎÁN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#739

文化

wén huà

văn hóa

中华优秀传统文化积淀深厚、源远流长，蕴含着丰富深刻的人生智慧与哲学思想。

Zhōnghuá yōuxiù chuántǒng wénhuà jīdiàn shēnhòu, yuányuán liúcháng, yùnhán zhe fēngfù shēnkè de rénshēng zhìhuì yǔ zhéxué sīxiǎng.

Văn hóa truyền thống đặc sắc của Trung Hoa kết tinh sâu dày, bắt nguồn từ dòng chảy lịch sử lâu đời, hàm chứa triết lý nhân sinh và trí tuệ sâu sắc.

20 nét

HÁN VIỆT: VĂN HOA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#740

文件

wén jiàn

văn bản, tài liệu, tệp tin (file)

在分布式云存储协同办公平台上，项目组成员可以实时在线多人协同编辑大型工程技术规范设计文件。

Zài fēn bù shì yún cún chū xié tóng bàn gōng píng tái shàng, xiàng mù zǔ chéng yuán kě yí shí shí zài xiàn duō rén xié tóng biān jí dà xíng gōng chéng jì shù guī fàn shè jì wén jiàn.

Trên nền tảng văn phòng cộng tác đám mây phân tán, các thành viên trong nhóm dự án có thể cùng nhau chỉnh sửa trực tuyến theo thời gian thực các tập tin tài liệu thiết kế quy chuẩn kỹ thuật công trình quy mô lớn.

21 nét

HÁN VIỆT: VĂN KIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#741

文明

wén míng

văn minh, nền văn minh; lịch sử

中华文明是世界上唯一自古延续至今从未中断的伟大文明，具有突出的连续性、创新性、统一性与包容性。

Zhōnghuá wén míng shì shì jiè shàng wéi yī zì gǔ yǎn xù zhì jīn cǒng wèi zhōng duàn de wēi dà wén míng, jù yǒu tú chū de lián xù xìng, chuàng xīn xìng, tǒng yī xìng yǔ bāo róng xìng.

Văn minh Trung Hoa là nền văn minh vĩ đại duy nhất trên thế giới kéo dài từ thời cổ đại đến nay chưa bao giờ bị đứt gãy, sở hữu tính liên tục, tính sáng tạo, tính thống nhất và tính bao dung nổi bật.

18 nét

HÁN VIỆT: VĂN MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#742

文学

wén xué

văn học

优秀的经典文学作品不仅具有高度的审美艺术价值，更能够跨越时空阻隔直抵人类灵魂深处。

Yōu xiù de jīng diǎn wén xué zuò pīn bù jīn jù yǒu gāo dù de shēn měi yì shù jià zhí, gèng néng gòu kuà yuè shí kōng zú gé zhǐ dī rén lèi lín g hún shēn chù.

Những tác phẩm văn học kinh điển xuất sắc không chỉ sở hữu giá trị nghệ thuật thẩm mỹ đỉnh cao mà còn có thể vượt qua mọi rào cản thời gian và không gian chạm tới sâu thẳm tâm hồn nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT: VĂN HỌC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#743

文章

wén zhāng

bài viết, bài báo, bài văn

这篇刊登在国际权威顶级期刊上的学术文章，系统阐述了生成式人工智能与大语言模型的核心数学原理。

Zhè piān kān dēng zài guó jì quán wēi dīng jí qī kān shàng de xué shù wén zhāng, xì tǒng chān shù le shēng chéng shì rén gōng zhì néng yǔ dà yǔ yán mó xíng de hé xīn shù xué yuán lǐ.

Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hàng đầu thế giới này đã trình bày một cách có hệ thống về nguyên lý toán học cốt lõi của trí tuệ nhân tạo tạo sinh và mô hình ngôn ngữ lớn.

21 nét

HÁN VIỆT: VĂN CHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#744

文字

wén zì

chữ viết, văn tự, câu chữ

汉字文字作为中华文明的重要载体，历经数千年演变传承，蕴含着深厚独特的人文美感与哲学智慧。

Hàn zì wén zì zuò wéi zhōng huá wén míng de zhòng yào zài tǐ, lì jīng shù qiān nián yǎn biàn chuán chéng, yùnhán zhe shēn hòu dú tè de rén wén měi gǎn yǔ zhé xué zhì huì.

Chữ Hán văn tự với tư cách là phương tiện chuyên chở quan trọng của nền văn minh Trung Hoa, trải qua hàng ngàn năm diễn biến và trao truyền, ẩn chứa vẻ đẹp nhân văn độc đáo sâu sắc cùng trí tuệ triết học.

19 nét

HÁN VIỆT: VĂN TỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#745

握手

wò shǒu

bắt tay

两国元首在红地毯前亲切握手致意并合影留念，标志着双边友好合作关系迈入了崭新的发展阶段。

Liǎng guó yuǎn shǒu zài hóng dì tàn qián qīn qiè wò shǒu zhì yì bìng hé yǐng liú niàn, biāo zhì zhe shuāng biān yǒu hào hé zuò guān xī mài rù le zhǎn xīn de fā zhǎn jiē duàn.

Nguyên thủ hai nước đã bắt tay thân mật chào mừng và chụp ảnh lưu niệm trên thảm đỏ, đánh dấu quan hệ hợp tác hữu nghị song phương bước sang một giai đoạn phát triển mới.

26 nét

HÁN VIỆT: ÁC THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#746

屋子

wū zi

căn phòng, căn nhà, gian phòng

冬日午后，一家人围坐在温暖的炭火壁炉旁喝茶读书，整个屋子里洋溢着浓浓的幸福温馨气氛。

Dōng rì wǔ hòu, yī jiā rén wéi zuò zài wēn nuǎn de tàn huǒ bì lú páng hē chá dú shū, zhěng jiān wū zi lǐ yáng yì zhe nóng nóng de xìng fú wēn xīn qì fēn.

Buổi chiều mùa đông, cả gia đình quây quần bên bếp sưởi than ấm áp vừa thưởng trà vừa đọc sách, khắp gian phòng ngập tràn bầu không khí hạnh phúc ấm áp đậm đà.

21 nét

HÁN VIỆT: ỐC TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#747

武器

wǔ qì

vũ khí, trang bị chiến đấu

先进的科学理论与过硬的技术本领，是当代青年科技人才投身国家高水平科技自立自强最强大的思想武器。

Xiān jìn de kē xué lǐ lùn yǔ guò yìng de jì shù běn lǐng, shì dāng dài qīng nián kē jì rén cái tóu shēn guó jiā gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zuì qiáng dà de sī xiǎng wǔ qì.

Lý luận khoa học tiên tiến cùng tay nghề kỹ thuật vượt trội là vũ khí tư tưởng mạnh mẽ nhất để các tài năng khoa học trẻ đương đại dẫn thân phụng sự sự nghiệp tự chủ tự cường công nghệ đỉnh cao của đất nước.

21 nét

HÁN VIỆT: VŨ KHÍ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#757

显得

xiǎn de

trông có vẻ, lộ rõ vẻ, tỏ ra

在古色古香的红木书桌上摆放一盏暖色调的护眼复古铜灯, 让整个书房显得格外静谧雅致、温馨舒适。

Zài gù sè gù xiāng de hóng mù shū zhuō shàng bài fàng yī zhǎn nuǎn sè diào de hù yǎn fù gǔ tóng dēng, ràng zhěng gè shū fáng xiǎn de gé wài jìng mì yǎ zhì, wēn xīn shū shì.

Đặt một chiếc đèn đồng cổ chống mỗi mắt ánh sáng ấm áp trên chiếc bàn học gỗ gụ cổ kính tạo nhã khiến toàn bộ phòng đọc sách lộ rõ vẻ tĩnh lặng thanh tao, ấm cúng và vô cùng dễ chịu.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỂN ĐẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#758

显然

xiǎn rán

rõ ràng, hiển nhiên, thấy rõ

对比多轮独立盲测实验数据, 该新型固态电池在零下四十度极寒环境下的放电效率显然大幅领先传统锂电池。

Duì bǐ duō lún dú lì máng cè shí yàn shù jù, gāi xīn xíng gù tài diàn chí zài líng xià sì shí dù jí hán huán jīng xià de fàng diàn xiào lǜ xiǎn rán dà fú lǐng xiān chuán tǒng lì diàn chí.

Đối chiếu số liệu từ nhiều vòng thử nghiệm mù độc lập, hiệu suất phóng điện của loại pin thể rắn mới này trong môi trường cực lạnh âm 40 độ rõ ràng vượt xa hoàn toàn so với pin lithium truyền thống.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỂN NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#759

显示

xiǎn shì

hiển thị, cho thấy, biểu thị

国家统计局最新发布的宏观经济运行数据显示, 我国高技术制造业增加值保持强劲的两位数增长势头。

Guó jiā tǒng jì jú zuì xīn fā bù de hóng guān jīng jì yùn xíng shù jù xiǎn shì, wǒ guó gāo jì shù zhì zào yè zēng jiā zhǐ báo chí qiáng jīng de liǎng wèi shù zēng zhǎng shì tóu.

Số liệu vận hành kinh tế vĩ mô mới nhất do Cục Thống kê Quốc gia công bố cho thấy, giá trị gia tăng ngành chế tạo công nghệ cao của nước ta tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số mạnh mẽ.

20 nét

HÁN VIỆT: HIỂN THỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#760

现场

xiàn chǎng

hiện trường, tại chỗ thực tế

在重大航天发射任务现场, 全体科研指挥人员严阵以待, 一丝不苟执行每一道测控发射指令。

Zài zhòng dà háng tiān fā shè rèn wù xiàn chǎng, quán tǐ kē yán zhǐ huī rén yuán yán zhèn yǐ dài, yì sī bù gōu zhí xíng měi yī dào cè kòng fā shè zhǐ lìng.

Tại hiện trường nhiệm vụ phóng tàu vũ trụ trọng đại, toàn thể nhân viên chỉ huy nghiên cứu khoa học nghiêm trang sẵn sàng, tỉ mỉ không chút sai sót thi hành từng mệnh lệnh chỉ thị do đặc điều khiển phóng.

22 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TRƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#761

现代

xiàn dài

hiện đại

当代建筑设计师巧妙地将中国传统园林意境与现代简约建筑美学有机融合在一起, 令人耳目一新。

Dāng dài jiàn zhù shī qiǎo miào dì jiāng zhōng guó chuán tǒng yuán lín yì jīng yǔ xiàn dài jiàn yuē jiàn zhù měi xué yǒu jī róng hé zài yì qì, líng ěr ěr mù yǐ xīn.

Các kiến trúc sư đương đại đã khéo léo kết hợp hài hòa giữa ý cảnh vườn cảnh cổ truyền Trung Hoa và mỹ học kiến trúc tối giản hiện đại, mang lại cảm giác mới mẻ đầy ấn tượng.

22 nét

HÁN VIỆT: HIỆN ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#762

现代化

xiàndàihuà

hiện đại hóa

以中国式现代化全面推进中华民族伟大复兴, 是新时代新征程全党全国人民的中心任务。

Yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn zhōng guó huà míng zú wéi dà fù xīng, shì xīn shí dài xīn zhōng chéng quán dǎng quán guó rén mín de zhōng xīn rèn wù.

Thúc đẩy toàn diện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc bằng hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn thể nhân dân cả nước trên hành trình mới thời đại mới.

34 nét

HÁN VIỆT: HIỆN ĐẠI HOA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#763

现金

xiàn jīn

tiền mặt

为了保障老年群体与外籍来华人员的多元支付权益, 各类大型商超与医院窗口均保留了现金找零服务通道。

Wèi le bǎo zhàng lǎo nián qún tǐ yǔ wài jì lái huá rén yuán de duō yuán zhī fù quán yì, gè lèi dà xíng shāng chāo yǔ yī yuán chuāng kǒu jūn bǎo liú le xiàn jīn zhǎo líng fú wú tōng dào.

Nhằm bảo đảm quyền lợi thanh toán đa dạng của người cao tuổi và du khách nước ngoài đến Trung Quốc, các siêu thị lớn và quầy bệnh viện đều duy trì các làn dịch vụ thanh toán và đổi lại tiền mặt.

27 nét

HÁN VIỆT: HIỆN KIM

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#764

现实

xiàn shí

hiện thực, thực tế; thực tế

青年人既要仰望星空树立远大的理想抱负, 更要脚踏实地直面现实, 在平凡岗位上踏实苦干。

Qīng nián rén jì yào yǎng wàng xīng kōng shù lì yuǎn dà de lǐ xiǎng bào fù, gèng yào jiǎo tà shí dì zhí miàn xiàn shí, zài píng fán gǎng wèi shàng tà shí kǔ gàn.

Thanh niên vừa phải ngước nhìn bầu trời sao để nuôi dưỡng lý tưởng hoài bão lớn lao, lại càng phải kiên định bám rễ thực tế đối diện với hiện thực, miệt mài làm việc thực chất nơi vị trí công tác bình dị.

26 nét

HÁN VIỆT: HIỆN THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#765

现象

xiàn xiàng

hiện tượng

物理学家通过超高真空扫描隧道显微镜, 首次在实验中直接观测到了分数量子反常霍尔效应的微观物理现象。

Wù lǐ xué jiā tōng guò chāo gāo zhēn kōng sǎo miáo suǐ dào xiān wēi jīng, shǒu cì zài shí yàn zhōng zhí jiē guān cè dào le fēn shù liàng zǐ fǎn cháng hōll ēr xiào yīng de wēi guān wù lǐ xiàn xiàng.

Các nhà vật lý học thông qua kính hiển vi quét chui hầm chân không siêu cao lần đầu tiên quan sát trực tiếp được hiện tượng vật lý vi mô của hiệu ứng Hall dị thường phân số lượng tử trong thực nghiệm.

28 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TƯỢNG



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#766

线
xiàn

đường, tuyến, sợi dây; ranh giới

这条连接国家超算中心与各大高校的高量子保密通信干线, 实现了无条件安全的超高速数据传输。

Zhè tiáo lián jiē guó jiā chāo suàn zhōng xīn yǔ gè dà gāo xiào de gāo sù lìng zǐ bǎo mì tōng xìn gān xiàn, shí xiàn liáo wú tiáo jiàn ān quán de chāo gāo sù shù jù chuán shū.

Tuyến đường trực thông tin bảo mật lượng tử tốc độ cao nối liền các trường đại học lớn và Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia này đã thực hiện việc truyền tải số liệu siêu tốc độ an toàn vô điều kiện.

10 nét

HÁN VIỆT: TUYẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#767

相比
xiāngbǐ

so sánh, so với (tương quan so sánh)

与传统工艺相比, 这种完全自主研发的绿色化学合成新路径将生产能耗大幅降低了百分之四十。

Yǔ chuán tǒng gōng yì xiāng bǐ, zhè zhǒng wán quán zì zhǔ yán fā de lǜ sè huà xué hé chéng xīn lù jīng jiāng shēng chǎn néng hào dà fú jiàng dī le bǎi fēn zhī sì shí.

So với so sánh với quy trình công nghệ truyền thống, lộ trình mới tổng hợp hóa học xanh do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này đã giảm mạnh mức tiêu hao năng lượng sản xuất tới 40%.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TỶ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#768

相当
xiāngdāng

khá là, tương đối; tương đương, ngang bằng

这套完全自主研发的高性能工业母机数控系统, 其核心加工精度与运行稳定性相当出色。

Zhè tào wán quán zì zhǔ yán fā de gāo xìng néng gōng yè mǔ jī shù kòng xì tǒng, qí hé xīn jiā gōng jīng dù yǔ yùn xíng wěn dìng xìng xiāng dāng chū sè.

Hệ thống điều khiển số máy công cụ công nghiệp hiệu năng cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này có độ ổn định vận hành và độ chính xác gia công cốt lõi khá là tương đối xuất sắc.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#769

相关
xiāngguān

liên quan, có quan hệ mật thiết

科技部联合教育部与工信部等相关职能部门, 共同出台了支持青年科研人员挑大梁的重磅实施方案。

Kē jì bù lián hé jiào yù bù yǔ gōng xìn bù děng xiāng guān zhí néng bù mén, gòng tóng chū tái le zhī chí qīng nián kē yán yán yuán tiāo dà liáng de zhòng bàng shí shī fāng àn.

Bộ Khoa học Công nghệ phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Bộ Công nghiệp Thông tin cùng các ban ngành chức năng liên quan đã ban hành đề án thực thi mang tính bước ngoặt hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ gánh vác trọng trách lớn.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG QUAN

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#770

相互
xiānghù

lẫn nhau, cùng nhau tương hỗ

在多学科交叉科研攻坚中, 团队成员要相互信任、密切配合, 共同攻克前沿技术难题。

Zài duō xué kē jiāo chā kē yán gōng jiǎn zhōng, tuán duì chéng yuán yào xiāng hù xìn rèn, mì qiè pèi hé, gòng tóng gōng kè qián yán jì shù nán tí.

Trong các đợt xung kích nghiên cứu khoa học liên ngành đan xen, các thành viên trong nhóm cần tin tưởng lẫn nhau, phối hợp chặt chẽ cùng nhau, cùng chinh phục các nan đề kỹ thuật tiên phong.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG HỖ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#771

相似
xiāngsì

tương tự, giống nhau, na ná

这两套复杂的工业软件算法在底层数学逻辑上虽然高度相似, 但在极端高并发场景下的吞吐性能表现差异显著。

Zhè liǎng tào fù zá de gōng yè ruǎn jiàn suàn fǎ zài dī céng shù xué luó jí shàng suī rán gāo dù xiāng sì, dàn zài jí duān gāo bìng fā chǎng jǐng xià de tǔn tǔ xīng néng biǎo xiǎn chā yì xiǎn zhù.

Hai bộ thuật toán phần mềm công nghiệp phức tạp này ở logic toán học tầng dưới tuy tương tự nhau cao độ, nhưng trong các kịch bản chịu tải đồng thời cực lớn thì hiệu năng thông lượng thể hiện sự khác biệt vô cùng rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TỰ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#772

香
xiāng

thơm, nén hương, hương thơm

清晨推开雅室房门, 案几上那一缕刚点燃的天然沉香散发出令人心旷神怡的清幽香。

Qīng chén tuī kāi yǎ shì fáng mén, àn jǐ shàng nà yī lǚ gāng diǎn rán de tiān rán chén xiāng sǎn fā chū líng rén xīn kuàng shén yí de qīng yā yōu xiāng.

Sáng sớm đẩy cửa bước vào gian phòng tao nhã, nén hương trầm tự nhiên vừa thấp trên bàn trà tỏa ra một mùi hương thanh khiết thoang thoảng khiến lòng người thư thái sáng khoái.

10 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#773

香蕉
xiāngjiāo

chuối

熟透的新鲜黄香蕉口感软糯香甜, 富含膳食纤维与钾元素, 深受运动员和健身人士喜爱。

Shú tòu de xīn xiān huáng xiāng jiāo kǒu gǎn ruǎn nuò xiāng tián, fù hán shàn shí xiān wéi yù jiā yuán sù, shēn shòu yùndòng yuán hé jiànshēn rénshì xǐ ài.

Quả chuối vàng chín tới ăn mềm thơm ngọt bùi, giàu chất xơ và kali nên được các vận động viên và người tập thể hình vô cùng ưa chuộng.

21 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG TIÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#774

消费
xiāofèi

tiêu dùng, chi tiêu; sức tiêu dùng

数字消费、绿色消费与健康消费等新型消费模式蓬勃兴起, 持续激发了国内消费市场的巨大潜能。

Shù zì xiāo fèi, lǜ sè xiāo fèi yǔ jiàn kāng xiāo fèi děng xīn xíng xiāo fèi mó shì péng bó xīng qǐ, chí xù jī fā le guó nèi xiāo fèi shì chǎng de jù dà qián néng.

Các mô hình tiêu dùng mới như tiêu dùng số, tiêu dùng xanh và tiêu dùng sức khỏe đang bùng nổ mạnh mẽ, liên tục khơi dậy tiềm năng to lớn của thị trường tiêu dùng nội địa.

26 nét

HÁN VIỆT: TIÊU PHÍ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#775

消失

xiāo shī

biến mất, tiêu tan, mất dạng

随着清晨红日冉冉升起，笼罩在山间盆地与湖面上的浓重晨雾开始渐渐消散直至彻底消失。

Suí zhe qīng chén hóng rì rǎn rǎn shēng qǐ, lǒng zhào zài shān jiān pén dì yǔ hú miàn shàng de nóng zhòng chén wù kāi shǐ jiàn jiàn xiāo sǎn zhí zhì chéng dī xiāo shī.

Cùng với mặt trời đỏ rực buổi sớm mai từ từ nhô lên, lớp sương mù dày đặc bao phủ trên thung lũng lòng chảo và mặt hồ bắt đầu dần tan biến cho đến khi biến mất hoàn toàn.

27 nét

HÁN VIỆT · TIÊU THẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#776

消息

xiāo xī

tin tức, thông tin

我国科研团队在国际顶尖学术刊物上发表突破性成果的消息传来，全校师生一片沸腾。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài guó jì dīng jiān xué shù kǎn wù shàng fā biǎo tú pò xìng chéng guǒ de xiāo xī chuán lái, quán xiào shī shēng yì piàn fèi téng.

Khi tin tức về việc nhóm nghiên cứu khoa học nước nhà công bố thành tựu đột phá trên ấn phẩm học thuật hàng đầu thế giới được truyền về, thầy trò toàn trường vỡ òa trong niềm vui sướng hân hoan.

26 nét

HÁN VIỆT · TIÊU TỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#777

效果

xiào guǒ

hiệu quả, kết quả

经过为期三个月的系统听说沉浸式强化训练，学员们在汉语口语流利度与语调自然度上取得了立竿见影的显著效果。

Jīng guò wéi qī sān gè yuè de xì tǒng tīng shuō chén jìn shì qiáng huà xùn liàn, xué yuán men zài hàn yǔ kǒu yǔ liú lì dù yǔ yǎo zì rán dù shàng qǔ dé le lì gān jiàn yǐng de xiǎn zhù xiào guǒ.

Trải qua 3 tháng rèn luyện nghe nói đắm chìm chuyên sâu có hệ thống, các học viên đã đạt được hiệu quả rõ rệt tức thì về độ trôi chảy và ngữ điệu tự nhiên trong giao tiếp tiếng Trung.

17 nét

HÁN VIỆT · HIỆU QUẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#778

写作

xiě zuò

viết

老师鼓励大家积极写作，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiě zuò, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực viết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét

HÁN VIỆT · TẢ TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#779

心

xīn

tim, trái tim, tâm trí; tấm lòng tâm huyết

不忘初心，方得始终；我们要始终保持一颗对科学探索的赤子之心与求真精神。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; wǒ men yào shǐ zhōng bǎo chí yī kē duì kē xué tàn suǒ de chì zǐ xīn yǔ qíu zhēn jīng shén.

Không quên sơ tâm thì mới có được kết quả trọn vẹn; chúng ta cần luôn giữ vững một trái tim tấm lòng son trong sáng đối với thám hiểm khoa học cùng tinh thần cầu thị chân lý.

9 nét

HÁN VIỆT · TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#780

信封

xìn fēng

phong bì, bì thư

他小心翼翼地拆开装有国家重点实验室博士后录用通知书的特快专递大红色信封，心情无比激动。

Tā xiǎo xīn yì yì dì chāi kāi zhuāng yǒu guó jiǎ zhòng diǎn shí yàn shì bó shì hòu lù yòng tōng zhī shū de tè kuài zhuān dì dà hóng sè xìn fēng, xīn qíng wú bǐ jī dòng.

Anh cẩn thận bóc chiếc phong bì chuyển phát nhanh màu đỏ tươi đựng giấy báo tiếp nhận nghiên cứu sinh sau tiến sĩ của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, tâm trạng vô cùng xúc động bồi hồi.

23 nét

HÁN VIỆT · TÍN PHONG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#781

信任

xìn rèn

tin tưởng, tín nhiệm

人际交往与商务合作的牢固基石在于相互间的诚实守信与发自内心的真诚信任。

Rén jì jiāo wǎng yǔ shāng wù hé zuò de láo gù jī shí zài yú xiāng hù jiān de chéng shí shǒu xìn yǔ fā zì nèi xīn de zhēn chéng xìn rèn.

Nền tảng vững chắc trong giao thiệp nhân sinh và hợp tác kinh doanh nằm ở sự thành thật giữ chữ tín và niềm tin cậy chân thành xuất phát từ đáy lòng giữa đôi bên.

21 nét

HÁN VIỆT · TÍN NHÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#782

行李

xíng lǐ

hành lý, đồ đạc mang theo

高铁列车即将到达终点站，请各位旅客带齐随身携带的全部行李物品，准备有序下车。

Gāo tiě liè chē jí jiāng dào dá zhōng diǎn zhàn, qǐng gè wèi lǚ kè dài qí suí shēn xié dài de quán bù xíng lǐ wù pǐn, zhǔn bèi yǒu xù xià chē.

Đoàn tàu cao tốc sắp sửa tới ga cuối cùng, xin các hành khách hãy mang theo đầy đủ toàn bộ đồ đạc hành lý mang theo bên mình, chuẩn bị xuống xe theo trật tự.

20 nét

HÁN VIỆT · HÀNH LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#783

形成

xíng chéng

hình thành, tạo thành

经过数十年的持续深耕与产业链集聚，该国家级高新区已经形成了千亿级的半导体与集成电路产业集群。

Jīng guò shù shí nián de chí xù shēn gēng yǔ zhàn yè lián jī jù, gāi guó jiā jí gāo xīn qū yǐ jīng xíng chéng le qiān yì jī de bàn dǎo tǐ yǔ jī chéng diàn lù chǎn yè qún.

Trải qua hàng chục năm bám rễ sâu và tập trung chuỗi công nghiệp liên tục, khu công nghệ cao cấp quốc gia này đã hình thành nên cụm ngành công nghiệp bán dẫn và vi mạch tích hợp quy mô hàng trăm tỷ nhân dân tệ.

20 nét

HÁN VIỆT · HÌNH THÀNH



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#784

形式

xíng shì

hình thức, thể thức

在推进基层科普教育时，应当采用短视频、互动微课与科学实验秀等群众喜闻乐见的生动形式。

Zài tuī jìn jī céng kē pǔ jiào yù shí, yīng dāng cǎi yòng duǎn shí pín, hù dòng wēi kē yǔ kē xué shí yàn xiù děng qún zhòng xǐ wén lè jiàn de shēng dòng xíng shì.

Khi đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức khoa học ở cơ sở, cần áp dụng các hình thức sinh động mà người dân yêu thích như video ngắn, bài giảng tương tác và các buổi trình diễn thí nghiệm khoa học trực quan.

21 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#785

形象

xíng xiàng

hình tượng, hình ảnh; sinh động, trực quan

中国维和官兵在战乱冲突地区严格履职尽责、真诚关爱平民，树立了和平之师、正义之师的崇高良好形象。

Zhōng guó wéi hé guān bīng zài zhàn lùn chōng tū tǔ dì qū yán gé lǚ zhí jìn zé, zhēn chéng guān ài píng mǐn, shù lì le hé píng zhī shī, zhèng yì zhī shī de chóng gāo liáng hǎo xíng xiàng.

Các chiến sĩ gìn giữ hòa bình Trung Quốc tại các khu vực xung đột chiến loạn luôn tận tâm thực hiện nhiệm vụ, chân thành chăm lo cho dân thường, dựng xây nên hình tượng cao đẹp của một đội quân hòa bình, đội quân chính nghĩa.

24 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#786

形状

xíng zhuàng

hình dạng, hình dáng

新一代隐身战机采用了先进的气动外形布局与独特的菱形多面体雷达隐身外形形状设计。

Xīn yí dài yīn shēn zhàn jī cǎi yòng le xiān jìn de qì dòng wài xíng bù jú yǔ dú tè de líng xíng duō miàn tǐ dà yīn shēn wài xíng xíng zhuàng shè jì.

Máy bay chiến đấu tàng hình thế hệ mới áp dụng bố cục khí động học tiên tiến cùng thiết kế hình dáng bên ngoài tàng hình radar đa diện hình thoi vô cùng độc đáo.

19 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TRẠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#787

幸福

xìng fú

hạnh phúc

幸福并不在于拥有多少荣华富贵，而在于家人健康康、生活充实安宁、内心常怀感恩。

Xìng fú bìng bù zài yú yōng yǒu duō shǎo róng huá fù guì, ér zài yú jiā rén jiàn kāng ān níng, nèi xīn cháng huái gǎn ēn.

Hạnh phúc không nằm ở chỗ sở hữu bao nhiêu nhung lụa giàu sang phú quý, mà cốt lõi là người thân luôn khỏe mạnh, cuộc sống đủ đầy bình yên và trong tim luôn ngập tràn lòng biết ơn.

26 nét

HÁN VIỆT: HẠNH PHÚC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#788

幸运

xìng yùn

may mắn

在面对复杂的挑战时，保持幸运的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí xìng yùn de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái may mắn đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: HẠNH VẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#789

性

xìng

tính, tính chất (hậu tố); giới tính

在软件架构设计中，系统的稳定性、安全性以及高并发性是衡量其技术成熟度的三大核心指标。

Zài ruǎn jiàn jià gòu shè jì zhōng, xì tǒng de wěn dìng xìng, ān quán xìng yǐ jí gāo bìng fā xìng shì héng liáng qí jì shù chéng shú dù de sān dà hé xīn zhǐ biāo.

Trong thiết kế kiến trúc phần mềm, tính ổn định, tính bảo mật và khả năng mở rộng chịu tải cao là 3 chỉ số cốt lõi đo lường mức độ trưởng thành kỹ thuật của hệ thống.

11 nét

HÁN VIỆT: TÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#790

性别

xìng bié

giới tính

现代文明职场坚决倡导男女平等同工同酬，严厉杜绝任何形式的性别歧视与偏见。

Xià dài wén míng zhǐ chǎng jiǎn dué cháng dǎo nán nǚ píng děng tóng gōng tóng chóu, yán lì dù jué rèn hé xíng shì de xìng bié qī shì yǔ piān jiàn.

Môi trường công sở văn minh hiện đại kiên quyết đề cao bình đẳng giới nam nữ làm việc như nhau hưởng lương như nhau, triệt để bài trừ mọi hình thức phân biệt và định kiến giới tính.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH BIỆT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#791

性格

xìng gé

tính cách, tính tình

他性格豁达开朗、乐于助人，无论走到哪里都能迅速与身边的朋友打成一片。

Tā xìng gé huò dá kāi lǎng, lè yú zhù rén, wú lùn zǒu dào nǎ lǐ dōu néng xùn sù yǔ shēn biān de péng yǒu dǎ chéng yí piàn.

Anh ấy tính tình phóng khoáng cởi mở, nhiệt tình hay giúp đỡ mọi người, cho dù đi đến đâu cũng nhanh chóng hòa đồng gắn kết thân thiết với bạn bè xung quanh.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH CÁCH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#792

修

xiū

sửa chữa

老师鼓励大家积极修，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sửa chữa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: TU



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#793

修改

xiū gǎi

sửa đổi, chỉnh sửa, tu chỉnh

在广泛征求全国各界专家与社会公众意见的基础上，全国人大常委会对生态环境保护法律草案进行了科学修改完善。

Zài guǎng fàn zhēng qiú quán guó gè jiè zhuān jiā yǐ shè huì gōng zhòng yì jiàn de jī chǔ shàng, quán guó rén dà cháng wěi huì duì shēng tài huán jīng bǎo hù fǎ lǚ cǎo àn jìn xíng le kē xué xiū gǎi wán shàn.

Trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của các chuyên gia mọi giới và công chúng xã hội trên toàn quốc, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã tiến hành chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện dự thảo luật bảo vệ môi trường sinh thái một cách khoa học.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TU CẢI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#794

需求

xū qiú

nhu cầu, yêu cầu bức thiết

国家基础科学研究与科技创新紧密围绕国家重大战略需求与人民美好生活期待，全力突破前沿卡脖子技术。

Guó jiā jī chǔ kē xué yán jiū yǔ kē jì chuàng xīn jīn mǐ wéi rào guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yù rén mín měi hǎo shēng huó qī dài, quán lì tū pò qián yán qiǎ bó zǐ jī shù.

Đối với khoa học công nghệ và nghiên cứu khoa học cơ bản quốc gia bám sát các kỳ vọng về cuộc sống tươi đẹp của nhân dân cùng các nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước, dốc toàn lực đột phá các công nghệ nền tảng cốt lõi tiên phong.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : NHU CẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#795

需要

xū yào

cần

要想真正掌握一门外语的精髓，我们需要付出持之以恒的耐心与数千小时的浸润。

Yào xiǎng zhēnzhèng zhǎngwò yī mén wàiyǔ de jīngsuǐ, wǒmen xūyào fùchū chǐzhǐyǐhéng de nàixīn yǔ shù qiān xiǎoshí de jīnrùn.

Muốn thực sự làm chủ được tinh hoa của một ngoại ngữ, chúng ta cần phải bỏ ra sự kiên nhẫn bền bỉ cùng hàng ngàn giờ đắm chìm trong ngôn ngữ đó.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : NHU YÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#796

宣布

xuān bù

tuyên bố, công bố

当大会主持人正式宣布我国新一代人造太阳“中国环流三号”实现高约束模式运行成功时，全场响起雷鸣般的掌声。

Dāng dà huì zhǔ chí rén zhèng shì xuān bù wǒ guó xīn yí dài rén zào tài yáng "zhōng guó huán liú sān hào" shí xiàn gāo yuē shù mó shì yùn xíng chéng gōng shí, quán chǎng xiǎng qǐ léi míng bān de zhǎng shēng.

Khi người dẫn chương trình đại hội chính thức tuyên bố "Hoàn lưu Trung Hoa số 3" - mặt trời nhân tạo thế hệ mới của nước ta vận hành thành công ở chế độ giam hãm cao, toàn thể hội trường đã vang lên những tràng pháo tay giòn giã như sấm dậy.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TUYÊN BỐ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#797

宣传

xuān chuán

tuyên truyền, phổ biến quảng bá

全社会应当通过各种新媒体渠道广泛宣传国家网络安全法与反电信网络诈骗知识，全面提升公民的法治素养与防范意识。

Quán shè huì yīng dǎng tōng guò gè zhǒng xīn méi tǐ qǔ dào guǎng fàn xuān chuán guó jiā ān quán fǎ yǔ fǎn diàn jīng wǎng zhàn lüè zhī shí, quán miàn tí shēng gōng mǐn de fǎ zhì sù yǎng yǔ fáng fàn yì shí.

Toàn xã hội cần thông qua nhiều kênh truyền thông mới để tuyên truyền sâu rộng luật an ninh quốc gia và kiến thức phòng chống lừa đảo qua mạng viễn thông, nâng cao toàn diện ý thức pháp trị và cảnh giác phòng ngừa của công dân.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TUYÊN TRUYỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#798

选手

xuǎn shǒu

tuyển thủ, thí sinh vận động viên thi đấu

在世界职业技能大赛赛场上，我国青年选手以精益求精的大国工匠绝技力克全球顶尖强手，斩获多枚金牌。

Zài shì jiè zhí yè jī néng dà sài sài chǎng shàng, wǒ guó qīng nián xuǎn shǒu yǐ jīng yì jù jīng de dà guó gōng jiàng jué jì lì kè quán qiú dǐng jiān qiáng shǒu, zhǎn huò duō méi jīn pái.

Trên đấu trường Cuộc thi Kỹ năng Nghề Thế giới, các tuyển thủ thí sinh trẻ tuổi nước ta bằng tuyệt kỹ nghề nhân nước lớn tinh ích cầu tinh đã đánh bại các đối thủ hàng đầu toàn cầu, xuất sắc giành nhiều tấm huy chương vàng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TUYỂN THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#799

学费

xué fèi

học phí, tiền học

国家全面建立健全家庭经济困难学生资助保障体系，确保没有一名学生因交不起学费而失学。

Guó jiā quán miàn jiàn lì jiàn quán jiā jīng jīn kùn xué shēng zī zhù bǎo zhàng tǐ xì, què bǎo méi yǒu yī míng xué shēng yīn jiāo bù qǐ xué fèi ér shī xué.

Nhà nước xây dựng hoàn thiện toàn diện hệ thống bảo đảm hỗ trợ học sinh sinh viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bảo đảm không có một học sinh nào vì không nộp được học phí mà phải bỏ học.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : HỌC PHÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#800

血

xuè

máu, huyết

无偿献血是拯救垂危生命的高尚人道主义善举，传递着人间大爱与温暖。

Wú chāng xiàn xiě shì zhěng jiù chuí wēi shēng mìng de gāo shàng rén dào zhǔ yì shàn jǔ, chuán dì zhe rén jiān dà ài yǔ wēn nuǎn.

Hiến máu nhân đạo là nghĩa cử cao đẹp mang đậm tính nhân văn cứu giúp bao mảnh đời trong cơn nguy kịch, lan tỏa tình yêu thương và sự ấm áp trong cộng đồng.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : HUYẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#801

训练

xùn liàn

huấn luyện, rèn luyện, đào tạo

经过为期数月的高强度极限封闭式综合实战训练，应急救援特勤队员的专业搜救本领得到了全面跃升。

Jīng guò wéi qī shù yuè de gāo qiáng dù jī xiàn fēng bì shí zōng hé shí zhàn xùn liàn, yīng jí jiù yuán tè qín duì yuán de zhuān yè sōu jiù běn lǐng dé dào le quán miàn yuè shēng.

Trải qua nhiều tháng huấn luyện thực chiến tổng hợp khép kín cường độ cao ở mức giới hạn, kỹ năng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp của các chiến sĩ đặc nhiệm cứu hộ khẩn cấp đã được nâng tầm toàn diện.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HUẤN LUYỆN



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#802

压

yā

ép, nén, đè nén; áp lực áp suất

面对高强度的重大科研攻坚任务与紧迫的时间节点，全体科研骨干顶住压力、迎难而上。

Miàn duì gāo qiáng dù de zhòng dà kē yán gōng jiàn rèn wù yǔ jǐn pò de shí jiān jié diǎn, quán tǐ kē yán gǔ gàn yíng nán ér shàng.

Đứng trước các mốc thời gian gấp rút cùng nhiệm vụ vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại cường độ cao, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán đã chịu đựng đè nén áp lực, đón đầu khó khăn dũng cảm tiến lên.

10 nét

HÁN VIỆT: ÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#803

压力

yā lì

áp lực, sức ép

学会合理排解工作压力并保持积极乐观的心态，是维持身心长期健康的关键素养。

Xué huì hé lǐ pái jiě gōng zuò shēng huó yā lì bìng bǎo chí jī jí lè guān de xīn tài, shì wéi chí shēn xīn cháng qī jiàn kǎng de guān jiàn sù yǎng.

Biết cách giải tỏa áp lực công việc và cuộc sống một cách hợp lý đồng thời duy trì tâm thái tích cực lạc quan là tố chất then chốt để gìn giữ sức khỏe thể chất và tinh thần dài lâu.

18 nét

HÁN VIỆT: ÁP LỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#804

烟

yān

khói

在面对复杂的挑战时，保持烟的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí yān de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái khói đặc biệt quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: YÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#805

眼前

yǎn qián

trước mắt, trước mặt, hiện tại

登上泰山玉皇顶极目远眺，眼前重峦叠嶂、云海翻滚，令人油然而生登泰山而小天下的壮怀豪情。

Dēng shàng tài shān yù huáng dǐng jí mù yuǎn tiào, yǎn qián chóng luán dié zhàng, yún hǎi fān gǔn, lìng rén yóu rán ér shēng dēng tài shān ér xiǎo tiān xià de zhuàng huái háo qíng.

Trèo lên đỉnh Ngọc Hoàng trên núi Thái Sơn phóng tầm mắt nhìn ra xa, trước mắt muôn trùng non nước điệp trùng, biển mây cuộn trào, khiến lòng dâng lên niềm hào sảng tráng chí trèo lên đỉnh Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ bé.

26 nét

HÁN VIỆT: NHÃN TIỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#806

演

yǎn

diễn, biểu diễn, đóng vai; diễn xuất

艺术家们在舞台上精湛倾情地演出了多幕展现大国工匠精神的原创经典话剧，深深打动了全场观众。

Yì shù jiā men zài wǔ tái shàng jīng zhàn qīng qīng dì yǎn chū le duō mù zhǎn xiàn dà guó gōng jiàng jīng shén de yuán chuang jīng diǎn huà jù, shēn shēn dǎ dòng le quán chǎng guān zhòng.

Các nghệ sĩ trên sân khấu đã diễn biểu diễn hết mình đầy điều luyện nhiều màn kịch nói kinh điển nguyên tác phổ biến tinh thần nghệ nhân bậc thầy nước lớn, làm lay động sâu sắc toàn thể khán giả trong khán phòng.

10 nét

HÁN VIỆT: DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#807

演唱

yǎn chàng

hát, biểu diễn ca hát

青年合唱团在国家大剧院音乐厅里深情演唱了交响合唱套曲，赢得了全场热烈持久的掌声与喝彩。

Qīng nián hé chàng tuán zài guó jiǎ dà jù yuán yīn yuè tīng lǐ shēn qīng yǎn chàng le jiāo xiǎng hé chàng tào qǔ, yíng dé le quán chǎng rè liè chí jiǔ de zhǎng shēng yǔ hè cài.

Dàn hợp xướng thanh niên tại phòng hòa nhạc Nhà hát Lớn Quốc gia đã biểu diễn ca hát hát đầy truyền cảm bộ hợp xướng giao hưởng, nhận được những tràng pháo tay và lời tán thưởng nhiệt liệt kéo dài của cả khán phòng.

22 nét

HÁN VIỆT: DIỄN XƯỚNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#808

演唱会

yǎn chàng huì

buổi hòa nhạc ca hát, concert ca nhạc

在大型现代化奥林匹克体育场举办的万人新年公益演唱会上，多位知名青年歌手同台精彩献艺。

Zài dà xíng xià dài huà ào lín pǐ kè tǐ yù chǎng jǔ bàn de wàn rén xīn nián gōng yì yǎn chàng huì shàng, duō wèi zhī míng qīng nián gē shǒu tóng tái jīng cǎi xiàn yì.

Tại buổi hòa nhạc ca hát concert ca nhạc công ích đón năm mới vạn người tổ chức ở Sân vận động Olympic hiện đại hóa quy mô lớn, nhiều ca sĩ trẻ nổi tiếng đã cùng biểu diễn đặc sắc trên sân khấu.

35 nét

HÁN VIỆT: DIỄN XƯỚNG HỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#809

演出

yǎn chū

buổi biểu diễn, diễn xuất

国家大剧院今晚倾情上演的大型经典民族交响音画《丝绸之路》演出赢得了全场阵阵喝彩。

Guó jiǎ dà jù yuán jīn wǎn qīng qīng shàng yǎn de dà xíng jīng diǎn mín zú jiāo xiǎng yīn huà 《sī chóu zhī lù》yǎn chū yíng dé le quán chǎng zhēn zhēn hè cài.

Buổi biểu diễn bức tranh giao hưởng dân tộc kinh điển quy mô lớn 'Con đường tơ lụa' do Nhà hát Lớn Quốc gia dàn dựng tối nay đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng vang dội toàn khán phòng.

18 nét

HÁN VIỆT: DIỄN XUẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#810

演员

yǎn yuán

diễn viên, nghệ sĩ biểu diễn

这位德艺双馨的老艺术家演了一辈子话剧，塑造了无数深入人心、栩栩如生的经典舞台角色。

Zhè wèi dé yì shuāng xīn de lǎo yì shù jiǎ yǎn le yì bèi zì huà jù, sù zào liǎo wú shù shēn rù rén xīn, xǔ xǔ rú shēng de jīng diǎn wǔ tái jué sè.

Người nghệ sĩ lão thành tài đức vẹn toàn ấy đã cống hiến cả cuộc đời cho sân khấu kịch nói, khắc họa nên vô số hình tượng nhân vật kinh điển sống động in sâu vào trái tim công chúng.

22 nét

HÁN VIỆT: DIỄN VIÊN


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#811

羊

yáng

con cừu, con dê (dương)

在广袤辽阔的呼伦贝尔大草原上，成群的白羊如朵朵白云洒落在无边无际的绿茵草地上。

Zài guǎng mào liáo kuò de hū lǔn bèi ěr dà cǎo yuán shàng, chéng qún de bái yáng rú duǒ duǒ bái yún sǎ luò zài wú biān wú jì de lǜ yīn cǎo dì zhī shàng.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la rộng lớn, từng đàn con cừu trắng tựa như những đám mây trắng rải đều trên thảm cỏ xanh biếc trải dài vô tận.

10 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#812

阳光

yáng guāng

ánh nắng, ánh mặt trời, rạng rỡ

清晨温暖明媚的金色阳光穿透薄雾洒在阳台的绿植花卉上，唤醒了充满生机的一天。

Qīng chén wēn nuǎn míng mèi de jīn sè yáng guāng chuān tòu bó wù sǎ zài yáng tái de lǜ zhī huā huì shàng, huàn xǐng le chōng mǎn shēng jī de yī tiān.

Sáng sớm ánh nắng mặt trời vàng ấm áp rực rỡ xuyên qua làn sương mỏng rơi chiếu lên những chậu hoa cây cảnh ngoài ban công, đánh thức một ngày mới căng tràn sức sống.

21 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG QUANG

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#813

要是

yào shì

nếu như, nếu mà, ví thử

要是在科学探索的道路上遇到暂时的失败与挫折，千万不要灰心气馁，而要从中学取宝贵经验。

Yào shì zài kē xué tàn sù de dào lù shàng yù dào zàn shí de shī bài yǔ cuò zhé, qiǎn wàn bú yào huī xīn qì nǐ, ér yào cóng zhōng jí qǔ bǎo guì jīng yàn.

Nếu như trên con đường thám hiểm khoa học có gặp phải thất bại hay vấp ngã nhất thời, muồn vãn lần chớ nên nản lòng thoái chí, mà phải biết rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ đó.

21 nét

HÁN VIỆT : YÊU THỊ

HSK 3 (3.0)

Liên từ / Cụm từ

#814

一方面

yì fāng miàn

một mặt, một phương diện

在推进现代化产业体系建设中，我们一方面要改造提升传统产业，另一方面要培育壮大新兴未来产业。

Zài tuī jìn xià dài huà chǎn yè tǐ xì jiàn shè zhōng, wǒ men yì fāng miàn yào gǎi zào tí shēng chuán tǒng chǎn yè, líng yì fāng miàn yào péi yù zhuàng dà xīn xīng wèi lái chǎn yè.

Trong quá trình thúc đẩy xây dựng hệ thống ngành công nghiệp hiện đại hóa, một mặt chúng ta phải cải tạo nâng cấp các ngành công nghiệp truyền thống, mặt khác phải nuôi dưỡng phát triển các ngành mới nổi trong tương lai.

31 nét

HÁN VIỆT : NHẤT PHƯƠNG DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#815

一切

yī qiè

tất cả, mọi thứ, toàn bộ

只要心中怀揣明确坚定的理想信念并脚踏实地地奋斗，生活中的一切艰难险阻终将被踩在脚下。

Zhǐ yào xīn zhōng huái míng què jiān dìng de lǐ xiǎng xīn niàn bīng jiǎo tà shí dì fèn dòu, shēng huó zhōng de yī qiè jiǎn nán xiǎn zǔ zhōng jiāng bèi cǎi zài jiǎo xià.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ niềm tin và lý tưởng rõ ràng kiên định đồng thời nỗ lực phấn đấu vững vàng, mọi chông gai trắc trở trong cuộc sống rồi cũng sẽ bị khuất phục dưới chân.

26 nét

HÁN VIỆT : NHẤT TIẾP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#816

衣架

yī jià

móc treo quần áo, giá treo đồ

他把熨烫得平平整整的白衬衫挂在木质衣架上，整齐地放入衣柜中准备明天参加学术报告。

Tā bǎ yùn tàng de píng píng zhěng zhěng de bái chèn shān guà zài mù zhì yī jià shàng, zhěng qí dì fàng rù yī guì zhōng zhǔn bèi míng tiān cān jiā xué shù bào gào.

Anh ấy treo chiếc áo sơ mi trắng đã được là phẳng phiu ngay ngắn lên chiếc móc treo quần áo bằng gỗ, cất gọn gàng vào tủ quần áo chuẩn bị cho buổi báo cáo học thuật ngày mai.

28 nét

HÁN VIỆT : Y GIÁ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#817

已

yǐ

đã, đã từng (viết tắt của 已经)

经过全国建设者数年的艰苦奋斗，国家重大深空测控枢纽大科学工程目前已顺利投入常态化运行。

Jīng guò quán guó jiàn shè zhě shù nián de jiān kǔ fèn dòu, guó jiā zhòng dà shēn kōng kòng zhòng dà kē xué gōng chéng mù qián yǐ shùn lì tóu rù cháng huà yùn xíng.

Trải qua nhiều năm chiến đấu gian khổ của những người xây dựng trên toàn quốc, công trình khoa học lớn đầu mỗi đo đạc điều khiển không gian sâu trọng đại quốc gia hiện nay đã thuận lợi đưa vào vận hành thường xuyên.

13 nét

HÁN VIỆT : DĨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#818

以来

yǐ lái

từ đó đến nay, từ khi... đến nay

党的十八大以来，我国生态文明建设发生了历史性、转折性、全局性变化，天更蓝、山更绿、水更清。

Dǎng de shí bā dà yǐ lái, wǒ guó shēng tài wén míng jiàn shè fā shǐ xīng, zhuǎn zhé xīng, quán jú xìng biàn huà, tiān gèng lán, shān gèng lǜ, shuǐ gèng qīng.

Từ Đại hội XVIII của Đảng đến nay, công cuộc xây dựng văn minh sinh thái nước ta đã diễn ra những đổi thay mang tính lịch sử, mang tính bước ngoặt và mang tính toàn cục: bầu trời xanh hơn, núi đồi xanh hơn và sông ngòi trong lành hơn.

20 nét

HÁN VIỆT : DĨ LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#819

艺术

yì shù

nghệ thuật

真正的伟大艺术源于对真实生活的深切体悟与提炼，具有跨越国界与时空的永恒精神感染力。

Zhēn zhèng de wēi dà yì shù yuán yú duì zhēn shí shēng huó de shēn qiè tǐ wù yǔ tí liàn, jù yǒu kuà yuè guó jiè yǔ shí kōng de yǒng héng jīng shén gǎn rǎn lì.

Nghệ thuật chân chính vĩ đại bắt nguồn từ sự chiêm nghiệm và đúc kết sâu sắc từ cuộc sống hiện thực, mang sức truyền cảm tình thần trường tồn vượt qua mọi ranh giới quốc gia và thời gian.

25 nét

HÁN VIỆT : NGHỆ THUẬT



HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#820

意外

yì wài

bất ngờ, ngoài ý muốn; tai nạn bất ngờ

在精密化学合成实验中，一次偶然的升温意外反而让科研人员惊喜地合成出了一种全新的超导晶体材料。

Zài jīng mì huà xué hé chéng shí yàn zhōng, yí cì ǒu rán de shēng wēn yì wài fǎn ràng kē yán yuán rén yuán jīng xǐ de hé chéng chū le yí zhǒng quán xīn de chāo dǎo jīng tǐ cái liào.

Trong một đợt thực nghiệm tổng hợp hóa học chính xác, sự cố tăng nhiệt ngoài ý muốn do ngẫu nhiên lại bất ngờ giúp các nhà nghiên cứu tổng hợp nên một loại vật liệu tinh thể siêu dẫn hoàn toàn mới mẻ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: Ý NGOẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#821

意义

yì yì

ý nghĩa, giá trị

国家太空实验室的全面建成并投入长期常态化科学应用，对人类探索浩瀚太空具有划时代的重大战略意义。

Guó jiā tài kōng shí yàn shì de quán miàn jiàn chéng bìng tóu rù cháng qī cháng tài huà kē xué yīng yòng, duì rén lèi tàn suǒ hào hàn tài kōng jù yǒu huà shí dài de zhòng dà zhàn lüè yì yì.

Việc phòng thí nghiệm không gian quốc gia được hoàn thành toàn diện và đưa vào ứng dụng khoa học thường thái lâu dài sở hữu ý nghĩa chiến lược trọng đại mang tính bước ngoặt thời đại đối với sự nghiệp thám hiểm không gian bao la của nhân loại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: Ý NGHĨA

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#822

因此

yīn cǐ

do đó, vì thế, cho nên

由于该新型锂电池采用了革命性的固态电解质技术，因此在能量密度与低温耐受性上实现了质的飞跃。

Yóu yú gāi xīn xíng lì diàn chí cǎi yòng le gé mìng xíng de gù tài diàn jiě zhì zhì shù, yīn cǐ zài néng liàng mì dù yǔ dī wēn nài shòu xìng shàng shí xiàn le zhì dì fēi yuè.

Nhờ loại pin lithium thế hệ mới này áp dụng công nghệ chất điện phân thể rắn mang tính cách mạng, do đó mật độ năng lượng và khả năng chịu nhiệt độ âm đã có bước nhảy vọt về chất.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#823

银

yín

bạc (kim loại); màu bạc, tiền bạc

冬雪过后，巍峨壮丽的万里长城披上了银装素裹的盛装，蜿蜒在崇山峻岭之巅，气势磅礴。

Dōng xuě guò hòu, wēi é zhuàng lì de wàn lǐ cháng chéng pī shàng le yín zhuāng sù guǒ de shèng zhuāng, wǎn yán zài chóng shān jùn lǐng zhī diǎn, qì shì páng bó.

Sau trận tuyết mùa đông, Vạn Lý Trường Thành hùng vĩ tráng lệ khoác lên mình tấm áo màu bạc tinh khôi như dải lụa bạc, uốn lượn khúc trên đỉnh núi non trùng điệp, khí thế dồi non lấp biển.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: NGÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#824

银牌

yín pái

huy chương bạc, giải bạc

在世界青年技能大赛精密数控加工项目中，我国青年选手沉着应战，荣获一枚宝贵的银牌。

Zài shì jiè qīng nián jì néng dà sài jīng mì shù kòng jiǎ gōng xiàng mù zhōng, wǒ guó qīng nián xuǎn shǒu chén zhùo yìng zhàn, róng huò yí méi bǎo guì de yín pái.

Trong hạng mục gia công điều khiển số chính xác (CNC) tại Cuộc thi Kỹ năng Thanh niên Thế giới, tuyển thủ trẻ tuổi nước ta đã bình tĩnh thi đấu, vinh dự đoạt một tấm huy chương bạc giải quý giá.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NGÂN BÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#825

印象

yìn xiàng

ấn tượng

他那谦逊有礼的绅士谈吐、扎实过硬的专业素养给在场所有面试官留下了极其深刻美好的第一印象。

Tā nà qiān xùn yǒu lǐ de shēn shì tán tǔ, zhā shí guò yìng de zhuān yè sù yǎng gěi zài chǎng suǒ yǒu miàn shì guān liú xià le jí qí shēn kè měi hǎo de dī yí yìn xiàng.

Phong thái nói chuyện lịch thiệp khiêm tốn cùng trình độ chuyên môn vững vàng của anh ấy đã để lại ấn tượng ban đầu vô cùng sâu sắc và tốt đẹp trong lòng tất cả các giám khảo phỏng vấn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ẨM TƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Động từ năng nguyện

#826

应当

yīng dāng

nên, phải, cần phải (bổn phận)

新时代青年学子应当胸怀大局、志存高远，把个人的青春抱负融入到实现科技强国的伟大实践中。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ yīng dāng xiōng huái dà jú, zhì cún gāo yuǎn, bǎ gè rén de qīng chūn bào fù róng rù dào shí xiàn kē jì qiáng guó de wēi dà shí jiàn zhōng.

Các bạn học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới nên cần phải mang trong mình hoài bão lớn, nhìn bao quát đại cục, hòa nhập khát vọng thanh xuân của bản thân vào thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ỨNG ĐƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#827

应用

yìng yòng

ứng dụng, áp dụng; mang tính ứng dụng

推动前沿基础科学研究成果向现实生产力高效转化，加快先进技术在大规模工业制造场景中的深度落地应用。

Tuī dòng qián yán jī chǔ kē xué yán jiū chéng guǒ xiàng xiàn shí shēng lì gāo xiào zhuǎn huà, jiā kuài xiān jìn jì shù zài dà guǎo gōng yè zhǎn jǐng zhōng de shēn dù luò dì yìng yòng.

Thúc đẩy các thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong chuyển hóa hiệu quả cao thành sức sản xuất hiện thực, đẩy nhanh việc ứng dụng sâu rộng các công nghệ tiên tiến vào các kịch bản chế tạo công nghiệp quy mô lớn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ỨNG DỤNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#828

迎接

yíng jiē

ngheh đón, đón chào, đón nhận

我们要以只争朝夕的拼搏姿态与坚韧不拔的必胜信念，全力迎接新一轮科技革命与产业变革的伟大浪潮。

Wǒ men yào yǐ zhǐ zhēng zhāo xī de pīn bó zī tài yǔ jiān rèn bù bá de bì shèng xìn niàn, quán lì yíng jiē xīn yí lún kē jì gé mìng yǔ chǎn yè biàn gé de wēi dà làng cháo.

Chúng ta cần lấy tâm thế chiến đấu tranh thủ từng phút từng giây cùng niềm tin tất thắng kiên cường bất khuất để dốc toàn lực đón chào làn sóng vĩ đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi công nghiệp mới.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NGHEH TIẾP



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#829

营养

yíng yǎng

dinh dưỡng, chất dinh dưỡng

国家实施农村义务教育学生营养改善计划, 切实保障了数千万乡村中小学生的体质健康与全面成长。

Guójiā shíshī nóngcūn yìwù jiàoyù xuéshēng yíngyǎng gǎishàn jìhuà, qièshí bǎozhàng le shùqiān wàn xiāng cūn zhōng xiǎo xuéshēng de tǐzhì jiànkāng yǔ quán miàn chéngzhǎng.

Nhà nước thực thi để án cải thiện dinh dưỡng học sinh giáo dục bắt buộc nông thôn, bảo đảm thiết thực cho thể chất khỏe mạnh và sự trưởng thành toàn diện của hàng chục triệu học sinh tiểu học và trung học nông thôn.

27 nét

HÁN VIỆT: DOANH DƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#830

赢

yíng

thắng, giành thắng lợi, thu phục

在激烈的市场竞争中, 只有依靠过硬的产品品质与真诚的售后服务才能真正赢得客户的长期信赖。

Zài jīliè de shìchǎng jìngzhēng zhōng, zhǐ yǒu yǐ kǎo guò yìng de chǎn pǐn pǐnzhì yǔ zhēnchéng de shòuhòu fúwù cái néng zhēnzhèng yíng dé kèhù de chángqī xìnài.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, chỉ có dựa vào chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ hậu mãi tận tâm mới thực sự chiếm trọn được niềm tin lâu dài của khách hàng.

12 nét

HÁN VIỆT: DOANH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#831

影视

yǐngshì

điện ảnh và truyền hình, phim ảnh

我国优秀的影视文艺工作者扎根时代沃土, 创作出了一大批深受海内外观众喜爱的经典影视精品力作。

Wǒguó yōuxiù de yǐngshì wénì gōngzuò zhě gēn zǔo zhē zhā gēn shí dài wò tǔ, chuàngzào zuò chū le yī dà pī shēn shòu hǎi nèi wài guānzhòng xǐ ài de jīng diǎn yǐngshì jīng pǐn lì zuò.

Những người làm công tác văn nghệ điện ảnh và truyền hình phim ảnh xuất sắc của nước ta đã cắm rễ vào mảnh đất màu mỡ của thời đại, sáng tác nên một loạt các tác phẩm tinh hoa kinh điển được đồng đồng đảo khán giả trong và ngoài nước yêu thích.

23 nét

HÁN VIỆT: ẢNH THỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#832

优点

yōudiǎn

ưu điểm, điểm mạnh

在团队合作中, 我们要学会善于发现并包容每个人的独特优点, 实现优势互补、聚力共赢。

Zài tuándì hé zuò zhōng, wǒmen yào xué huì shàn yú fāxiàn bìng bāoróng měi gè rén de dútè yōudiǎn, shíxiàn yōu shì hù bǔ, jù lì gòng yíng.

Trong làm việc nhóm, chúng ta cần học cách phát hiện và tôn vinh những ưu điểm độc đáo của từng cá nhân để tương hỗ bù đắp thế mạnh cho nhau, cùng chung sức gặt hái thành công.

23 nét

HÁN VIỆT: ƯU ĐIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#833

优势

yōushì

ưu thế, thế mạnh, vị thế vượt trội

我国依托完备齐全的工业制造门类、超大规模国内市场与丰富的人才资源, 构筑起了坚实而强大的综合竞争优势。

Wǒguó yītuō wánbèiqián de gōngyè zhìzào ménlèi, chāo dà guīmó guó nèi shìchǎng yú fēngfù de rén cái zī yuán, gòu zhù qǐ le jiān shí ér qiáng dà de zōng hé jìngzhēng yōu shì.

Nước ta dựa vào các phân ngành công nghiệp chế tạo hoàn chỉnh đầy đủ trọn gói, thị trường nội địa siêu quy mô cùng nguồn tài nguyên nhân tài phong phú đã gây dựng nên ưu thế cạnh tranh tổng hợp vô cùng vững chắc và hùng mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: ƯU THẾ

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ

#834

由

yóu

do, bởi, từ (nguyên nhân/nguồn gốc/người thực hiện)

由战略科学家领衔的重大科技攻坚团队夜以继日奋战, 成功突破了卡脖子关键核心技术瓶颈。

Yóuzhàn lüè kē xué jiǎ líng xián de zhòng dà kē jì gōngjiàn tuándì yè yǐ jì rì fēnzhàn, chénggōng tú pò le kǎ bó zǐ guān jiàn hé xīn jì shù píngjǐng.

Nhóm vượt khó khoa học công nghệ trọng đại do nhà khoa học chiến lược dẫn dắt đã ngày đêm chiến đấu, đột phá thành công nút thắt công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai.

14 nét

HÁN VIỆT: DO

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#835

由于

yóuyú

do, bởi vì, vì

由于受突发强对流暴雨天气影响, 原定于今晚起飞的国际航班将推迟到明早出发。

Yóuyú shòu tū fā qiáng duì liú bào yǔ tiān qì yǐngxiǎng, yuándìng yú jīn wǎn qǐ fēi de guó jì hángbān tuī chí dào míng zǎo chū fā.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa dông đối lưu cực đoan bất ngờ ập đến, chuyến bay quốc tế dự kiến cất cánh tối nay sẽ được lùi lại vào sáng sớm mai.

28 nét

HÁN VIỆT: DO VU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#836

邮件

yóujiàn

thư từ, bưu kiện, bưu phẩm

现代智能邮政物流系统实现了全国特快邮件全流程自动分拣与二十四小时精准高效送达。

Xiàndài zhìnéng yóuzhèng wùliú xìtǒng shíxiàn le quán guó tèkuài yóujiàn quán liú chéngqú dòng fēnjǎn yǔ èrshísì shí xiǎo shí jīngzhǔn gāo xiào sòng dá.

Hệ thống logistics bưu chính thông minh hiện đại đã thực hiện việc phân loại tự động toàn bộ quy trình và vận chuyển phát bưu phẩm thư từ chuyển phát nhanh chính xác hiệu quả cao trong 24 giờ trên toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: BƯU KIẾN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#837

邮票

yóupiào

con tem, tem bưu chính

国家邮政局特别发行了一套生动展现我国载人航天三十年辉煌成就的特种纪念邮票。

Guójiā yóuzhèng jú tè bié fā xíng le yī tào shēng dòng zhǎn xiàn wǒ guó zài rén háng tiān sān shí nián huī huáng chéng jiù de tè zhǒng jì niàn yóupiào.

Cục Bưu chính Quốc gia đã phát hành đặc biệt một bộ tem bưu chính con tem kỷ niệm đặc chủng phô diễn sinh động những thành tựu huy hoàng suốt ba mươi năm hàng không vũ trụ có người lái của nước ta.

17 nét

HÁN VIỆT: BƯU PHIẾU



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#838

邮箱

yóuxiāng

hòm thư, hộp thư điện tử (email)

请各位参会代表在截止日期前将学术论文终稿与演讲幻灯片发送至大会官方学术指定邮箱。

Qǐng gè wèi cān huì dài biǎo zài jié zhǐ rì qī qián jiāng xué shù lùn wén zhōng gǎo yǔ yǎn jiǎng huàn dēng piàn fā sòng zhì dà huì guān fāng xué shù zhǐ dīng yóu xiāng.

Xin các đại biểu tham dự hội nghị gửi bản thảo cuối cùng của luận văn học thuật cùng bài thuyết trình slide tới hộp thư hòm thư học thuật chính thức được chỉ định của đại hội trước ngày hết hạn.

21 nét

HÁN VIỆT: BƯU RƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#839

游

yóu

bơi (lội); đi du ngoạn tham quan;
dòng (thượng du)

在清澈见底的天然湖泊生态湿地中，成群的珍稀鱼类在水草丛中欢快地游来游去。

Zài qīng chè jiàn dǐ de tiān rán hú pō shēng tài shí dì zhōng, chéng qún de zhēn xī yú lèi zài shuǐ cǎo zhōng huān kuài de yóu lái yóu qù.

Bên trong vùng đất ngập nước sinh thái hồ tự nhiên nước trong vắt nhìn thấu đáy, từng đàn cá quý hiếm đang vui vẻ bơi lội bơi qua bơi lại giữa những rặng rong rêu.

14 nét

HÁN VIỆT: DU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#840

游戏

yóu xì

trò chơi

适当体验富有创意的益智策略类游戏不仅能放松身心，还能锻炼逻辑思维与团队协作能力。

Shìdàng tīyàn fùyǒu chuàngyì de yìzhì cèlùè lèi yóuxì bǔjìn néng fàngsōng shēnxīn, hái néng duànliàn luójī sīwéi yǔ tuánduì xiézuò nénglì.

Trải nghiệm các trò chơi chiến thuật trí tuệ giàu tính sáng tạo một cách điều độ vừa giúp thư giãn tinh thần lại rèn luyện tư duy logic và kỹ năng làm việc nhóm.

23 nét

HÁN VIỆT: DU HÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#841

游泳

yóuyóǒng

bơi lội

我夏天喜欢去游泳。

Wǒ xiàtiān xǐhuan qù yóuyóǒng.

Mùa hè tôi thích đi bơi.

25 nét

HÁN VIỆT: DU VỊNH

HSK 3 (3.0)

Cụm từ / Tính từ

#842

有的是

yǒudeshì

có thừa, có rất nhiều, không thiếu gì

在祖国广袤的大地上，青年人施展才华、建功立业的大好舞台和机遇有的是，关键在于脚踏实地奋斗。

Zài zǔ guó guǎng mào de dà dì shàng, qīng nián rén shīzhǎn cái huá, jiàn gōng lì yè de dà hào wǔ tái hé jī yù yǒu de shì, guān jiàn zài yú jiǎo tà shí dì fèn dòu.

Trên mảnh đất bao la của Tổ Quốc, cơ hội và vũ đài tuyệt vời để thanh niên thi thố tài năng, lập công dựng nghiệp thì có thừa có rất nhiều không thiếu gì, điều then chốt nằm ở sự phấn đấu chân thật vững vàng.

27 nét

HÁN VIỆT: HỮU ĐÍCH THỊ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#843

有利

yǒulì

có lợi, thuận lợi, có ích

全面深化改革与进一步扩大高水平对外开放，为民营企业高质量发展营造了极其稳定、公平、透明的有利营商环境。

Quán miàn shēn huà gǎi gé yǔ jìn yí bù dà xuān fàng, wèi mǐn yíng qǐ yè gāo zhì liàng fā zhǎn yíng zào le jí qí wěn dìng, gōng píng, tòu míng de yǒu lì yíng jīng huán jīng.

Đi sâu cải cách toàn diện và tiếp tục mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao đã kiến tạo nên môi trường kinh doanh thuận lợi vô cùng ổn định, công bằng và minh bạch cho sự phát triển chất lượng cao của đồng đảo các doanh nghiệp tư nhân.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU LỢI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#844

有效

yǒuxiào

có hiệu lực, hiệu quả, có tác dụng

这种结合了大数据人工智能与精细化管理的新型节水灌溉技术，在干旱地区取得了显著有效的节水增产成果。

Zhè zhǒng jié hé le dà shù rén gōng zhì néng yǔ jīng xì huà guǎn lǐ de xīn xíng jié shuǐ guǎn gài jì shù, zài gān hàn dì qū qǔ dé le xiǎn zhù yǒu xiào de jié shuǐ zēng chǎn chéng guǒ.

Kỹ thuật tưới tiêu tiết kiệm nước kiểu mới kết hợp giữa quản lý tinh tế và trí tuệ nhân tạo dữ liệu lớn này đã đạt được thành quả tăng năng suất và tiết kiệm nước hiệu quả có tác dụng rõ rệt tại các vùng khô hạn.

17 nét

HÁN VIỆT: HỮU HIỆU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#845

预报

yù bào

dự báo, tin dự báo

依托新一代风云气象卫星星座与超级计算机高精度数值天气预报系统，我国对流极端天气的预警提前量大幅增加。

Yī tuō xīn yí dài fēng yún qì xiàng wéi xīng xīng zuò yǔ chāo jí jì suàn jī gāo jīng dù shù zhí tiān qì yù bào xì tǒng, wǒ guó qiáng dòng jí duān tiān qì de yù jǐng tí qián liàng dà fú zēng jiā.

Dựa vào chòm sao vệ tinh khí tượng Phong Vân thế hệ mới cùng hệ thống dự báo thời tiết số phân giải cao trên siêu máy tính, thời gian cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan đối lưu mạnh của nước ta đã tăng lên đáng kể.

25 nét

HÁN VIỆT: DỰ BÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#846

预防

yù fáng

phòng ngừa, để phòng, dự phòng

国家公共卫生健康事业坚持以“预防为主、防治结合”为核心方针，构筑起守护人民生命健康的坚强防线。

Guó jiā gōng gòng wèi shēng jiàn kāng shì yè jiān chí yǐ "yù fáng wéi zhǔ, fáng zhì jié hé" wéi hé xīn fāng zhēn, gòu zhù qǐ shǒu hù rén mǐn shēng mìng jiàn kāng de jiān qióng fáng xiàn. Sự nghiệp sức khỏe y tế công cộng quốc gia kiên định phương châm cốt lõi 'Lấy phòng bệnh làm chính, kết hợp chặt chẽ giữa phòng và trị', dựng xây nền phòng tuyến vững chắc bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân.

27 nét

HÁN VIỆT: DỰ PHÒNG



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#847

预计

yù jì

dự kiến, ước tính, dự tính

经过紧张有序的施工建设，国家级大科学装置实验室预计将于今年年底全面交付投入科研运行。

Jīng guò jīn zhāng yǒu xù de shī gōng jiàn shè, guó jiā jí dà kē xué zhuāng zhì shí yàn shì yù jì jiāng yú jīn nián nián dǐ quán miàn jiāo fù tóu rù kē yán yùn xíng.

Trải qua quá trình thi công xây dựng khẩn trương có trật tự, phòng thí nghiệm dưới lòng đất sâu thuộc thiết bị khoa học lớn cấp quốc gia dự kiến dự tính sẽ bàn giao toàn diện đưa vào vận hành nghiên cứu khoa học vào cuối năm nay.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: DỰ KẾ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#848

预习

yù xí

xem trước bài, chuẩn bị bài trước

养成课前认真预习生词与重点语法例句的好习惯，能够让课堂听讲效率成倍提升。

Yǎng chéng kè qián rèn zhēn yù xí shēng cí yǔ zhòng diǎn yǔ fà lì jù de hǎo xí guān, néng gòu ràng kè táng tīng jiǎng xiào lǚ chéng bèi tí shēng.

Rèn luyện thói quen tốt chủ động soạn bài xem trước từ mới và các ví dụ ngữ pháp trọng tâm trước giờ lên lớp sẽ giúp nâng cao gấp bội hiệu quả tiếp thu bài giảng trên lớp.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: DỰ TẬP

HSK 3 (3.0)

Hậu tố danh từ / Danh từ

#849

员

yuán

thành viên, nhân viên, cán bộ

作为国家重大科研攻关团队的核心成员，青年研究员勇挑重担、敢打硬仗，攻克了多项关键技术瓶颈。

Zuò wéi guó jiā zhòng dà kē yán gōng guān tuán duì de hé xīn chéng yuán, qīng nián yán jiū yuán yǒng tiǎo zhòng dàn, gǎn dǎ yìng zhàng, gōng kè le duō xiàng guān jiàn jī shù píng jǐng.

Với tư cách là thành viên cốt cán của nhóm xung kích nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, người nghiên cứu viên trẻ tuổi dũng cảm gánh vác trọng trách, dám đánh những trận đánh cam go, chinh phục nhiều nút thắt công nghệ then chốt.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: VIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#850

员工

yuángōng

nhân viên, cán bộ công nhân viên

高新技术企业全面推行股权激励机制，充分激发了全体科技研发员工的创新创造活力与归属感。

Gāo xīn jì shù qì yè quán miàn tuī xíng gǔ quán jī lì jī zhì, chōng fèn jī fā le quán tǐ kē jì yán fā yuán gōng de chuàng xīn chuàng zào zào huó lì yǔ guī shǔ gǎn.

Doanh nghiệp công nghệ cao mới triển khai toàn diện cơ chế khích lệ bằng cổ phần, khơi dậy mạnh mẽ cảm giác gắn bó cùng sức sống đổi mới sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên nhân viên nghiên cứu phát triển công nghệ.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: VIÊN CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#851

愿望

yuàn wàng

nguyện vọng, ước nguyện, mong muốn

让广大人民群众过上更加幸福、富裕、美好的现代化新生活，是我们党矢志不渝的崇高奋斗目标。

Ràng guāng dà rén mín qún zhòng guò shàng gèng jiā xìng fú, fù yù, měi hǎo de xiān dài huà xīn shēng huó, shì wǒ men dǎng shǐ zhì bù yǔ de chóng gāo fèn dòu yuàn wàng.

Giúp đông đảo quần chúng nhân dân có được cuộc sống mới hiện đại hạnh phúc hơn, sung túc hơn và tươi đẹp hơn là nguyện vọng phấn đấu cao cả kiên định sắt son của Đảng chúng ta.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆN VỌNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#852

约

yāo

khoảng

老师鼓励大家积极约，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yuē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực khoảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: YÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#853

运输

yùn shū

vận chuyển, chuyên chở, vận tải

横贯欧亚大陆的中欧班列成为亚欧各国构建起了一条全天候、大运量、绿色低碳的国际铁路大通道综合运输网络。

Héng guān ōu yà dà lù de zhōng ōu bān liè wéi yà ōu gè guó gòu jiàn qǐ le yī tiáo quán tiān hòu, dà yùn liàng, lǜ sè dī tàn de guó jì tiě lù dà tōng dào zōng hé yùn shū wǎng lù.

Các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu vắt ngang lục địa Á - Âu đã xây dựng nên một mạng lưới vận chuyển tổng hợp hành lang đường sắt quốc tế xanh ít phát thải, khối lượng vận chuyển lớn suốt 24/7 cho các nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: VẬN THẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#854

杂志

zá zhì

tạp chí, báo san

这本享誉全球的国际前沿科技学术杂志，每月都会刊发多篇为世界一流顶尖科学家撰写的重磅综述。

Zhè běn xiāng yù quán qiú de guó jì qián yán kē jì xué shù zá zhì, měi yuè dū huì kǎn fā duō piān yóu shì jiè yì liú dīng jiān kē xué jiā zhuān xiě de zhòng bàng zōng shù.

Cuốn tạp chí học thuật công nghệ tiên phong lừng danh toàn cầu này hàng tháng đều xuất bản nhiều bài tổng quan chuyên sâu do các nhà khoa học hàng đầu thế giới chấp bút.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TẠP CHÍ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#855

早已

zǎo yǐ

đã từ lâu, sớm đã (từ trước đó)

科研攻坚团队早就做好了万全准备，各项应急预案早已推演完毕，确保工程万无一失。

Kē yán gōng jiān tuán duì zǎo jiù zuò hào le wàn quán yǎn àn zǎo yǐ tuī yǎn wán bì, què bǎo gōng chéng wàn wú yī shī.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học đã chuẩn bị sẵn sàng vẹn toàn từ trước, mọi phương án ứng phó khẩn cấp sớm đã từ lâu diễn tập hoàn tất, bảo đảm công trình an toàn tuyệt đối không một sai sót.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TẢO DĨ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#856

造
zào

làm

老师鼓励大家积极造, 勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zào, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#857

造成
zào chéng

gây nên, tạo thành, dẫn đến (hậu quả)

在深海油气勘探开采过程中, 必须严格杜绝原油泄漏事故发生, 避免对脆弱的海洋生态环境造成不可逆的破坏。

Zài shēn hǎi yóu qì kǎn tàn kāi cái guò chéng zhōng, bì xū yán gé dù jué yuán yóu xiè lòu shì gù fā shēng, bì miǎn duì cuì ruò de hǎi yáng shēng tài huán jīng zào chéng bù kě nì de pò huài.

Trong quá trình thăm hiểm và khai thác dầu khí biển sâu, bắt buộc phải ngăn chặn triệt để sự cố tràn dầu thô, tránh gây ra những tổn hại không thể đảo ngược đối với môi trường sinh thái đại dương dễ bị tổn thương.

24 nét

HÁN VIỆT: TẠO THÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#858

责任
zé rèn

trách nhiệm, nghĩa vụ

保护绿水青山、守护地球家园, 是当代人类对子孙后代生存发展必须肩负起的重大历史责任。

Bǎo hù lǜ shuǐ qīng shān, shǒu hù dì qiú jiā yuán, shì dāng dài rén lèi duì zǐ sūn hòu dài shēng fā zhǎn bì xū jiān fù qǐ de zhòng dà lì shǐ zé rèn.

Bảo vệ non xanh nước biếc, giữ gìn ngôi nhà chung Trái Đất là trách nhiệm lịch sử lớn lao mà thế hệ hôm nay phải gánh vác vì sự sinh tồn và phát triển của muôn đời sau.

23 nét

HÁN VIỆT: TRÁCH NHÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#859

增加
zēng jiā

tăng lên, gia tăng, bổ sung

企业通过持续加大研发投入与引进国际拔尖人才, 核心专利拥有量实现了显著增加。

Qǐ yè tōng guò chí xù jiā dà yán fā zī jīn tóu rù yǔ yǐn jìn guó jì bá jiān rén cái, hé xīn zhān lì yǒng yǒu liàng yǐn yǒng yǒu liàng shí xiàn le xiǎn zhù zēng jiā.

Doanh nghiệp thông qua việc liên tục tăng cường rót vốn đầu tư cho R&D và thu hút nhân tài xuất chúng quốc tế đã giúp số lượng bằng sáng chế độc quyền cốt lõi tăng lên rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TĂNG GIA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#860

增长
zēng zhǎng

tăng trưởng, mở mang, nâng cao

读万卷书不如行万里路, 广泛的跨国游学与社会实践能够极大增长青年学子的见识与阅历。

Dú wàn juàn shū bù rú xíng wàn lǐ lù, guǎng fàn de kuà guó yóu xué yǔ shè huì shí jiàn néng gòu jī dà zēng zhǎng qīng nián xué zǐ de jiàn shí yǔ yuè lì.

Đọc vạn cuốn sách không bằng đi vạn dặm đường, những chuyến du học trải nghiệm quốc tế và hoạt động thực tế xã hội sâu rộng sẽ giúp các bạn trẻ mở mang và tích lũy thêm vốn văn vốn sống, hiểu biết.

24 nét

HÁN VIỆT: TĂNG TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#861

展开
zhǎn kāi

mở ra, triển khai, giương rộng

空间站在轨大型柔性太阳能电池翼在太空中缓缓展开, 如同一双巨大的金色翅膀在阳光下熠熠生辉。

Kōng jiān zhàn zài guī dà xíng róu xìng tài yáng néng diǎn chí yì zài tài kōng zhōng huǎn huǎn zhǎn kāi, rú tóng yì shuāng jù dà de jīn sè chì bǎng zài yǎng guāng xià yì yì shèng huī.

Cánh pin mặt trời mềm dẻo cỡ lớn trên quỹ đạo của trạm vũ trụ từ từ mở ra trong không gian, tựa như đôi cánh khổng lồ màu vàng óng ánh tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

23 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN KHAI

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#862

张
zhāng

tờ, tấm (lượng từ)

我有一张纸。
Wǒ yǒu yì zhāng zhǐ.
Tôi có một tờ giấy.

14 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#863

长城
Cháng chéng

Vạn Lý Trường Thành

俗话说“不到长城非好汉”, 巍峨蜿蜒的万里长城展现了中华古老文明的雄伟气魄。

Sú huà shuō "bú dào cháng chéng fēi hǎo hàn", wēi é wǎn yǎn de wàn lǐ cháng chéng zhǎn xiàn le zhōng huá gǔ lǎo wén míng de xióng wēi qì pò.

Tục ngữ có câu 'Bất đáo Trường Thành phi hảo hán', Vạn Lý Trường Thành quanh co hùng vĩ thể hiện khí phách uy nghiêm của nền văn minh Trung Hoa cổ đại.

19 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG THÀNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#864

长处
cháng chù

Điểm mạnh

老师鼓励大家积极长处, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cháng chù, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Điểm mạnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG XỬ


**HSK 3
(3.0)**

 Tính từ / Danh từ thời
gian

#865

长期

chángqī

lâu dài, trường kỳ, thời gian dài

老一辈科学家几十年如一日长期默默守在荒漠戈壁试验基地, 把毕生精力奉献给了国防科技事业。

Lǎo yī bèi kē xué jiā jǐ shí nián rú yī rì cháng qī mò mò jiān shǒu zài huāng mò mò gē bì shì yàn jī dì, bǎ bì shēng jīng lì fèng xiàn gěi le guó fáng kē jì shì yè.

Các nhà khoa học tiến bộ mấy chục năm như một lâu dài trường kỳ âm thầm bám trụ tại căn cứ thử nghiệm sa mạc Gobi hoang vu, cống hiến trọn vẹn sức lực cuộc đời cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng.

20 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG KỲ

**HSK 3
(3.0)**

 Động từ / Giới từ /
Danh từ

#866

照

zhào

 chiếu rọi; chụp ảnh; theo chiếu
theo; giấy phép

初升的朝阳将万道金光照射在雄伟的冰川雪峰之上, 勾勒出一幅壮美绝伦的大自然画卷。

Chū shēng de zhāo yáng jiāng wàn dào jīn guāng zhào shè zài xióng wēi de bīng chuān xuě fēng zhī shàng, gōu lè chū yī fú zhuàng měi jué lún de dà zì rán huà juǎn.

Văng thái dương mới nhô lên chiếu rọi muôn vàn tia sáng vàng kim lên những đỉnh núi tuyết sông băng hùng vĩ, phác họa nên một bức tranh thiên nhiên kỳ vĩ tuyệt trần.

10 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU

HSK 3 (3.0)

Đại từ / Hậu tố

#867

者

zhě

 người, kẻ (hậu tố: người nghiên
cứu, người lao động)

科学探索是勇者的无畏征程, 只有不畏艰难险阻勇攀高峰的探索者, 才能领略到真理巅峰的无限风光。

Kē xué tàn sù shì yǒng zhě de wú wèi zhēng chéng, zhǐ yǒu bù wèi jiǎn nán xiǎn zú yǒng pān gāo fēng de tàn sù zhě, cái néng lǐng lù dào zhēn lǐ diǎn fēng de wú xiǎn fēng guāng.

Thám hiểm khoa học là hành trình không hề biết sợ hãi của những người dũng cảm, chỉ có những người khám phá người thám hiểm không sợ gian nan hiểm trở dũng cảm trèo lên đỉnh cao mới có thể thưởng ngoạn phong cảnh vô bờ bến trên đỉnh cao chân lý.

14 nét

HÁN VIỆT: GIẢ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#868

真实

zhēn shí

chân thực, có thật, xác thực

在这部优秀的历史纪录片中, 导演通过详实严谨的珍贵影像档案再现了那段波澜壮阔的真实历史风云。

Zài zhè bù yōu xiù de lì shǐ jì lù piàn zhōng, dǎo yǎn tōng guò xiáng shí yǎn jìn de zhēn guì yǐng xiàng dǎng àn zài xiàn le nà duàn bō lán zhuàng kuò de zhēn shí lì shǐ fēng yún.

Trong bộ phim tài liệu lịch sử xuất sắc này, đạo diễn thông qua những thước phim lưu trữ vô giá chi tiết nghiêm ngặt đã tái hiện lại chặng đường lịch sử phong vân chân thực hào hùng tráng lệ năm nào.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÂN THỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#869

争

zhēng

 tranh giành, tranh đua, phấn đấu
giành lấy

青年科学家敢为人先、争创一流, 在国际前沿量子技术攻坚中勇攀世界高峰。

Qīng nián kē xué jiā gǎn wéi rén xiān, zhēng chuàng yī liú, zài guó jì qián yán liàng zǐ jì shù gōng jiǎn zhōng yǒng pān shì jiè gāo fēng.

Các nhà khoa học trẻ tuổi dám đi trước mở đường, phấn đấu tranh đua xây dựng đẳng cấp hàng đầu, dũng cảm trèo lên đỉnh cao thể giới trong các trận đánh vượt khó công nghệ lượng tử tiên phong quốc tế.

9 nét

HÁN VIỆT: TRANH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#870

争取

zhēng qǔ

 tranh thủ, phấn đấu giành lấy, nỗ
lực đạt được

全体科研攻关人员团结一心、争分夺秒, 全力争取在年底前圆满完成大科学装置全系统集成联调任务。

Quán tǐ kē yán gōng guān rén yuán tuán jié yī xīn, zhēng fēn duó miǎo, quán lì zhēng qǔ zài nián dǐ qián yuán mǎn wán chéng dà kē xué zhuāng zhì quán xī tóng jī chéng lián diào rèn wù.

Toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học đoàn kết một lòng, tranh thủ từng phút từng giây, dốc toàn lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tích hợp hiệu chỉnh chạy thử toàn hệ thống thiết bị khoa học lớn trước cuối năm.

17 nét

HÁN VIỆT: TRANH THỦ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#871

整

zhěng

 toàn bộ, trọn vẹn, nguyên vẹn;
chỉnh đốn

科研攻坚团队夜以继日奋战了整整三个月, 终于按期圆满完成了全套工业软件核心算法重构。

Kē yán gōng jiǎn tuán duì yè yǐ jì rì fèn zhàn le zhěng zhěng sān gè yuè, zhōng yú ān qī yuán mǎn wán chéng le quán tào gōng yè ruǎn jiàn hé xīn suàn fǎ zhòng gòu.

Nhóm nghiên cứu khoa học xung kích ngày đêm chiến đấu suốt trọn vẹn toàn bộ ba tháng ròng, cuối cùng đã hoàn thành tái cấu trúc thuật toán cốt lõi toàn bộ hệ thống phần mềm công nghiệp đúng hạn và mỹ mãn.

10 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#872

整个

zhěng gè

toàn bộ, tất cả, nguyên cả

新一代全流程绿色低碳工业园区实现了水资源与工业余热在整个园区内部的百分之百闭环循环利用。

Xīn yí dài quán liú chéng liú sè dī tàn gōng yè yuán qū shí xiàn le shuǐ zī yuán yǔ gōng yè yú rè zài zhěng gè yuán qū nèi bù bǎi fēn zhī bǎi bǐ huán xún huán lì yòng.

Khu công nghiệp xanh ít phát thải toàn quy trình thể hệ mới đã hiện thực hóa việc tái tuần hoàn khép kín 100% tài nguyên nước và nhiệt dư công nghiệp bên trong toàn bộ khu công nghiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH CÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#873

整理

zhěng lǐ

chỉnh lý, thu dọn, sắp xếp

每天下班前花十分钟整理好办公桌面与分类归档电子文档, 能让第二天的工作井然有序、高效推进。

Měi tiān xià bān qián huā shí fēn zhōng zhěng lǐ hǎo bàn gōng zhuō miàn yǔ fēn lèi guī dǎng diàn zì wén dǎng, néng ràng dì èr tiān de gōng zuò jìng rán yǒu xù, gāo xiào tuī jìn.

Mỗi ngày trước khi tan sở dành ra 10 phút dọn dẹp ngăn nắp bàn làm việc và phân loại lưu trữ hồ sơ tài liệu điện tử sẽ giúp công việc của ngày hôm sau diễn ra trật tự, năng suất và hiệu quả.

19 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH LÝ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#874

整齐

zhěngqí

ngay ngắn, đều đặn, tề chỉnh

阅兵方队迈着铿锵有力、整齐划一的步伐通过天安门广场，展现了威武之师的磅礴气概。

Yuè bīng fāng duì mài zhe kēng qiāng yǒu lì, zhěng qí huà yí de bù fá tóng guò tiān ān mén guǎng chǎng, zhǎn xiàn le wēi wǔ zhī shī de páng bó qì gài.

Các khối diễu binh rảo bước rộn rã, đội hình tề chỉnh đều tằm tập tiến qua Quảng trường Thiên An Môn, thể hiện khí thế hào hùng ngút trời của đoàn quân hùng dũng.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH TẾ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#875

整体

zhěngtǐ

toàn bộ

在面对复杂的挑战时，保持整体的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhěng tǐ de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái toàn bộ đặc biệt quan trọng.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian /
Phó từ

#876

整天

zhěngtiān

suốt ngày, cả ngày, cả ngày trời

为了攻克关键技术瓶颈，总工程师整天扎根在嘈杂的生产试验车间一线指导技术攻关。

Wèi le gōng kè guān jiàn hé xīn jī shù píng jǐng, zōng gōng chéng shī zhēng tiān zhā gēn zài cǎo zá de shēng chǎn shì yàn chē jiān yī xiàn zhǐ dǎo jì shù gōng guān.

Để chinh phục nút thắt công nghệ lõi then chốt, vị tổng công trình sư suốt ngày cả ngày cắm chốt tại tuyến đầu phân xưởng thử nghiệm sản xuất ồn ào để chỉ đạo vượt khó kỹ thuật.

23 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THIÊN

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#877

整整

zhěngzhěng

tròn, đúng tròn vẹn, suốt (thời gian dài)

老一辈地质学家在青藏高原高寒缺氧的极端环境中坚守了整整三十年，填补了国家多项地质考察空白。

Lǎo yī bèi dì zhì xué jiā zài qīng zàng gāo yuán gāo hán quē yǎng de jí duǎn huán jīng zhōng jiān shǒu le zhěng zhěng sān shí nián, tián bǔ le guó jiā duō xiàng dì zhì kǎo chá bái.

Các nhà địa chất học tiên bối đã bám trụ kiên cường đúng tròn vẹn suốt ba mươi năm ròng trong môi trường cực đoan thiếu oxy giá rét vùng cao của cao nguyên Thanh Tạng, bù đắp nhiều khoảng trống khảo sát địa chất của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#878

正式

zhèngshì

chính thức, trang trọng

经过多轮严密论证与高层签署，该项具有里程碑意义的跨国战略合作项目今天在人民大会堂正式启动。

Jīng guò duō lún yán mì lùn zhèng yǔ gāo céng qiān shǔ, gāi xiàng jù yǒu lǐ chéng bēi yì yì de kuà guó zhàn lüè hé zuò xiàng mù jīn tiān zài rén mín dà huì táng zhèng shì qǐ dòng.

Sau nhiều vòng thẩm định nghiêm cẩn và được lãnh đạo cấp cao ký kết, dự án hợp tác chiến lược xuyên quốc gia mang ý nghĩa cột mốc lịch sử này hôm nay đã chính thức được khởi động tại Đại lễ đường Nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#879

证

zhèng

giấy chứng nhận, bằng cấp; chứng minh, bằng chứng

经过严格的理论考核与实际操作答辩，他顺利通过了评审并获得了国家高级工程师专业技术资格证。

Jīng guò yán gé de lǐ lùn kǎo hé yǔ shí jī cāo zuò dá biān, tā shùn lì tōng guò le píng shěn bìng huò dé le guó jiā gāo jí gōng chéng shī zhuan yè jì shù zī gé zhèng.

Trải qua kỳ sát hạch lý thuyết nghiêm ngặt và bảo vệ thao tác thực tế, anh ấy đã thuận lợi vượt qua thẩm định và nhận được giấy chứng nhận bằng chứng nhận trình độ chuyên môn kỹ thuật Kỹ sư Cao cấp Quốc gia.

8 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#880

证件

zhèngjiàn

giấy tờ, chứng từ, thẻ căn cước/giấy chứng nhận

出入境边防检查站全面推广智能快捷通关查验系统，旅客只需扫描电子证件即可实现十秒极速通关。

Chū rù jìng biān fáng jiǎn zhàn chǎ zhàn quán miàn tuī guāng zhì néng kuài jié tōng guān chá yǎn xì tǒng, lǚ kè zhǐ xū sǎo miào diǎn zì zhèng jiàn jí kě shí xiàn shí miǎo jí sù tōng guān.

Trạm kiểm soát biên phòng xuất nhập cảnh đã phổ biến toàn diện hệ thống kiểm tra thông quan nhanh thông minh, hành khách chỉ cần quét giấy tờ điện tử là có thể hoàn thành thông quan siêu tốc chỉ trong 10 giây.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG KIẾN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#881

证据

zhèngjù

bằng chứng, chứng cứ

在司法审判与事实认定中必须坚持实事求是依据、以法律为准绳，绝不能在缺乏确凿客观证据的情况下主观定罪。

Zài sī fǎ shēn pàn yǔ shì shí rèn dìng zhōng bì xū jiān chí yǐ shì shí wéi yǐ jù, yǐ fǎ lǜ wéi zhǔn shéng, jué bù néng zài quē fá què záo kè guān zhèng jù de qíng kuàng xià zhǔ guān dìng zuì.

Trong xét xử tư pháp và xác định sự thật bắt buộc phải kiên trì lấy sự thật làm căn cứ, lấy pháp luật làm thước đo, tuyệt đối không được định tội chủ quan khi thiếu các chứng cứ khách quan xác thực.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG CỨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#882

证明

zhèngmíng

chứng minh, bằng chứng, giấy chứng nhận

经过国内外数十家顶级科研实验室的多中心独立复现，充分证明了该新药化合物的卓越疗效与安全性。

Jīng guò guó nèi wài shù shí jiā dīng jí yán shí yàn shì de duō zhōng xīn dú lì fù xiàn, chōng fèn zhèng míng liǎo gāi xīn yào huà hé wù de zhuó yuè liáo xiào yǔ ān quán xìng.

Sau khi được hàng chục phòng thí nghiệm khoa học hàng đầu trong và ngoài nước tiến hành lặp lại thử nghiệm độc lập đa trung tâm, đã chứng minh đầy đủ hiệu quả điều trị vượt trội và tính an toàn của hợp chất tân dược này.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG MINH


**HSK 3
(3.0)**

 Lượng từ / Danh từ /
Động từ #883

支

zhī
**cây, chiếc (bút/súng); chi nhánh,
chi đội; chống đỡ**

由多学科拔尖青年学者组成的一支跨学科科研突击队勇挑重担，全力攻关国家前沿重大项目。

Yóu duō xué kē bá jiān qīng nián xué zhě zǔ chéng de yī zhī kuà xué kē yán tǔ jī duì yòng tiāo zhòng dǎn, quán lì gōng guān guó jiā qián yán zhòng dà xiàng mù.

Một chi đội đội ngũ đột kích nghiên cứu khoa học liên ngành gồm các học giả trẻ xuất chúng đa ngành học đã dũng cảm gánh vác trọng trách, dốc toàn lực vượt khó các dự án trọng đại tiên phong quốc gia.

11 nét

 HÁN VIỆT : **CHI**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #884

支持

zhī chí
ủng hộ, hỗ trợ, nâng đỡ

国家出台了一系列强有力的税收优惠与财政补贴政策，全方位大力支持专精特新中小企业创新发展。

Guó jiā chū tái le yī xiè liè qiáng yǒu lì de shuì shōu yōu huì yǔ cái zhèng bǔ tiē zhèng cè, quán fāng wèi dà lì zhī chí zhuan jing tè xīn zhong xiao qi yè chuàng xīn fā zhǎn.

Nhà nước đã ban hành chuỗi chính sách ưu đãi thuế và trợ cấp tài chính mạnh mẽ nhằm hỗ trợ toàn diện và đặc lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo, phát triển chuyên sâu.

24 nét

 HÁN VIỆT : **CHI TRÌ**
HSK 3 (3.0)

Động từ #885

支付

zhī fù
thanh toán, chi trả (tiền tệ)

我国全面优化移动支付与银行卡外卡刷卡受理环境，为境外来华人员提供了更加安全便捷的支付体验。

Wǒ guó quán miàn yōu huà yí dòng zhī fù yǔ yín háng kǎ wài kǎ shuā kǎ shòu lǐ huán jīng, wéi jìng wài lái huá rén yuán tí gòng le gèng jiā ān quán biàn jié de zhī fù tǐ yàn.

Nước ta tối ưu hóa toàn diện môi trường chấp nhận thanh toán quẹt thẻ quốc tế và thanh toán di động, mang lại trải nghiệm chi trả thanh toán tiện lợi và an toàn hơn cho người nước ngoài tới Trung Quốc.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHI PHÓ**
**HSK 3
(3.0)**

Tính từ / Phó từ / Động từ #886

直

zhí
**thẳng, thẳng thắn, trực tiếp; hướng
thẳng**

新建成通车的高速铁路全线桥隧比超过百分之八十，穿山跨江、笔直向前，极大缩短了城市群时空距离。

Xīn jiàn chéng tōng chē de gāo sù rieluè quán xiàn qiáo suǐ bǐ chāo guò bǎi fēn zhī bā shí, chuān shān kuà jiāng, bǐ zhí xiàng qián, jí dà suǒ duǎn le chéng shì qún shí kōng jù lí.

Tuyến đường sắt cao tốc mới thông xe có tỷ lệ cầu hầm trên toàn tuyến vượt quá 80%, xuyên núi vượt sông, thẳng tắp tiến về phía trước, rút ngắn to lớn khoảng cách không gian thời gian giữa các cụm đô thị.

10 nét

 HÁN VIỆT : **TRỰC**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ #887

直播

zhí bō
**phát sóng trực tiếp, livestream trực
tiếp**

央视通过超高清8K超强信号对中国空间站航天员开展的“天宫课堂”太空授课进行了全球多路高清全景直播。

Yāng shì tōng guò chāo gāo qīng 8K chāo qiáng xìn hào duì zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán kāi zhǎn de "tiān gōng kè táng" tài kōng shòu kè jìn xíng le quán qiú duō lù gāo qīng quán jǐng zhí bō.

Đài Truyền hình Trung ương thông qua tín hiệu siêu mạnh 8K siêu nét đã tiến hành phát sóng trực tiếp livestream toàn cảnh độ phân giải cao đa kênh trên toàn cầu buổi giảng bài không gian 'Giờ học Thiên Cung' do các phi hành gia Trạm vũ trụ Trung Quốc thực hiện.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TRỰC BẢ**
HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ #888

直到

zhí dào
cho đến, mãi cho tới khi

老科学家几十年如一日默默奉献，直到生命的最后一刻依然心系国家重大科技工程的发展。

Lǎo kē xué jiā jǐ shí nián rú yī rì mò mò fèng xiàn, zhí dào shēng mìng de zuì hòu yí kè yī rán xīn xì guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng de fā zhǎn.

Nhà khoa học lão thành mấy chục năm như một âm thầm cống hiến, mãi cho tới khi cho đến khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời trong tim vẫn luôn hướng về sự phát triển của công trình khoa học công nghệ trọng đại quốc gia.

23 nét

 HÁN VIỆT : **TRỰC ĐÁO**
**HSK 3
(3.0)**

 Danh từ / Tính từ /
Động từ #889

值

zhí
giá trị; đáng giá; trực (ban); trị số

经过多次精密复核，深海极端高压实验中测得的关键物理参数值完全符合理论设计指标。

Jīng guò duō cì jīng mì fù hé, shēn hǎi jí duān gāo yā shí yàn zhòng cè dé de guān jiàn wù lǐ cān shù zhí wán quán fú hé lǐ lùn shè jì zhǐ biāo.

Trải qua nhiều lần kiểm tra đối chiếu chuẩn xác, trị số tham số vật lý then chốt đo đạc được trong thực nghiệm áp lực cực cao biến sâu hoàn toàn phù hợp với chỉ tiêu thiết kế lý thuyết.

10 nét

 HÁN VIỆT : **TRỊ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #890

值得

zhí de
xứng đáng, đáng giá

这部深刻揭示人性光辉与社会变迁的高分经典纪录片构思精巧、感人至深，非常值得反复细细品味。

Zhè bù shēn kè jiē shì rén xìng guāng huī yǔ shè huì biàn qiān de gāo fēn jīng diǎn jì lù piān gòu sī jīng qiǎo, gǎn rén zhì shēn, fēi cháng zhí de fǎn fù xì xīn wèi.

Bộ phim tài liệu kinh điển điểm cao phản ánh sâu sắc ánh sáng nhân tính cùng sự đổi thay của xã hội này có ý tứ dàn dựng công phu, xúc động lòng người, rất đáng để xem đi xem lại và chiêm nghiệm sâu sắc.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TRỊ ĐẮC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #891

职工

zhígōng
**công nhân viên chức, người lao
động**

企业大力推进民主管理与技能培训，切实保障广大基层职工的合法权益与职业成长空间。

Qǐ yè dà lì tuī jìn mín zhǔ guǎn lǐ yǔ jī néng péi xùn, qiè shí bǎo zhàng guǎng dà jī céng zhí gōng de hé fǎ quán yì yǔ zhí yè chéng zhǎng kōng jiān.

Doanh nghiệp đẩy mạnh đào tạo kỹ năng và quản lý dân chủ, bảo đảm thiết thực không gian thăng tiến nghề nghiệp và quyền lợi hợp pháp của đông đảo cán bộ công nhân viên chức cơ sở.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHỨC CÔNG**


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#892

职业

zhí yè

nghề nghiệp, chuyên nghiệp, sự nghiệp

无论从事何种具体的行业与职业，恪尽职守、精益求精的工匠精神永远是立足职场的崇高准则。

Wú lùn cóng shì hé zhǒng jù tǐ de háng yè yǔ zhí yè, kè jìn zhí shǒu, jīng yì qíú jīng de gōng jiàng jīng shén yǒng yuǎn shì lì zú zhí chǎng de chóng gāo zhǔn zé.

Bất luận làm việc trong ngành nghề hay vị trí công việc cụ thể nào, tinh thần người thợ tận tụy với nghề và luôn cầu tiến hoàn hảo mãi mãi là chuẩn mực cao quý để đứng vững nơi công sở.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨC NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#893

只好

zhǐ hǎo

đành phải, đành

由于下班途中突降特大暴雨且道路积水严重，他只好暂时在路边的咖啡馆里躲雨避险。

Yóu yú xià bān tú zhōng tū jiàng tè dà bào yǔ jīn shuǐ yán zhòng, tā zhǐ hǎo zàn shí zài lù biān de kā fēi guǎn lǐ duǒ yǔ bì xiǎn.

Do trên đường tan sở bất ngờ có mưa to như trút nước và đường sá ngập sâu, anh ấy đành phải ghé tạm vào quán cà phê ven đường để trú mưa lánh nạn.

27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HẢO

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#894

只是

zhǐ shì

chỉ là, chẳng qua là; nhưng mà

暂时的实验挫折只是通往成功曲折道路上的一个小插曲，决不能动摇我们勇攀高峰的坚定决心。

Zàn shí de shí yàn cuò zhé zhǐ shì tōng wǎng chéng gōng qū zhé dào lù shàng de yí gè xiǎo chā qǔ, jué bù néng dòng yáo wǒ men yǒng pān gāo fēng de jiān dìng jué xīn.

Trắc trở thực nghiệm tạm thời chẳng qua chỉ là một khúc đệm nhỏ trên con đường quanh co dẫn tới thành công, tuyệt đối không thể lay chuyển quyết tâm kiên định dũng cảm trèo lên đỉnh cao của chúng ta.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈ THÌ

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#895

只有

zhǐ yǒu

chỉ có (điều kiện duy nhất)

只有坚定不移走中国特色自主创新道路，才能把国家科技命脉牢牢掌握在我们自己手中。

Zhǐ yǒu jiān dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhủ chuàng xīn dào lù, cái néng bǎ guó jiā kē jì mìng mài láo láo zhǎng wò zài wǒ men zì jǐ shǒu zhōng.

Chỉ có kiên định không ngừng bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc mới có thể nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ của đất nước trong chính tay chúng ta.

23 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HỮU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#896

指

zhǐ

chỉ, chỉ trỏ; ngón tay; chỉ ra

战略科学家在评审意见中明确指出，该项颠覆性前沿技术路线具有极高的原创战略价值。

Zhàn lüè kē xué jiā zài píng shēn yì jiàn zhōng míng què zhǐ chū, gāi xiàng diǎn fù xīng qián yán jì shù lù xiàn jù yǒu jí gāo de yuán chuàng zhàn lüè jià zhí.

Nhà khoa học chiến lược trong ý kiến thẩm định đã chỉ ra nêu rõ rằng, đường lối lộ trình công nghệ tiên phong mang tính cách mạng này sở hữu giá trị chiến lược nguyên tác cực kỳ cao.

12 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#897

指出

zhǐ chū

chỉ ra, vạch rõ, nêu rõ

战略科学家在评审意见中明确指出，该前沿研究方案逻辑严密、创新性强，具有极其重要的科学价值。

Zhàn lüè kē xué jiā zài píng shēn yì jiàn zhōng míng què zhǐ chū, gāi qián yán yán jiū fāng àn luó jí yán mì, chuàng xīn xīng qiáng, jù yǒu jí qí zhòng yào de kē xué jià zhí.

Nhà khoa học chiến lược trong ý kiến thẩm định đã nêu rõ chỉ ra rằng, phương án nghiên cứu tiên phong này có logic chặt chẽ, tính đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, sở hữu giá trị khoa học vô cùng quan trọng.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#898

指导

zhǐ dǎo

chỉ đạo, hướng dẫn, chỉ bảo

在老一辈功勋科学家的悉心指导与言传身教下，一大批青年学术骨干迅速成长为国家科技攻关的栋梁之才。

Zài lǎo yī bèi gōng gōng xūn kē xué jiā de xī xīn zhǐ dǎo yǔ yán chuán shēn jiào xià, yí dà pī qīng nián xué shù gǔ gàn xùn sù chéng zhǎng wéi guó jiā kē jì gōng guān de dòng liáng zhī cái.

Dưới sự chỉ bảo tận tình và tấm gương mẫu mực của các nhà khoa học có công lớn tiến bối, một thế hệ cán bộ nòng cốt học thuật trẻ đã nhanh chóng trưởng thành trở thành những nhân tài rường cột gánh vác các đề tài khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#899

至今

zhì jīn

đến nay, cho tới nay

始建于战国时期的都江堰水利工程历经两千两百余年风雨沧桑，至今依然造福着天府之国的沃野千里。

Shǐ jiàn yú zhàn guó shí qī de dū jiāng yàn shuǐ lì gōng chéng lì jīng liǎng qiān liǎng bǎi yǔ nián fēng yǔ cāng sāng, zhì jīn yǐ rán zào fú zhe tiān fú zhī guó de wò yě qiān lǐ.

Công trình thủy lợi Đồ Giang Yển được khởi lập từ thời Chiến Quốc trải qua hơn 2.200 năm mưa gió thăng trầm, đến nay vẫn đang tạo phúc cho hàng ngàn dặm ruộng đồng màu mỡ của vùng đất trù phú Thiên Phủ.

22 nét

HÁN VIỆT: CHÍ KIM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#900

至少

zhì shǎo

ít nhất, tối thiểu

想要熟练掌握一门外语的日常交流与专业阅读，每天至少需要保证投入两小时的专注沉浸练习。

Xiǎng yào shú liàn zhǎng wò yí mén wài yǔ de rì cháng jiāo liú yǔ zhuān yè yuè dú, měi tiān zhì shǎo xū yào bǎo zhèng tóu rù liǎng xiǎo shí de zhuān zhù chén jìn liàn xí.

Muốn thành thạo giao tiếp đời thường và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng một ngoại ngữ, mỗi ngày bạn cần đảm bảo dành ra ít nhất 2 tiếng đồng hồ luyện tập tập trung và đắm chìm.

19 nét

HÁN VIỆT: CHÍ THIỂU



**HSK 3
(3.0)**

Danh từ / Động từ /
Tính từ

#901

志愿

zhìyuàn

nguyện vọng, chí nguyện; tình
nguyện, tự nguyện

青年一代弘扬“奉献、友爱、互助、进步”的志愿精神，在社区服务与重大赛事中展现青春风采。

Qīng nián yí dài hóng yáng “fèng xiàn, yǒu ài, hù zhù, jìn bù” de zhì yuàn jīng shén, zài shè qū fú wù yǔ zhòng dà sài huì zhōng zhǎn xiàn qīng chūn fēng cǎi.

Thế hệ thanh niên hoằng dương tinh thần tình nguyện tự nguyện “Cống hiến, Thân ái, Tương trợ, Tiến bộ”, phô diễn phong thái thanh xuân trong các giải đấu hội nghị trọng đại và phục vụ cộng đồng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CHÍ NGUYỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#902

志愿者

zhìyuàn zhě

tình nguyện viên

在国际重大体育赛事与大型博览会上，身穿统一制服的青年志愿者们用热情专业的微笑服务温暖了八方来宾。

Zài guó jì zhòng dà tǐ yù sài shì yǔ dà xíng bó lǎn huì shàng, shēn chuān tóng yī zhì fú de qīng nián zhì yuàn zhě men yòng rè qíng zhuān yè de wēi xiào fú wù wǎn nuǎn le bā fāng lái bīn.

Tại các sự kiện thể thao quốc tế lớn và hội chợ triển lãm quy mô lớn, các bạn tình nguyện viên trẻ khoác trên mình bộ đồng phục chỉnh tề bằng nụ cười phục vụ nhiệt tình chuyên nghiệp đã sưởi ấm lòng quan khách bốn phương.

📖 33 nét

HÁN VIỆT: CHÍ NGUYỆN GIẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#903

制定

zhìdìng

lập ra, ban hành, hoạch định (kế
hoạch, luật)

国家发展改革委联合多部门科学制定了中长期绿色能源发展战略规划纲要，明确了实现碳中和的清晰时间表。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wēi lián hé duō bù mén kē xué zhì dìng le zhōng cháng qī lǜ sè néng yuán fā zhǎn zhàn lüè guī huà xiāng yào, míng què le shí xiàn tàn zhōng hé de qīng xī shí jiān biǎo.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phối hợp cùng nhiều bộ ngành đã hoạch định khoa học để cưỡng quy hoạch chiến lược phát triển năng lượng xanh trung và dài hạn, xác định rõ lộ trình thời gian biểu minh bạch để đạt mục tiêu trung hòa carbon.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CHẾ ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#904

制度

zhìdù

chế độ, thể chế, quy chế

中国特色社会主义制度具有强大的生命力和巨大的优越性，是战胜一切艰难险阻的根本制度保障。

Zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì zhì dù jù yǒu qiáng dà de shēng mìng lì hé jù dà de yōu yuè xìng, shì zhàn shèng yī qiè jiān nán xiǎn zǔ de gēn běn zhì dù bǎo zhàng.

Chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc sở hữu sức sống mãnh liệt và tính ưu việt to lớn, là sự bảo đảm thể chế căn bản để chiến thắng mọi ghềnh thác gian nan thử thách.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CHẾ ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#905

制造

zhìzào

chế tạo, sản xuất, tạo ra

从“中国制造”跨越迈向“中国创造”，自主高端智能制造装备正在成为支撑实体经济高质量发展的脊梁。

Cóng “zhōng guó zhì zào” kuà yuè mài xiàng “zhōng guó chuàng zào”, zì zhǔ gāo duān zhì néng zhì zào zhuāng bèi zhèng chéng wéi zhī chéng wéi zhì chéng shì tí jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de jǐ liáng.

Từ bước nhảy vọt 'Made in China' vươn tới 'Sáng tạo tại Trung Quốc', trang thiết bị chế tạo thông minh cao cấp tự chủ đang trở thành rường cột vững chắc nâng đỡ nền kinh tế thực thể phát triển chất lượng cao.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CHẾ TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#906

制作

zhìzuò

làm

老师鼓励大家积极制作，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhì zuò, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHẾ TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#907

中部

zhōngbù

miền Trung, miền trung bộ, khu vực
trung tâm

国家深入实施促进中部地区崛起战略，加快建设现代化基础设施与先进制造业产业集群。

Guó jiā shēn rù shí shī cù jìn zhōng bù dì qū jué qí zhàn lüè, jiā kuài jiàn shè xiān dài huà jī chǔ shè shī yǔ xiān jìn zhì zào yè chǎn qún.

Nhà nước đi sâu thực thi chiến lược thúc đẩy sự trỗi dậy của khu vực miền Trung miền trung bộ, đẩy nhanh xây dựng các cụm ngành chế tạo tiên tiến và cơ sở hạ tầng hiện đại hóa.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TRUNG BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#908

中华民族

Zhōnghuá Mínzú

Dân tộc Trung Hoa

实现中华民族伟大复兴是近代以来中国人民最伟大的梦想，凝聚着几代人的凤凰与奋斗。

Shí xiàn zhōng huá mín zú wéi dà fù xīng shì jìn dài yǐ lái zhōng guó rén mín zuì wěi dà de mèng xiǎng, níng jù zhe jǐ dài rén de fēng huáng yǔ fèn dòu.

Thực hiện sự phục hưng vĩ đại của Dân tộc Trung Hoa là ước mơ vĩ đại nhất của nhân dân Trung Quốc từ cận đại đến nay, quy tụ ước nguyện và sự phấn đấu của biết bao thế hệ con người.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: TRUNG HOA DÂN TỘC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#909

终于

zhōngyú

Cuối cùng

历经数年坚持不懈的潜心钻研与无数次试验，科研团队终于成功攻克了这项国际技术难关。

Lì jīng shù nián jiǎn chí bù xié de qián xīn zuān yán yǔ wú shù cì shí yàn, kē yán tuánduì zhōngyú chéng gōng gōng kè le zhè xiàng guó jì jì shù nán guān.

Trải qua nhiều năm miệt mài nghiên cứu cùng vô số lần thử nghiệm, đội ngũ khoa học cuối cùng đã thành công chinh phục rào cản kỹ thuật tầm cỡ quốc tế này.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CHUNG VU



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#910

钟

zhōng

chuông, đồng hồ; tiếng chuông

新年零点钟声敲响的那一刻，漫天璀璨绚丽的礼花在夜空中绽放，全场响起欢腾的喝彩声。

Xīn nián líng diǎn zhōng shēng qiāo xiǎng de nà yí kè, mǎn tiān cuǐ càn xuàn lì de lǐ huā zài yè kōng zhōng zhàn fàng, quán chǎng xiǎng qǐ huān téng de hè cǎi shēng.

Khoảnh khắc tiếng chuông đồng hồ điểm 0 giờ năm mới ngân vang, pháo hoa rực rỡ muôn màu bùng nổ trên bầu trời đêm, toàn thể khán trường rộn vang tiếng reo hò chúc mừng nồng nhiệt.

10 nét

HÁN VIỆT: CHUNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#911

种

zhǒng

loài

国家植物园的现代化温室大棚内集中展示并科学培育着上万吨来自各大洲的珍稀名贵植物品种。

Guójiā Zhīwùyuán de xiàndàihuā wēnshì dàpéng nèi jǐzhōng zhǎnshì bìng kēxué péiyù zhe shàng wàn zhòng lái zì dàzhōu de zhēnxī míngguì zhíwù pínzhǒng.

Bên trong khu nhà kính hiện đại của Vườn Thực vật Quốc gia trưng bày và ương trồng khoa học hàng vạn chủng loại thực vật quý hiếm đến từ khắp các châu lục.

11 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#912

种子

zhǒng zǐ

hạt giống, cây giống (nông nghiệp); hạt nhân nông cốt

种业是现代农业科技的“芯片”，国家全力推进种业振兴行动，牢牢把中国种子的战略命脉握在自己手中。

Zhòng yè shì xiàndài nóng yè kējì de "xīn piàn", guójiā quán lì tuī jìn zhòng yè zhèn xīng xíng dòng, láo láo bǎ zhòng guó zhòng zǐ de zhàn lüè mìng mài wò zài zì jǐ shǒu zhòng.

Ngành giống chính là 'con chip' của khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại, Nhà nước dốc toàn lực thúc đẩy Chiến dịch Chấn hưng Ngành Giống, nắm chắc trong tay mệnh mạch chiến lược của hạt giống cây trồng của nước nhà.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG TỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#913

重大

zhòng dà

trọng đại, to lớn quan trọng

我国在前量子通信与深空探测领域取得的一系列重大原创突破，引起了国际学术界的广泛赞誉。

Wǒ guó zài qián yǎn tōng xìn yǔ shēn kōng tàn cè lǐng yù qǔ dé de yí xī liè zhòng dà yuán chuàng tú pò, yīn qǐ le guó jì xué shù jiè de guǎng fàn zàn yù.

Một loạt các bước đột phá nguyên tác trọng đại to lớn mà nước ta đạt được trong lĩnh vực thăm trắc không gian sâu và thông tin lượng tử tiên phong đã tạo nên sự ngời ngợi khen rộng rãi của giới học thuật quốc tế.

20 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#914

周围

zhōu wéi

xung quanh, phụ cận

这座依山傍水的中式古典园林周围绿树环抱、碧水潺潺，环境优雅静谧、宛如世外桃源。

Zhè zuò yǐ shān bàng shuǐ de zhōng shì gǔ diǎn yuán lín zhōu wéi lǜ shù huán bào, bì shuǐ chán chán, huán jìng yōu yǎ jìng mì, wǎn rú shì wài táo yuán.

Xung quanh khu vườn cổ điển Trung Hoa tựa núi nhìn sông này rợp bóng cây xanh, dòng nước trong veo róc rách chảy, không gian thanh tao tĩnh lặng tựa chốn đảo nguyên tiên cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: CHU VI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#915

猪

zhū

con lợn, con heo

现代生态智慧养殖场采用恒温自动化环控系统，为小生猪提供了洁净卫生、健康适宜的生长环境。

Xiàndài shēng tài zhì huì yǎng zhāng cǎi yòng héng wēn zì dòng huà huán kòng xì tǒng, wèi xiǎo shēng zhū tí gòng le jié jìng wèi shēng, jiàn kāng shí yì de shēng zhǎng huán jìng.

Trang trại chăn nuôi thông minh sinh thái hiện đại áp dụng hệ thống kiểm soát môi trường nhiệt độ tự động, mang đến môi trường sinh trưởng sạch sẽ, vệ sinh và thích hợp cho đàn lợn con.

13 nét

HÁN VIỆT: TRƯ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#916

主持

zhǔ chí

chủ trì, dẫn chương trình; người dẫn chương trình

中国科学院院士应邀主持了本届全球量子信息科技前沿高峰论坛的主旨报告与闭幕式。

Zhōng guó kē xué yuán yuán shì yīng yào zhǔ chí le běn jiè quán qiú liàng zǐ xìn xī kējì qián yán gāo fēng lùn tán de zhǔ zhǐ bào gào yǔ bì mù shì.

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã nhận lời mời chủ trì phiên báo cáo dẫn đề và lễ bế mạc của Diễn đàn Thượng đỉnh Mũi nhọn Khoa học Công nghệ Thông tin Lượng tử Toàn cầu lần này.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TRÌ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#917

主动

zhǔ dòng

chủ động, tự giác tích cực

新时代青年科技骨干要主动肩负起历史重任，在科技强国建设的伟大实践中勇挑重担、奋勇争先。

Xīn shí dài qīng nián gǎn kē jì gǔ gàn yào zhǔ dòng jiān fù qǐ lì shǐ zhòng rèn, zài kējì qiáng guó jiàn shè de wēi dà shí jiàn zhōng yǒng tiǎo zhòng dān, fèn yǒng zhēng xiān.

Cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới cần chủ động tự giác gánh vác trọng trách lịch sử, dũng cảm đảm đương việc lớn, dũng mãnh đi đầu trong thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỦ ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#918

主任

zhǔ rèn

chủ nhiệm, trưởng ban / trưởng phòng

国家重点实验室主任带领跨学科青年科研团队昼夜攻坚，按期高质量完成了国家重大课题研发。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì zhǔ rèn dài lǐng kuà xué qīng nián kē yán tuán duì shì yè gōng jiàn, àn qī gāo zhì liàng wán chéng le guó jiā zhòng dà kē tí yán fā.

Chủ nhiệm Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia đã dẫn dắt nhóm nghiên cứu khoa học thanh niên liên ngành ngày đêm vượt khó, hoàn thành việc nghiên cứu phát triển đề tài trọng đại quốc gia đúng hạn với chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: CHỦ NHẬN


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#919

主意

zhǔ yì
chủ ý, ý kiến, ý tưởng, sáng kiến

在大家为复杂的系统架构升级方案一筹莫展时，资深架构师李工提出了一个令人眼前一亮的好主意。

Zài dà jiā wéi fù zá de xì tǒng jià gòu shēng jí fāng àn yì chóu mò zhān shí, zī shēn jià gòu shī lǐ gōng tí chū le yí gè líng rén yǎn qián yí liàng de hào zhǔ yì.

Trong lúc mọi người đang lúng túng chưa tìm ra hướng nâng cấp kiến trúc hệ thống phức tạp, kỹ sư trưởng giàu kinh nghiệm – anh Lý đã đưa ra một sáng kiến hay khiến ai nấy đều trầm trồ tâm đắc.

20 nét

HÁN VIỆT : CHỦ Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#920

主张

zhǔ zhāng
chủ trương, tán thành; quan điểm lập trường

中国始终坚定主张通过平等对话与和平谈判协商解决国际争端，坚决反对任何形式的武力威胁。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng zhǔ zhāng tōng guò píng děng duì huà yǔ hé píng tán pàn xié shāng jiě jué guó jì zhēng duān, jiān jué fǎn duì rèn hé xíng shì de wǔ lì wēi xié.

Trung Quốc luôn kiên định chủ trương giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua đối thoại bình đẳng và đàm phán thương lượng hòa bình, kiên quyết phản đối bất kỳ hình thức đe dọa vũ lực nào.

22 nét

HÁN VIỆT : CHỦ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#921

注意

zhù yì
Lưu ý

在实验室进行化学配比操作时，所有实验人员必须时刻严格注意规程与人身安全。

Zài shí yàn shì jìn xíng huà xué pèi bǐ cāo zuò shí, suǒ yǒu shí yàn rén yuán bì xū shí kè yáng zhùyì guī chéng yǔ rén shēn ān quán.

Khi tiến hành pha chế hóa chất trong phòng thí nghiệm, toàn bộ nhân viên thực nghiệm phải luôn luôn nghiêm túc chú ý đến quy trình và an toàn bảo hộ cá nhân.

26 nét

HÁN VIỆT : CHÚ Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ

#922

祝

zhù
chúc, chúc phúc chúc mừng

在春节佳节到来之际，我们衷心祝愿伟大的祖国繁荣昌盛、国泰民安，祝愿全国各族人民幸福安康！

Zài xīn chūn jiā jié lái zhì de ài zhī jī, wǒ men zhōng xīn zhù yuàn wěi dà de zǔ guó fán róng chāng shèng, guó tài mǐn ān, zhù yuàn quán guó gè zú rén mǐn xìng fú ān kāng!

Nhân dịp Tết Nguyên Đán xuân mới về, chúng tôi xin chân thành kính chúc chúc phúc Tổ quốc vĩ đại phồn vinh thịnh vượng, quốc thái dân an, chúc toàn thể nhân dân các dân tộc trên cả nước an khang hạnh phúc!

11 nét

HÁN VIỆT : CHÚC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#923

抓

zhuā
bắt, tóm lấy, chụp; nắm bắt, tập trung chỉ đạo

我们要紧紧抓住新一轮科技革命和产业变革的历史机遇，加快培育和壮大新质生产力。

Wǒ men yào jǐn jǐn zhuā zhù xīn yì lún kē jì gé mìng hé chǎn yè biàn gé de lì shǐ jī yù, jiǎ kuài péi yù hé zhuàng dà xīn zhì shēng chǎn lì.

Chúng ta phải nắm bắt chụp lấy thật chắc thời cơ lịch sử của cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ đột mới, đẩy nhanh nuôi dưỡng và lớn mạnh lực lượng sản xuất chất lượng mới.

8 nét

HÁN VIỆT : TRẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#924

抓住

zhuā zhù
nắm bắt được, chớp lấy (cơ hội), giữ chặt

青年科研骨干要勇立潮头，牢牢抓住新一代人工智能技术突破的战略风口，敢于开辟全新科技赛道。

Qīng nián kē yán gǔ gàn yào yǒng lì cháo tóu, láo láo zhuā zhù xīn yì dài rén gōng zhì néng jì shù tū pò de zhàn lüè fēng kǒu, gǎn yú kāi pì quán xīn kē jì sài dào.

Cán bộ nghiên cứu khoa học nông cốt trẻ tuổi cần dũng cảm đứng trên đầu ngọn sóng, nắm bắt được chớp lấy thật chắc ngọn gió chiến lược của sự đột phá công nghệ trí tuệ nhân tạo thế hệ mới, dám mở ra đường đua khoa học công nghệ hoàn toàn mới.

19 nét

HÁN VIỆT : TRẢO TRÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#925

专家

zhuān jiā
chuyên gia, nhà chuyên môn

来自国际高能物理领域的数十位顶级权威专家齐聚一堂，对新一代超大型环形粒子对撞机方案进行了全面严格评审。

Lái zì guó jì gāo néng wù lǐ lǐng yù de shù shí wèi dīng jí quán wēi zhuān jiā qí jù yì táng, duì xīn yì dài chāo dà xíng huán xíng lì zǐ duì zhuàng jī fāng àn jìn xíng le quán miàn yán gé píng shěn.

Hàng chục chuyên gia uy tín hàng đầu trong lĩnh vực vật lý năng lượng cao quốc tế đã hội tụ tại đây, tiến hành thẩm định nghiêm ngặt toàn diện đối với đề án máy va chạm hạt hình tuyến siêu lớn thế hệ mới.

18 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN GIA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#926

专门

zhuān mén
chuyên môn, đặc biệt, chuyên biệt

为了全方位保障本届国际博览会的顺畅运行，主办方专门成立了应急处置与多语种涉外服务工作专班。

Wèi le quán fāng wèi bǎo zhàng běn jiè guó jì bó lǎn huì de shùn chāng yùn xíng, zhǔ bàn fāng zhǔn chéng lì le yǐng jí chǔ zhì yǔ duō yǔ zhōng shè wài fú wù fú gōng zuò zhuān bān.

Nhằm đảm bảo toàn diện cho Hội chợ Triển lãm Quốc tế diễn ra trơn tru thuận lợi, ban tổ chức đã đặc biệt thành lập tổ công tác chuyên trách xử lý khẩn cấp và dịch vụ đa ngôn ngữ đối ngoại.

20 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN MÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#927

专题

zhuān tí
chuyên đề, đề tài chuyên sâu đặc thù

全国人大常委会围绕生态环境保护法治化建设开展专题询问与专题执法检查，切实以法治之力守护绿水青山。

Quán guó rén dà cháng wēi huì wéi huái rǎo shēng tài huán jīng bǎo hù fǎ zhì huà jiàn shè kāi zhǎn zhuān tí xún wèn yǔ zhuān tí zhī fǎ jiǎn chá, qiè shí yǐ fǎ zhì lì shǒu lǜ shuǐ qīng shān.

Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã triển khai đợt kiểm tra thực thi pháp luật chuyên đề và chất vấn chuyên đề xoay quanh việc xây dựng pháp trị hóa bảo vệ môi trường sinh thái, dùng sức mạnh của pháp trị để bảo vệ non xanh nước biếc một cách thiết thực.

22 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN ĐỀ


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#928

专业

zhuān yè

 chuyên ngành, chuyên môn,
chuyên nghiệp

无论是从事前沿科学研究还是工程技术开发, 扎实的跨学科专业功底都是取得卓越突破的基石。

Wú lùn shì cóng shì qián yán kē xué yán jiū hái shì gōng chéng jì shù kǎi fā, zhā shí shēn hòu de kuà xué kē zhuān yè gōng dǐ dōu shì qǔ dé zhuó yuè tú pò de jī shí.

Bất luận làm nghiên cứu khoa học mũi nhọn hay phát triển kỹ thuật công trình, nền tảng chuyên môn liên ngành sâu dày và vững chắc luôn là viên đá tảng để gặt hái những bước đột phá phi thường.

20 nét

HÁN VIỆT: CHUYỀN NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#929

转

zhuǎn

 chuyển, chuyển hướng; quay, xoay
tròn

根据气象卫星云图最新分析, 明天全省天气将由阴雨连绵转为晴空万里, 气温稳步回升。

Gēnjù qì xiàng wèi xīng yún tú zuì xīn fēn xī, míng tiān quán shěng tiān qì jiāng yóu yīn yǔ lián mián zhuǎn wéi qíng kōng wàn lǐ, qì wēn wěn bù huí shēng.

Theo phân tích mới nhất của ảnh mây vệ tinh khí tượng, thời tiết toàn tỉnh ngày mai sẽ chuyển chuyển hướng từ mưa dầm ảm u sang trời quang mây tạnh muôn dặm, nhiệt độ ấm dần lên vững chắc.

9 nét

HÁN VIỆT: CHUYỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#930

转变

zhuǎn biàn

chuyển biến, chuyển dịch, biến đổi

加快转变经济发展方式, 推动产业结构由传统资源要素驱动向创新驱动转型升级, 是高质量发展的必由之路。

Jiā kuài zhuǎn biàn jīng jì fā zhǎn fāng shì, tuī dòng chǎn yè jié gòu yóu chuán tǒng zī yuán yào sù qū dòng xiàng chuàng xīn qū dòng zhuǎn xíng shēng jī, shì gāo zhì liàng fā zhǎn de bì yóu zhī lù.

Đẩy nhanh chuyển biến phương thức phát triển kinh tế, thúc đẩy cơ cấu ngành nghề từ truyền thống dựa vào yếu tố tài nguyên chuyển dịch sang đổi mới sáng tạo dẫn dắt là con đường tất yếu của phát triển chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: CHUYỀN BIẾN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#931

状况

zhuàng kuàng

tình trạng, trạng thái, hiện trạng

国家林草局定期对大熊猫等珍稀濒危野生动植物的野外种群数量与栖息地生态状况进行全域动态监测。

Guó jiā lín cǎo jú dìng qī duì dà xióng māo děng zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng zhī wù de yě wài zhòng qún shù liàng yǔ qī xī dì shēng tài zhuàng kuàng jìn xíng quán yù dòng tài jiān cè.

Cục Quản lý Rừng và Động cỏ Quốc gia định kỳ tiến hành giám sát động thái toàn diện về số lượng quần thể hoang dã và hiện trạng sinh thái môi trường sống của các loài động thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng như gấu trúc lớn.

18 nét

HÁN VIỆT: TRẠNG HUỐNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#932

状态

zhuàng tài

trạng thái, phong độ

运动员在奥运会决赛赛场上始终保持着昂扬饱满的竞技状态与沉着冷静的心理素质, 勇夺桂冠。

Yùn dòng yuán zài ào yùn huì jué sài sài chǎng shàng shì zhōng bǎo chí zhe áng yáng bǎo mǎn de jīng jì zhuàng tài yǔ chén zhuó lěng jìng de xīn lǐ sù zhì, yǒng duó guì guān.

Vận động viên trên sân thi đấu trận chung kết Thể vận hội luôn duy trì trạng thái thi đấu tràn đầy khí thế ngút ngàn dũng mãnh tâm lý điềm tĩnh vững vàng, dũng cảm đoạt vòng nguyệt quế vinh quang.

17 nét

HÁN VIỆT: TRẠNG THÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#933

追

zhuī

đuổi theo, theo đuổi (ước mơ, lý tưởng)

新时代青年学子要志存高远、脚踏实地, 在追逐科学梦想与报效祖国的伟大征程中绽放绚丽青春。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ yào zhì cún gāo yuǎn, jiǎo tà shí dì, zài zhuī zhú kē xué mèng xiǎng yǔ bào xiào zǔ guó de wēi dà zhēng chéng zhōng zhàn fàng xuàn lì qīng chūn.

Các bạn học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới cần có chí hướng cao đẹp, chân thật vững vàng, tỏa sáng rực rỡ sắc xuân trên hành trình vĩ đại theo đuổi theo ước mơ khoa học và cống hiến cho Tổ quốc.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐÔI

HSK 3 (3.0)

 Tính từ / Động từ /
Danh từ

#934

准

zhǔn

 chuẩn, chuẩn xác; cho phép; chuẩn
mức

大国工匠凭借一双巧手将超高精度机械零部件的加工误差控制在极其精准的微米级别以内。

Dà guó gōng jiàng píng jiè yī shuāng qiāo shǒu jiāng chāo gāo jīng dù jī xiè líng bù jiàn de jiǎ gōng wù chā kòng zhì zài jí qīng zhǔn de wēi mǐ jí bié yǐ nèi.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn nhờ vào đôi bàn tay tài hoa khéo léo đã kiểm soát sai số gia công của linh kiện cơ khí siêu độ chính xác cao trong cấp độ micromet cực kỳ chuẩn chuẩn xác.

12 nét

HÁN VIỆT: CHUẨN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#935

资格

zī gé

 tư cách, điều kiện, bằng cấp
chuyên môn

经过严格的理论考核与多轮国际同行实操盲审, 该团队正式获得了国家重点大科学工程的首席承建资格。

Jīng guò yán gé de lǐ lùn kǎo hé yǔ duō lún guó jì tóng háng shí cāo máng shěn, gāi tuán dui zhèng shì huò dé le guó jiā zhòng diǎn dà kē xué gōng chéng de shǒu xī chéng jiàn zī gé.

Trải qua các kỳ sát hạch lý luận nghiêm ngặt và nhiều vòng thẩm định thực hành mù của đồng nghiệp quốc tế, nhóm nghiên cứu đã chính thức đạt được tư cách tổng thầu xây dựng công trình khoa học lớn trọng điểm quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT: TƯ CÁCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#936

资金

zī jīn

nguồn vốn, tiền vốn, kinh phí

国家设立科技创新战略引导基金, 持续加大对前沿原创性基础研究与关键核心技术攻关的长期资金支持。

Guó jiā shè lì kē jì chuàng xīn zhàn lǚ yǐn dǎo jī jīn, chí xù jiā dà duì qián yán yuán chuàng xīng jī zhǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jī shù gōng guān de cháng qī zī jīn zhī chí.

Nhà nước thành lập Quỹ Định hướng Chiến lược Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ, liên tục tăng cường hỗ trợ nguồn vốn kinh phí dài hạn đối với nghiên cứu cơ bản mang tính nguyên tắc tiên phong và chinh phục các công nghệ then chốt cốt lõi.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯ KIM



HSK 3 (3.0)

Giới từ

#937

自从

zì cóng

kể từ, từ khi

自从国家重大科学基础设施投入常态化运行以来，已连续产出多项引领全球物理学界的前沿突破。

Zì cóng guó jiǎ zhòng dà kē xué jī chǔ shè shī tóu rù cháng tài huà yùn xíng yǐ lái, yǐ lián xù chǎn chū duō xiàng yǐn lǐng quán qiú wù lǐ xué jiè de qián yán tū pò.

Kể từ từ khi cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia được đưa vào vận hành thường xuyên đến nay, đã liên tục sản sinh ra nhiều bước đột phá tiên phong dẫn đầu giới vật lý toàn cầu.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TỰ TỎNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#938

自动

zì dòng

tự động, tự giác, chủ động

新一代全自动无人驾驶重型货运列车依托北斗高精度智能控制系统，实现了全程无人干预的自主平稳运行。

Xīn yí dài quán zì dòng wú rén jià shì zhòng xíng huò yùn liè chē yī tuō běi dòu gāo jīng dù zhì néng kòng zhì xì tǒng, shí xiàn le quán chéng wú rén gān yǔ de zì zhǔ píng wěn yùn xíng.

Thế hệ đoàn tàu chở hàng hạng nặng tự hành không người lái hoàn toàn tự động mới dựa vào hệ thống điều khiển thông minh độ chính xác cao Bắc Đẩu đã thực hiện vận hành tự chủ êm ái trên toàn tuyến mà không cần con người can thiệp.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TỰ ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#939

自觉

zì jué

tự giác, có ý thức, tự biết

广大市民应当自觉践行绿色低碳环保生活理念，从垃圾分类投放与节水节电等点滴小事做起。

Guǎng dà shì mǐn yīng dāng zì jué jiàn xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo shēng huó lí niàn, cóng lǎ jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié diàn děng diǎn dī xiǎo shì zuò qǐ.

Đồng đảo người dân cần tự giác thực hành triết lý lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi trường, bắt đầu từ những việc nhỏ bé thường nhật như phân loại rác thải và tiết kiệm điện nước.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TỰ GIÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#940

自然

zì rán

tự nhiên, giới tự nhiên, đương nhiên

人与自然是体感与共的生命共同体，尊重自然、顺应自然与保护自然是实现人类可持续发展的根本之道。

Rén yǔ zì rán shì tǐ gǎn yǔ gòng de shēng mìng gòng tóng tǐ, zūn zhòng zì rán, shùn yīng zì rán yǔ bǎo hù zì rán shì shí xiàn rén lèi kě chí xù fā zhǎn de gēn běn zhī dào.

Con người và giới tự nhiên là cộng đồng sinh mệnh gắn bó keo sơn, biết tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên và bảo vệ tự nhiên là con đường căn bản để hiện thực hóa sự phát triển bền vững của nhân loại.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TỰ NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#941

自身

zì shēn

bản thân, tự thân, chính mình

企业要在激烈的国际市场竞争中立于不败之地，必须不断提升自身自主创新能力与核心技术实力。

Qǐ yè yào zài jī liè de guó jì shì chǎng jìng zhēng zhōng lì yú bù bài zhī dì, bì xū bù duàn tí shēng zì shēn zì zhǔ chuàng xīn néng lì yǔ hé xīn jī jì shù shí lì.

Doanh nghiệp muốn đứng vững ở thế bất bại trong cuộc cạnh tranh thị trường quốc tế khốc liệt, bắt buộc phải không ngừng nâng cao thực lực công nghệ cốt lõi và năng lực đổi mới sáng tạo tự chủ của tự thân bản thân mình.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỰ THÂN

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#942

自主

zì zhǔ

tự chủ, độc lập tự chủ đưa ra quyết định

我国坚持走中国特色自主创新道路，加快实现高水平科技自立自强，牢牢把握创新发展主动权。

Wǒ guó jiān chí zōu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn dào lù, jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, láo lǎo bǎ wò chuàng xīn fā zhǎn zhǔ dòng quán.

Nước ta kiên trì bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, nắm chắc quyền chủ động phát triển đổi mới sáng tạo.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TỰ CHỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#943

子女

zǐ nǚ

con cái, con trai con gái

国家全面落实进城务工人员随迁子女在流入地平等接受优质义务教育的保障政策。

Guó jiā quán miàn luò shí jìn chéng wù gōng rén suí qiān zǐ nǚ zài liú rù dì píng děng jiē shòu yōu zhì yì wù jiāo yù de bǎo zhàng zhèng cè.

Nhà nước triển khai toàn diện chính sách bảo đảm cho con cái con cái của người lao động nông thôn vào thành phố làm việc được tiếp nhận bình đẳng nền giáo dục bắt buộc chất lượng cao tại nơi chuyển đến.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỬ NỮ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Danh từ

#944

总

zǒng

tổng, toàn bộ; luôn luôn; tổng công trình sư / giám đốc

无论前进道路上遇到多少狂风暴雨，广大科研人员心中总有一股不畏艰难、勇攀高峰的必胜信念。

Wú lùn qián jìn dào lù shàng yù dào duō shǎo kuáng fēng bão yǔ, guǎng dà kē yán rén yuán xīn zhōng zǒng yǒu yí gǔ bù wèi jiǎn nán, yǒng pān gāo fēng de bì shèng xīn niàn.

Bất kể trên con đường tiến lên phía trước có gặp phải bao nhiêu bão táp mưa sa, trong tim đồng đảo cán bộ nghiên cứu khoa học luôn luôn có một niềm tin tất thắng không sợ gian nan hiểm trở, dũng cảm trèo lên đỉnh cao.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: TỔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#945

总结

zǒng jié

tổng kết, đúc kết, tóm tắt

每次阶段性工程攻坚告一段落后，团队都会及时召开复盘总结大会，提炼成功经验并查找不足。

Měi cì jiē duàn xìng gōng chéng gōng jiān gào yí duàn hòu, tuánduì dū huì jí shí zhào kāi fù pán zǒng jié dà huì, tí liàn chéng gōng jīng yàn bǐng chá zhǎo bù zú.

Sau mỗi khi một giai đoạn công trình then chốt kết thúc, nhóm đều kịp thời tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá để đúc kết những kinh nghiệm thành công và tìm ra những điểm còn hạn chế.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TỔNG KẾT



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#946

总是

zǒng shì

luôn luôn

无论身处怎样艰辛逆境，她那清秀温暖的面庞上总是洋溢着令人心安的从容微笑与坚定力量。

Wúlùn shēn chǔ zěnyàng jiānxīn nǐjìng, tā nà qīngxiù wēnnuǎn de miànpáng shàng zǒngshì yángyì zhe líng rén xīn'ān de cóngróng wèixiǎo yǔ jiǎndìng lìliang.

Dẫu ở trong hoàn cảnh khó khăn thử thách đến nhường nào, trên gương mặt thanh tú ấm áp của cô ấy lúc nào cũng rạng ngời nụ cười an yên và sức mạnh kiên định.

18 nét

HÁN VIỆT: TỔNG THỊ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#947

足够

zúgòu

đầy đủ, thỏa đáng, đủ

面对复杂严峻的科技攻关挑战，我们拥有足够的战略定力、雄厚的人才储备与坚实的工业底气。

Miàn duì fù zá yán jùn de kē jì gōng guān tiǎo zhàn, wǒ men yōng yǒu zú gòu de zhàn lüè dìng lì, xióng hòu de rén cái chǔ bèi yǔ jiǎn shí de gōng yè dǐ qì.

Đứng trước các thách thức vượt khó khoa học công nghệ hiểm nghèo phức tạp, chúng ta sở hữu đầy đủ định lực chiến lược thỏa đáng, nguồn tích lũy nhân tài dồi dào cùng nền tảng công nghiệp vững chắc.

19 nét

HÁN VIỆT: TÚ CÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#948

足球

zúqiú

bóng đá; quả bóng đá

在全国青少年校园足球联赛总决赛中，两支球队在绿茵场上展现了默契协作与顽强拼搏风貌。

Zài quán guó qīng shào nián xiào yuán zú qiú lián sài zǒng jué sài zhōng, liǎng zhī dǎi biǎo duì zài lǜ yīn chǎng shàng zhǎn xiàn le mò qì xié zuò yǔ wán qiáng pīn bó fēng mào.

Tại trận chung kết Giải Bóng đá Học đường Thanh thiếu niên Toàn quốc, hai đội tuyển đại diện đã phô diễn phong thái ngoan cường nỗ lực và phối hợp ăn ý trên sân cỏ.

22 nét

HÁN VIỆT: TÚ CẦU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#949

组合

zǔ hé

tổ hợp, kết hợp, phối hợp; bộ tổ hợp

空间站核心舱、实验舱与载人飞船成功实现六舱在轨交会对接，构成了蔚为壮观的在轨空间站组合体。

Kōng jiān zhàn hé xīn cāng, shí yàn cāng yǔ zài rén fēi chuán chéng gōng shí xiàn liù cāng zài guī jiāo huì duì jiē, gòu chéng le wéi wéi zhuàng guān de zài guī kōng jiān zhàn zǔ hé tǐ.

Khoang lõi trạm vũ trụ, khoang thí nghiệm cùng tàu vũ trụ chở người đã ghép nối thành công 6 khoang trên quỹ đạo, tạo nên một tổ hợp trạm không gian trên quỹ đạo vô cùng tráng lệ nguy nga.

17 nét

HÁN VIỆT: TỔ CÁP

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Danh từ / Động từ

#950

左右

zuǒ yòu

khoảng chừng, xấp xỉ; tả hữu hai bên; chi phối thao túng

新型国产支线客机经过两千小时左右的严苛适航取证试飞验证，各项飞行性能指标完全达到国际先进标准。

Xīn xíng guó chǎn zhī xiàn kē jī jīng guò liǎng qiān xiǎo shí zuǒ yòu de yán kē shì háng qǔ zhèng shì fēi yàn zhèng, gè xiàng fēi xíng xìng néng zhǐ biāo wán quán dǎ dào guó jī xiān jìn biāo zhǔn.

Máy bay chở khách tuyến nhánh do nước ta sản xuất sau khoảng chừng hai ngàn giờ bay thử nghiệm kiểm chứng cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay nghiêm ngặt, mọi chỉ số chỉ tiêu hiệu năng bay đã hoàn toàn đạt chuẩn tiên tiến quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: TẢ HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#951

作品

zuò pǐn

tác phẩm (nghệ thuật, văn học, khoa học)

这部深刻反映我国脱贫攻坚伟大史诗的现实主义文学作品，荣获了全国精神文明建设“五个一工程”优秀作品奖。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó tuō pín gōng gōng jiān wéi dà shǐ shí de xiàn shí zhǐ yì wén xué zuò pǐn, róng huò le quán guó jīng shén wén míng jiàn shè "wǔ gè yī gōng chéng" yōu xiù zuò pǐn jiǎng.

Tác phẩm văn học mang tính hiện thực phản ánh sâu sắc thiên anh hùng ca xóa đói giảm nghèo vĩ đại của nước ta đã vinh dự đạt giải tác phẩm xuất sắc 'Công trình 5 mục tiêu' xây dựng văn minh tinh thần toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁC PHẨM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#952

作者

zuò zhě

tác giả, người sáng tác

这位享誉海内外的杰出当代青年作者以其深沉细腻的笔触，在书中生动描绘了平凡奋斗者不平凡的壮丽人生。

Zhè wèi xiāng yù hǎi nèi wài de jié chū dāng dài qīng nián zuò zhě yǐ qí shēn chén xì nì de bǐ chù, zài shū zhōng shēng dòng miáo huì le píng fán fēn dòu zhě bù píng fán de zhuàng lì rén shēng.

HSK 3 (3.0)

Động từ

#953

做客

zuò kè

làm khách, tới làm khách chơi nhà

逢年过节，热情好客的中国朋友常常邀请外国留学生到家里做客，品尝地道家常美味、共度温馨佳节。

Féng nián guò jié, rè qíng hào kè de zhōng guó péng yǒu cháng cháng yāo qǐng wài guó liú xué shēng dào jiā lǐ zuò kè, pǐn cháng dì dào jiā cháng měi wèi, gòng dù wēn xīn jiā jié.

**CHÚC MỪNG
 BẠN ĐÃ HOÀN
 THÀNH TOÀN
 BỘ 953 TỪ
 HSK 3 (3.0)!**

Đã
 đọc
 thuộc
 lòng
 100%
 phiên
 âm
 Pinyin

Đã
 nhớ
 trọn
 vẹn
 âm
 Hán
 Việt
 để
 hiểu
 gốc
 từ



Sẵn sàng tiến tới HSK 4 (3.0)!

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

